NĂM THỨ TÁM • #90 • OCTOBER 1996

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

"LÒNG THƯƠNG NƯỚC"
VÀ "CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC"
TÔN THẤT THIỆN

ĐÔI MẮT THẦN
NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

NGHỊCH LÝ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

BẠN ĐANG SỐNG TRONG MỘT THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC
VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYỆN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÃNG.

Hãy nhớ đến

ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ PHÁT ÂM

ĐỪNG BỎ LỠ CƠ HỘI!
Một máy bằng 3 máy
cộng lại mà chỉ tốn
nửa số tiền.

GOLDEN® Thế Kỷ VEC-888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM.

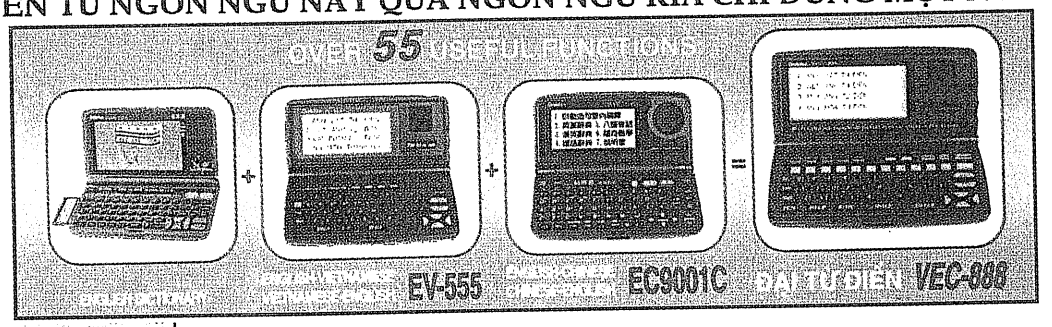

- *Anh-Anh* Từ Điển
- *Anh-Việt* Từ Điển
- *Việt-Anh* Từ Điển
- Từ điển *Đồng Nghĩa*
- Từ điển *Phản Nghĩa*
- *Đàm Thoại* thông dụng trong hàng chục lãnh vực
- *Vạn Dụng* Từ Điển để dùng riêng trong 35 lãnh vực khác nhau
- Sổ ghi *Điện Thoại*, Sổ Hẹn, *Sổ Ghi Nhớ* có sức chứa gấp đôi máy thường
- *Máy Tính:* Làm đủ các phép tính thông thường
- Đổi đơn vị đo lường
- Đổi hối suất tiền tệ quốc tế
- Xem giờ như đồng hồ biết giờ khắp năm châu
- Tra cứu thông minh chỉ cần ghi vào một phần hay một mẫu tự cái
- Tìm ngày tháng Âm Dương Lịch
- Chuông báo giờ nhắc mọi hoạt động

- Anh-Anh Từ Điển (American Heritage Concised Dictionary)
- Anh-Việt, Việt-Anh của máy Thế Kỷ EV-555
- Anh-Hoa, Hoa-Anh của máy EC-900 1C

Và 10 khả năng vô địch tất cả các máy khác hiện nay không thể có được:

1. *5 bộ từ điển ngôn ngữ Anh, Việt và Hoa trong một máy.*
2. *Màn ảnh có thể hiện lên bằng 1 trong 3 ngôn ngữ trên.*
3. *Tra cứu tuần hoàn, chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia ngay lập tức và không giới hạn (máy mới nhất của người Hoa chỉ cho tra 5 lần).*
4. *Có 16 bài văn phạm với đầy đủ câu ví dụ.*
5. *Trên 30,000 câu dẫn chứng cho các từ tiếng Anh.*
6. *Phát âm tiếng Anh nguyên giọng Mỹ của Đại Học Berkeley (có bản quyền).*
7. *Phát âm tiếng Hoa hai giọng Quảng Đông và Bắc Kinh, đúng giọng địa phương (có bản quyền).*
8. *Bộ nhớ của VEC-888 lớn nhất, kho chứa trữ liệu lớn nhất.*
9. *Luyện thi Nhập Tịch theo tài liệu hình thức của Sở Di Trú có phát âm.*
10. *Thay đổi màn ảnh, tra cứu các từ, đổi công dụng, chuyển ngôn ngữ, tìm câu dẫn chứng cho mỗi từ...chỉ bấm 1 nút.*

Chỉ cần Anh-Việt hãy dùng
Từ Điển Điện Tử Phát Âm Thế Kỷ EV-555
với trên 40 công dụng

Chúng tôi phân phối đi khắp thế giới

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ VÀ CANADA

GOLDEN MATE INC.
2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
Tel: (818) 279-9898
Fax: (818) 279-9899
Nhận Order: 1-800-248-3948

THẾ KỶ NEW YORK
36-26 145 Place, Flushing, NY 11354
Tel: (718) 353-9116 - Fax: (718) 358-0294

FELICITY CO.
866 N. Spring St., # 110, LA
Tel: (213) 617-2283

LITTLE SAIGON
9200 Bolsa Ave., # 226
Tel: (714) 897-9808

NHÀ SÁCH THĂNG LONG
767 N. Hills St. # 102, LA, CA 90012
(trong khu Interstate Bank)
Tel: (213) 628-1644

MONTERY PARK
127 N. Garfield Ave
Tel: (818) 571-6598

CHINATOWN (LA)
727 N. Broadway # 128
Tel: (213) 625-8609

Trước 3000 khán giả say mê, theo dõi từng giây, từng phút một show ca vũ nhạc Việt Nam vĩ đại chưa từng có tại ***Houston*** *(Texas), video Paris By Night 36 đã chứng minh tuyệt vời định lý:*

"Xem một lần rồi sẽ yêu thích Paris by Night mải mải"

PARIS BY NIGHT 36 in HOUSTON TEXAS

VIDEO ĐẮT GIÁ NHẤT DÀI HƠN 3 GIỜ
$28.00 / Bộ

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN & HỒNG ĐÀO

Từ ngạc nhiên nầy đến ngạc nhiên khác hằng ngàn khán giả đã vỗ tay không ngừng trước những hoạt cảnh mới lạ đầy sáng tạo: **Bích Câu Kỳ Ngộ (Ái Vân & Thế Sơn), Chuyện Tình Romeo & Juliet (Dalena & Henry Chúc), Màn Vampire Ma Cà Rồng (Don Hồ), Màn Vũ Cowboy Texas (Lynda T. Đài) Màn SAY độc đáo (Nguyễn Hưng), Màn Cổ Nhạc (Hương Lan & Chí Tâm)...**

Một tổng hợp các nghệ sĩ hàng đầu hải ngoại:

Họa Mi - Ái Vân -Ý Lan - Hương Lan - Thanh Lan - Lê Uyên & Phương - Dalena - Thanh Hà - Phi Phi - Mỹ Huyền - Châu Ngọc - Hoàng Lan - Lynda Trang Đài - Bảo Hân - Don Hồ - Nguyễn Hưng - Thái Châu - Henry Chúc - Thế Sơn - Philip Huy - Chí Tâm - Phạm Long & các vũ công chuyên nghiệp Hollywood...

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174
Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France
Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Sau sự thành công của các băng đọc chuyện ngắn Thúy Nga mới phát hành băng đọc chuyện dài **Cõi Đêm** với giọng đọc **HỒNG ĐÀO & NGUYỄN NGỌC NGẠN**

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

☑ **phát hành liên tục từ 1985 đến nay**
☑ ***nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ***
☑ **đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới**

Giá mỗi số US$4.00. Dài hạn 1 năm US$42.00 (Hoa Kỳ). Từ tháng 3 cho đến hết tháng 5 1995 mua dài hạn được bù nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%).

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... ĐT. / *Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail)	CANADA	□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
	ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ *1 năm / 1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
	Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ *1 năm / 1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
ANDRE LAM

Liên lạc:

DIAMOND BICH NGOC

10221 Slater Avenue, Suite 211 - Fountain Valley, CA 92708

(714) 965-9715 (trong giờ làm việc)

1-(800) 695-7144 (ngoài giờ làm việc)

(714) 663-4314 (Beeper)

CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN XE CỘ

LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI

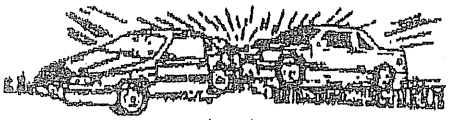

14.99%

THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%

Ngoài ra văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ: Di trú (Immigration); Khánh tận tài sản (Bankruptcy); Ly dị cấp dưỡng (Family Law); Luật thương mại (Business Litigation); Hình luật, Trộm cắp và Tội Đại hình; Tai nạn nghề nghiệp.

ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE !

GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP phổ thông do Văn Phòng Luật Sư AMDRE LAM phụ trách, và Diamond Bich Ngọc thực hiện hàng tuần mỗi chiều Thứ Ba trên đài VNCR, làn sóng 106.3 FM từ 2:15 PM đến 3:15 PM.

GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP ba tuần một lần chiều Thứ Bảy trên đài Văn Nghệ Truyền Thanh, làn sóng 96.7 FM từ 2:00 PM đến 3:00 PM.

Trân trọng thông báo

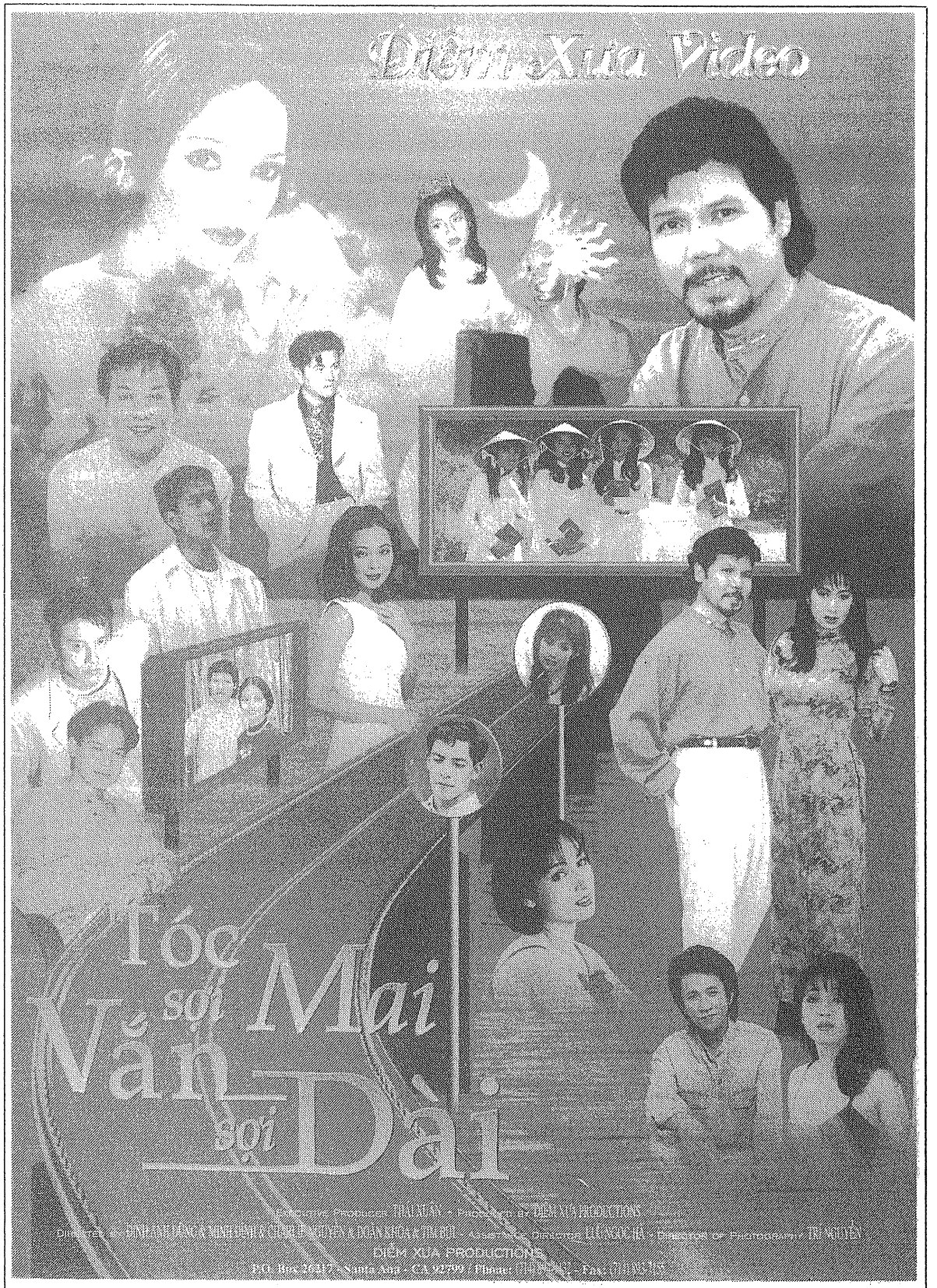

DIỄM XƯA PRODUCTIONS

P.O Box 26217 Santa Ana, CA 92799 Tel: (714)894-9432 * Fax: 9714)893-7155

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
¤ *Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẨY: 10AM - 7PM ◻ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

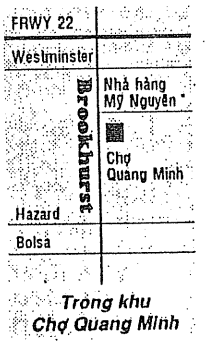

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

Orange County, California, USA

Thuh

Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City,
CA 92655

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA,USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991+1992+1993 +1994+1995, CA, USA..
* Aesthetics Congress 1991+1992+1993 +1994+1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beaty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics. 1994 Rio De Janeiro, Brazil.

THUH ★ BEAUTY

Orange County, California, USA

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận.
Giải phẫu:
Mắt, mũi, cằm, ngực, da mặt, da trán, hút mỡ. Lấy da và mỡ bụng. Chữa trị các hình thức Silicone. Giải phẫu bàn tay Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949

Bp: (714) 218-6262

CHUYÊN MÔN:

* Facial
* Lột da mặt
* Dầu thơm Pháp
* Dưỡng Da
* Xâm Thẩm Mỹ
* Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)
* Trang điểm cô dâu, dạ hội
* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.
* Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

Tranh bìa: **Dương Phước Tấn** (xem bài trang 61)
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa**
Hí họa: **Babui Mamburao**
Ảnh: **Lê Tam Ca, Phạm Bá Vinh**

MỤC LỤC

Số 90 • Tháng Mười 1996

CHÍNH TRỊ - THỜI SỰ

13. "Lòng thương nước" và "Chủ nghĩa yêu nước" — **Tôn Thất Thiện**
16. Câu chuyện phát triển ở Đông Nam Á— **Cổ Lũy**
24. Một số thay đổi trên nền tảng chính trị tại Trung Hoa hiện nay —**Từ Mai**
106. Stephen Hawking and his disbelief in God — **Phạm Ngọc Khôi**
108. How Tran Tu Thanh became a living witness in my book —**Paul Hendrickson**

KHOA HỌC

35. Tâm não và Tâm— **Nguyễn Kết**
37. Vũ trụ và Siêu hình học — **Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh**
40. Hệ thống phiên dịch EnViMAT — **Nguyễn Quốc Quân** và **Trần Hữu Nhân**

NGÔN NGỮ

50. Từ láy trong phương ngữ Lục tỉnh— **Đoàn Xuân Kiên**
55. Nguyễn Du Toàn Tập...— **Nguyễn Ngọc Bích**
105. Vietnamese without veneer —**Nguyễn Đình Hòa**

ÂM NHẠC - MỸ THUẬT

45. Âm nhạc truyền thống ở miền Bắc trong những năm 1954-1975 —**Lê Tuấn Hùng**
57. Thái Tuấn, nhìn mình, nhìn người —**Lê Thiệp & Phó Ngọc Văn**
61. "Ký ức nhạt nhòa," triển lãm tranh Dương Phước Tấn —**Cam Vũ**

VĂN

64. Đôi mắt thần— **Nguyễn Thị Chân Quỳnh**
73. Nghịch lý —**Nguyễn Đức Tâm**
82. Trời mùa mưa Singapore — **Nhung Uyên**
90. Người được bạc — **Phạm Nguyên Lương**

THƠ

66. Chiều... lên gió Issaquah— **Hạ Đỏ. 71.** Bóng tối và ánh sáng— **Hoàng Xuân Sơn. 75.** Nửa khuya, nghe tình ca Phạm Duy và Chinh phụ khúc Văn Cao— **Nguyễn Mạnh Trinh. 76.** Rằm — **Huỳnh Liễu Ngạn. 79.** Tái ngộ Nguyễn Tiên Sinh— **Dương Đức Nhự. 87.** Gai ô rô — **Đỗ thì Kênh G.**

MỤC THƯỜNG LỆ

8. Thư Tòa soạn — **Lê Đình Điểu**
9. Bạn đọc viết
11. Tòa soạn và Bạn đọc, Thư trên lưới
12. Hộp thư trị sự — **Phan Mỹ Sương**
28. Sổ tay
54. Khách đến TK 21 trong tháng
95. Vòng Chân trời VHNT— **Lê Tam Ca**
100. Sách báo trong tháng — **Phạm Xuân Đài**
104. Bolsanet: Sơn nữ già — **Cậu Tám Bolsa** ■

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • KHOA HỌC

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc **theky21@ix.netcom.com**
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Nhóm chủ trương:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Tổng Thư Ký Tòa Soạn:
Phạm Phú Minh

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn.

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện:* 45 83 19 12
2.*Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

CHẤM DỨT MỘT THẾ KỶ

Khi *Thế Kỷ 21* ra mắt, vào tháng Năm 1989, có người bảo tờ báo "đi trước" cả thời gian vật lý, vì còn tới 11 năm nữa mới hết thế kỷ 20.

Nếu tính theo con số ghi trên lịch, thì quả thật tờ báo đón thế kỷ mới sớm hơn một thập niên. Nhưng mới đây, một sử gia viết rằng thế kỷ 20, hiểu theo nghĩa lịch sử, bắt đầu từ năm 1914 khi Thế Chiến I bùng nổ, và chấm dứt năm 1989 khi mảng đầu tiên của Khối Xã hội chủ nghĩa sụp đổ cùng với bức tường Bá Linh.

Thế kỷ 20 là thế kỷ của cuộc thí nghiệm cộng sản — một thí nghiệm thất bại. Thế kỷ 20 đóng lại bằng việc chấm dứt "chiến tranh lạnh," để mở đầu kỷ nguyên hợp tác (hay cạnh tranh, hay cả hai?), vượt qua những hàng rào đã bị xô ngã của ý thức hệ, để cộng đồng sinh tồn.

Như vậy, tờ báo ra đời đúng vào năm chấm dứt thế kỷ 20, hiểu theo nghĩa lịch sử, và cái tên *Thế Kỷ 21* trở nên thích hợp và có ý nghĩa.

Qua 90 số báo, cũng là 90 tháng, liên tục, *Thế Kỷ 21* đem đến cho bạn đọc khắp nơi những thông tin, nhận định, biên khảo, sáng tác của Tòa soạn và gần 200 người cộng tác ở cả trong lẫn ngoài nước Việt Nam.

Nếu tờ báo như một cái xe chạy đường dài, thì có lúc cũng cần dừng lại ở một "trạm nghỉ chân" (*rest area*) — chữ của nhà văn Trương Anh Thụy — , xem lại máy móc, cho hành khách trên xe vươn vai, duỗi chân, và thay đổi người lái nếu cần.

Người lái chiếc xe *Thế Kỷ 21* chặng đầu, từ 1989 đến tháng Sáu 1991 là Đỗ Ngọc Yến. Chúng tôi thay tay cho anh Yến từ tháng Bảy 1991 đến nay. Và anh em trong nhóm chủ trương *Thế Kỷ 21* bây giờ đã đồng ý để chúng tôi ngồi xuống băng ghế sau, nhường tay lái cho Phạm Phú Minh.

Kể từ số báo tháng Giêng 1997, Phạm Phú Minh sẽ chính thức làm Chủ Nhiệm tờ *Thế Kỷ 21*. Vương Hữu Bột vẫn làm chủ bút.

Để tăng cường việc tiếp liệu, quản lý nội bộ và duy trì đường lối chung của tạp chí trên đường vào thế kỷ 21, nhóm chủ biên đã mời anh Hoàng Ngọc Tuệ làm Chủ Tịch một Hội Đồng Quản Trị.

Việc thay đổi đôi chút về nhân sự này chỉ làm tăng thêm số người làm việc và người đồng hành, chứ không làm giảm, và về đường lối, chủ trương cũng như phong cách vẫn là những điều quen thuộc đối với 200 văn hữu cũng như hàng ngàn độc giả của tờ báo từ tám năm qua.

Tháng này mới là đầu mùa Thu, nhưng Thư Tòa Soạn này cũng xin nhắc quý văn hữu chuẩn bị gửi bài về cho số Tết Đinh Sửu (vào tháng Hai 1997).■

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Nói thêm về vấn đề sông Mê Kông

Trong thư tôi nói về sông Mê Kông mà Thế Kỷ 21 đã đăng trong số 88 tháng Chín vừa qua, xin nói thêm cho rõ rằng tổ chức mà tôi đề nghị các anh em trẻ liên lạc để họ hô hoán dùm là tổ chức *Green Peace. Có lẽ vì tôi sơ ý nên không có ghi trong thư.*

Tổ chức này là tổ chức có đủ tư cách, uy thế, ý chí và phương tiện nhất để hô hoán báo động quốc tế về một vấn đề sống chết cho hơn mười triệu dân Miền Nam Việt Nam. Đó là chưa kể hàng triệu khác ở Miền Trung, và nhất là Miền Bắc, từ xưa vẫn trông cậy vào sự tiếp tế gạo từ Miền Nam. Ngoài ra, tài nguyên Miền Nam cũng là cơ sở của sự canh tân và phát triển kinh tế của toàn xứ, vì xuất cảng thổ sản canh nông dư thừa Miền Nam là phương tiện trao đổi quốc tế cho Việt Nam có tài chánh để nhập cảng những máy móc vật liệu cần thiết cho sự canh tân và phát triển kinh tế đó.

Những điều trên đây đã nổi bật trong những năm qua. Nếu không có tài nguyên Miền Nam thì Miền Bắc đã đói meo và toàn xứ không nhúc nhích gì được về phương diện phát triển kinh tế và canh tân xứ sở.

Tôn Thất Thiện *(Ottawa, Canada)*

Xin hỏi ý kiến trước

Đã mấy năm rồi là độc giả Thế Kỷ 21, từ lâu rồi tôi cứ định viết đôi hàng thăm và cám ơn quý vị đã thực hiện một tờ báo đẹp và nội dung phong phú khiến cá nhân tôi đã "nghiện" Thế Kỷ 21. Mỗi đầu tháng lại chờ Thế Kỷ 21...

Tôi có điều cần nói với quý báo. Đó là, lắm khi tôi cảm thấy phần nào hết hứng thú khi đọc những bài tôi thích nhất trên TK 21, vì những bài ấy đã được đăng trên báo *Việt Luận* ở Úc Châu. Trước khi tôi nhận được TK 21 thì các bài ấy đã được đăng trên VL một hoặc hai tuần trước. Tôi không biết vì lý do gì? Chỉ có điều tôi tin là TK 21 không lấy bài của *Việt Luận* ở Úc để đăng trên báo mình.

Trần Kim Thập *(Girrawheen, Australia)*

Điều ông tin là đúng, từ trước đến nay TK 21 chưa có hân hạnh đăng bài lấy từ báo VL. Thực ra một số báo ở các nơi cũng có đăng lại bài của TK 21, nhưng phần nhiều đều có hỏi Tòa soạn trước, đúng như "lời rao" của chúng tôi trên mỗi số báo: Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn. Chỉ tiếc một điều, VL và một vài báo khác thường "quên" không in dòng chữ "trích từ TK 21 số..., với sự đồng ý của tòa báo TK."

Dịch là "phản"

Tôi đọc cuốn sách "The bright shining lie" (Sự lừa dối hào nhoáng) của Neil Sheehan khá lâu trước đây. Cuốn sách lên án nặng nề cái lối điều hành chiến tranh vô trách nhiệm của guồng máy chính trị và quân sự Mỹ hồi ấy. Trong cuốn sách, có một đoạn nhỏ nói về trận Mậu Thân tại Huế và cũng không quên nói về sự thảm sát khoảng 3,000 dân Huế trong 25 ngày chiếm giữ thành phố Huế của bộ đội Cộng sản.

Sau này Hà Nội cho dịch cuốn sách nói trên và bản dịch được nhà xuất bản H.L. tại hải ngoại in lại. Lúc sách được tung ra thị trường tôi đã nghi ngờ trong bụng không hiểu các người dịch Hà Nội có dịch đoạn nói về cuộc thảm sát Mậu Thân 1968 trong nguyên bản tiếng Anh hay không? Và quả nhiên là không, họ đã cố tình lược qua không dịch đoạn sách này. Họ chỉ dịch những gì có lợi cho họ mà thôi. Tôi không biết họ còn bỏ đoạn nào không dịch nữa hay không.

Tôi nêu ra một vấn đề nhỏ này chỉ để xin nói rằng khi đọc một bản dịch nào của các "thợ dịch" Hà Nội, xin hãy tra sách nguyên tác để coi mức độ chính xác của nó, vì với lối "dịch" ăn gian và bất chính của họ thì không có gì bảo đảm là đúng nguyên bản cả.

Thái Chính Châu *(Hawthorn, CA)*

Nhu cầu sửa đổi chữ viết

Chữ viết của ta có hiện giờ, gốc là do các giáo sĩ người Tây Âu như Bồ Đào Nhà, Pháp, Ý Đại Lợi, Y Pha Nho đến Việt Nam truyền đạo tạo ra để họ đọc, truyền dạy nhau học nói tiếng Việt để giảng đạo. Tuy đã thông dụng hơn cả trăm năm nhưng đến ngày nay hệ chữ quốc ngữ vẫn còn là nguyên bản của hệ chữ phiên âm tiếng Việt của người Tây Âu làm cho người Tây Âu để người Tây Âu học nói tiếng Việt được dễ dàng, khỏi phải học chữ mới, khỏi phải đổi thói quen, nghĩa là phiên âm bằng chữ của họ, viết đọc thảy thảy đều theo quy ước, quy tắc của các thứ tiếng của họ. Nếu rập khuôn, không chỉnh đổi để thích nghi, giữ y nguyên hệ chữ phiên âm ấy mà đem áp dụng làm hệ chữ viết cho tiếng Việt thì khó tránh được thiếu sót, bất tiện hay thất lợi. Vả lại, thời ấy, có ai đoán trước biết được rằng hệ chữ phiên âm này sẽ trở thành hệ chữ viết của tiếng Việt để mà lo hoàn chỉnh!

Một vài ví dụ để thấy nhu cầu cần đổi cách viết:

- *Âm CƠ*: Câu "Cờ cờ, Kéo co" chúng ta học thời thơ ấu, nhưng khi khôn lớn không khỏi có khi tự hỏi tại sao cũng một âm CỜ mà khi viết với C, khi lại với K. Đó là vì theo lối ráp chữ của Tây Âu, C có khi đọc thành XƠ, nên phải thay bằng K. Nhưng trong tiếng Việt không cần sự

phân biệt ấy, vậy nên lấy C thay K, rồi lấy K thay KH để bớt một phụ âm kép.

_ *Âm PHƠ*: Trong hầu hết các tiếng Tây Âu, âm PHƠ có hai ký âm F và PH, vậy ta nên lấy F thay cho PH, bớt được một phụ âm kép.

- *Âm DƠ và ĐƠ*: Chữ Z và D của các tiếng Tây Âu, ráp vào từ, đọc nghe rất giống với D và Đ của chữ quốc ngữ. Vậy nên lấy Z thay D, rồi lấy D thay Đ để bớt được chữ Đ mà cách ký âm chỉ dùng riêng trong tiếng Việt.

- *Các nguyên âm Ă, Ơ, Ư*: Đã dùng dấu mũ ( ) để biến âm A, E, O thành âm Â, Ê, Ô thì cũng nên dùng một dấu thông thường có sẵn trên các máy, ví dụ dấu ( ), để thay cho các cái "râu" của Ă, Ơ, Ư chỉ dùng riêng cho tiếng Việt.

V.v...

Rất nhiều trường hợp không hợp lý như thế tồn tại đã lâu. Cần phải sửa đổi để chữ Việt thích ứng dễ dàng với thời đại điện tử, truyền tin, tin học hiện nay.

Bùi Ngọc Sánh *(L'Hay-les-Roses, France)*

Đi vào thế kỷ 21

Sau khi đọc mấy số báo Thế Kỷ 21 của một người bạn gửi tặng, tôi đã điện thoại cho ông Trương Tuệ để mua một năm báo. Báo Thế Kỷ 21 đứng đắn và trình độ cao, sửa soạn đi vào đệ tam thiên kỷ mà! Xin thán phục và rất hân hạnh ủng hộ. Gửi lời thăm tất cả các vị ở Tòa soạn.

Tiêu Nương *(Antony, France)*

Học kỹ đọc đúng

Hội Phát Triển Tiếng Việt ra đời tại Hoa Lan nhằm mục đích hỗ trợ gia đình và giáo chức Việt Nam trong việc giảng dạy tiếng Việt cho con em Việt Nam ở môi trường song ngữ hải ngoại.

Được sự ủng hộ của Liên Hiệp Châu Âu, Hội đang chủ biên một bộ sách học tiếng Việt cho con em Việt Nam trong hạn tuổi mẫu giáo. Soạn giả của bộ sách này là một tập thể giáo chức Việt Nam giàu kinh nghiệm và thiết tha với việc chăm lo dạy v học tiếng Việt tại Hòa lan và Anh Quốc. Các soạn giả lại được sự yểm trở nhiệt tình của một Ủy ban Yểm trợ gồm các vị thức giả Việt và Hòa Lan, trong số đó tại Pháp có Luật sư Trần Thanh Hiệp, Giáo sư Nguyễn Trọng Kha và Kỹ sư Nguyễn Gia Kiểng, tại Hòa Lancó bà Johanne Limburg Dân biểu Quốc hội Hòa Lan và ông Piet van der Zaag, thị trưởng thị xã Smallingerland.

Bộ sách học tiếng Việt này có tựa đề Học Kỹ Đọc Đúng, hội đủ những đặc điểm sau: (1)bộ sách được soạn theo phuong pháp sư phạm tiên tiến nhất hiện nay, vừa phát huy cả năm kỹ năng học ngôn ngữ (nghe-nói-nhìn-đọc-viết), vừa qua đó phát triển tâm lý lứa tuổi và mỗi cá nhân học sinh; (2)bộ sách triệt để theo phương pháp dạy tiếng Việt trên cơ sở ngữ âm học, khiến việc học vừa nhất quán, vừa có hiệu quả cao và nhanh.

Bộ sách được soạn ra để đáp ứng nhu cù học tiếng Việt của trẻ em Việt tại hải ngoại, nhưng những ưu điểm về mặt phương pháp biên soạn sẽ là một đóng góp quan trọng vào việc dạy tiếng Việt cho các học viên song ngữ tại các nơi khác, kể cả mặt thực hành giảng dạy cũng như về lý luận sư phạm dạy tiếng.

Một đặc điểm nữa của bộ Học Kỹ Đọc Đúng là nó được chăm sóc tuyệt hảo về mặt mỹ thuật và kỹ thuật, do một tập thể họa sĩ Việt Nam trình bày và nhà xuất bản sách giáo khoa nổi tiếng của Hòa Lan, nhà Zwijsen, ấn hành.

Bộ sách Học Kỹ Đọc Đúng sẽ ra mắt vào đầu niên học 1997-1998, và sẽ gồm có:

(1) Phần dành cho học sinh: chín tập bài tập và 12 tập Tập Đọc, một tập Tập Viết và một bộ học cụ Lắp Chữ.

(2) Phần dành cho thầy giáo: ba tập Sách Hướng Dẫn và các giáo cụ trực quan.

Hội Phát Triển Tiếng Việt
(Drachten, Nederland)

Bạn đọc nào muốn liên lạc với Hội Phát Triển Tiếng Việt xin theo địa chỉ: Hội Phát Triển Tiếng Việt, p/a Kuiperssingel 1, 9201 EE Drachten, Nederland. Tel: +(31)-512-514711. Theo chỗ chúng tôi được biết, Hội nhận đặt mua sách ngay từ bây giờ, với một giá đặc biệt.

Cho nhìn thấy, sẽ mua

Sách về hội họa của ngoại quốc thường giới thiệu từng tác giả, chẳng hạn Leonardo da Vinci, Gauguin, Renoir, Picasso, Monet, Canaletto, Klee,... nhưng chưa thấy sách Việt Nam nào làm như vậy. Tuyển tập "Thái Tuấn" của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ là câu trả lời. Tôi đã xem kỹ cuốn sách và thấy đây là một công trình rất đặc biệt và có giá trị. Những bức họa đáng lẽ sẽ không có cơ hội phổ biến rộng rãi (vì sau khi được một người nào đó mua, thì trở thành sở hữu của người đó mà thôi), nay in trong sách, đưa đến được nhiều người, cả Việt Nam lẫn ngoại quốc. Tôi hy vọng cuốn "Thái Tuấn" sẽ được nhiều người ủng hộ, và sẽ có những dự án tương tự của các họa sĩ khác. Điều khó khăn là làm sao để người thưởng ngoạn được "nhìn thấy" cuốn sách, thì người ta mới thích và mới mua. Đề nghị Hội VAALA in quảng cáo có một vài bức tranh mẫu trên bìa sau của báo TK (thế là tôi vừa giới thiệu sách, vừa lấy quảng cáo cho báo đấy nhé!)

Phạm Anh Dũng *(Santa Maria CA)*

Sửa lại cho đúng

Trong bài "Từ sương mù đến mối tình Mị Châu" của tôi đăng trên số báo 89 (September 1996), quý vị trong Tòa soạn đã làm rơi mất một vài chi dấu quan trọng. Trang 23, hai dòng cuối cột một và ba dòng đầu cột hai phải được đặt trong dấu ngoặc kép ("Chưa có dân tộc nào... đến mức tuyệt vọng."), và cho một chú thích cuối bài rằng đó là câu tôi trích từ cuốn Người Việt Cao Quý của Pazzy, do Hồng Cúc dịch. Nếu không có những dấu và chú thích đó thì hóa ra những câu đó là của chính tôi viết, trong khi tôi chỉ làm công việc trích dẫn chúng ra mà thôi.

Trần Công Sung *(Paris, France)*

Đó là một sai sót của Tòa soạn, chúng tôi xin

thành thật xin lỗi tác giả và quý độc giả, và xin quý vị vui lòng sửa lại theo lời của tác giả bài "Từ sương mù đến mối tình Mị Châu" trên đây.

Đính chính:

Trong bài "Vấn đề Hoa Lục" của Từ Mai, số 89, trang 15, cột 2, có đoạn sau đây cần sửa, xin quý độc giả sửa dùm:

- Hầu hết doanh nhân ở Đài loan Phúc kiến, đầu tư ở phía bắc Quảng đông và phía nam Giang tô (sai)
- Hầu hết doanh nhân Đài loan đầu tư ở Phúc kiến, phía bắc Quảng đông và phía nam Giang tô. (đúng)

Xin chân thành cáo lỗi cùng tác giả và quý độc giả.

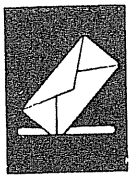

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau: Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Nguyễn Văn Cường, Đỗ Quyên (Canada), Nguyễn Quốc Quân, Nguyễn Đức Tâm, Thái Chính Châu, Võ Doãn Nhẫn, Hà Kỳ Lam, Phạm Ngọc Khôi, Hạ Đỏ, Lâm Lễ Trinh, Tôn Thất Thiện, Nguyễn Quang Bình, Trần Minh Tùng, Trần Ngọc Báu, Lê Minh Văn, Nguyễn Đình Hoà, Đinh Cường, Nguyễn Kết, Trần Minh Hiền, Đặng Hiền, Sương Mai, Hồ Minh Dũng.

Bài sẽ đăng: NNTT của Trần Doãn Nho, CSNQ của Lâm Lễ Trinh, TQC và BAMTH của Trần Gia Phụng, MCLT của Hà Kỳ Lam, Perpendicular Style in Nguyen Du của Nguyễn Quỳnh.

Hạ Đỏ *(Seattle, WA):* Vâng, chúng tôi đã có những giây phút rất thoải mái, vui vẻ trong *weekend* ấy, có thể nói lâu lắm mới có được những giây phút như thế. Ấy là nhờ không khí rất bằng hữu và văn nghệ của anh chị em trên ấy. Xin gửi lời cám ơn tất cả và mong thỉnh thoảng lại có dịp tái ngộ. Và rất mong gặp tại Tòa soạn, nếu "trên ấy" có dịp về vùng Nam Cali. Thân.

Trần Doãn Nho *(Worcester, MA):* Bài ký rất là tuyệt. Nó góp phần định nghĩa thế nào một đất nước có thể trở nên kiệt quệ. Chuyện thực, hấp dẫn mà ý nghĩa thật là sâu. Mong sao những khía cạnh như thế được anh tiếp tục khai thác. Chúc mạnh và vui.

Nguyễn Gia Đức *(Northridge, CA):* Cám ơn anh và những thành viên khác trong gia đình đã dành nhiều cảm tình cho Thế Kỷ 21. SĐLACM có thể sẽ được đăng vào một số tới, nhưng có lẽ chúng tôi sẽ gửi cho anh một số đề nghị sửa đổi để hỏi ý kiến của anh. Chúc vui.

Nguyễn Gia Tiến *(Prilly, Switzerland):* Rất tiếc không đăng "Chuyện Con voi..." vì cũng đã khá muộn so với cuộc hội nghị đó, phần nào mất tính cách thời sự. Đúng như ông nghĩ, vấn đề đó lớn và rất phức tạp, đưa ra một luận điệu để mong giải thích một lần cho tất cả mọi chuyện rất dễ mang tính chất người mù sờ voi. Nhưng dù sao thì con voi cũng còn đó, vấn đề là những người đến với nó nếu đừng mù thì tốt hơn. Kính.

TIN LÀNG BÁO

Tin mới nhất trong báo giới cho biết đầu tháng 11 sắp đến một tạp chí đặc biệt sẽ ra mắt độc giả mỗi hai tháng tại California dưới tên Việt Nam Ngày Mai - Vietnam Tomorrow, với Chủ nhiệm Nguyễn Trọng Liệu, đồng Chủ bút Lâm Lễ Trinh và Minh Đức Hoài Trinh, và Tổng thư ký Tòa soạn Nguyễn Hữu Tạo.

Đây là một diễn đàn độc lập có sự đóng góp của nhiều cây bút và chuyên gia trong các lãnh vực như Nguyễn Khoa Phồn Anh, Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách, Từ Mai Trần Huy Bích, Thái Can, Huỳnh Hữu Cửu, Phạm Cao Dương, Đào Hữu Dương, Nguyễn Ngọc Kỳ, Hoàng Xuân Hào, Lê Tất Hào, Đoàn Thanh Liêm, Như Phong Lê Văn Tiến, Cao Tiêu, Tôn Thất Trình, Hương Thủy Hoàng Trọng Thược, Chi Điền Hoàng Duy Từ, Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh, Lý Vũ v.v...

Đề tài chính của số đầu tiên của Việt Nam Ngày Mai là "Cộng Sản Việt Nam biến thể hay giải thể?"

Thư trên lưới

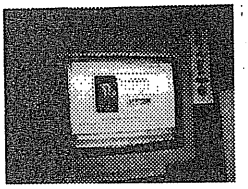

Nguyen Nam An: Nhận được message, nhưng không đọc được bài thơ, vì chuyển sang tất cả các fonts mà TK 21 đang có cũng chỉ là một... ma trận! Gửi lại bằng dạng khác xem sao, đồng thời gửi thư thường, để chờ điều chỉnh. Cám ơn nhiều.

Pham Anh Dung: Cám ơn đã có lời khen cuốn sách "Thái Tuấn." Mong rằng cũng có nhiều người nghĩ như vậy, và cũng... mua nhiều bản để tặng bạn bè. Chúc vui.

Thanh Quang Nguyen: Đã chuyển địa chỉ mới cho cô Sương để cập nhật trong danh sách. Thân chào.

Binh Anson: Đã nhận được danh sách ba người gia hạn, và một độc giả mới. Cô Sương cũng cho biết đã nhận được ngân phiếu. Cám ơn nhiều. Chúc vui. Mong gặp lại. Thân ái.

Viet Tran: Xin dùng địa chỉ mới là *http://kicon.com/theky21. E-mail cũng dùng địa chỉ compuserve, ngưng dùng địa chỉ netcom. Cám ơn bạn và các bạn khác đã hỏi thăm.*

Dinh Cong Tru: Đã nhận được message, và đã cập nhật trong danh sách. Cám ơn nhiều.

Bui Van Phu: Đã nhận được message khá dài với nhiều ý kiến quý báu. (1) Bài NVC là một sơ suất của tòa soạn, vì đó là bài dùng để in vào một tập tài liệu có tính cách tham khảo, chứ

không phải bài báo, nên quả thật có nhiều dữ kiện đã thuộc về quá khứ. (2) Theo chúng tôi, "chân chính" (trong bài của NHC) không phải là "fundamentalist," mà chỉ là "true." (3) Đồng ý về chữ "lương thiện," nhưng dường như người CS chủ trương cứu cánh biện minh cho phương tiện, nên lương thiện không phải là mối quan tâm của họ.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới :

Ly (Vic AUSTRALIA), Tuyết Anh Tạ (Miami FL), Thanh Trần (South Gate CA), Nguyễn Viết Ninh (Montreal PQ CANADA), Trần Lợi (Thousand Oaks CA), Nguyễn Văn Luận (Garden Grove CA), Châu Thiếu Hùng (Dawson Creek B.C CANADA), Hồ Văn Phong (FoxBoro MA), Nguyễn Thị Giang (Falls Church VA), Nguyễn Đan (Tustin CA), Nguyễn Quý Bổng (Ottawa CANADA), Charlie C. Trần (Hayward CA), Milpitas Comm Lib (Milpitas CA), Nguyễn Thu Hằng (Northridge CA), Đỗ Xuân Cung (Novato CA), Lê Đình Khôi (Santee CA), Trần Thanh (Milton MA), Nguyễn Tử Quý (Corona CA), Suzie Vương (Santa Ana CA), Nguyễn Văn Năng (Houston TX), Dương Thanh Be (Northridge CA), Nguyễn Huy Xương (New Orleans LA), Phùng Công Bình (Fredericksburg VA), Thu Hương Mai (Allston MA), Nguyễn Văn Hai (Louisville KY), Nguyễn Thế Vương Denise (West Hill CA), Lý Trần Hùng (Carmichael CA), Nguyễn Đức Tâm (Thousand Oaks CA), Nguyễn Gia Khánh (JAPAN), Võ Doãn Nhẫn (Santee CA), Hoàng Phương (Royal Oak MI), Phùng Ngọc Hiếu (Seattle WA), Lê Đức Vi (Portland OR), Nguyễn Thị Tươi (Bellevue WA), Lê Mộng Hoàn (San Diego CA) , Nguyễn Hy Văn (Edmondo WA), Nicole Le Barry (Newcastle WA), Nguyễn Thúc Quỳnh (Newcastle WA), Trần Quang Thuận (Houston TX), Lý Trần Hồng (Irvine CA), Đỗ Minh Trung (Los Angeles CA), Nguyễn Văn Nhuận (San Jose CA), Tuấn D Trần (Arlington TX), Nguyễn Văn Thanh (La Puente CA), Đào Đức Kỳ (San Gabriel CA), Trần Văn Đức (Santa Ana CA), Nguyễn Thành Danh (Houston TX), Trương Anh Ngọc (Portland OR), Phan Minh Kha (Las Vegas NV), Nguyễn Tuyết Hằng (Chino Hills CA).

Thế Kỷ 21... dọn đến nhà mới trên Internet!

Kể từ số báo tháng Chín *Thế Kỷ 21* rời "thành phố" cũ là **Vietmedia**, dọn tới "thành phố" mới là **Kicon**. Quý độc giả hãy mở máy và bấm vào địa chỉ sau đây, để đọc TK 21 trên lưới:

http://kicon.com/theky21

Đoàn Đắc Khai *(Riverside CA): Đã gởi báo số 87, 88 và 89 về địa chỉ mới. Chúc vui.*

Trần Xuân *(Milpitas CA)*: Cuốn sách "Thái Tuấn, tuyển tập tranh và tiểu luận" do VAALA in và phát hành, chứ không phải của Thế Kỷ. Nếu ông muốn mua, xin cứ viết ngân phiếu $33.50 (tính luôn tiền sách và cước phí), gửi theo tên và địa chỉ. Sách gửi hạng tư (book rate) thường mất một tuần, hay lâu hơn, mới tới. Ngân phiếu xin đề trả cho "VAALA." Cám ơn và chúc vui luôn.

Nguyễn Bình *(Waltham MA)*: Cám ơn ông đã gửi thêm chi phiếu bổ túc. Giá báo mới ($40.00 một năm) đã được thông báo từ đầu năm 1995. Lý do tăng là vì tiền in và tiền cước đều tăng. Cám ơn ông đã không phiền hà vì bị đòi thêm tiền, lại còn hứa giới thiệu bạn đọc mới. Chúc ông vui.

Nguyễn Thị Minh Anh *(Oklahoma City OK)*: Cô có thể viết thư về Hội VAALA ở đây (11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840), hoặc Chi Hội VAALA ở thành phố cô đang cư ngụ (c/o Ô. Nguyễn Văn Cường, 5612 Woodmont Dr., Oklahoma OK 73135), để hỏi thêm chi tiết về Hội. Còn cuốn sách đó chỉ bán trực tiếp qua bưu điện chứ không gửi bán ở các nhà sách, nên cô liên lạc về các địa chỉ trên để đặt mua. Thân chào.

Vương Thục Nhàn *(Chicago IL)*: Thưa bà, đúng như bà đã để ý và thấy như thế. Những băng "báo nói" đó không bán, vì số lượng rất nhỏ, không đủ trả các phí khoản về sản xuất (trong đó có tác quyền cho các tác giả hoặc nhà xuất bản). Chỉ khi nào có độc giả TK 21 hoặc thính giả VNCR yêu cầu thì tìm lại trong bản lưu, sang để tặng, nên cái công và cái tình thì nhiều, còn vật liệu thì quả thật chẳng có là bao. Từ nay, nếu đặt băng, xin bà viết chi phiếu trả cho "VNCR." Nhân đây, cũng xin chuyển lời nhắn của ban điều hành đài VNCR tới bà và các thính giả / độc giả nói chung, rằng các băng "báo nói" chỉ dành cho "personal enjoyment" (sự thưởng thức riêng tư). Nếu muốn dùng những băng đó cho các phương tiện truyền thông đại chúng thì phải liên lạc với VNCR để biết thêm chi tiết. Kính.■

NHỮNG NGỤY TÍN BẮT ĐẦU TỪ HỒ CHÍ MINH:

"LÒNG THƯƠNG NƯỚC" VÀ "CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC"

TÔN THẤT THIỆN

Tinh thần yêu nước "chân chính"

Là một người sinh trưởng ở Huế, thuộc thế hệ 1920-1930, hay dùng động từ "Thương", tôi không quen với từ ngữ "yêu nước." Nó là một từ ngữ khá lạ tai đối với tôi. Còn những danh từ "chủ nghĩa yêu nước" và "tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa" thì đối với tôi không những lạ, mà còn rất chướng tai.

Từ lúc nhỏ cho đến lúc trưởng thành, tôi chỉ được nghe những người quanh tôi nói đến "lòng thương nước." Đó là một tình cảm phổ biến trong dân gian. Khi nói về những nhà cách mạng đáng kính — như các Cụ Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng — thì người Huế dùng từ ngữ "nhà ái quốc." Họ coi "thương nước"/"ái quốc" là một hiện tượng thuộc về lãnh vực tình cảm, lãnh vực "lòng," phổ cập trong mọi giới người Việt. Thương nước là một chuyện của lòng mình, thuộc lãnh vực tinh thần. Vì vậy mới có cụm từ "lòng thương", và "tinh thần ái quốc." Đã là tình cảm thì không có chuyện tính toán lợi hại, khôn dại. Cũng không có chuyện lý luận, lô-gích, dùng trí tuệ để phân tách đúng sai, nên cũng dễ bị lường gạt và lợi dụng.

Khi tôi đề cập đến liên hệ giữa từ ngữ "thương nước" và xứ Huế, tôi chỉ muốn nói đến một kinh nghiệm riêng. Nhưng thật ra thì những từ ngữ "thương nước," "lòng thương nước," "tinh thần ái quốc," cũng rất phổ biến trong toàn quốc. Cho nên chúng ta không lạ gì thấy ông Hồ vẫn còn vướng mắc những từ ngữ đó khi ông chính thức hóa khái niệm "yêu nước chân chính."

Từ ngữ này xuất hiện vào dịp Đảng Cộng Sản Việt Nam xuất hiện công khai trở lại, tháng Hai năm 1951, dưới ngụy danh là Đảng Lao Động Việt Nam, vào dịp Đại hội II của Đảng. Đây là dịp ông Hồ tuyên bố Đảng Lao Động (Cộng Sản) Việt Nam là "một thành phần khăng khít của phe dân chủ thế giới do Liên Xô vĩ đại cầm đầu." Và đặc biệt hơn, đây là dịp ông ta và ĐCSVN tung ra khái niệm "yêu nước chân chính" — một khái niệm lê-ni-nít then chốt —, và sau đó, bổ túc nó vào năm 1959, trong đợt "cải tạo xã hội chủ nghĩa," với những từ ngữ "chủ nghĩa yêu nước," "yêu nước xã hội chủ nghĩa."

Từ một vấn đề tình cảm, tự phát từ trong lòng mỗi người qua cảm ứng với phong cảnh quê hương — sông núi, nước non, "non sơn gấm vóc," "sơn thủy hữu tình" — nhân quần quanh mình — thân nhân, bạn bè, bà con, làng xóm, đồng hương — , thương nước, qua từ ngữ "chủ nghĩa yêu nước," bị biến thành một đề tài tranh luận, một chuyện ý thức hệ, mưu toan, tính toán lợi hại — cho Đảng, cho Đệ Tam Quốc Tế, cho "Cách mạng thế giới — với những lập luận và từ ngữ khó nghe. Người Huế nói: "chướng tai quá!" Người Nam nói: "nghe hổng được!"

Mưu toan của ông Hồ và nhóm lãnh tụ cộng sản đồ đệ thân tín của ông khi đưa ra quan niệm "yêu nước chân chính" là dùng tiêu chuẩn lê-ni-nít này để phủ nhận tính cách thương nước của những nhà cách mạng Việt Nam trước thời cộng sản, và thanh toán tất cả những người Việt thương nước nhưng không có "tinh thần yêu nước chân chính," nghĩa là theo kiểu cộng sản.

"Chân chính" = "quốc tế vô sản"

Ông Hồ định nghĩa tinh thần "yêu nước chân chính" là: "khác hẳn với tinh thần Àvị quốc' của bọn đế quốc và phản động" — nghĩa là Pháp, Mỹ và những người Việt Nam không chấp nhận cộng sản. Những người nhóm thứ nhứt sẽ được gán thêm tính cách "kẻ thù số một nhân loại," và những người nhóm thứ hai sẽ được liệt vào hàng ngũ "Việt gian," mà những người Việt tranh đấu cho độc lập phải triệt để thù ghét, thanh toán, thanh toán tự do và coi hành động như vậy là hành động "yêu nước," đáng tự hào và đáng được tán thưởng. Nhân danh gì? Ông Hồ nói rõ: tinh thần yêu nước "chân chính" là "một bộ phận của tinh thần quốc tế vô sản." Nghĩa là người Việt Nam muốn cho sự yêu nước của mình được công nhận "chân chính" thì phải yêu luôn quốc tế vô sản. Khái niệm này sẽ đưa người Việt đi xa hơn nữa vào quỹ đạo cộng sản.

Ở đây ta cần nói đến sự lúng túng của ông Hồ với những khái niệm cổ truyền "thương nước" và "ái quốc." Nếu ta xét kỹ những tuyên bố, diễn văn v.v... của ông ta từ tháng Chín năm 1945, lúc ông ra mắt đồng bào Việt Nam, cho đến tháng Năm 1969, lúc ông trở về với "các Cụ" (Mác-Lênin-Stalin...) thì ta thấy trước năm 1949, nghĩa trước khi có sự yểm trợ quy mô của Trung Cộng, và chưa biết thắng bại thế nào, ông

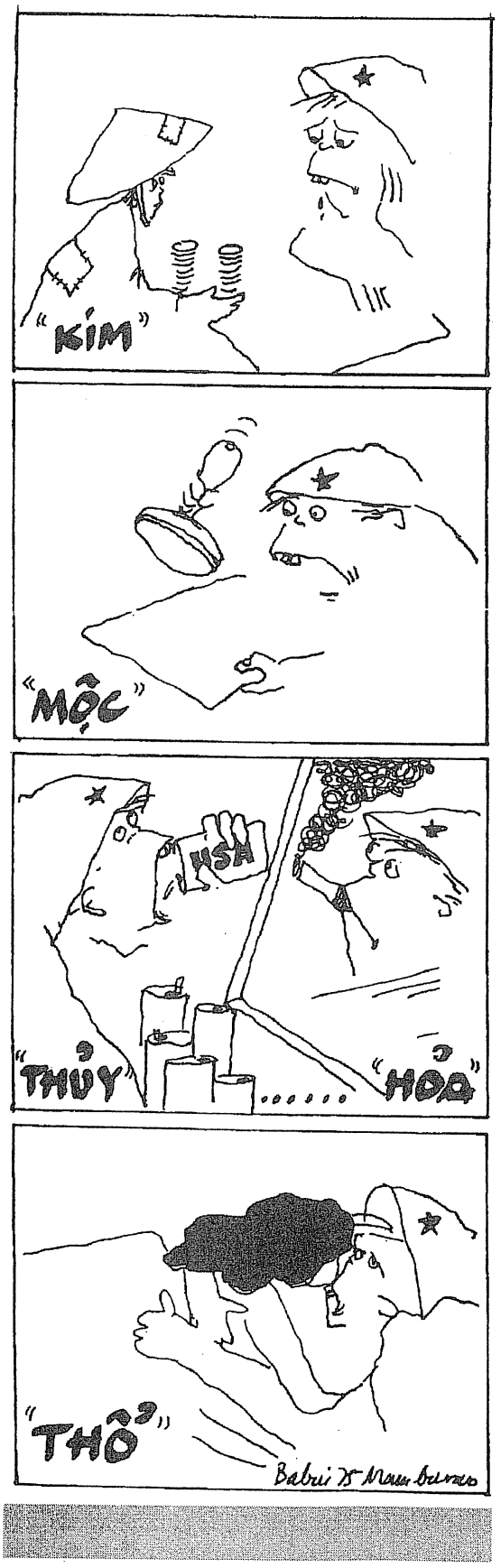

dùng lẫn lộn những từ ngữ: "lòng yêu nước," "người yêu nước," "lòng ái quốc," "người ái quốc."

Từ đầu năm 1949, ông Hồ bắt đầu dùng những từ ngữ: "tinh thần yêu nước," "tiếng nói yêu nước," "cuộc khởi nghĩa yêu nước," "những người Việt Nam yêu nước," dùng "yêu nước" với tác dụng là tĩnh từ tuy rằng, như vậy, rất lủng củng chướng tai. Những từ ngữ "lòng ái quốc," "người ái quốc" biến mất. Và tháng Hai năm 1951, lúc ĐCSVN tái xuất dưới danh nghĩa "Đảng Lao Động Việt Nam," như đã nói ở trên, ông Hồ tung ra cụm từ và khái niệm "yêu nước chân chính." Năm 1959, ông tung ra từ ngữ mới: "chủ nghĩa yêu nước." Yêu nước bây giờ không còn là một cảm tình, không thuộc về lãnh vực tình cảm, không là một cái gì tự phát và phổ cập trong dân chúng Việt Nam nữa, mà thành một "chủ nghĩa," thuộc lãnh vực ý thức hệ, thành một khí cụ đấu tranh của một đảng chính trị, qua tính toán lợi hại đứng về phương diện quyền lợi, thế lực của Đảng, của Đệ Tam Quốc Tế, và "Cách mạng thế giới."

Ông Hồ không ngừng nhắc nhở đồ đệ rằng "tinh thần yêu nước chân chính" phải "gắn liền với tinh thần quốc tế vô sản." Là người yêu nước chân chính, đảng viên cộng sản phải có tinh thần vô sản quốc tế cao, và cụ thể, phải làm "nghĩa vụ quốc tế," và lấy đó làm "vinh quang." Cuộc đấu tranh của họ, như Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản giải thích, "dù về mặt nội dung không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc." Điểm này được ghi lại trong một của những nghị quyết của ĐCSVN trong những năm 1930.

Ông Hồ nhắc nhở đảng viên cán bộ rằng "tiêu chuẩn số một của người cách mạng là quyết tâm suốt đời đấu tranh cho Đảng, cho cách mạng" [theo nghĩa của Lê-nin và ông Hồ: đó là cách mạng quốc tế]. Và, trong chiều hướng này, ông đã nhắc nhủ đảng viên, cán bộ, và nhứt là quân nhân đảng viên: "Trung với Đảng, hiếu với dân," trong đó "Nước" biến mất. Trong truyền thống Việt Nam, "Trung quân, ái quốc," vua được coi như hiện thân của Nước. Nên khi ông Hồ và đồ đệ của ông tuyên bố "Trung với Đảng, hiếu với dân," họ tự phong Đảng là Vua Nước Việt Nam. "Trung Quân Ái Quốc" bị thay thế bằng "Trung với Đảng, hiếu với dân," vì nay Đảng là Vua, Đảng là Nước.

Điều trên đây sẽ được thể chế hóa trong điều bốn của Hiến Pháp Việt Nam năm 1992. Nó có hai hậu quả lớn. Một là: trong thời gian Liên Xô chưa sụp đổ, vì yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa, và Tổ Quốc của những người xã hội chủ nghĩa là Liên Xô, nên ông Hồ và đồ đệ của ông buộc người dân Việt phải lấy Liên Xô làm Tổ quốc. Điều này Lê Duẩn đã sang Mạc Tư Khoa để xác nhận. Hai là: quân đội Việt Nam, vì phải trung quân với Đảng, nay Đảng là Vua, là Nước, nên sứ mạng chính yếu của họ là bảo vệ Đảng, và tuân theo lệnh của Đảng đàn áp tiêu diệt những công dân Việt mà lãnh đạo Đảng lên án là phản cách mạng chống Đảng. Theo Hiến

Pháp hiện nay của Việt Nam, đối với quân đội Việt Nam, chống Đảng là phạm trọng tội, là phản quốc. Chống Đảng là như ngày xưa chống lại Triều Đình, là phạm trọng tội, đáng bị tử hình và tru di tam tộc.

Từ Phạm Văn Đồng đến Lê Duẩn

Điều vừa nêu trên đây được ông Phạm Văn Đồng, là một đệ tử thân tín hạng nhứt của ông Hồ, ủy viên Chính Trị Bộ và Thủ Tướng trong hơn 30 năm trời, giải thích trước khi ông Hồ phát động cuộc "cải tạo xã hội" đại quy mô năm . Trong bài "Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội" đăng trong *Tạp chí Cộng Sản* tháng Tám năm 1958 và được đăng lại năm 1985 trong sách *Những chặng đường thắng lợi vẻ vang* (Nhà Xuất Bản Sự Thật, Hà Nội, 1985), ông ta đưa ra những luận đề sau đây:

— "Chủ nghĩa yêu nước của giai cấp công nhân hoàn toàn hòa hợp với chủ nghĩa quốc tế vô sản";

— "Yêu nước là xây dựng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội là yêu nước;"

— "Yêu nước là tiếp thu chủ nghĩa xã hội;"

— "Chủ nghĩa yêu nước phải tiến tới gặp chủ nghĩa xã hội, hòa mình với chủ nghĩa xã hội;"

— "Chúng ta phải làm cho nhân dân miền Bắc, không những chỉ nhân dân lao động, mà mọi từng lớp nhân dân cho đến người tư sản dân tộc, người nhân sĩ vì yêu nước mà thành thật tiếp thu chủ nghĩa xã hội, tán thành việc cải tạo nền kinh tế theo chủ nghĩa xã hội..."

Trong một tác phẩm khác *(Một số vấn đề nhà nước.* Hà Nội. NXB Sự Thật. 1980) ông Đồng giải thích rằng ông Hồ là "hiện thân của chủ nghĩa quốc tế vô sản vô cùng trung thực và trong sáng," và con đường của Hồ Chí Minh là con đường "từ lòng yêu nước thiết tha đến với chủ nghĩa Mác-Lê-nin để trở thành chủ nghĩa yêu nước thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản." Ông Phạm Văn Đồng đã ký tên ủng hộ Trung Cộng khi họ tranh chấp chủ quyền ở Hoàng Sa và Trường Sa với Việt Nam Cộng Hòa, vì ông đã thấm nhuần chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Qua những diễn tiến trên đây, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy ông Tổng Bí Thư Lê Duẩn, nhân danh ĐCSVN, nhảy một bước vọt rất ngoạn mục chưa hề thấy trong lịch sử Việt Nam: đó là ông tuyên bố tại Đại hội IV (1976) rằng "Ngày nay, Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập thì dân tộc và xã hội chủ nghĩa là một." Trung Ương Đảng lại nhảy một bước ngoạn mục hơn nữa và tuyên bố: "Ngày nay, nước nhà đã độc lập. thì Tổ quốc và xã hội chủ nghĩa là một."

Những điều trên đây có nghĩa là, biết bao nhiêu ngàn, vạn, triệu người Việt Nam tranh đấu trong 30 năm với tin tưởng rằng như vậy là tranh đấu cho xứ sở độc lập, để mình lại có một Tổ quốc và có quyền tự do thương Tổ quốc đó, nhưng khi thành công rồi thì Tổ quốc lại bị ĐCSVN tiêu diệt mất, và thay vào đó họ đưa ra một "chủ nghĩa Liên Xô!"

Cho nên chúng ta không ngạc nhiên lắm khi thấy từ ngay trong hàng ngũ ĐCSVN đã xuất hiện những người tố cáo lãnh tụ ĐCS lợi dụng lòng thương nước và sự hy sinh của họ để gây thế và lực cho Đảng thay vì phục vụ quyền lợi thực sự của Nước và Dân Việt Nam. Danh sách của những người này càng ngày càng dài. Tên tuổi họ đã thành quen thuộc với chúng ta: Hà Sĩ Phu, Lữ Phương, Đỗ Trung Hiếu, Tiêu Dao Bảo Cự, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ v.v...

Những người này đã lên tiếng chống điều 4 của Hiến Pháp 1992 vì, theo điều 4 này, yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội là Tổ quốc. ĐCS là hiện thân của chủ nghĩa xã hội nên ĐCSVN là Tổ quốc, yêu Tổ quốc là phải yêu đảng đó. Đây là quan điểm không thể chấp nhận được. Không thể nói rằng 36 triệu dân Miền Nam là phản quốc chỉ vì họ chống mục tiêu đường lối ĐCSVN chủ trương. Lại càng không thể nói rằng những người như Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, và bao nhiêu người khác đã hy sinh sinh cả cuộc đời tranh đấu trong hàng ngũ ĐCS là phản quốc chỉ vì nay họ thức tỉnh và từ chối tiếp tục đi theo con đường mà nhóm lãnh đạo hiện tại của Đảng vạch ra, và theo gương ông Hồ, trở thành "hiện thân của chủ nghĩa quốc tế vô sản vô cùng trung thực và trong sáng."

Nhưng về phía lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN vẫn không có thay đổi. "Trung với Đảng, hiếu với dân" vẫn là cái khung bao của Đại hội VIII vừa qua. Động lực của những người điều khiển Đại hội VIII là chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội, nghĩa là phục vụ quyền lợi của ĐCSVN, đúng hơn, của cấp lãnh đạo ĐCSVN, chớ không phải là lòng thương Nước. Đây là một điều tất cả những người Việt Nam còn lòng thương nước, ngoài và trong xứ, ngoài và trong Đảng, nên ghi nhớ, để lấy nó làm tiêu chuẩn phán xét những chính sách, đường lối, hành vi và hành động của ĐCSVN trong thời gian tới.

Nhưng, dù sao, chúng ta cũng phải tin rằng tương lai thuộc về những người thương nước *Việt Nam* chớ không thuộc về những người "yêu nước xã hội chủ nghĩa." Vì thế và lực không còn nằm về phía xã hội chủ nghĩa nữa. Ông Phạm Văn Đồng đã tuyên bố năm 1980: "Cuộc chiến đấu của chúng ta là vĩ đại thật, và cả thế giới đều khen ngợi. Nhưng chúng ta không nên quên rằng thế và lực của chúng ta nằm trong thế và lực *của mặt trận dân chủ thế giới do Liên Xô lãnh đạo"* (ông Đồng nhấn mạnh). Nay mặt trận đó tiêu biến rồi, mà Liên Xô cũng không còn nữa, thì ĐCSVN dựa vào thế và lực nào để tiếp tục trấn áp dân chúng Việt Nam mãi mãi?

Tổ quốc Việt Nam sẽ mãi mãi còn đó cho chúng ta thương. Nhưng chủ nghĩa xã hội còn tồn tại bao lâu nữa khi mà Liên Xô, "Tổ quốc của xã hội chủ nghĩa" không còn nữa? Ông Đồng nên đặt câu hỏi này với những người cộng sản đang tiếp tục ủng hộ chủ trương "yêu xã hội chủ nghĩa là yêu nước" và "xã hội chủ nghĩa và Tổ quốc là một".■

Ottawa, 2 tháng Chín 1996

CÂU CHUYỆN PHÁT TRIỂN Ở ĐÔNG NAM Á

CỔ LŨY

Đông Nam Á bước vào giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh với kinh tế phồn thịnh và nhiều nước trong vùng đang trên đường đi tới dân chủ tự do. Bên cạnh đó cũng đầy mây đen đe dọa bầu trời an ninh và kinh tế.

Nhận định trên đây của Giáo sư Donald E. Weatherbee, một chuyên viên về Đông Nam Á và bang giao quốc tế hiện đại thuộc viện đại học South Carolina, được nhiều nhà nghiên cứu và học giả về Á Châu và Đông Á Thái Bình Dương (như Frederick Brown, David Elliot, Gareth Porter và Donald Zagoria) chia sẻ.

Bài sau đây được dựa trên những nghiên cứu và nhận định chính của ông Weatherbee trên tập san nghiên cứu *Current History* (1993-1995).

Hòa bình đã bừng nở ở Đông Nam Á (ĐNA). Những dạng thù của khu vực này đang thành hình và cho thấy những đổi thay cũng như những liên tục cả trong môi trường an ninh lẫn hệ thống kinh tế chính trị. Những thay đổi có thể nhìn thấy khác nhau ở sáu quốc gia nguyên thủy thuộc Tổ Chức Các Quốc Gia ĐNÁ (ASEAN) và ba nước Đông Dương (Việt, Miên, Lào). Thật ra danh từ Đông Dương không còn nhiều nghĩa lý chính trị cho lắm nếu nhìn vào ảnh hưởng bao trùm của Việt Nam trên toàn vùng. Với ba nước Việt, Miên, Lào gia nhập ASEAN chỉ còn lại Miến Điện (Myanmar, tên xưa là Burma) ở ngoài cuộc.

Lần đầu tiên trong gần nửa thế kỷ, hòa bình đã đến với vùng bán đảo Đông Dương. Cao Miên đã có chính phủ liên hiệp mới. Mặc dù Khmer Đỏ vẫn có khả năng tạo những bất ổn quân sự, thế chính trị của nhóm du kích cộng sản này đã suy giảm rất nhiều với lòng dân hướng về hòa bình, cuộc tổng tuyển cử tương đối thành công và dân chủ, cũng như áp lực quốc tế.

Ở Phi Luật Tân, Tổng thống Fidel Ramos đã bắt đầu những sáng kiến chính trị nhằm chấm dứt cuộc chiến khuynh đảo hơn hai mươi năm của nhóm Quân đội Nhân dân Mới thuộc đảng cộng sản Phi. Cuộc chiến này là mối đe dọa cộng sản độc nhất còn lại đối với một hội viên ASEAN. Từ năm 1992 ông Ramos đã trao cho Hội đồng Hòa giải Quốc gia trách nhiệm hoạch định một chương trình rộng lớn nhằm hóa giải các mâu thuẫn chính trị với các nhóm cộng sản và Hồi giáo thiểu số. Cuộc tấn công hòa bình của ông Ramos mở màn cùng với thế thượng phong quân sự trong nỗ lực chống nổi dậy cũng như những chia rẽ về chiến lược và chiến thuật trong hàng ngũ lãnh đạo cộng sản Phi.

Khác với Phi, chiến tranh nổi dậy ở Miến Điện không có dấu hiệu thoái giảm, nhất là những xung đột có tính cách chủng tộc ở vùng biên giới tây và tây bắc Miến. Nhưng chính phủ quân sự Miến có vẻ đã thành công phần nào với những phản ứng quân sự mạnh mẽ cộng với việc Thái Lan và Trung Hoa chấm dứt ủng hộ các nhóm nổi dậy. Đe dọa chính ở Miến hiện nay là nhóm tướng lãnh cầm quyền bất hợp pháp. Ngoài Miến cũng có những nổi dậy kéo dài, tuy không phải là đe dọa đáng kể, ở Thái Lan (nhóm Hồi giáo ly khai phía nam) và Nam Dương (vùng Tây Papua).

Bao trùm lên trên những mức độ an ninh khác nhau trong các nước và vùng ĐNÁ là một cơ cấu mới gồm những liên hệ quyền lực trong vùng. Có thể nói đây là lần đầu tiên trong lịch sử vùng kể từ sau Thế chiến II những mối dây tương hệ trong vùng không còn là kết quả ngoài ý muốn đặt để bởi những tranh chấp chiến lược và mâu thuẫn giữa các siêu cường quốc ngoài vùng. Mặc dù vẫn còn thấp thoáng bóng dáng quân sự ở ĐNÁ, nhu cầu an ninh của Hoa Kỳ đã chìm bớt cùng với cuộc di tản căn cứ ra khỏi Phi Luật Tân. Tuy nhiên, đối với các nước trong vùng những gắn bó an ninh của Hoa Kỳ xem ra rất là mơ hồ.

ĐNÁ ngày nay ý thức được cơ hội mới nhằm mở mang kinh tế và phát triển quốc gia. Đồng thời cũng có đầy những thử thách và đe dọa. Về mặt bang giao quốc tế, sự yên tâm dựa trên cân bằng quyền lực (với Hoa Kỳ làm trọng tâm) đã biến mất; thay vào đây là những âu lo về ý đồ của Trung Hoa và cả Nhật Bản nữa. Những chiến lược mở mang kinh tế dựa trên xuất cảng của các nước ASEAN va chạm nếu không nói là mâu thuẫn trực tiếp với chính sách bảo vệ thị trường nội địa của các nước bạn hàng — Hoa Kỳ, Nhật Bản, Cộng đồng Âu Châu. Về mặt nội bộ, những thay đổi về xã hội từ kinh tế phát triển nhanh chóng tạo ra nhiều đòi hỏi nhu cầu mới (sớm muộn rồi Việt Nam cũng sẽ đến giai đoạn này). Nhu cầu đối thoại chính trị đang được đẩy mạnh qua các nhóm quyền lực mới như nghiệp đoàn lao động, các tổ chức ngoài chính quyền (NGO) với các quyền lợi vật chất hay lý tưởng, tất cả đều đòi hỏi sáng kiến nhằm mở rộng và xác nhận quyền tham gia chính trị. Đồng thời với nỗ lực thay đổi để đương đầu với bất an về kinh tế và chính trị quốc tế, các nước ASEAN phải đương đầu với những thế lực dân chủ hóa, những

đòi hỏi tôn trọng nhân quyền và bảo vệ môi sinh, bên cạnh một loạt những vấn đề đến cùng với hiện tượng toàn cầu hóa hệ thống kinh tế chính trị của vùng.

I. (Bất) An ninh trong vùng

Suốt trong 25 năm đầu tiên của tổ chức, ASEAN luôn luôn phủ nhận đây là một tập hợp vì nhu cầu an ninh. Mục tiêu bên ngoài là hợp tác kinh tế. Nhưng mục tiêu căn bản của tập hợp các quốc gia khác biệt nhau về văn hóa và chính trị này là an ninh — trên danh nghĩa chống Cộng trong nước, và sau 1975 là chống những gây hấn của một Việt Nam có Nga Xô đứng sau lưng. Đe dọa chung đặt nhu cầu đoàn kết và thỏa hiệp ra trước những khác biệt và mâu thuẫn chính trị giữa các hội viên. ASEAN trở thành một tập hợp an ninh theo cái nghĩa là hội viên không sợ bị một hội viên nào khác đe dọa an ninh. Khía cạnh an ninh của tập hợp càng rõ nét hơn trong hội nghị thượng đỉnh đầu tiên của tổ chức tại Bali (Nam Dương) năm 1976 với "Tuyên ngôn Thỏa hiệp ASEAN" và "Thỏa ước Thân hữu và Hợp tác ở ĐNÁ" (Ba nước Việt-Miên-Lào cũng đồng ý tuân theo tuyên ngôn và thỏa ước). Sau đó ASEAN hoạt động triệt để nhằm vận động và duy trì đối lập toàn cầu chống lại việc Việt Nam xâm lăng và chiếm giữ Cao Miên từ 1979 cho tới 1989. Có thể nói rằng nhu cầu đoàn kết quanh vấn đề Cao Miên tạo chất keo chính trị giữ các hội viên với nhau trong khi những chương trình hợp tác kinh tế toàn vùng không mang lại kết quả đáng kể.

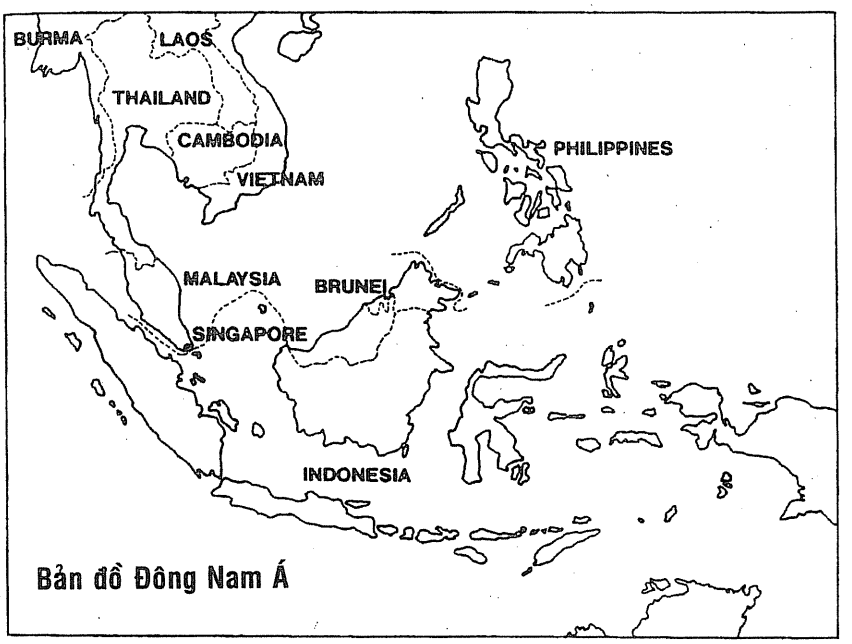

Bản đồ Đông Nam Á

Nhìn ở một khía cạnh an ninh khác, đe dọa bên ngoài cùng với lòng tin cậy lẫn nhau đưa đến nhiều hợp tác quân sự song phương bền chặt giữa các hội viên. Tiếp tục huyền thoại hợp tác kinh tế thuở đầu, những hoạt động có tính cách an ninh quốc phòng đều được mô tả như nằm ngoài cơ cấu chính thức của tổ chức. Từ những mô thức hợp tác quốc phòng phát triển mạnh mẽ giữa các hội viên nhiều người nghĩ sẽ có một cộng đồng phòng thủ chung ASEAN. Từ năm 1971, dù tổ chức có lên tiếng mạnh mẽ ủng hộ Vùng Hòa bình, Tự do và Trung lập ĐNÁ hội viên luôn luôn có liên hệ an ninh và quân sự với Hoa Kỳ, và trong trường hợp Mã Lai Á và Tân Gia Ba cả với Úc, Tân Tây Lan và Anh trong Thỏa hiệp An ninh Năm Quốc Gia. Sau khi rút ra khỏi các căn cứ ở Phi Luật Tân năm 1992 Hoa Kỳ đã được mời sử dụng những cơ sở rải rác khắp lãnh thổ các nước ASEAN.

Với sự chấm dứt mâu thuẫn giữa các siêu cường, với một giải pháp cho Cao Miên và thái độ mới từ Việt Nam — nói chung là với hòa bình bừng nở — nhiều người nghĩ là ASEAN thấy thoải mái hơn về an ninh. Thật ra ASEAN vẫn không cảm thấy yên ổn trong môi trường mới vì những thay đổi từ phía Hoa Kỳ trong một thế giới không còn đe dọa Nga Xô, và nhất là chính sách an ninh sau Chiến tranh Lạnh — một chính sách chịu ảnh hưởng nặng nề của ngân sách và những vấn nạn như nhân quyền chứ không phải những đánh giá thực tiễn về quyền lợi chung. Mối quan tâm chính của tổ chức là ý đồ chính trị và quân sự của Trung Hoa ở trong vùng. Trung Hoa, và cả Việt Nam, đòi hỏi nhiều đảo và quần đảo Nam Hải nằm trong hoặc sát vùng ASEAN. Một trong những điểm "nóng" là vùng quần đảo Spratlys với nhiều thềm dầu và khí đốt mà cả Trung Hoa, Việt Nam, Phi Luật Tân, Mã Lai Á lẫn tiểu quốc Brunei đều tranh đòi chủ quyền. Trung Hoa đã cho thấy nước này sẵn sàng dùng biện pháp quân sự ở vùng Spratlys; những biện pháp quân sự cũng sẽ leo thang cùng với khả năng ngày một gia tăng ở hai mặt thủy và không lực Trung Hoa. Hoa Kỳ không có một thỏa thiệp an ninh nào trong vùng Nam Hải và chính sách ủng hộ tự do thông thương nhưng không đứng về phe nào của Hoa Kỳ không làm ĐNÁ yên tâm. ASEAN vẫn không cảm thấy an tâm chút nào. Oái ăm thay, khi Việt Nam đã cắt giảm hàng trăm ngàn người trong lãnh vực quân sự để đầu tư kinh tế thì chi phí quân sự của ASEAN gia tăng nhanh chóng nhằm hiện đại hóa với máy

bay chiến đấu và nâng cao khả năng tác chiến trên biển cả. Đây cũng một phần vì mối đe dọa quân sự Trung Hoa, một phần vì không muốn bị thua kém láng giềng về khả năng quốc phòng. Rõ ràng là có một cuộc chạy đua võ trang giữa các nước ASEAN, vì cùng với vũ khí mới là những e ngại kèn cựa. Yếu tố mới trong cuộc đua võ trang là Nga có ý muốn xâm nhập thị trường vũ khí mới. Mã Lai Á đi đầu với giao kèo lớn mua 18 máy bay chiến đấu loại MIG-29M tối tân. Giới quân sự Thái cũng có kế hoạch mua sắm võ trang quan trọng với Nga. Nga có ít khó khăn trong việc đưa một kỹ thuật mới vào vùng vốn quen theo kỹ thuật Hoa Kỳ hay Tây Âu, nhưng lại có nhiều lợi điểm về giá cả và, đối với ASEAN có được nguồn cung cấp võ trang mới gần như một bảo đảm vững chắc so với mua bán có điều kiện với Hoa Kỳ.

Những phức tạp trong môi trường an ninh mới của vùng khiến giới lãnh đạo ASEAN phải đương đầu với các vấn đề an ninh chung một cách công khai và mạch lạc hơn. Trong kỳ họp thượng đỉnh lần thứ tư ở Tân Gia Ba năm 1992, ASEAN đưa ra một tuyên ngôn dựa trên duyệt xét "những thay đổi chính trị và kinh tế sâu xa xảy ra sau Chiến tranh Lạnh... cùng những ảnh hưởng đến vùng ASEAN." Ngược hẳn các tiền lệ, tuyên ngôn tiếp tục, "ASEAN sẽ tìm kiến phương cách thúc đẩy hội viên hợp tác chặt chẽ hơn trong lãnh vực an ninh vùng." Một trong những phương cách nói trên là ý kiến về một "phòng thủ chính trị chung" trong giai đoạn hậu Cao Miên. Các lãnh tụ cũng đồng ý đẩy mạnh đối thoại chính trị và an ninh của ASEAN giữa các đối thoại viên qua các hội nghị (cấp bộ trưởng, PMC) sau hội nghị hàng năm giữa các bộ trưởng ngoại giao. Ở những hội nghị này các bộ trưởng ASEAN họp với bộ trưởng Hoa Kỳ, Nhật Bản, Úc, Gia Nã Đại, Tân Tây Lan, Nam Hàn và Cộng đồng chung Âu Châu.

Sau hội nghị thượng đỉnh Tân Gia Ba, với sự thúc đẩy mạnh mẽ của Nhật Bản, nhưng miễn cưỡng về phía Hoa Kỳ, "đối thoại" hạn chế PMC đã được thay bằng "diễn đàn an ninh" chính thức hơn và gồm nhiều nước tham dự hơn (bao gồm cả Nga, Trung Hoa, Việt Nam, Lào và Tân Guinea). Khuôn mẫu cho diễn đàn này chính là Hội thảo an ninh và Hợp tác ở Tây Âu. Cho đến nay chưa thấy rõ khuôn mẫu này có đem lại kết quả tốt hơn những gì vẫn làm từ trước hay không, tuy nhiên rõ ràng là ASEAN nhận định rằng tương lai của tổ chức tùy thuộc vào việc đưa đẩy Trung Hoa vào một hệ thống những liên hệ hỗ tương, giúp Trung Hoa theo đuổi quyền lợi của mình qua hợp tác hơn là tương tranh. Như vậy diễn đàn an ninh là một nỗ lực nữa nhằm gắn bó Trung Hoa vào quyền lợi và mục tiêu chung.

Trong nỗ lực thúc đẩy Trung Hoa vào hệ thống liên hệ rộng lớn ASEAN vẫn không quên nỗi mối lo là diễn đàn mới này có thể khiến Hoa Kỳ thêm lý do để giảm bớt hiện diện trong vùng. Với Nhật Bản, nước đưa ra ý kiến, diễn đàn là một công cụ đẩy Nhật lên vị trí chính trị quan trọng mà không gây e gại trong vùng. Cũng đáng chú ý là ba trong số năm hội viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc và Nhật, một "chuẩn hội viên" trong Hội đồng, có mặt trong diễn đàn. Sự trùng hợp này cho thấy an ninh Đông Á đã nối liền với an ninh toàn cầu.

II. Chủ động về kinh tế

Trong khi an ninh ĐNÁ mới nối liền với an ninh toàn cầu, kinh tế trong vùng đã ăn khớp nhịp nhàng với kinh tế thị trường toàn cầu. Sự phát triển kinh tế mạnh mẽ trong vùng được đặt theo chiến lược phát triển dựa trên xuất cảng mà Nhật Bản, Nam Hàn và Đài Loan đã áp dụng để đi đến thành công. Trong nhóm ASEAN, Tân Gia Ba nay có kinh tế mới vừa kỹ nghệ hóa (Newly Industralized Economy, NIE). Thái và Phi cũng đang trên đà tiến tới từ thế NIE. Nam Dương đang chuyển mình từ xuất cảng nhiên liệu sang sản xuất hàng hóa để xuất cảng. Phi cố lấy lại đà phát triển 20 năm trước bị cắt quãng. Cả Việt Nam cũng đi theo chiến lược phát triển ASEAN, một chiến lược luôn luôn đòi hỏi phải có quĩ phát triển và thị trường ở các nước kỹ nghệ hóa.

Tuy nhiên, ĐNÁ nhìn thấy những chuyển hướng đầy đe dọa trên thị trường quốc tế. Những mục tiêu hiệp ước Maastricht giữa các nước Cộng đồng Âu châu cố đạt đến và việc thiết lập Vùng Tự do Thương mại Bắc Mỹ (NAFTA) cho thấy khuynh hướng "lập khối" kinh tế thế giới và rất khó cho ĐNÁ chen chân vào những thị trường trước đến nay vẫn mở ngỏ. Những khó khăn và cải tổ kinh tế ở các nước bạn hàng của ĐNÁ nay nhấn mạnh tinh thần quốc gia trong kinh tế và những chính sách bảo vệ thị trường; ảnh hưởng rõ rệt nhất là ASEAN không còn dễ dàng xâm nhập các thị trường này. Ngay dù không có những khối và chính sách kể trên ASEAN vẫn lo ngại hậu quả kinh tế khi chính sách giao thương cởi mở (được hậu thuẫn bởi Thỏa hiệp về Giao thương và Thuế nhập, GATT) sụp đổ. Tương lai của GATT nằm trong tay Hoa Kỳ và Châu Âu, ngoài hẳn tầm quyết định của ASEAN. Ảnh hưởng dây chuyền của cuộc chiến tranh thương mại giữa Nhật và Hoa Kỳ cũng nằm ngoài tầm tay ASEAN. Đồng thời với những dấu hiệu bi quan này ASEAN chợt nhận ra bóng dáng đầy đe dọa của kinh tế Trung Hoa trên vòm trời cạnh tranh.

ASEAN còn giữ được quyền điều hành và khuyến khích những hợp tác kinh tế giữa các nước hội viên với nhau. Nhưng nỗ lực phát triển theo vùng trước đây không mang lại kết quả mong muốn. Tại hội nghị thượng đỉnh Tân Gia Ba, các lãnh tụ ASEAN cương quyết làm sống lại tinh thần hợp tác kinh tế giữa hội viên với giải pháp Vùng Giao thương Tự do ASEAN (AFTA). Mục tiêu của AFTA là gia tăng mua bán sản phẩm giữa các nước ASEAN nhằm giải quyết vấn đề thị trường quốc tế giới hạn. Nhưng hiện nay kinh tế ASEAN có khuynh hướng cạnh tranh hơn là hỗ tương lẫn nhau; mức độ giao thương giữa các nước hội viên chưa đến 20 phần

trăm số giao thương toàn khối với bên ngoài; và nếu không kể Tân Gia Ba số phần trăm còn nhỏ hơn rất nhiều. Với AFTA thuế quan giữa các nước hội viên sẽ giảm đi trong vòng 15 năm. Mức giảm thuế này, bắt đầu từ năm 1993, đánh từ không cho tới năm phần trăm trên các sản phẩm và hàng biến chế. Hàng hóa nằm trong 15 loại sản phẩm "chạy nhanh" được đánh thuế nhẹ hơn nữa. Hàng loại này với mức thuế 20% sẽ được giảm xuống còn từ không cho tới 5% trong vòng 10 năm (2003), và hàng dưới mức thuế 20% sẽ được giảm thuế trong vòng bảy năm (2000).

Tuy nhiên, thỏa thuận về thuế nhập vẫn còn đầy những điều kiện và kẽ hở mà hội viên có thể lợi dụng để bảo vệ kinh tế trong nước. Rõ rệt nhất là quyền của hội viên tự do chọn lựa hàng hóa hay nhóm hàng hóa nào được quyền giảm thuế; thiện chí là điều kiện cần để AFTA có thể hoạt động hữu hiệu. Giữa năm 1993, bộ trưởng thương mại Mã cảnh cáo nếu các nước khác không tuân theo lịch trình giảm thuế nhập Mã Lai Á sẽ dậm chân trong việc thi hành lịch trình vì "chỉ có nói mà không có làm." Tuy một số quan sát viên đồng ý về tương lai AFTA là một khối thị trường chung, thực tế cho thấy con đường đi đến đây còn xa xôi. Dù có xúc tiến việc giảm thuế nhập với nhiều mặt hàng theo đúng lịch trình AFTA, thật khó tưởng tượng nổi mức độ giao thương giữa các hội viên nếu không có những cải tổ phối hợp về mặt thị trường trong nhóm. Mối đe dọa thị trường Âu Mỹ thu hẹp có thể là một tác động chính; nhận thức này có thể làm gia tăng giao thương trong nhóm, đồng thời hạn chế mức phát triển kinh tế — mục tiêu chính của ASEAN.

Phát triển kinh tế thực sự nằm trong chiến lược hợp tác của hội viên trong các "tam giác phát triển." Ví dụ như tam giác phát triển giữa Tân Gia Ba, bang Johore thuộc Mã và vùng quần đảo Riau ở Nam Dương. Theo mô thức này, tài chánh, kỹ thuật và quản trị đến từ Tân Gia Ba, đất đai, lao động và nhiên liệu từ hai láng giềng kém phát triển hơn. Sáng giá nhất trong các thí điểm phát triển theo mô thức này là đảo Batam (Nam Dương) nằm không cách xa Tân Gia Ba bao nhiêu. Ngoài ra còn có các đảo thí điểm khác, đáng kể là, Bintan và Karimun. Mô thức tam giác phát triển rất hợp lý về mặt kinh tế với nguyên tắc sử dụng tối đa tài nguyên của các hội viên. Nhưng về mặt khác, nếu Tân Gia Ba thụ hưởng nhiều lợi lộc hơn hai nước láng giềng những khó khăn chính trị sẽ hiện ra ngay. Tân Gia Ba dễ bị buộc tội là khai thác những vùng kém mở mang hơn để thu về mình tài nguyên Tân Gia Ba không có. Hơn nữa, cái tam giác không thật sự là "tam giác" vì không có gạch nối giữa Johore và Nam Dương. Mô thức này đúng ra là một thứ dù chính trị liên hệ đa phương—một thứ "tiểu ASEAN"—che phủ lên trên hai liên hệ song phương tách biệt.

Mô thức tam giác phát triển có sức lôi cuốn hấp dẫn nhiều nơi khác ở ĐNÁ. Tháng Bảy năm 1993, một vùng tam giác phát triển mới ra đời ở phía Bắc nối liền Bắc Sumatra (Nam Dương) với Penang (Mã Lai Á) và nam Thái Lan. Từ đây nảy sinh ra ý kiến "tứ giác phát triển" giữa Thái, Lào, Miên và Miến Điện. Nhưng ý kiến này không che giấu nổi ý đồ thủ lợi cho riêng mình của Thái đối với những láng giềng kém phát triển hơn.

ASEAN cũng tích cực tham gia những hợp tác chia sẻ kinh tế rộng lớn hơn trong vùng Thái Bình Dương Á Châu. Năm 1989, ASEAN tham dự hội nghị Hợp tác Kinh tế Á Châu-Thái Bình Dương (APEC) đầu tiên. Tuy lúc đầu có ngần ngại sẽ bị lép vế trước Hoa Kỳ và Nhật Bản, ASEAN miễn cưỡng tham gia đối thoại với hai "bạn" khổng lồ (không có Cộng đồng Âu Châu) cùng với Trung Hoa, Đài Loan và Hồng Kông. APEC đặt trụ sở tổng thư ký tại Tân Gia Ba, APEC đặt căn bản trên GATT nhưng ASEAN vẫn không ủng hộ nỗ lực biến APEC thành một tổ chức thương mại và đầu tư trong vùng. Lý do một phần là ASEAN lo sợ Hoa Kỳ sẽ dùng tổ chức để đưa vào vùng những vấn đề như cải thiện điều kiện lao động, môi sinh, nhân quyền, bình đẳng nam nữ, và nhất là vấn đề tác quyền.

Giới lãnh đạo ASEAN không hoàn toàn đồng ý với nhau về việc tham gia vào APEC. Thủ tướng Mã Mohmad Mahathir từ năm 1990 đã nhắm vào một hệ thống kinh tế đa phương ở Đông Á. Theo ý ông Mahathir đây sẽ là Nhóm Kinh Tế Đông Á (EAEG) với trọng tâm là Nhật Bản và Á Châu riêng biệt, không có hiện diện của Bắc Mỹ, Úc và Tân Tây Lan. Chiến lược này nhằm đáp ứng khuynh hướng lập khối kiểu Cộng đồng Âu Châu và NAFTA bằng một khối tự vệ Đông Á với tiềm năng củng cố vị trí của ASEAN. Ý kiến này không mấy hấp dẫn với Nhật Bản vì nước này nhìn thấy quyền lợi rộng lớn của mình trên bình diện toàn cầu hơn là địa phương nhỏ hẹp. Hoa Kỳ dĩ nhiên chống đối kịch liệt và hội viên ASEAN cũng không tỏ ra hồ hởi lắm.

Tại hội nghị thượng đỉnh Tân Gia Ba ý kiến này bị hạ tầng xuống mức Nghị hội Kinh tế Đông Á (EAEC) với một cơ cấu rất mơ hồ. Nam Dương muốn EAEC nằm trong APEC trong khi Mã nhấn mạnh tính cách độc lập của Nghị hội đứng hẳn ngoài APEC. Thỏa nhượng cuối cùng đi đến giữa các tranh cãi là EAEC sẽ nằm trong APEC, nhưng dưới sự quản trị của cấp bộ trưởng kinh tế trong ASEAN — có nghĩa là đường hướng sẽ tới từ ngoài APEC. Về mặt thực tế, khó tưởng tượng một cơ cấu như trên có thể hoạt

* Một bợm nhậu đứng trước một tấm biển lớn:

Hãy coi chừng! Rượu giết người từ từ!

Hắn nhún vai:

"Ta cóc cần! Ta đâu có nôn nóng..."

động hữu hiệu được. Tầm quan trọng của EAEC tùy thuộc rất nhiều vào liên hệ kinh tế giữa Nhật và Trung Hoa với Bắc Mỹ; nếu liên hệ này đi tới mức khủng hoảng, EAEC có thể là một giải pháp chấp nhận được.

Diễn đàn an ninh vùng ASEAN và APEC có nhiều trùng hợp về nhân sự hội viên. Những trùng hợp này sẽ gia tăng cùng với sự có mặt của Nga và Việt Nam trong APEC. Với kinh nghiệm lịch sử Châu Âu, ta có thể hỏi rằng: phải chăng từ hai tổ chức này sẽ nẩy mầm một Cộng đồng nằm dọc Thái Bình Dương? Trở ngại chính trên đường đến một Cộng đồng là những khác biệt lớn lao giữa các nước Tây phương tự do dân chủ và những chế độ chuyên chế từ "toàn phần" đến "bán phần" ở ĐNÁ. Ngày nay, những chế độ này mới bắt đầu chịu áp lực của những đòi hỏi tự do dân chủ từ trong nội bộ.

III. Những con đường đi đến dân chủ

Phát triển nhanh chóng về kinh tế đã đưa vào đấu trường chính trị nội bộ ĐNÁ nhiều vấn đề, quyền lợi và nhân vật mới. Trong các nước hội viên ASEAN, những "điều kiện xã hội và kinh tế để tiến tới dân chủ," nói theo kiểu lý thuyết gia khoa học xã hội thời thập niên 1960, hầu như đang chuyển mình cùng với xã hội mỗi ngày một cởi mở về chính trị và khác biệt về kinh tế. Sự xuất hiện của giới trung lưu và lực lượng lao động kỹ nghệ đã khiến chính quyền trong khối ASEAN phải đưa ra nhiều định chế để đáp ứng với những đòi hỏi chính trị xã hội nếu không sẽ có những thách đố. Theo lý thuyết trên, "những giai cấp mới" này không hài lòng với quyền lợi kinh tế mà còn đòi hỏi chia sẻ, hay ít nhất là cơ hội tham gia, quyền hành chính trị. Thủ tướng Mahathir vẫn xem áp lực chia sẻ quyền hành chính trị đến từ bên ngoài như một hình thức thực dân Tây phương mới. Nhưng thật ra áp lực đòi hỏi quyền chính trị từ bên trong có thể còn hữu hiệu hơn chủ thuyết cách mạng Mác-Lê-Mao trong việc thay đổi những hệ thống chính trị — điểm chính là vì những đòi hỏi này tay trong tay với thành công chứ không phải thất bại kinh tế.

Ở Phi Luật Tân, phong trào "sức mạnh nhân dân" của bà Corazon Aquino đã biến thành cách mạng Epifanio de los Santos một khi giới trung lưu thấy quyền lợi khả quan trong việc lật đổ chính quyền độc tài Marcos. Chính quyền Aquino nhìn ở nhiều khía cạnh không thấy thành công mấy nhưng đã giữ được tinh thần dân chủ và bà Aquino đã có thể chuyển nhượng quyền hành cho Fidel Ramos sau cuộc bầu cử tự do tháng Sáu 1992. Đáng chú ý hơn là dù ông Ramos chỉ được 23.5 phần trăm số phiếu bầu trong một cuộc tranh cử với bảy ứng viên, quyền lực cai trị của ông được xem là chính đáng. Ramos đã hùng hồn chứng minh ngược ý kiến của nguyên Thủ tướng Tân Gia Ba Lý Quang Diệu rằng, "những hồ hởi dân chủ đưa đến tình trạng thiếu kỷ luật trật tự là điều không có lợi cho phát triển." Tổng thống Phi kết luận khác hẳn, "Không có dân chủ ta không có phát triển thật sự."

Thái Lan tái lập chính quyền dân chủ theo hiến pháp năm 1992, sau những xuống đường đối đầu đẫm máu giữa quân đội và người biểu tình chống đối chính quyền quân sự. Giới quân sự vừa lên nắm quyền tháng Tư 1991 sau khi lật đổ chính quyền dân cử. Sau một năm chính quyền quân sự đặt để hiến pháp mới nhằm bảo đảm quyền lực quân sự. Bầu cử quốc hội diễn ra tháng Tư 1992 và thủ lãnh Hội đồng quân sự, Tướng Suchinda Kaprayoon lên nắm chức thủ tướng. Biểu tình chống đối bùng nổ khắp Vọng Các; dân chúng Thái thuộc mọi giai cấp đòi hỏi Tướng Suchinda bước xuống. Giới trung lưu lo sợ bất ổn rộng lớn sẽ ảnh hưởng tiêu cực lên phát triển và phồn thịnh kinh tế ở Thái và đám "xuống đường với điện thoại lưu động" (chỉ dân doanh thương với vũ khí chính của họ) nhảy vào cuộc chiến chống độc tài quân sự. Cuối tháng Năm, sau khi quân đội bắn vào đám biểu tình giết chết hơn 300 người, vua Thái can thiệp đưa Sauchinda đến chỗ từ chức. Lính tráng và tướng lãnh mất tín nhiệm rút về trại. Chính phủ lâm thời thứ nhì tổ chức tổng tuyển cử với số đầu phiếu lớn nhất từ trước đến giờ trong lịch sử Thái. Chính phủ liên hiệp với nhiều nhóm chính trị ra đời dưới quyền lãnh đạo của Thủ tướng Chuan Leekpai, một chính trị gia khả kính và gắn bó với dân chủ.

Bầu cử dân chủ ở Tân Gia Ba, nay đã ra khỏi cái bóng vĩ đại Lý Quang Diệu phần nào, có thể xem như một cái thắng giảm bớt độc quyền cai trị của đảng Nhân dân Hành động (PAP); đảng này từng độc quyền làm chủ kể từ ngày Tân Gia Ba độc lập năm 1965. Từ tổng tuyển cử năm 1991 đến bầu cử tổng thống năm 1993, 40% cử tri bỏ phiếu cho phe đối lập. Đây là một cảnh cáo đối với PAP: tuy không hoàn toàn gạt bỏ PAP, cử tri không chỉ biết có PAP mà còn những giải pháp chọn lựa khác qua hệ thống bầu cử tự do.

Ở Nam Dương những định chế chính trị chính thức vẫn nằm trong chính quyền Trật tự Mới của ông Suharto, phản ánh niềm tin của giới quân sự rằng ổn định về chính trị (hiểu theo nghĩa là quyền lực tuyệt đối của chính quyền) là điều kiện tiên quyết để đi đến phát triển kinh tế. Nhưng chính thành công trong việc phát triển kinh tế đưa đến những biến đổi trong xã hội giống như ở những nước có kinh tế vừa mới kỹ nghệ hóa trong vùng. Dù không chính thức, đối thoại chính trị đều ghi nhận tự do dân chủ có thể sống chung với ổn định. Việc nới lỏng cho phát biểu chính trị xuất hiện dưới chiêu đề "cởi mở" và một môi trường trong đó nói theo Tổng thống Suharto là, "Chúng ta không còn phải sợ hãi những quan điểm và dư luận khác biệt của dân chúng nữa."

Tinh thần tự do dân chủ được phát triển qua định chế mới như Diễn đàn Dân chủ. Nhiệm kỳ sáu năm của Suharto có thể nói là nhiệm kỳ chót của ông nhìn vào tuổi tác và hơn ba thập niên nắm quyền hành ở Nam Dương. Những ai và những gì tiếp nối sau khi ông bước xuống là một vấn đề quan trọng cấp thiết. Nhìn theo chiều xa,

thử thách lớn nhất đối với dân chủ ở Nam Dương không phải là nhóm người quyết tâm bảo vệ duy trì tình trạng hiện hành mà là những người cổ võ tiến trình tôn giáo hóa toàn diện trong một nước có tới 87 phần trăm tín đồ Hồi giáo.

Hai ngoại lệ nằm ngoài chiều hướng dân chủ hóa là Việt Nam và Miến Điện, và có lẽ cũng không phải vì tình cờ mà đây cũng là hai nước nghèo nhất trong số những nước ĐNÁ. Ở Việt Nam có thể nói là khuôn mẫu Trung Hoa nắm thế thượng phong với nỗ lực cởi mở kinh tế đi song song với quyết tâm kiểm soát chính trị chặt chẽ để tránh "căn bệnh nước Nga hậu-cộng-sản." Theo học giả thẩm quyền về Việt Nam David Elliot, "Có lẽ động lực thay đổi chính trị ở Việt Nam sẽ không đến từ phía ngoài những nhân vật cầm quyền chính thức; mối quan tâm chính của giới nắm quyền chính trị là chia rẽ trong hàng ngũ lãnh đạo." Những bất mãn của nông dân, của những người không có quyền lợi qua cải tổ, thế vong thân của miền Nam đều là những vấn đề chính quyền phải đối phó — nhưng không phải là vấn đề nan giải. Có lẽ điều đáng sợ nhất là sự rạn vỡ trong cơ cấu nắm giữ quyền hành.

Ở Miến Điện, độc tài quân phiệt vẫn cương quyết chống lại dân chủ. Những xuống đường đòi hỏi tự do dân chủ năm 1988 và gần đây, sau 30 năm độc tài sắt máu, bị triệt hạ thẳng tay. Năm 1990, ủy ban tướng lãnh cầm quyền phải giật mình vì tỉ số phiếu thắng của phe ủng hộ tự do dân chủ quá cao trong một cuộc bầu cử mà họ tin rằng sẽ nắm chắc phần thắng. Ủy ban tướng lãnh phản ứng bằng cách phủ nhận kết quả bầu cử, lùa ép hàng ngàn dân Miến ủng hộ dân chủ lưu vong, và bỏ tù lãnh tụ đối lập cang cường là bà Daw Aung San Suu Kyi. Được chọn nhận giải Nobel Hòa Bình năm 1991, bà Suu Kyi bị cầm tù tại nhà cho mãi gần đây mới được tự do tạm trước áp lực chính trị và dư luận quốc tế. Giống như ở Thái Lan, giới quân sự thay đổi hiến pháp để hợp thức hóa quyền cai trị bất hợp pháp của mình. Dĩ nhiên sẽ không có một chia sẻ quyền lực nào với những lãnh tụ dân chủ, người thì hoặc sợ hãi, hoặc bị kềm chế, hay ly tan khắp mọi nơi.

IV. Hướng về nhân quyền

Miến Điện khiến ta chú ý đến một vấn đề quan trọng trong chính trị hiện nay ở Châu Á, vấn đề nhân quyền, và dư luận quốc tế đòi hỏi nhà cầm quyền tôn trọng và bảo vệ những quyền căn bản của con người. Các nước ở ĐNÁ có thể nói là vi phạm nhân quyền ở nhiều mức độ khác nhau, nhưng chế độ quân phiệt ở Miến được xem là chế độ vi phạm nhân quyền trầm trọng hơn hết. Cả thế giới nhìn về Miến với thái độ hằn học bất bình, nhất là trong tháng Hai 1993 khi bảy nhân vật nhận giải Nobel họp tại Vọng Các (sau khi bị cấm vào Miến) đòi hỏi ngưng bán vũ khí cho Miến và loại Miến ra khỏi Liên Hiệp Quốc.

Hoa Kỳ cùng một số nước dân chủ Tây phương đã thi hành nhiều biện pháp kinh tế ngoài những lên án đả kích Miến nhưng kết quả không mấy khả quan. Lý do một phần là nhiều nước Á Châu, kể cả ASEAN, không chịu đồng ý lên tiếng hay hành động chống Miến. Quyền lợi kinh tế giải thích việc này: ASEAN muốn đi lại buôn bán với Miến, nhất là Thái và Tân Gia Ba. Một phần cũng vì ASEAN không muốn đây trở thành tiền lệ, một tiền lệ ngày nào đó sẽ quật ngược lại các nước ASEAN. ASEAN lập luận rằng những biện pháp mạnh nhằm cô lập Miến bằng kinh tế và chính trị có thể mang đến nhiều hậu quả ngoài ý muốn. Chính sách ASEAN là "nhập cuộc xây dựng" với mục tiêu thuyết phục chính quyền Miến thay đổi để phát triển và tham dự vào chính trị quanh vùng.

Sự khác biệt giữa Tây phương và ASEAN trong vấn đề nhân quyền ở Miến phản ánh một bất đồng sâu đậm hơn về ý nghĩa và ưu tiên dành cho "nhân quyền" trong đời sống chính trị quốc gia. Tây phương hiểu nhân quyền theo nghĩa tuyệt đối đề ra trong Tuyên ngôn Nhân quyền năm 1948; phần lớn giới lãnh đạo ĐNÁ tin rằng quyền lợi và bổn phận của cá nhân

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

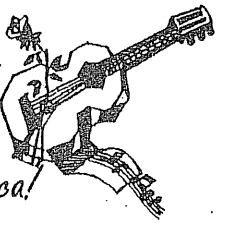

Chỉ cần mang cây đàn đến AV TRAVEL là có thể vừa đi du lịch vừa hát du ca!

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX # (714) 741-2900
(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Ngà hay Phương: (714) 537-2200

trong cộng đồng phải được đặt trong khuôn khổ những thực tế kinh tế, xã hội và văn hóa khác nhau trong mỗi hệ thống giá trị của từng quốc gia. Hơn nữa, họ lý luận rằng quan trọng không kém dân quyền và quyền chính trị là quyền của người dân được no ấm, giáo dục và mạnh khỏe về thể xác — những quyền căn bản có thể đạt được qua phát triển kinh tế, và vì vậy đòi hỏi phải có ổn định trong nước. Mở đầu hội nghị tháng Ba tại Vọng Các, sửa soạn cho Hội nghị LHQ về Nhân quyền tháng Sáu cùng năm, Thủ tướng Thái Chuan Leekpai lý luận nhân quyền phải được phát triển từ bên trong chứ không thể đặt để từ bên ngoài. ASEAN chấp nhận tính cách phổ thông của nhân quyền nhưng nhấn mạnh rằng thực thi nhân quyền tùy thuộc vào hoàn cảnh địa phương.

Các nước ĐNÁ cương quyết chống đối việc dùng nhân quyền như một điều kiện kinh tế áp dụng vào giao thương và viện trợ. Họ lý luận rằng thực thi nhân quyền tùy thuộc hoàn toàn vào khả năng và trách nhiệm của các chính quyền trong vùng, nằm hẳn ngoài quyền lực áp đặt bên ngoài. Đây cho thấy tại sao ASEAN không muốn làm áp lực với Miến Điện. Tuy nhiên, không còn những hạn chế bởi Chiến tranh Lạnh Tây phương tha hồ đặt điều kiện. Trong trường hợp Hoa Kỳ, chính quyền Clinton đã nhấn mạnh nhân quyền hơn mọi chính quyền khác, kể từ thời Tổng thống Jimmy Carter, và công khai dùng nhiều biện pháp làm áp lực như cấm vận và bác bỏ quyền tối huệ quốc.

Ngoài Miến Điện, mục tiêu nhân quyền thứ nhì Hoa Kỳ nhắm vào là Nam Dương. Từ năm 1975-1976, khi Nam Dương xâm chiếm và sáp nhập vùng đảo Đông Timor, một cựu thuộc địa của Bồ Đào Nha, những vi phạm nhân quyền ở đây đã bị thế giới lên án, nhất là sau vụ "thảm sát Dili," thủ đô Đông Timor. Ngày 12 tháng Mười Một năm 1991, quân đội Nam Dương bắn vào đám đông biểu tình đòi giải phóng Đông Timor và chống đối Nam Dương. Dù chính quyền Suharto lên tiếng chỉ trích quân đội chiếm đóng Timor dư luận quốc tế đòi Nam Dương rút quân khỏi vùng này và sửa soạn bầu cử tự quyết cho dân chúng Timor dưới sự giám sát của nhiều nước. Sự khác biệt giữa biện pháp kỷ luật nhẹ đối với vài binh sĩ Nam Dương bắn vào đám đông và bản án nặng nề cho những "kẻ xách động Timor" được nêu ra làm bằng chứng Nam Dương "áp bức" dân chúng Đông Timor. Hoa Kỳ và Cộng đồng Âu châu lấy việc cải thiện nhân quyền ở Timor làm điều kiện liên hệ giao thương với Nam Dương. Năm 1992 Nam Dương giận dữ cắt ngang viện trợ của Hòa Lan vì nước này làm áp lực nhân quyền Timor. Và khi Hoa Kỳ đe dọa cấm vận vũ khí, Nam Dương cảnh cáo việc này sẽ ảnh hưởng xấu đến sự hợp tác lâu năm giữa hai nước. Hoa Kỳ từ chối chuyển chiến đấu cơ F-5 từ Jordan đến Nam Dương và chính quyền Nam Dương rất cay cú việc liên hệ an ninh với nhân quyền này. Trong kỷ nguyên sau Chiến tranh Lạnh, Nam Dương không dễ chịu thua vì ngoài Hoa Kỳ nay đã có những nguồn cung cấp vũ khí mới cho toàn vùng ASEAN.

* Một hãng bảo hiểm quảng cáo như sau:

"Hãy mua một bảo hiểm nhân thọ. Cái chết có thể đến bất cứ lúc nào, ngay cả khi bạn ít ngờ đến nhất, như khi bạn đang ở yên tĩnh trong nhà, giữa gia đình bạn, giữa các con bạn, giữa vợ bạn..."

V. Vấn đề môi sinh

Phát triển kinh tế nhanh chóng ở ĐNÁ mang đến hậu quả nghiêm trọng như những xáo trộn xã hội, tàn phá môi sinh và kiệt quệ tài nguyên. Đời sống trong các thành phố mới mọc lên có đầy những chen chúc, ô nhiễm không khí, thiếu thốn nước và vệ sinh, cùng những hậu quả khác nảy sinh từ phát triển bừa bãi. Vấn đề rộng lớn nhất là việc phát triển hạ tầng cơ sở không theo kịp với nhu cầu trong vùng, ví dụ như việc cúp điện thường ngày ở Ma Ní, hay tắc nghẽn lưu thông cả chục cây số ở Vọng các. Nguyên vùng chỉ một mình Tân Gia Ba là tránh được tình trạng này nhờ kế hoạch tiền phương và đầu tư chiến lược. Ngoài Tân Gia Ba, phát triển bừa bãi và thiếu điều hợp đạt thêm gánh nặng lên hạ tầng cơ sở vốn đã thiếu sót, ví dụ như nhiều khu gia cư sang trọng được xây cạnh bên khu kỹ nghệ đầy chất độc phế thải. Việc áp dụng luật lệ xây cất để bảo vệ an toàn cho dân chúng rất là lỏng lẻo, thiếu thốn hoặc biến thành cơ hội tham nhũng, và tai họa xảy ra đều đặn. Người ta còn nhớ vụ 189 thợ nhà máy đồ chơi bị chết cháy ở Vọng Các vì nhà máy không đủ điều kiện cứu hỏa an toàn tối thiểu. Vài tháng sau, một khách sạn ở bắc Thái Lan sụp đổ hoàn toàn với số người thiệt mạng lớn lao vì nhiều từng lầu được xây thêm lên khách sạn vi phạm luật lệ xây cất. Sau đó là sụp đổ trung tâm mua sắm ở Nam Hàn. Giải pháp lý thuyết là kiểm soát chặt chẽ hơn bằng luật lệ và các cơ quan nhà nước; việc thực thi kiểm soát rất là khó khăn. Nhiều vấn đề khó khăn khác nằm sâu trong mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển và nhu cầu bảo toàn tài nguyên nhân lực và thiên nhiên.

Một khó khăn rõ nhất là việc sử dụng và đền bù đất đai bị chiếm dùng vào các dự án phát triển rộng lớn. Ví dụ như kế hoạch xây đập thủy điện, đê điều và dẫn thủy nhập điền luôn luôn đẩy cả vạn người ra khỏi vùng làng quê quen thuộc cùng những mất mát đất đai canh tác. Ở Nam Dương dân chúng phản đối đập Kedungumbo ở trung tâm Java; đập này có thể đẩy hàng vạn nông dân ra khỏi vùng canh tác trù mật để đến vùng đất đai cằn cỗi. Một kế hoạch khác, đập Kota Panjang ở hai tỉnh Riau và Tây Sumatra đe dọa nhiều người hơn nữa. Chính quyền phải thay đổi kế hoạch Kedungumbo khi một liên hiệp gồm dân địa phương, những nhóm dấn

thân, báo chí, hệ thống các tổ chức ngoài chính quyền (NGO) phản đối kịch liệt. Ở Thái Lan, đập Nam Choan và rồi đập Pak Moon đặt những nước viện trợ và Ngân hàng Quốc tế vào vị trí khó khăn khi những nhóm bảo vệ môi sinh trong nước và quốc tế vận động chống đối. Hiện nay phong trào bảo vệ môi sinh nhằm vào Trung Hoa với kế hoạch phát triển mở mang rộng lớn dọc một trong những con sông dài nhất thế giới. Trận chiến môi sinh rất là rõ rệt: khi phong trào bảo vệ môi sinh áp lực nước viện trợ và cho vay thận trọng hơn với những kế hoạch phát triển có tác dụng tàn phá môi sinh, giới chủ trương phát triển giận dữ với can thiệp bên ngoài và tìm cách kiềm chế các tổ chức NGO địa phương với liên hệ quốc tế.

Mức độ tàn phá môi sinh có thể đo lường qua những mất mát diện tích rừng nhiệt đới. Tàn phá môi sinh quá mức ở ĐNÁ, để phát triển canh tác, xây cất hạ tầng cơ sở kinh tế hay để đốn gỗ đều ảnh hưởng sâu xa đến khí hậu thời tiết, tạo bão lụt và lở đất, và gây đảo lộn đời sống của cả triệu người địa phương. Mức độ tàn phá rừng nhiệt đới vượt quá nỗ lực kiểm soát và bảo tồn khiêm nhượng. Mức độ rõ ràng nhất là ở Nam Dương và Phi, nhưng Thái và Mã đã thành ví dụ điển hình dưới mắt quốc tế.

Sau khi phá hết rừng nội địa, Thái quay sang vùng ranh giới với Miên và Miến, vừa phá thêm rừng lấy gỗ vừa trả tiền cho Khmer Đỏ và quân phiệt Miến. Mã còn bị phản đối nhiều hơn vì việc phá rừng đi liền với vấn đề nhân quyền. Việc Mã cho đốn gỗ ở Sarawak đi ngược hẳn quyền sinh sống của thổ dân Penan ở đây. Thủ tướng Mã Mahathir, người chỉ trích những can thiệp của phong trào môi sinh "Xanh" nặng nề nhất, xem đòi hỏi dành vùng này cho thổ dân Penan như đỉnh cao kiêu ngạo của Tây phương. Và cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi Mã thành đại biểu to tiếng nhất trong Hội nghị Thượng đỉnh Môi sinh năm 1992. Lập trường của Mã (được nhiều đại biểu chia sẻ) rất rõ rệt: Tây phương từng phát triển với tài nguyên của mình và những nước chậm tiến khác, nay ngồi hưởng thụ và không có quyền đòi hỏi những nước đang phát triển ở Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ La Tinh bỏ qua cơ hội phát triển.

Trước đây các nước ASEAN và Tây phương luôn luôn đạt đến thỏa nhượng nếu có khác biệt, kể cả về môi sinh và phát triển. Ngày nay, ASEAN đã phát triển hơn lên, và với một thế hệ lãnh đạo mới đầy tự tin về khả năng và tương lai quốc gia, tinh thần thỏa nhượng — nhất là khi có những khác biệt về hệ thống giá trị — không còn giống như xưa. Đây là một thử thách không riêng cho ASEAN mà cho cả những "bạn đối thoại" về an ninh, kinh tế và chính trị. ■

Quý đồng hương và thân hữu đã từng yêu thương Quảng Nam - Đà Nẵng
Không thể nào bỏ qua Đặc San Quảng Đà.
. Đã phát hành khắp nơi

Nội dung phong phú với sự cộng tác của các tên tuổi quen thuộc:

Lê Văn Bá . Nguyễn Tường Bách . Lê Cát Bình . Hứa Văn Bân . Nguyễn Đức Sao Biển . Ái Cầm . Lê Tống Củng . Trương Duy Cường . Phong Diệp . Hồ Minh Dũng . Cung Diễm . Lê Công Đa . Lê Hồng Đa . Phạm Xuân Đài . Trần Trung Đạo . Phạm Hữu Đăng Đạt . Hồ Thành Đức . BS Bùi Minh Đức . Vũ Hữu Định . Nguyễn Tường Giang . Nguyễn Đông Giang . Thái Tú Hạp . Hà Quốc Huy . Vũ Hối . Phan Huy . Trần Yên Hòa . Luân Hoán . Trương Duy Hy . Tống Nữ Mộng Hoa . Đặng Hiền . Trọng Hiền . Duy Lam . Nguyễn Thiệu Lâu . Hoàng Lộc . Trần Văn Lệ . Võ Văn Lượng . Vương Ngọc Long . Tường Linh . Lê Thứ Lang . Nguyễn Trọng Linh . Hà Kỳ Lam . Trần Lư Nguyên Khanh . Vũ Ký . Dư Mỹ . Phạm Tường Mây . Nguyễn Hương Nhân . Thảo Nguyên . Cao Mỵ Nhân . Lưu Nguyễn . Huỳnh Liễu Ngạn . Lê Văn Nghĩa . Vũ Khắc Nghiêm . Huỳnh Nhâm . Phan Nhật Nam . Đoàn Ngọc Nam . Lưu Công Nhân . Hồ Xuân Ngọc . Nguyễn Xuân Phi . Nguyễn Xuân Quang . Hoàng Quy . Võ Quê . Nguyễn Kim Sắc . Võ Thành Sơn . Nguyễn Phước Tương . Huy Tưởng . Hà Nguyên Thạch . Toàn Trọng . Hồ Ngọc Thạch . Thành Tôn . Khánh Trường . Nguyễn Phúc Vĩnh Tung . Nguyễn Miên Thượng . Phan Quang Tuệ . Trần Hoài Thư. Nguyễn Xuân Tính . Phương Vân . Đằng Vân . . Bìa tranh của Khánh Trường

Dày trên 450 trang - 12 đô la gồm cước phí.

Mọi chi tiết xin liên lạc về:
ÁI CẦM - THÁI TÚ HẠP
P.O. Box 428 Rosemead, CA 91770
Điện thoại: (818) 286-1239/(818) 286-9798
Fax: (818) 286-3293

MỘT SỐ THAY ĐỔI TRÊN NỀN TẢNG CHÍNH TRỊ TẠI TRUNG HOA HIỆN NAY

TỪ MAI

(Tiếp theo)

C. Khả năng kiểm soát của trung ương yếu dần

Từ trước đến nay, một trong những đặc điểm quan trọng của chế độ Cộng sản ở Hoa lục là uy quyền tuyệt đối của trung ương trong việc chỉ định và thuyên chuyển các lãnh tụ địa phương. Nhiều dấu hiệu cho thấy uy quyền ấy đang bị lung lay.

Trong một bài nghiên cứu công phu dựa trên nhiều chứng cớ, tài liệu từ Hoa lục và Hong kong, phổ biến trên China Quarterly tháng 6-1994, giáo sư John P. Burns, người theo dõi nội tình chính trị Trung hoa từ nhiều năm, cho biết: trong năm 1993, ít nhất tại bốn tỉnh ở Hoa lục, nhân vật do Bắc kinh chỉ định làm Tỉnh trưởng bị các địa phương liên hệ từ chối. Theo thể thức, các chức Tỉnh trưởng do chính phủ trung ương đề nghị với sự tán thành của Hội đồng nhân dân các tỉnh. Từ trước đến nay, các Hội đồng nhân dân (với đa số là đảng viên Cộng sản) vẫn được coi như những công cụ trang trí. Các cuộc bỏ phiếu tán đồng chỉ có tính cách hình thức, luôn luôn đem tới những kết quả đồng thanh tín nhiệm hoặc nhất trí thông qua. Tình trạng ấy đang bắt đầu đổi khác.

Tại Quý châu năm 1993, Bắc kinh muốn Tỉnh trưởng Vương Triều Văn (Wang Chaowen) được lưu nhiệm. Một số nhân vật trong Hội đồng tỉnh không ủng hộ và đề cử Phó Tỉnh trưởng Trần Sĩ Năng (Chen Shineng). Sau cuộc bỏ phiếu, Trần được đa số và trở thành Tỉnh trưởng. Tại Triết giang, ứng viên do Bắc kinh đề nghị không thu đủ số phiếu cần thiết. Hội đồng tỉnh dồn phiếu cho Phó Tỉnh trưởng Vạn Học Nguyên (Wan Xueyuan). Tại Hồ bắc và Hải nam, Bắc kinh đề nghị Quách Thụ Ngôn (Guo Shuyan) và Lưu Kiếm Phong (Liu Jianfeng). Được Hội đồng tỉnh tín nhiệm và nhận chức là Giả Chí Kiệt (Jia Zhijie) và Nguyễn Sùng Vũ (Ruan Chongwu) (16).

Tại những tỉnh quan trọng, nhiều dấu hiệu cho thấy Bắc kinh đã tham khảo ý kiến, cố đạt tới đồng thuận với các lãnh tụ địa phương trước khi chính thức đưa đề nghị. Nhân vật được chọn thường là kết quả của thương lượng, thỏa hiệp, đôi khi với một số nhân nhượng từ phía Bắc kinh. Tại Quảng đông, con trưởng Thống chế Diệp Kiếm Anh (Ye Jianying) là Diệp Tuyển Bình (Ye Xuanping) giữ chức Tỉnh trưởng từ 1985 sau nhiều năm làm Phó Tỉnh trưởng. Quê tại Quảng đông cùng đã tạo được nhiều hậu thuẫn, Diệp có tiềm năng trở thành một lãnh chúa địa phương, loại người không làm Mao yên tâm. Năm 1989, Bắc kinh đề nghị thăng cấp để đưa Diệp về trung ương. Theo nhiều tài liệu, Diệp cho biết chỉ yên tâm ra đi nếu được đề cử người thay thế. Sau hai năm thương thảo, năm 1991 một nhân vật do Diệp đề cử là Chu Sâm Lâm (Zhu Shenlin) thay Diệp làm Tỉnh trưởng Quảng đông. Diệp và Chu cũng nhân nhượng Bắc kinh ở một điểm: một nhân vật do Bắc kinh chỉ định sẽ về điều khiển bộ Tổ chức của tỉnh. Để bù lại, tuy nhận chức Đệ nhất Phó Chủ tịch Hội nghị Tham vấn Chính trị Toàn quốc, ngoại trừ trong các khóa họp, Diệp vẫn sẽ ở lại Quảng đông chứ không về sống ở Bắc kinh (17).

Cuối năm 1995, khi cần người thay Chu Sâm Lâm, một cuộc thương lượng nữa lại xảy ra. Theo Far Eastern Economic Review, lúc đầu Bắc kinh muốn chọn một nhân vật từ ngoài tỉnh và đề cử Phó Tỉnh trưởng Trương Cao Lệ (Zhang Gaoli), gốc Phúc kiến. Giới lãnh đạo Quảng đông và Diệp Tuyển Bình không tán thành, nhưng những nhân vật họ đưa ra cũng không làm vừa ý Bắc kinh. Sau nhiều tháng dằng co, hai bên thỏa hiệp và cùng cử Lư Thụy Hoa (Lu Ruihua) làm Tỉnh trưởng tháng 2-1996. Bắc kinh đã hi sinh một nguyên tắc quan trọng: Lư là người Quảng đông, từ trước chưa hề giữ một nhiệm vụ nào ngoài phạm vi tỉnh này; do đó sẽ chỉ biết địa phương chứ không nắm vững và nhiều phần không sốt sắng với các vấn đề chung của quốc gia. Tiếng nói của địa phương đã phần nào át tiếng nói của trung ương. Trong việc cử viên chức lãnh đạo các tỉnh, ý Bắc kinh không còn là tối thượng như trước (18).

Tại một số tỉnh thịnh vượng, sự ưu thắng của tinh thần địa phương còn được biểu lộ dưới một hình thức nữa. Bên cạnh Tỉnh trưởng và một vài viên chức cao cấp do trung ương chỉ định, đại đa số viên chức trong hệ thống chính quyền mỗi tỉnh được tuyển từ địa phương. Trước đây, Bắc kinh vẫn tìm cách nắm giữ sự trung thành của lớp nhân viên này bằng cách thỉnh thoảng chọn một số người xuất sắc, tiêu biểu để thăng cấp và đưa lên trung ương. Theo giáo sư Susan L. Shirk, Giám đốc Viện Nghiên cứu Mâu thuẫn cùng Hợp tác Toàn cầu của Hệ thống Đại học tiểu bang California (University of California's Institute on Global Conflict and Cooperation), trong mấy năm gần đây, một số không nhỏ viên chức các tỉnh đã từ khước chuyện được thăng về trung ương để ở lại với địa phương. Lòng trung thành

của họ dĩ nhiên hướng về địa phương: trung ương không còn được coi là biểu tượng của danh vọng, quyền thế và bổng lộc nữa (19).

Gần một năm sau bài diễn văn 10,000 chữ của Giang Trạch Dân để, với danh nghĩa Tổng Bí thư đảng kiêm Chủ tịch nhà nước, chỉ trích các địa phương không tuân lệnh trung ương như trên đã nói, trung ương vẫn chưa được nể trọng hơn. Viết từ Bắc kinh về nội tình chính trị Trung hoa cho Wall Street Journal số ra ngày 22 tháng 7-1996, nữ ký giả Kathy Chen, người vẫn được coi là có nhiều nhận xét tinh tế, đã kết luận bài viết bằng lời một nhà phân tích chính trị người Hoa tại Bắc kinh nói với cô: Giang đang củng cố quyền lực nhưng rất khó. Các địa phương không nghe ông ta và nhiều nhân vật trong quân đội cũng không kính trọng ông ta (20).

Những thay đổi vừa kể chưa đủ làm Trung hoa phân hóa. Nếu kinh tế phát triển đều và trung ương vẫn ổn định, nhiều phần sẽ không có biến cố chính trị quan trọng nào xảy ra tại các địa phương. Các tỉnh, vùng vẫn sẽ phục tòng Bắc kinh, ít nhất trên danh nghĩa và trong nhiều lãnh vực trên thực tế. Xét theo khía cạnh chủng tộc, Trung hoa không đến nỗi phân tán như Nam tư và Liên bang Xô viết cũ (Hán tộc chiếm 92% dân số). Các địa phương không muốn một trung ương quá mạnh để khỏi can thiệp vào nội bộ của họ một cách quá đáng, nhưng vẫn muốn một trung ương không quá yếu, đủ khả năng giữ an ninh tổng quát và đủ tư thế làm trọng tài những tranh chấp giữa các địa phương. Tuy nhiên trong một tương lai, nếu nạn thiếu thực phẩm trầm trọng hay tình trạng bị áp bức quá đáng đưa tới những cuộc nổi loạn với tầm vóc lớn lao hơn của nông dân, có sự hùa theo của các băng đảng tội ác và công nhân thất nghiệp tại các đô thị, nếu những tranh chấp quyền lực ở trung ương đưa tới một chính thể phân hóa, sự trung thành của các địa phương, nhất là những địa phương thịnh vượng hoặc tự túc, rất khó bảo đảm.

Trong số đặc biệt về Trung hoa phát hành ngày 11 tháng 5-1995, Far Eastern Economic Review đưa lên bìa một hình ảnh nhiều ý nghĩa: bản đồ Trung hoa trong lòng một đĩa sứ nứt làm 5, 6 mảnh. Dưới mắt nhà báo, dân Trung hoa cuối thế kỷ 20 may hơn dân Trung hoa ở nhiều thơiợ trước: các mảnh ấy vẫn còn dính với nhau nhờ một lớp men (21).

III. MỘT VÀI NHẬN XÉT ĐÁNG LƯU Ý VỀ VIỄN TƯỢNG CỦA TRUNG HOA TRONG NHỮNG NĂM SẮP TỚI

A. Nhìn từ bên trong

1) Mùa thu năm 1993, Hàn lâm viện Khoa học Hoa lục in một văn kiện 86 trang và phổ biến hạn chế tới các lãnh tụ chính trị cùng cơ quan lập pháp. Hai đồng tác giả là Vương Thiệu Quang (Wang Shaoguang) và Hồ An Cương (Hu Angang), cùng tốt nghiệp Cao học Đại học Yale và là chuyên viên ban Khoa học xã hội của Hàn lâm viện Khoa học (nhà nghiên cứu họ Hồ đã được nhắc tới ở trên). Cả hai bày tỏ mối quan ngại: sự chênh lệch giàu nghèo giữa các tỉnh ven biển và ở sâu trong nội địa đã tới mức báo động: ít nhất là tương đương, và còn có phần hơn mức chênh lệch giữa các vùng khác nhau của Nam tư trước khi quốc gia này tan rã. Hai tác giả viết: Nếu một lãnh tụ chính trị có uy thế mạnh qua đời, rất có thể một tình trạng như Nam tư sau Tito sẽ xảy ra cho Trung hoa. Trong một số năm, nhiều nhất là từ 10 đến 20 năm, đất nước sẽ đi từ đổ vỡ về kinh tế tới tan vỡ về chính trị, cuối cùng là phân hóa hoàn toàn. Để ngăn không cho tình trạng ấy xảy ra, hai tác giả đề nghị chính phủ trung ương lập tức thu hồi lại các quyền về ngân sách, tài chính đã ủy (hay đã mất) cho các địa phương. Đề nghị này không dễ thi hành. Theo giáo sư Susan L. Shirk (đã nhắc tới ở trên), tình trạng quyền lực tài chánh về tay các tỉnh ở Hoa lục đã tới mức khó lòng quay ngược lại. Nếu Bắc kinh cố thực hiện chuyện ấy, một số tỉnh sẽ cấu kết với nhau nổi loạn về phương diện tài chánh. Theo nhiều nhà quan sát, ngay từ 1993 phe bảo thủ đã cố dựa vào văn kiện báo động trên để tìm cách khôi phục một phần quyền tài chánh cho trung ương, nhưng những cố gắng ấy chưa đem lại kết quả (22).

2) Chưa đầy một năm sau, mùa xuân năm 1994, một cuốn sách không kém phần bi quan được công khai xuất bản. Ngụy trang dưới hình thức bản dịch sang Hoa ngữ một cuốn sách bằng tiếng Đức của Dr. Leninger, cuốn sách thực ra được viết bằng tiếng Hoa do một tác giả ẩn danh. (Chưa ai tìm được nhân vật có tên Dr. Leninger, cũng như chưa ai tìm ra nguyên bản tiếng Đức của cuốn sách). Với nhan đề Đệ tam đích nhãn tình khán Trung quốc (nhìn Trung quốc qua con mắt thứ ba), tác giả vẽ ra một cảnh tượng thật bi đát: những thay đổi về kinh tế làm chủ thuyết Marx trở nên vô nghĩa và làm uy tín tinh thần của đảng Cộng sản cùng chính thể sụp đổ. Thêm vào đó, tham nhũng trầm trọng, xã hội hỗn loạn, luân lý suy đồi ... Nhưng theo tác giả, nguy hiểm hơn cả là những đoàn dân quê vô luật lệ tự do ra vào các thành phố mà tác giả gọi là núi lửa, thùng thuốc súng, có thể làm sụp đổ chế độ bất cứ lúc nào. Cuốn sách kêu gọi dùng những biện pháp thật mạnh để chấm dứt tình trạng vô luật lệ và triệt để cấm dân quê không được bỏ làng kéÔo nhau lên các thành phố. Tác giả không đưa ra biện pháp cụ thể nào khả dĩ giúp dân quê đủ sống để họ khỏi phải kéo nhau lên tỉnh. Theo nhiều nhà nghiên cứu, số nông dân không kiếm nổi sinh kế tại các miền quê ở Trung hoa có thể vượt trên mức 200 triệu trước khi nhân loại qua hết năm 2,000 (23).

* "Nghe nói nhà quý vị có em bé mới sinh?"

"Cũng chẳng mới gì. Cái cách nó khóc cho thấy rằng nó có nhiều kinh nghiệm lắm."

* "Trong khi tôi đang tắm thì vợ tôi bỏ nhà đi mất."

"Chắc bà ấy phải chờ hàng năm mới có cơ hội ấy."

3) Theo nhiều tài liệu từ Hoa lục, những lúc tương đối tỉnh, Đặng Tiểu Bình luôn luôn lo âu về tương lai cùng sự toàn vẹn của Trung hoa sau khi ông qua đời. Trong một cuộc trao đổi bên giường bệnh với người chiến hữu cũ, lãnh tụ lão thành Bạc Nhất Ba (Bo Yibo) khoảng giữa năm 1994, Đặng cho biết ông rất lo những xáo trộn tại các địa phương và căn dặn Bạc Nhất Ba lưu tâm đến những chia rẽ trong nội bộ đảng. Trong một huấn thị được công bố mùa hè năm 1994, Đặng nêu lên hai vấn đề nghiêm trọng cần được chú ý một cách đặc biệt: sức ly tâm tại các địa phương cùng những mâu thuẫn giữa hai khuynh hướng trị nước bằng luật lệ và trị nước qua lãnh tụ ở trung ương. Theo Far Eastern Economic Review, trong một văn kiện khác gửi các lãnh tụ cao cấp vào cuối năm 1994, Đặng đổi lại thứ tự các mối quan tâm của ông. Trong bản huấn thị có thể là cuối cùng này, Đặng cho rằng sự mất ổn định có thể tới từ ba phía: quân đội, chủ nghĩa địa phương, và các sắc dân thiểu số. Không phải Hoa kỳ, Nhật bản, liên bang Nga; không phải các việc tranh hải phận với Đông Nam Á hay khống chế Đài loan; giải quyết mâu thuẫn nội bộ để giữ toàn vẹn lãnh thổ mới là mối lo chính của Đặng trong những tháng cuối của cuộc đời (24).

B. Nhìn từ bên ngoài

1) Mùa hè năm 1994, Bộ Quốc phòng Hoa kỳ triệu tập một hội nghị có tính cách chiến lược về viễn tượng của Trung hoa sau Đặng Tiểu Bình và mời 20 trí thức, chuyên gia được coi là uyên bác nhất của Hoa kỳ về vấn đề Hoa lục tham dự. Mười chuyên gia trong số 20 vị ấy (50%) tiên đoán Trung hoa sẽ phân tán, chia ra nhiều mảnh. Sáu vị (30%) dự liệu một chế độ chuyên chế, nhiều phần là quân phiệt, cứng rắn hơn hiện nay. Chỉ có bốn vị (20%) hi vọng Trung hoa vẫn phát triển bình thường và tiếp tục những cải cách cần thiết về kinh tế, chính trị (25).

2) Cũng trong năm 1994, Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế (International Institute of Strategic Studies) ở London đưa ra một báo cáo chính thức về vấn đề Trung hoa. Theo những nhận định nêu lên trong bản báo cáo này, khả năng kiểm soát và làm chủ tình thế của Bắc kinh sẽ còn suy kém thêm nữa. Các địa phương, nhất là những địa phương trù phú, sẽ càng ngày càng hành động trên tư thế tự trị. Với số dân nghèo đói phải lưu động kiếm sống ở trên mức 130 triệu (và còn đang tăng thêm), Trung hoa có nhiều tiềm năng để trở nên hỗn loạn. Chuyện chia ra từng phần rất có thể xảy ra (26).

3) Đầu năm 1995, tạp chí China Business Review tổ chức một cuộc tham khảo ý kiến của trên 70 học giả, chuyên gia trong các đại học danh tiếng, các viện nghiên cứu, cũng như các cơ sở kinh doanh lớn ở Hoa kỳ và Hoa lục về viễn tượng Trung quốc năm 2010. Rất nhiều chuyên gia (thành phần đông đảo nhất) dự liệu sẽ có xáo trộn về kinh tế trong những năm cuối của thập niên 1990, kèm theo là hỗn loạn về chính trị, với hậu quả là một chế độ độc tài quân phiệt chủ trương bế quan tỏa cảng. Sau đó tới những chuyên gia dự phóng một Trung hoa phân tán: lãnh thổ chia thành nhiều vùng tự trị, thỉnh thoảng lại xung đột với nhau. Một số chuyên gia ít hơn dự đoán Trung hoa sẽ trở nên một cường quốc kinh tế quan trọng (vượt qua Nhật). Trong sinh hoạt chính trị, giai cấp trung lưu sẽ giữ một vai trò càng ngày càng đáng kể và cũng sẽ mạnh dạn hơn trong việc đòi các tự do căn bản (27).

4) Theo giáo sư Jack A. Goldstone, nguyên Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Đối chiếu (Center for Comparative Research) Đại học California tại Davis, sự sụp đổ của chính thể hiện tại là một điều không cách nào tránh khỏi. Trong một bài phân tích công phu với tựa đề Sự sụp đổ sắp tới của Trung hoa (The coming Chinese collapse) phổ biến trên Foreign Policy mùa hè năm 1995, ông chứng tỏ chế độ Hoa lục hiện nay đang phải đương đầu với rất nhiều loại áp lực: ngân sách thiếu hụt, trung ương bất lực, mất uy tín, không điều hợp được hành động của các địa phương, không kế hoạch hóa được nền kinh tế ... Nhưng yếu tố quan trọng nhất theo ý ông là chuyện không giải quyết được vấn đề thực phẩm cho thêm 15 triệu miệng ăn mỗi năm, hay thêm 300 triệu miệng ăn trong vòng 20 năm tới. Chẳng bao lâu nữa, những áp lực ấy sẽ đưa kinh tế và chính trị tới tình trạng sôi sục (28).

5) Dựa vào sự kiện Trung hoa tương đối thuần nhất cùng ý niệm quốc gia vẫn còn là niềm tự hào đáng kể, đa số các nhà phân tích loại bỏ một tình trạng tương tranh khốc liệt giữa một số tiểu quốc mới thành lập như ở Nam tư. Theo Far Eastern Economic Review, dù càng ngày càng xa trung ương, các địa phương trù phú vẫn giữ về tuân phục bề ngoài cùng vẫn sẽ hô hào thống nhất trên đầu lưỡi. Theo Kenneth C. Walker, nguyên Chuyên viên nghiên cứu tại Văn phòng Cố vấn Chính trị chính phủ Hong Kong, rất có thể những chia rẽ ở trung ương sẽ đưa đến một vài hình thức chính quyền tranh giành tư cách chính thống với nhau ở một số địa phương, chính quyền nào cũng tự nhận chỉ có mình mới đủ tư cách thay mặt toàn cõi Trung hoa. Tuy thế, sự kiện này không ngăn được các sắc dân thiểu số ở Mông cổ, Tân cương, Tây tạng ... đứng lên đòi tự trị (29).

6) Các nhà nghiên cứu liên hệ tới những hoạt động kinh doanh của ngoại quốc ở Trung hoa thường đưa ra một lối nhìn ít bi quan hơn. Viết trên Foreign Affairs số tháng 5 và 6-1996, vị Giám đốc Quản trị Phân bộ nghiên cứu về Á châu của Bankers' Trust là ông William H. Overholt cố gắng chứng minh rằng việc trao chuyển quyền hành sang thế hệ sau Đặng Tiểu

* Hai người ngồi trên máy bay nhìn ra cửa sổ nói chuyện với nhau.

"Nhìn kìa, người ta dưới kia trông như kiến ấy nhỉ."

"Kiến đấy. Máy bay còn ở trên phi đạo mà!"

Bình đang tiến hành đúng hướng. Theo ông, việc các địa phương xác định tư thế độc lập là một điều tự nhiên vì sau những năm tập quyền tới độ khủng khiếp dưới thời Mao, một số hành động tản quyền là cần thiết. Tuy thế, ông cũng nhìn nhận: Nếu tình trạng tiến bộ chung dừng lại, hay nếu tham nhũng và bất lực khiến chính quyền trung ương không thể cung cấp những dịch vụ cần thiết tới nông dân, Trung hoa sẽ trở lại hoàn cảnh trước 1949, khi các bất mãn sâu rộng tại địa phương đồng loạt bùng lên thành một phong trào cách mạng (28).

7) Không đồng ý với đa số các nhà nghiên cứu, một trí thức Trung hoa cho rằng Hoa lục có nhiều triển vọng tiến tới kỷ nguyên mới trong ổn định và hoà bình. Viết trên Foreign Policy số mùa hè năm 1995 dưới tựa đề Tại sao Trung hoa sẽ không sụp đổ (Why China will not collapse), giáo sư Huang Yasheng (Hoàng Nhã Thăng? Hoàng Nhã Thanh?) thuộc Phân khoa chính trị Đại học Michigan đã dựa vào một cuộc tham khảo ý kiến tạỳi Hoa lục năm 1990 để chứng minh rằng đa số dân Trung hoa hài lòng với chế độ. (Tỉ lệ dân xếp hạng chính quyền là khá tốt tới 57%, chỉ hơi thấp hơn ở Đức [với 65%], nhưng cao hơn ở Ý [53%] và Mễ Tây cơ [42%]). Trong một cuộc tham khảo ý kiến khác thực hiện năm 1987, 69% những người được hỏi đã trả lời: họ tin tưởng ở nhà nước. Ông cũng cho biết từ 1988, 4 phần 5 dân quê đã được bầu viên chức lãnh đạo ở địa phương, và nhấn mạnh tới điểm tuy lợi tức các tỉnh nội địa thấp hơn các tỉnh ven biển, tỉ lệ lạm phát trong nội địa cũng thấp hơn. Do đó theo ý ông, mức sống của nông dân những tỉnh nghèo vẫn cao hơn các thời trước (31).

Giáo sư Huang nêu ra một số điểm đáng lưu ý. Tuy nhiên, trong một nước chuyên chế như Trung hoa, những phát biểu về chế độ chính trị để phổ biến một cách công khai phản ảnh suy nghĩ đích thực của người dân đến mức nào cũng là một điều cần tìm hiểu thêm. Một trong hai cuộc tham khảo ông dựa vào để suy luận được thực hiện năm 1987, 9 năm trước đây và 2 năm trước biến cố Thiên an môn. Ông không đề cập đến vấn đề khả năng của chính quyền trước tình trạng bất an tại nông thôn hiện nay, cùng không tỏ ra quan tâm đến mối lo thiếu thực phẩm mà nhiều người cho là sẽ rất trầm trọng trong những năm sắp tới.

Nói tóm lại, trừ trường hợp giáo sư Huang Yasheng, đa số các nhà nghiên cứu cùng những người trong cuộc có một số ý niệm chung. Theo hầu hết những người đã từng để nhiều năm theo dõi chuyện Trung hoa, từ ngữ thích hợp nhất hiện nay để mô tả tương lai là: vô cùng bất trắc. Để làm tiêu biểu cho những lời phát biểu thật gọn, ta có thể kể câu nói sau đây của giáo sư A. Doak Barnett, Giám đốc chương trình Trung hoa tại trường Nghiên cứu Quốc tế Đại học Johns Hopkins, Cố vấn Hội đồng An ninh Quốc gia chính phủ Hoa kỳ: Hoa lục hiện nay như một người trên xe đạp hai bánh, cứ phải cố đạp tới, vì nếu không tới thêm sẽ ngã (32).■

Chú thích

16. John P. Burns, Strengthening the Central CCP Control of Leadership Selection : The 1990 Nomenklatura, China Quarterly, 38 (June 1994), trang 458-474.

17. South China Morning Post, 2 Sept. 1989 & 26 Nov. 1991. John P. Burns, đã dẫn.

18. Bruce Gilley, Local Talent : New Guangdong Governor Treads the Middle Way, FEER, 22 Feb. 1996, trang 20.

19. Lincoln Kaye, đã dẫn, trang 19.

20. Kathy Chen, Deng's Son Defends His Father, Signaling a Chinese Power Shift, The Wall Street Journal, 22 July 1996. 21. FEER, 11 May 1995.

22. Internal Report : China Risks Breakup Like Yugoslavia, FBIS, 20 Sept. 1993. Susan L. Shirk, trích dẫn trong Lincoln Kaye, đã dẫn, trang 19.

23. Đệ Tam Đích Nhãn Tình Khán Trung Quốc (Thái nguyên : Sơn tây xuất bản xã, 1994) Joseph Fewsmith, Book Review, J. of Contemporary China, 7 (Fall 1994), trang 100-104.

24. Tĩnh Minh (Hongkong) , 8-1994, trang 16-17. Inside China Mainland, 16: 10 (Oct. 1994), trang 7-10. Willy Wo-Lap Lam, Patriarch Releases Political 'Will', South China Morning Post International Weekly, 28 Jan. 1995. FEER, 2 Feb. 1995, trang 15.

25. Lincoln Kaye, đã dẫn

26. Jane Wong, After Deng, Can the Center Hold? Globe and Mail (Toronto) July 1994.

27. China in 2010, China Business Review, Jan-Feb. 1995, trang 16-17.

28. Jack A. Goldstone, The Coming Chinese Collapse, Foreign Policy, 99 (Sum. 1995), trang 35-52.

29. Kenneth C. Walker, China's Uncertainties, Asian Affairs, 26: 2 (June 1995), trang 185-186.

30. William H. Overholt, China After Deng, Foreign Affairs, 75: 3 (May-June 1996), trang 63-78.

31. Yasheng Huang, Why China Will Not Collapse, Foreign Policy, 99 (Sum. 1995), trang 54-68.

32. A. Doak Barnett, Political Overview, Reform and Development in Deng's China (Lanham, MD : Univ. Press of America, 1994), trang 17.

DALAT
LANDSCAPING
Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr PHƯƠNG
(714) 539-1603 * (800) 200-9848

CLINTON VÀ SADDAM HUSSEIN

Suốt tháng rồi, nếu quý vị họp mặt với bạn bè mà bí đề tài nói thì bất cứ ai cũng có thể nêu câu chuyện Saddam Hussein ra bàn cãi. Chỉ cần một câu hỏi cũng đủ giúp quý vị bàn cãi gay go và hào hứng cả ngày - Các cuộc thảo luận như vậy thường miễn phí, trừ khi sinh ẩu đả, như đã xảy ra ở quán Croissant Doré, khu Tiểu Sài Gòn, làm một cựu dân biểu ta phải vô nhà thương. Câu hỏi là: "Nếu ông, hay bà, đang ở địa vị Tổng thống Clinton, thì quý vị sẽ làm gì để đối phó với Saddam Hussein?" Đầu tháng, ông Hussein tiến quân lên phía bắc Iraq, giúp một nhóm người Kurd đánh đuổi một nhóm Kurd khác, nhóm sau đã từng được Iran ủng hộ. Ông Clinton đã bắn hỏa tiễn - từ xa - vào miền nam Iraq, đưa quân đến đóng thêm ở Kuwait, để đe Saddam chớ làm ẩu, rồi ... chờ. Nếu quý vị cố vấn thì quý vị sẽ khuyên ông ta gì?

Điều thứ nhất cần nhớ là một ông tổng thống Mỹ đang vận động tái cử thì quyết định ngoại giao nào của ông cũng phải xét sẽ ảnh hưởng đến việc tranh cử của mình ra sao. Nếu quý vị tuyên bố "Tôi sẽ hy sinh vụ tranh cử của tôi, đặt quyền lợi lâu dài của đất nước lên trên hết," thì xin giải tán, khỏi bàn tiếp. quý vị sẽ không hy vọng gì đắc cử tổng thống Mỹ! Các người làm tổng thống Mỹ họ không suy nghĩ như vậy. Nếu ông Clinton đôi lúc có nghĩ như vậy thì bà Clinton cũng không cho. Chánh văn phòng của ông sẽ chống, các cố vấn của ông sẽ phản đối. Nhất là các chính khách khác của đảng Dân Chủ sẽ nhất loạt phản đối chuyện mơ mộng vu vơ đó.

Nhưng nếu muốn được dân chúng kính trọng và bỏ phiếu cho mình thì ông tổng thống Mỹ phải tìm cách đề phòng đối thủ chính trị, không để cho họ có cơ hội chỉ trích. Để họ chỉ trích rồi thì tự bào chữa cũng sẽ rất khó khăn. Dân nước nào cũng thích nghe chỉ trích hơn là nghe bênh vực. Mà bênh vực chính phủ bằng các lý luận dài quá thì dân sẽ tắt ti vi đi ngủ! Trong tháng qua cựu Ngoại trưởng James Baker III đã chỉ trích Clinton phản ứng quá yếu đối với Iraq. Ông nói rất dễ hiểu: đáng lẽ Clinton phải tấn công vào quân Iraq ở phía bắc, nơi họ xâm phạm vào vùng đất của người Kurd, tại sao chỉ bắn hỏa tiễn vào các căn cứ ở phía nam? Ông cựu Baker III cũng nói cần phải bắn luôn các mục tiêu ở trong và ngoài thủ đô Baghdad để cho Saddam Hussein phải nghe tiếng nổ bên tai (Và nếu bắn trúng ngay vào tai ông ta thì tốt nhất. Như thế sẽ giải quyết luôn được nhiều vấn đề).

Nhưng có một thực tế khác, là nếu Mỹ tấn công vào miền bắc Iraq thì sẽ tổn thất nhân mạng. Thử tưởng tượng một vài phi công Mỹ bị rớt máy bay, bị Hussein bắt, rồi đem tẩy não, đưa ra trình diện trước Ti Vi (Đài CNN sẽ được mời đến thu hình) ngay trước ngày bầu cử 5 tháng 11. Chắc chắn nếu quý vị là ông Clinton thì cố tránh không để cho cảnh đó xảy ra.

Nói như vậy, chắc nhiều người chê Clinton ích kỷ, đặt quyền lợi tranh cử của mình lên trên quyền lợi quốc gia. Chính vì thế cuộc tranh luận sẽ rất hào hứng. Vì người bênh vực Clinton sẽ nói rằng tiến đánh Saddam, dù đánh tận Baghdad cũng không đạt được mục tiêu nào cả, ngoài chuyện đánh cho hả giận (Ai nỡ hi sinh mạng sống của quân đội chỉ cốt hả giận?). Đến đây thì sẽ dẫn đến câu hỏi "Mục tiêu của nước Mỹ ở Iraq là gì?" Phải, nước Mỹ có lợi gì đi đánh nhau ở Iraq?

Ở IRAQ, MỤC TIÊU CỦA MỸ LÀ GÌ?

Đó là câu hỏi mà ít có ai nêu ra, ngay trong báo chí của người Mỹ. Đây là một nhược điểm của giới truyền thông Mỹ mà James Fallows, tân chủ bút tuần báo *US News and World Report* đã vạch ra. Báo và đài ở Mỹ thường chỉ chú ý đến chuyện bề mặt, thiếu bề sâu. Họ hay đặt câu hỏi như "Vụ ném bom Iraq ảnh hưởng đến cuộc tranh cử ra sao?" Họ không chịu đặt câu hỏi có ý nghĩa xa hơn, như "Vụ này ảnh hưởng đến quyền lợi nước Mỹ thế nào?"

Giải thích được điều này cũng hơi khó. May quá, chính Cựu ngoại trưởng Baker III vừa nêu các lý do tại sao năm 1991 chính phủ Bush không tiến thẳng đến Baghdad bắt sống Saddam Hussein, tế cờ thị uy. Nghe ông nói thì chúng ta thấy, ít nhất mục tiêu của Mỹ ở Iraq không phải là thủ tiêu chế độ Hussein. Ông Baker trình bầy như sau.

Thứ nhất, đi bắt Sadam sẽ tổn thất nhiều nhân mạng. Ông nhắc độc giả nhớ lại hồi quân Mỹ sang Panama bắt Noriega, tưởng dễ như lấy đồ trong túi, thế mà cũng mất 15 ngày. Sức kháng cự của Noriega thì chưa bằng một phần nghìn của Saddam. Lý do thứ hai, là nước Mỹ không dại gì lật đổ Hussein. Lật rồi, Mỹ sẽ phải dựng lên một chính phủ thay thế, rồi phải lo bảo vệ chính phủ đó, giúp họ nuôi dân chúng Iraq cho khỏi đói, lo chống lại các nhóm phản đối sẽ được Iran hay Sirya giúp đỡ - giống như ở Việt Nam xưa. Mà nếu không lập một chính phủ mới ở Iraq thì chính phủ Mỹ sẽ chịu trách nhiệm để cho một

nước Iraq vô chủ, nội chiến sẽ xẩy ra làm nước đó tan hoang, rồi sẽ bị ngoại bang xâu xé, không ai kiểm soát nổi. Cả thế giới sẽ xỉ vả nước Mỹ nếu để cho cảnh đó xẩy ra.

Lý do thứ ba mà ông Baker III nêu ra là nếu đánh đổ Hussein thì chỉ có lợi cho Iran. Đối với Mỹ thì Iran mới là nước thù nghịch nguy hiểm. Và lý do sau cùng khiến Mỹ không đánh mạnh, là vì đồng minh của Mỹ sẽ bất đồng ý kiến. Năm 1991 Liên Hiệp Quốc trao sứ mạng giải phóng Kuwait đang bị Hussein xâm chiếm. Vì thế nên mới có liên quân đồng minh. Vượt ra ngoài sứ mạng đó, thì nhiều nước đồng minh sẽ từ chối, rút chân ra.

Ngày nay thực tế vẫn là nếu Mỹ bắn hỏa tiễn vào vùng thủ đô Iraq, nhiều nước trên thế giới đã phản đối sẽ chống mạnh hơn. Năm 1991, khi ông Baker III còn làm ngoại trưởng, tổng thống Bush ra lệnh tấn công hỏa tiễn vào Baghdad trừng phạt Hussein được, vì các nước đồng minh của Mỹ còn ủng hộ. Năm nay, tình hình khác năm 1991.

Trước đây năm năm, Hussein tấn công vào nước láng giềng Kuwait, ông ta đe dọa các nước Ả Rập chung quanh và Iran. Ông ta đe dọa cả nguồn tiếp tế dầu lửa cho Âu châu, Nhật Bản và cả Trung cộng. Năm nay thì ông ta chỉ mới đưa quân lên miền bắc thuộc lãnh thổ của xứ Iraq, rồi rút về ngay, không xâm phạm nước láng giềng nào cả.

Cả đến nước thân Mỹ nhất, như Ả Rập Sau Đi cũng đã phản đối việc Mỹ trừng phạt Iraq. Ngay nước Kuwait cũng không cho Mỹ đem máy bay đến để từ đó tấn công Saddam. Pháp, Đức đã phản đối, và tất nhiên Nga và Trung cộng thừa dịp lên án Mỹ, lấy lòng các nước Ả Rập. Nếu Mỹ làm mạnh hơn thì không khác gì thách thức các đồng minh của mình. Mà việc này thì có thể gây hại lâu dài cho nước Mỹ.

Vậy tại vùng Trung Đông người Mỹ chỉ cần đóng vai "sen đầm," canh gác cho các mỏ dầu lửa. Đồng minh chiến lược họ nhất thiết phải bảo vệ là Do Thái. Còn ai cai trị xứ nào, chế độ dân chủ hay độc tài, đối với Mỹ không hệ trọng. Các ông vua ở Saudi, Kuwait đi thi về nhân quyền liệu có đậu cao hơn Saddam Hussein chăng? Ông Hussein còn ngồi ở Iraq thì các nước trong vùng còn cần nhờ quân Mỹ đóng tại chỗ, điều mà trước năm 1990 Mỹ có xin cũng không được. Ngoài ra Mỹ còn được dùng phi trường ở Thổ, đóng chiến hạm với hỏa tiễn cruise ở vịnh Ba Tư, đúng là cảnh sát. Vịnh Ba Tư là "cái hồ lớn" bên cạnh Iran. Trong hơn một năm qua, Iran đã mua 10 chiến hạm của Trung Quốc, có khả năng bắn hỏa tiễn, đe dọa các giàn khoan dầu trong vùng. Họ đã mua tiềm thủy đĩnh Kilo của Nga, và tăng số hỏa tiễn phòng không SA-6 từ 4 lên 12.

Ngay các nước Ả Rập trong vùng cũng không thấy cần lật đổ Saddam. Nếu Saddam đổ thì a) Iran sẽ xâm nhập Iraq, giúp người theo giáo phái Shi Ai ở phía Nam ly khai; b) Bốn triệu người Kurd ở phía bắc sẽ tuyên bố độc lập (sau khi đánh nhau tranh quyền lãnh đạo), và sẽ khích động 10 triệu người Kurd ở bên Thổ Nhĩ Kỳ, vài triệu ở Armenie, và ba triệu ở Iran; c) Quân Syrie sẽ qua biên giới, thực hiện giấc mộng Đại Syrie (gồm cả Liban,) của ông Assad; d) dân

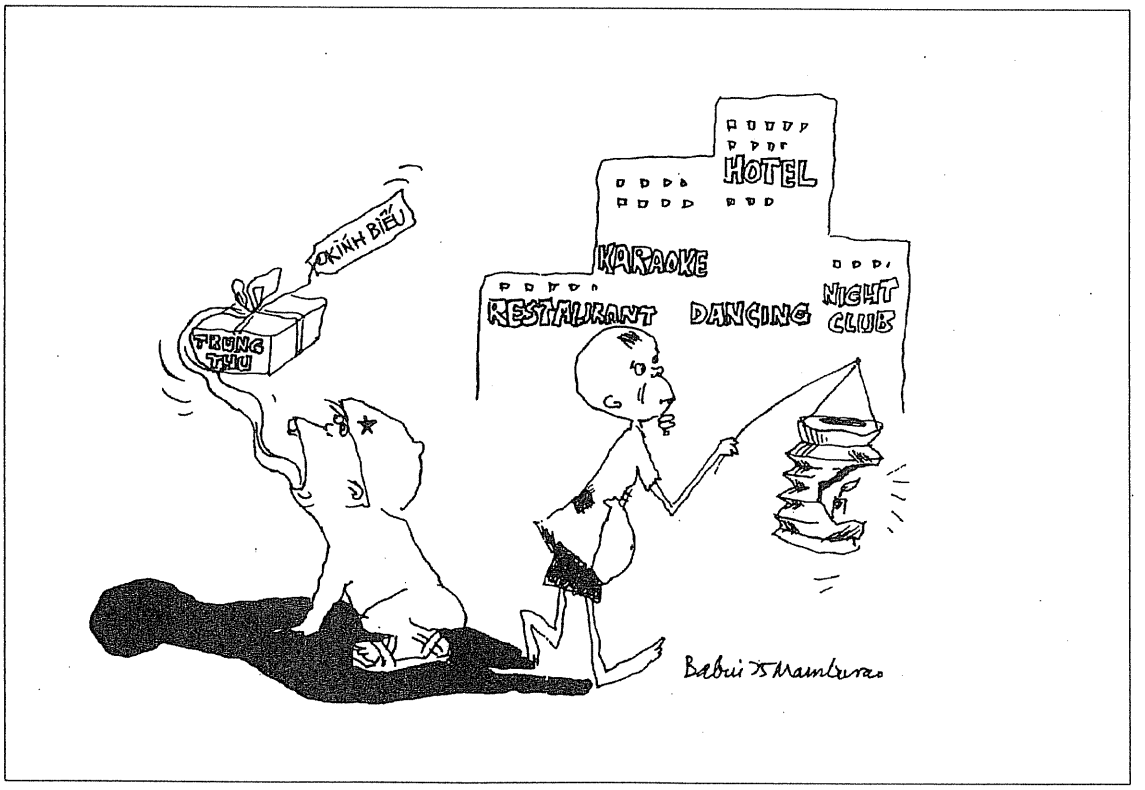

Iraq sẽ vượt biên tản cư sang tất cả các nước chung quanh; và d) Cuối cùng thì có một chính phủ mới, thân hữu, hiếu hòa hơn Hussein không? Không ai biết.

Đối với ông Clinton, còn một thực tế nữa là nhiều cử tri Mỹ bây giờ vẫn không biết nước Iraq ở đâu cả. Liệu việc Hussein giúp nhóm Kurd này đánh nhóm Kurd kia có quan trọng bằng trận đấu banh tuần tới không? Chúng ta biết rằng các ứng cử viên tổng thống Mỹ sẽ dùng rất ít thời giờ và tiền quảng cáo để bàn chuyện ngoại giao trong mùa bầu cử này.

NGUYỄN HUY THIỆP MỸ DU

Tác giả Tướng Về Hưu đã tới, thăm viếng nước Mỹ. Hai năm trước Dương Thu Hương cũng được cho phép đi Pháp, thì năm nay Nguyễn Huy Thiệp được xuất ngoại không có gì đáng ngạc nhiên. Khác với Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp không hay phát biểu ý kiến về thời sự chánh trị, ông đóng vai một nhà văn. Nguyễn Huy Thiệp tới nơi vừa lúc Đỗ Hồng Quân, nhạc sĩ, lên đường trở về, cùng với một phái đoàn trong đó có cả các kiến trúc sư, giám đốc xí nghiệp, nhà báo, v.v..

Một chuyến đi của nhà văn thường là những "đầu tư" dài hạn. Nhà báo thường sản xuất ngay một "du ký" sau mỗi chuyến đi, theo đơn đặt hàng. Nhà chính trị thường sử dụng thời giờ thăm viếng để sản xuất các lời tuyên bố, hoặc nẩy lửa, hoặc ba phải tùy theo nhu cầu. Nhà báo chính trị thì khi viết du ký sẽ tìm cách bầy tỏ lập trường chính trị để kiếm thêm điểm ngõ hầu còn đi chuyến sau.

Còn với nhà văn thì khác, dấu vết của những chuyến đi tai nghe mắt thấy phải chờ thời gian mới biểu hiện ra. Cũng giống như rượu bồ đào càng để lâu càng lên vị. Chúc Nguyễn Huy Thiệp chọn được thứ nho ngon!

Năm ngoái, một thi sĩ hay "nói chuyện chính trị trong thơ" là Nguyễn Duy, cũng đã đi thăm nước Mỹ. Nguyễn Duy có tài kể chuyện, nhớ chuyện, nhất là nhớ thơ, nên tới đâu cũng để lại những kỷ niệm khó quên với các bạn mới. Anh nói năng rất tự do, thoải mái, và các người bạn gặp anh cũng ngầm hiểu rằng không nên in ra hoặc phát thanh tất cả những lời anh nói. Năm nay Nguyễn Duy lại làm một chuyến Tây Du (đi Pháp) nhân dịp vở múa "Hạn Hán và Cơn Mưa" ra mắt. Nguyễn Duy soạn lời cho vở này.

Nhiều người từ Việt Nam đang được mời đi thăm nước Mỹ. Đi một vòng, nhìn thấy dân Mỹ "chúng nó" sống, lái xe, mua sắm, ăn "phát phút," quảng cáo thuốc trị mùi hôi, coi đánh banh, v.v. chắc người ta sẽ giải bớt một phần những huyền thoại, tốt cũng như xấu về nước Mỹ, về kinh tế tư bản, v.v.. Một phần thôi, vì đa số những vị đi thăm nước Mỹ không nghe, đọc và nói tiếng Anh. Họ quan sát người Mỹ qua các ống kính viễn vọng - như Galileo nhìn sao. Nhưng rất nhiều người tò mò muốn biết Mỹ nó là cái gì. Một vị giáo sư đại học Hà Nội ghé Cali nói đùa: "Tôi trình với họ rằng tôi nghe họ nói chế độ tư bản đang giẫy chết. Vì thế lý do tôi xin đi Mỹ để coi nó giẫy như thế nào. Lỡ mai nó chết rồi thì không còn dịp đi coi nó giẫy nữa."

Tham quan thực tế bao giờ cũng giúp giải bớt huyền thoại, bớt thành kiến và cố chấp. Cho nên ai cũng nên đi tham quan, không những đi Mỹ mà còn nên đi Đức, đi Mexico, đi Ruwanda, đi Kenya, đi Ý nữa. Có lẽ đi mấy nước kia còn hữu ích hơn đi Mỹ, vì người ta đến đó với tấm lòng ít thành kiến hơn, không ghét mà cũng không trông đợi nhiều quá. Giới trí thức thường lại là giới nhiều thành kiến, và thương cố bảo vệ thành kiến của mình nhất. Vì nói của đáng tội, tài sản đáng bảo vệ nhất của họ chính là... ý kiến! Mới nhắc đến Galileo, thử coi chuyện cũ...

CHUYỆN THÀNH KIẾN 386 NĂM TRƯỚC

Tháng Chín năm 1610, trong lúc ở bên ta các chúa Trịnh, Nguyễn đang lo chuẩn bị chiến tranh, thì ở bên Ý, Galileo dọn nhà tới sống dưới sự bảo trợ của dòng họ Medici tại Firenze - thường gọi là Florence theo lối Pháp. Ông mới công bố các phám phá về những thiên thể, nhờ một sáng chế mới của ông. Kính thiên văn giúp ông, ban đêm nhìn lên trời thấy nhiều điều mới lạ. Cuốn sách về Thiên thể in ra vào tháng Ba năm 1610, và ông đang có nhiều dự án mới, tiếp tục khai triển sự nghiệp mà Copernicus đã mở đường hơn nửa thế kỷ trước.

Nhưng phản ứng của "giới trí thức" đương thời đối với Galileo rất kỳ lạ. Họ còn chìm đắm trong cách nhìn thế giới của Aristote và Ptolemy. Không những họ không chấp nhận quan điểm của Copernicus, mà còn từ chối không thèm ngó vào cái kính thiên văn nữa. Trong một lá thư gửi cho Kepler ở bên Đức, Galileo kể: "...nhiều nhà trí thức ở đây... nhất định không chịu để mất nhìn qua vào cái kính thiên văn. Chúng ta biết làm sao bây giờ? Chúng ta nên cười hay nên khóc đây?"

Của đáng tội, cũng có vài giáo sư đại học nhòm thử vào cái kính thiên văn. Nhưng họ tuyên bố "chẳng thấy điều gì đáng gọi là có giá trị về phương diện triết lý cả!" Nói vậy cũng chẳng khác gì đưa ông Đỗ Mười đi coi Disney Land! Ông sẽ nói các trò chơi trong đó không làm sáng tỏ thêm chủ nghĩa Marx chút nào cả!

* Toto đang xem album gia đình, hỏi mẹ:

"Má nè, người trẻ tuổi đẹp trai mặc maillot đi cùng mẹ trên bờ biển là ai vậy?"

"Than ôi," bà mẹ buồn rầu nói, "đã hai mươi năm rồi. Ba của con đấy."

"Đó là ba? Vậy ông già sói đầu đang ở trong nhà này là ai vậy?"

Nhưng giới trí thức đầu thế kỷ 17 còn nhiều phản ứng lạ hơn nữa. Có người nói rằng kính thiên văn chắc chắn cổ nhân đã chế ra rồi, hiển nhiên, vì "các cụ" làm gì cũng giỏi. Nhưng tại sao trong "Tứ Thư Ngũ Kinh" của các cụ không nói gì đến kính thiên văn? Điều đó càng chứng tỏ kính thiên văn vô giá trị! Lý luận cách này siêu việt không thua gì ông Đào Duy Tùng ca ngợi chủ nghĩa Mác! Chưa hết. Một nhà trí thức đương thời còn "phát giác" rằng chính Aristote đã phát minh ra kính thiên văn! Vậy mà "ngài" không dùng đến nó, thì lại càng chứng tỏ nó vô dụng!

Nhưng chuyện Galileo nhìn vào kính thiên văn, khám phá ra các hành tinh mới, có cả vệ tinh nữa thì sao? Một "nhà trí thức có lập trường kiên định" đã bác bỏ như sau: "Thưa ngài, tại sao trong chúng ta có bẩy đức tính? bẩy tội trọng? Kinh sách nói có bẩy cây nến của Mai Sen? Bẩy tầng trời? ... Phải chăng cũng có bẩy kỳ quan của thế giới? bẩy ngày sáng tạo ra vũ trụ? bẩy tai họa Trời phạt?... Do đó, thưa Ngài, không thể nào có nhiều hơn bẩy tinh tú trên bầu trời!" Đọc luận cứ hùng hồn đó thấy không khác gì luận chứng vững vàng của *Tạp Chí Cộng Sản* hay báo *Nhân Dân*!

Nhưng tại sao các nhà trí thức đương thời lại cố ôm chặt lấy các huyền thoại và thành kiến, trong khi Galileo chỉ cố gắng mời họ nhìn vào sự thật một cách khiêm cung? Cái này thì có thể giải thích bằng kinh tế thị trường.

Các nhà trí thức cũng có quyền lợi. Thí dụ lãnh lương. Những phát giác và cách giải thích mới về vũ trụ của Galileo sẽ đánh đổ tất cả những sở học, sở tri, các tủ sách, các lý thuyết của tất cả các vị giáo sư triết học và khoa học đương thời! Nhiều đại học sẽ trở nên trống rỗng (cả vật chất lẫn tinh thần!). Năm 1592 Galileo

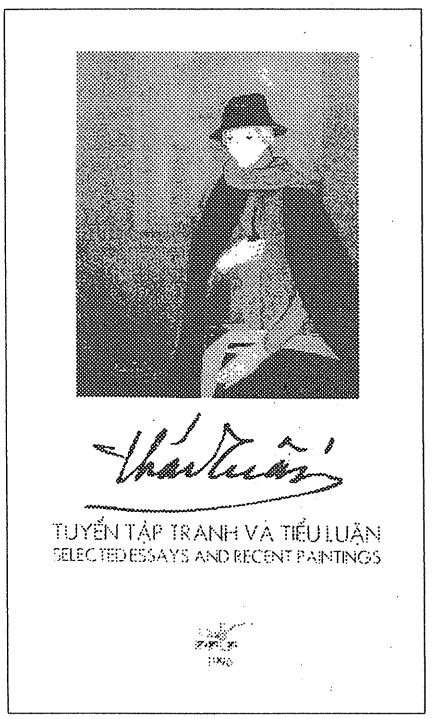

THÁI TUẤN
Tuyển tập tranh và tiểu luận

100 trang giấy trắng mịn, khổ 9" x 12", với 30 tranh mới nhất và 20 bài tiểu luận về nghệ thuật tạo hình (trong đó có năm bài do Nguyễn Ngọc Bích dịch sang Anh ngữ) của Thái Tuấn, cùng các bài nhận định, giới thiệu, đề tặng của Huỳnh Hữu Ủy, Nguyễn Đồng, Võ Phiến, Lê Uyên Phương.

"Khuôn mặt của Thái Tuấn nổi bật giữa nền nghệ thuật đương đại, giữa những chân dung khác như Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Trung, Nguyễn Phước, Trịnh Cung, Nguyễn Gia Trí... Thái Tuấn là một họa sĩ đam mê nghề vẽ của mình, đã hiến hết đời mình cho thế giới của cái đẹp một cách vô cùng trân trọng." **(Huỳnh Hữu Ủy, "Ghi Chú Thêm Về Thái Tuấn")**

Giá: US$32.00 (thêm US$1.50 cước phí: trong nước Mỹ, hạng tư; ngoài nước Mỹ, tàu thủy). Ngân phiếu đề trả cho "VAALA."

PHIẾU ĐẶT MUA SÁCH THÁI TUẤN

Họ tên: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....
Đính kèm chi phiếu / lệnh phiếu US$..... trả cho "VAALA."
Liên lạc:
VAALA, 11022 Acacia Pky #A, Garden Grove CA 92840 USA
ĐT (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944

được mướn làm giáo sư toán ở Đại học Padua, lương 180 florins một năm, sau tăng lên 520 đồng. Trong khi đó một giáo sư Triết uy tín lãnh 2 000 florins. Hai chục năm sau, đã nổi tiếng, Galileo mới được tăng lương lên 1 000 florins.

Cho nên khi nhìn thấy các người có học, địa vị cao trong xã hội, mà lại đầy thành kiến, chúng ta sẽ thương họ hơn là giận.

TALK SHOW: TẬP NÓI CÔNG KHAI

Dân Á châu đang học nói công khai các chuyện vẫn nói thì thầm, cũng là một cách để dần dần làm quen với việc góp ý kiến của mình vào đời sống cộng thể. Bắt đầu bằng các "talk show" - đọc là "toóc sâu," nghĩa là các chương trình phát thanh mà xướng ngôn viên mời thính giả trực tiếp gọi vào đài để nói chuyện, góp ý kiến, tranh luận, cho tất cả công chúng cùng nghe.

Ở Thái Lan và Đài Loan, các chương trình talk show phát triển cao hơn cả. Các chương trình dám đặt các đề tài chính trị, cùng một nhịp với quá trình dân chủ hóa ở hai xứ đó. Ở lục địa Trung Hoa, Indonesia, Mã Lai, các talk show còn rất dè dặt, còn nhiều điều cấm kị, nhưng cũng là nơi dân được nói xả hơi, nên vẫn rất ăn khách.

Cách đây năm năm, ở Thượng Hải chỉ có một đài phát thanh. Dân chẳng thèm nghe, vì chưa nghe ai cũng biết nó sẽ tuyên truyền những gì. Năm 1992, một đài mới, đài Phương Đông ra đời, có talk show, vui quá. Từ đó đài phát thanh Thượng Hải cũng phải theo để cạnh tranh.

Ở Thượng Hải họ bắt đầu rất dè dặt: cho phép thính giả gọi vào đài than phiền về các món hàng mua về mới thấy phẩm chất xấu, than về các cửa tiệm khinh thường khách hàng, v.v.

Một chương trình ăn khách nhất ở Thượng Hải là mục "Người bạn lúc rạng đông" do cô Diệp Hạ phụ trách, từ nửa đêm đến sáu giờ sáng. Đó là một chương trình "Gỡ rối tơ lòng" kiểu Bà Tùng Long hay chị Bích Hà trên làn sóng điện. Thính giả có thể gọi vào hỏi ý kiến về tình yêu và hôn nhân. Có những lúc câu chuyện bỗng nhiên rất hấp dẫn. Như khi một cô gái gọi vào, hốt hoảng hỏi cô phải làm gì, khi bị người tình dọa đâm - bằng kéo? Hỏi thêm mới biết tình nhân của cô lớn tuổi và đã có vợ! Hỏi nữa mới nghe cô thú nhận ông ta cũng là thủ trưởng của cô! Diệp Hạ khuyên: "Đi báo cảnh sát ngay! Còn chờ gì nữa?" Ngày hôm sau cô gái gửi quà đến cảm ơn lời khuyên quý hóa đó!

Ở Thái Lan, các talk show ăn khách đã được chính trị hóa từ năm 1992, khi quân đội đàn áp sinh viên và dân chúng biểu tình. Người ta gọi vào các đài tivi và radio bầy tỏ lòng phẫn uất. Cô Monthanee Tantisook chủ trương một talk show trên Đài phát thanh của Quân đội Thái. Khi ông thủ trưởng đề nghị cô tạm ngưng chương trình đàm thoại để cho chạy nhạc êm dịu, cô từ chối. Cô nói "Làm sao có thể hát nhạc yêu đương trong lúc người ta đang bị giết ngoài đường thế kia!"

May mắn cho nền báo chí, truyền thanh xứ Thái, là vị thủ tướng xử lý lúc đó đã khuyến khích dân chủ, cho dân chúng được tự do phê bình chính trị! Nên nhớ các đài phát thanh ở Thái bây giờ vẫn thuộc sự kiểm soát của chính phủ - nhưng họ không chịu làm nô lệ của các người đang cầm quyền. Đáng ca ngợi hơn nữa là trình độ dân trí cao ở Thái Lan. Họ can đảm gọi vào đài, nói thẳng hết, không sợ hãi!

Ở Indonesia thì các đề tài cũng bị hạn chế, như vấn đề vệ sinh trong chuyện gối chăn, các chuyện luân lý, gia đình, v.v. Nhưng các đài phát thanh, từ thủ đô trước, sau lan ra các tỉnh, cũng bắt đầu chấp nhận thính giả gọi vào để phê bình các cơ quan nhà nước. Radio Mara ở Bandung do một sinh viên tranh đấu thời xưa thành lập, đã làm công tác giáo dục dân chúng về các quyền của họ đối với các quan chức. Một võ khí của người dân trong chế độ độc tài là óc hài hước. Chẳng hạn, cuối tháng Bẩy vừa qua, chính phủ Indonesia đàn áp các người biểu tình, đổ cho họ tội theo cộng sản - điều này không ai tin. Trong một chương trình về ngừa bệnh phong tình, các thính giả được mời góp ý coi cái condom nhãn hiệu nào an toàn nhất. Nhiều thính giả gọi vào khen là loại "áo mưa" do chính phủ làm là an toàn nhất. Một thính giả khác góp ý: "Chắc chắn rồi. Cái gì chứ chuyện "an ninh" là nhà nước ta phải đứng số một! Có khi dùng mấy cái áo mưa đó mà ngăn ngừa cộng sản cũng được nữa!"

Từ Hồng Kông, Đài Loan, đến Thái Lan, và Trung Hoa lục địa, đề tài ái tình vẫn được người ta nghe và bàn nhiều nhất. Cho nên các chương trình ban đêm rất đông thính giả tham gia. Cũng có nhiều người gọi vào nói bậy bạ không khác gì các chương trình nửa đêm về sáng ở Tiểu Sài Gòn! Những kẻ nói bậy bị đài cắt ngay. Nhưng chính phủ Đài Loan cũng truy tố nhiều đài phát thanh ra tòa. Tòa án đã phạt đài Tiếng Nói Đài Bắc nhiều lần về tội xâm phạm thuần phong mỹ tục vì để thính giả tiết lộ chuyện phòng the!

Dù có những lạm dụng đáng than phiền, dân được nói tự do vẫn hơn là bị khóa mồm khóa miệng. Vì sau cùng, các thính giả cũng biết phân biệt phải trái, xấu tốt, chính họ sẽ lựa chọn. Đài nào đứng đắn sẽ thu hút thính giả đàng hoàng, người gọi vô nói, đồng thanh đồng khí cũng đàng hoàng hơn. Trâu tìm trâu, ngựa tìm ngựa. Đó chính là thị trường. Dùng luật pháp và tòa án để ngăn ngừa cái xấu, đó là bổn phận của nhà nước. Nhưng nhà nước đủ tự tin thì cứ cho dân tự do, ăn nói tự do. Khi Thượng Hải đã có Talk Show thì chắc là không bao lâu Hà Nội và Sài Gòn chắc cũng có! Khi đó các bạn hàng Chợ Đồng Xuân sẽ gọi vào đài than phiền nạn bất công, thay vì phải đi biểu tình! ■

http://kicon.com/VNCR

TÂM NÃO VÀ TÂM

Chuyện bên lề tâm học thế kỷ 21

NGUYỄN KẾT

(tiếp theo)

5. Giống và Khác

Khi phân biệt, một cách tương đối, những khám phá thực nghiệm và các giải thích triết học trên chúng, chúng ta sẽ thấy là khoa học tây phương và đạo Phật có rất nhiều điểm trùng hợp. Trước hết là một nhận thức Phật giáo làm các khoa học gia rất ngạc nhiên, đó là đạo Phật vẫn cho rằng thân xác nói riêng và môi trường nói chung có ảnh hưởng mạnh mẽ trên tâm. Thật ra thì cần hiểu sơ qua khái niệm nghiệp báo và mô hình thân-tâm của đạo Phật, người ta thấy ngay mình bị xem như một robot hành xử theo a/ một "prôgram" do chính nó làm sẵn trong quá khứ và b/ các tác động, kích động hiện tại như điều kiện phụ trợ. Prôgram này hình thành như sau.

Mỗi hành xử thuộc ba phương diện thân xác, ngôn ngữ và đặc biệt tâm ý khi phát sinh thì tạo ra một chấn dội, một tì vết (Skr. *vasana)* hoặc, để mượn ngôn ngữ vật lí, một vectơ chuyển động trong thân-tâm, và tổng số trong từng khoảnh khắc của "vectơ nghiệp" sẽ qui định tương lai có-thể-có là như thế nào. Ý chí tự do ở đây do đó cũng rất mờ nhạt như trong khoa học; nó — và đây là điểm nằm ngoài khả năng khoa học tây phương hiện nay — chỉ dần dần có vai trò quan trọng với nỗ lực hiểu biết thể tính của thực tại nơi chính mình, tức càng hiểu biết nhiều thì ý chí tự do càng rõ nét. (16)

Mô tả này, có thể nói là giống lạ lùng — như có người cũng vừa giải thích *(Giao Điểm* số 22) — với khám phá mới về vai trò quyết định của yếu tố di truyền trong việc thân xác định hướng tương lai qua việc tạo ra các kháng thể. Dù sao, nó cũng giúp hiểu là không phải tình cờ mà sách lược điều chỉnh, "tái thảo chương" thân-tâm trong tâm lí học Phật giáo được thẩm định là có rất nhiều điểm giống với, và thích hợp hoặc có thể thích hợp cho, lí thuyết và thực hành của trường phái tâm lí học được biết là khoa học nhất, tâm lí học hành xử. (17)

Một khác biệt cần lưu ý — để không gây cảm tưởng đạo Phật là một tông giáo duy vật — là thân xác trong quan niệm Phật giáo hoàn toàn không giống như quan niệm tây phương. Trong quan niệm duy vật, vật chất được tin là đã tiến hóa thành thân xác có sự sống, và chẳng những thế, sự sống hữu thức. Nhớ đến những dữ kiện như xác xuất $1/10^{40000}$, chúng ta khó mà không nói về khả năng này là quá huyền bí, hoặc quá thiêng thánh! Trong định nghĩa Phật giáo, vật chỉ đơn giản là vô tri vô giác. Thân như thế không chỉ là vật, mà là vật trong sự gặp gỡ, giao thoa với tâm (những dạng tâm-không-vật không phải là người hay thú), với nhiều "lớp" hay bình diện *(kosha)* và chỉ nơi các "lớp" ít vi tế, thấy được bằng mắt (và các dụng cụ nối dài như kính hiển vi v.v...) thì yếu tố tâm mới lu mờ hơn so với yếu tố vật. Hệ luận là, nếu các "vectơ nghiệp báo" thật sự có liên hệ với các kháng thể thì cái sau chỉ có thể là bóng dáng, hoặc hình chiếu của cái trước trên mặt vật lí. Không thể xem chúng như đồng nhất rồi do đó nói rằng Tâm trong quan niệm Phật giáo là tổng hợp của các tế bào mà nhà khoa học "đo được"!

Nói theo ngôn ngữ ngày nay thì thân xác trong quan niệm Phật giáo là một phân bố năng lượng tâm-vật lí, có trung tâm là các cơ quan sinh lí vi tế nhất, các *chakra* (tịnh sắc căn, gần như là hư không thuần túy và như thế, giống *vacuum* của vật lí học, chỉ có thể nhận biết gián tiếp, trừ phi tâm thức người khảo sát được tinh luyện đúng mức). Các "hồ năng lượng" này cùng hệ thống vận chuyển năng lượng từ chúng ra toàn thân v.v... được Đại thừa giáo Ấn-Tạng mô tả rất chi tiết, và rất khoa học hiểu theo nghĩa nó có tính nghiệm giả cao độ. Vì chúng trùng hợp với lối mô tả của khoa học tây phương nên bị xem như những hình ảnh sai lạc của các cơ quan sinh lí, mạch máu, giây thần kinh v.v... *nếu* các phương thức trị liệu và tụ tập đặc biệt đặt căn bản trên nó — đó là phần lớn y học Phật giáo (18) và rất nhiều thiền pháp mật tông (sự định tâm trên các kinh mạch và trung tâm năng lượng để loại trừ dần ảnh hưởng mạnh mẽ của thân trên tâm) — chỉ có những hiệu dụng thuộc phạm vi giải thích của khoa học tây phương mà thôi.

Dù sao, mô tả này cũng cho thấy sự giống nhau cao độ giữa mô hình Phật giáo này và khoa học tây phương, đáng nêu ra ở đây là liên hệ mật thiết giữa ý thức và não bộ: các *chakra* là nơi tâm *(citta)* được "thấy" rõ nhất trong thân, và *sahasrara-chakra,* chakra vi tế, đa năng nhất, trung tâm phát sinh và hoạt động của các tầng lớp của ý thức (do đó còn được gọi là "hoa sen," biểu tượng của Giác ngộ), thì có hình chiếu vật lí nơi não bộ. Do đó, *chakra* này từ lâu đã được dịch là "Brain Centre". Lama Govinda, một trong những người tây phương đi xa nhất vào tinh hoa Phật giáo, chẳng hạn đã viết, "Thức của

một Trung Tâm Não Bộ chưa giác ngộ thì có tác năng nhận thức phân biệt nhưng lại thiếu sự thống hợp các năng lực sáng tạo của đời sống và sự tự nhiên như nhiên." (19)

Phát biểu của Lama Govinda phản ánh một quan điểm có thể nói là điển hình của người Phật giáo: khoa học tây phương khảo sát các thân-tâm hoạt động trong giới hạn của các tầng lớp, trạng thái của ý thức lệ thuộc mạnh mẽ vào cơ sở sinh lí, và các kết luận của nó cũng nằm trong giới hạn đó. (Tất nhiên quan điểm này không thể gọi là nghiêm túc trừ phi tâm học Phật giáo có nền tảng khoa học).

Để đi sang một phác họa về các trùng hợp trong hiểu biết về chính ý thức, chúng ta nhớ rằng tin tưởng bẩm sinh của con người từ Đông sang Tây là ý thức phụ thuộc vào hoặc là thuộc tính của, bản ngã hay cái tôi. Sự kiện này trở nên hiển nhiên với những câu nói như "tôi là một cá nhân có ý thức" hoặc "tôi có ý thức về...", hoặc với định nghĩa về bản ngã "của tôi" như một thực tại thường trụ trong thân xác "của tôi" và là chủ thể tạo ra các ý định, tri giác và nhận thức "của tôi."

Nhưng những trình bày ở trên cho thấy là ý thức, theo khoa học tự nhiên hiện nay, *không* thuộc về bản ngã. Khám phá quan trọng này đúng là điều đạo Phật đã nói đến ngay từ thời Phật. Ý thức *(mano-vijnana)* thì thuộc về tâm thức, phạm trù "cái biết" của tâm thức vốn là một trong năm thành tố hay dòng hiện tượng mà sự gặp gỡ, pha trộn, chồng chất của chúng tạo ra một phức thể thân-tâm (năm dòng hiện tượng này là *sắc* hay hình thể-màu sắc, *thụ* hay cảm thụ, tưởng hay tri giác, *hành* hay tâm hành, và *thức* hay tâm thức). Còn bản ngã là một trường hợp đặc biệt của hành uẩn *(samskara-skandha; compositional factor)* (20) — theo định nghĩa là các xu hướng ý chí, các hoạt động hay lực tạo tác nội tại.

Sự phân biệt này và định nghĩa quen thuộc của Phật giáo về ý thức — rằng bên cạnh tác năng nhận thức tổng quát, ý thức có khả năng nhận diện, lọc lựa, phối trí các thông tin thu nhận được từ các giác quan theo một cách thế phù hợp với kí ức, xu hướng, ảnh tượng nội tâm v.v... — cho thấy một cách khá rõ ràng là, trong quan niệm Phật giáo đã hàm chứa một số nhận thức quan trọng suy ra từ các dữ kiện thần kinh học về ý thức, kể cả cái mà Benjamin Libet gọi là "khả năng phủ quyết." (21)

* "Tôi rất ghét lơ lửng trên trời trong một chiếc máy bay."
"Còn tôi, tôi rất không thích lơ lửng trên trời mà không ở trong một chiếc máy bay."

* "Ban đêm khi em bé của chị khóc thì ai thức dậy?"
"Tất cả những người hàng xóm."

Để có một ý niệm căn bản và tổng quát hơn về sự giống và khác-nhưng-không đối-nghịch với *dữ kiện* khoa học, chúng ta đề cập đến toàn thể tâm thức và một trường hợp nó liên hệ với tâm hành hay hành uẩn. Tâm thức gồm tất cả sáu dạng chính, đó là nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, và ý thức ("cái biết" đặt căn bản trên — chứ không phải của — mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý). Lối phân chia này hiển nhiên kì quặc đối với người chỉ quen thuộc với truyền thống tây phương, trong đó năm thức đầu được xem như kinh nghiệm cảm quan hay giác quan, lệ thuộc vào, chứ không thể ở cùng bình diện tác năng với, ý thức (như quan niệm Phật giáo).

Tuy nhiên mô hình này không vi phạm bất kì định luật khoa học nào, và trong ánh sáng của các khám phá mới đã được trình bày ở trên, thì chúng ta thấy người Phật giáo rất có lí xem các 'kinh nghiệm cảm quan' như có vị thế độc lập *tương đối* với ý thức. Sự kiện một kích động giác quan được chúng ta cảm biết tức khắc nhưng *cái tôi* của chúng ta chỉ biết đến sau đó 0.5 giây, hoặc hoàn toàn không biết nếu kích động này không đủ mạnh, do đó không có gì lạ. Như đã nói, kinh nghiệm này làm các nhà thần kinh học lúng túng và có người đã nghĩ đến một hình thức tương tác ngược thời gian, (và như thế đúng là huyền bí), giữa ý thức và não, chỉ vì truyền thống tư duy tây phương đồng nhất ý thức và bản ngã.

Một minh họa cho thấy tính khả dụng cao độ của mô hình này là kinh nghiệm mộng du. Trong trường hợp này, theo mô hình Phật giáo thì các trạng thái ý thức có liên quan đến cảm thức ngã nơi chúng ta chìm xuống hoặc bị "đẩy ra phía sau", và tâm hành trở về với trạng thái căn bản của nó. Ngã, như trường hợp đặc biệt của nó không còn nữa. Sự cộng tác giữa tâm hành và trạng thái này của tâm thức do đó khiến cho một đứa bé có thể bò xuống giường, len lỏi giữa rừng đồ chơi, đến toilet làm công việc vệ sinh, bước ra (cả bước vào lẫn bước ra đều *có thể* không vấp chân vào thành cửa hoặc một đồ vật nào đó, nhờ "cái biết" của năm thức cảm giác) rồi đứa bé có thể trở về giường bình yên và ngủ tiếp, mà hoàn toàn ý thức không hay biết gì cả.

Có thể nói đây là cực độ của dạng kinh nghiệm hầu như luôn xảy ra trong sinh hoạt thường ngày, trong đó chúng ta làm mà hoàn toàn không biết mình làm. (Và thử nghĩ đến hai võ sĩ, kiếm sĩ trong khi giao đấu, hoặc những phản ứng của chính mình trong những trường hợp thập tử nhất sinh, v.v... chúng ta có thể thấy đóng góp của truyền thống tu tập Thiền tông ở Nhật Bản, ví dụ, trong Kiếm đạo.)

Với "tâm hành" được thay bằng "một bộ máy xử lí thông tin" *(information- processing m.)*, giải thích của chúng ta sẽ biến đổi một ít và trở nên một cách giải thích, mà các nhà khoa học nói đến một cách hãnh diện. Theo thuyết này, bản ngã là một mô hình, một prôgram mà não bộ như supercomputer tùy trạng huống mà chọn cho chạy. Nhưng cần lưu ý, một lần nữa, rằng não

như một supercomputer là một giả thiết tuy khả dụng nhưng chưa có căn bản thực nghiệm thật sự vững chắc — theo một ước tính lạc quan thì khoa học chưa biết được 1/10 những gì xảy ra trong não — và cho dù như thế thì Tâm, như tổng thể các prôgram do vật mà do chính não bộ tạo ra, vẫn là điều cần phải chứng minh.

Chúng ta đi đến nhận thức về chính bản chất của bản ngã. Trong cách tin tưởng thông thường và sâu thẳm nơi chúng ta, bản ngã có nghĩa như một linh hồn biệt lập, khác biệt chất thể với thân xác, và bất biến (tôi-10-tuổi không khác gì với tôi-70-tuổi và do đó có thể tồn tại mãi mãi). Theo dụng ngữ Phật giáo, đó là tự ngã *(atman)*, cái ngã hữu chất hay có tự thể *(svabhava; intrinsic/inherent natur)*. Điều làm đạo Phật trở thành đầy đe dọa đối với nhiều người là, mục tiêu tối hậu của mọi hệ thống triết và tâm lí học Phật giáo là phá cái chấp đó.

Trong việc mô tả và giải thích cấu trúc và hoạt động của não bộ, nhà khoa học cho đến nay vẫn *không thấy có* bất kì dấu hiệu nào về sự cần thiết của một cái tự ngã như thế. Dạng kinh nghiệm mà mộng du là đại biểu, quả thật cho thấy rằng bản ngã không phải là một thực tại cố định, bất biến. Và như đã dẫn, các khám phá mới về ý thức đã khiến nhà khoa học cũng khẳng định rằng "Bịa đặt những chuyện về cái tôi và thế giới của nó, là công việc chính của ý thức."

Ở đây có lẽ nên mở một dấu ngoặc, rằng khoa học tây phương *không thấy có* tự ngã, chứ không phải là *thấy không có* một tự thể nơi bản ngã (cũng như nơi các hiện tượng khác). Trong luận lí học Phật giáo, hai điều này không phải là một. Hễ đủ khách quan và triệt để thì *mọi* phân tích thuần lí đều có thể đi đến việc không thấy có tự thể. Nhưng để thấy rằng tự thể không có thì phải qua một tiến trình tu học lâu dài. Sự kiện phân tích khoa học không tìm thấy thực chất, tự thể nơi các hiện tượng như thế có thể nói là đã được tiên đoán trước. Nhưng mặt khác, từ *không thấy có tự thể* mà kết luận rằng ngã, ý thức v.v... do não bộ làm ra (hoặc như trường hợp một trường phái vật lí cho rằng các thực tại lượng tử như electron, quark v.v... thuộc về một thế giới hư ảo hoàn toàn khác biệt với thế giới cụ thể, có thật của đời sống thường ngày) thì người Phật giáo sẽ cho là không hợp lí.

Dù sao thì phát biểu trên cũng tưởng chừng như được rút ra từ kinh sách Phật giáo — Kinh Nhập Lăng Già, ví dụ, đã có một câu *gần như* giống hệt: "Chính vì hoạt động của Tâm Phân Biệt *[The Discriminating-Mind,* tức ý thức] mà sai lầm phát khởi, [chấp trước về] một thế giới độc lập với nhận thức phát sinh và ý niệm về một hồn linh biệt lập bất biến được tạo lập." (22)■

(còn tiếp)

Chú thích:

(16) Liên quan đến sự lãnh nhận nghiệp báo từ các kiếp sống trước thì vấn đề không còn đơn giản như phác họa ở trên (và tất nhiên không còn có thể nói là giống khoa học). Duy thức học nói đến một kho chứa gọi là Alaigia thức. Triết hệ Trung đạo thì cho rằng, do hiện tượng không có thể *(inherent natur)* nên sự chết, sự chấm dứt một kiếp sống cũng là một diễn trình chứ không xảy ra tức khắc. Một kho chứa theo đó là ý niệm không cần thiết khi mà "tổng vectơ nghiệp báo" dễ hiểu là cũng không thể từ có biến thành không, vẫn đủ sức định hướng và khuôn nắn kiếp sống kế.

(17) Padmal de Silva, "Phật giáo Áp dụng và Tâm lí Trị liệu", Vũ Nguyên Khang dịch *Giao Điểm* số ?. Nt. "Buddhism and Behaviour Change: Implication for Therapy", trg. Guy Claxton (ed.), *Beyond Therapy: The Impact of Eastern Religions on Psychological Theory and Practice* (Wisdom, London 1986) tr.219-31. Điều này cũng được Daniel Goleman gián tiếp nói đến trong *MindScience,* tr.91-102.

(18) Y học là một trong bốn "ngoại minh," cùng với nội minh (triết và tâm lí học Phật giáo) hợp thành Ngũ minh hay năm tri thức cần thiết cho sự thực hiện lí tưởng đại thừa. Ở Á đông, dù thời nào cũng có những tu sĩ giúp đời bằng việc chữa bệnh nhưng dường như sự thực hành y học dựa trên triết và tâm lí học Phật giáo vẫn chưa bao giờ có (tôi không đọc được tài liệu Hán-Việt, chỉ dựa trên cách Ànội minh' được thực hành ở đây v.v., mà suy đoán, khác với trường hợp như Ấn Độ và Tây Tạng, nơi y học cũng là một truyền thống có thể nói là không đứt đoạn bắt nguồn từ Phật giáo Sơ kì. Phật nhiều lần và tùy trạng huống mà chỉ dạy sự tự trị liệu bằng thiền tập hoặc đề nghị sự sử dụng y dược. Sự trị liệu cho người ngoài tăng đoàn có khi bị lạm dụng hoặc làm một số tu sĩ xao lãng việc tu tập, và *những người này* bị Phật nghiêm khắc chỉ trích. Sau khi Phật nhập diệt không lâu, sự trị liệu có vẻ như đã trở thành một nghề cho nhiều người, ít ra là dưới mắt một vị trưởng lão, người than phiền rằng tăng đoàn không lo tu mà chỉ lo chữa bệnh và chế thuốc, không tu tập đủ mà lo chữa bệnh thì có thể tác hại. Về những chuyện này, xem tác phẩm nguyên là luận án tiến sĩ của Roul Birbaun, *The Healing Buddha* (Shambhala, Boston 1989), chg.I. (Trong cuốn sách mà đạo Phật dường như chỉ được hiểu như một hệ thống luân lí đạo đức, mới xuất bản gần đây, Lê Hiếu Liêm có vẻ không biết rằng câu kinh về việc Phật cấm chế thuốc mà tác giả sử dụng gần như là tất cả những gì được ghi chép về mặt "tiêu cực" trong thái độ của Phật đối với y thuật, so với rất nhiều chứng liệu ngược lại. Sự kiện này khiến phải nghĩ đến vấn đề dịch kinh sách của người Việt hiện nay: nếu đọc được cổ ngữ rồi dịch mà không lưu tâm đến các vấn đề như kinh sách liên hệ được viết trong bối cảnh văn hóa, giáo lí thế nào, viết cho hàng tín đồ bình dân hay cho những người đã thành thuộc nội minh, thuộc về loại "đọc và tin" (liễu nghĩa) hay loại phương tiện quyền xảo, cần sự diễn dịch (biệt nghĩa) v.v..., nói cách khác các vấn đề thuộc về hai bộ môn ngày nay gọi là "văn nghĩa" và "thuyên thích" học, *philology* và *hermeneutics* v. - thì chỉ có hại, góp phần tạo ra cho người đọc sự suy diễn tùy tiện, ngộ nghĩnh như những nhận xét về Phật,

Nagarjuna v.v... của tác giả trên cho thấy).

(19) Lama Anagarika Govinda, *Foundation of Tibetan Mysticism* (London 1987; ấn bản đầu: 1960) tr.176. Công trình nổi tiếng này trình bày Mật tông Ấn-Tạng theo lập trường Duy thức và như thế không phản ánh thuyên giải truyền thống vốn xem triết lí Trung đạo như tối thượng, nhưng thảo luận về vật và thân của nó thì chính xác và đặc biệt hữu ích đối với người quen thuộc hơn với hiểu biết khoa học tây phương. Cũng nên nói là những trình bày của một phong trào tông giáo mới của người Việt và một vài người khác, về chakra (mà họ dịch là luân xa!), nadi, prana v.v... thì không có cơ sở (pha trộn giữa giải thích của Ấn và Phật giáo v.v...) và dù cố gắng nhưng tôi thật khó mà thấy giá trị thực nghiệm của chúng.

(20) Đây là luận điểm của triết học Trung đạo. Trước đó người Ấn không có sự phân biệt ngã và tự ngã. Cùng với luận điểm về tánh Không *(shunyata)* của triết hệ này, việc nhận diện bản ngã như một trường hợp đặc biệt của hành uẩn là một trong các lí do khiến các nhà Trung đạo Ấn-Tạng thấy không cần thiết phải thêm thắt gì vào mô hình sáu thức (nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân và ý thức) của Phật giáo Sơ kì để giải quyết các vấn đề triết học. Trong bài này, tôi cũng chỉ thảo luận trong phạm vi mô hình này mà thôi.

(21) Trong luân lí học Phật giáo, "khả năng phủ quyết" cũng được nhấn mạnh với quan điểm rằng một hành vi bất thiện cố ý, cố tình (tức là hành vi mà hậu quả được biết hoặc ý thức rõ) thì tạo ác nghiệp gấp đôi hành vi vô tình.

(22) Dẫn theo *Foundation of Tibetan Mysticism,* tr.78. Một giải thích Phật giáo cho câu kinh này là: nơi người chưa Giác ngộ như chúng ta thì ý thức, vì không được khai mở hoàn toàn, không hiểu và thấy được hoạt động và chiều kích sâu thẳm của hành uẩn, nên đã thần thánh hóa, gán cho hành uẩn, chủ thể của sự tạo nghiệp, những cái mà nó không có. Xem lại phần 2 để so sánh với giải thích của khoa học. Một điểm lý thú là Phật giáo Tây Tạng cho rằng tiến trình gán ghép này chỉ bắt đầu từ khoảng 3 tuổi. Từ thời điểm này, một đứa bé được nhận diện như một hóa thân (do sinh ra trong một thời điểm đặc biệt, có những hành xử hoàn toàn trái lẽ thường, v.v...) sẽ bắt đầu quên dần kí ức về tiền kiếp, một bản ngã mới bắt đầu hình thành, nhưng cũng do đó nó có thể cố ý làm ra những điều khiến người khác có thêm dữ kiện quyết định cho sự đoán định chân tướng và ý hướng của nó trong đời sống hiện tại. Tâm lí học hiện đại thì nói rằng tiến trình hình thành cảm thức ngã, cảm thức về chính mình như một cá thể khác biệt với những cá thể khác và với thế giới, cũng bắt đầu trong khoảng thời gian này. ■

Điều chúng ta cần nhất hiện nay cho nghệ thuật là sự cao quý...
và đĩa nhạc Chiều Về Trên Sông là một tác phẩm cao quý vì những ca khúc được chọn lựa, cách hòa âm, và nhất là vì tiếng hát cao quý của Quỳnh Giao.

PHẠM DUY

Xin Quý Vị liên lạc thư từ và chi phiếu tại địa chỉ
Doantrang Nguyen
P.O.Box 1445 Tustin, CA 92781-1445
Tel & Fax: (714) 733-2025

Có Bán Tại Những Nhà Sách và Trung Tâm Băng Nhạc Uy Tín hoặc được gửi tận nhà với giá biểu 15 Mỹ kim, kể cả bưu phí.

Hãy tìm mua

Chiều Về Trên Sông

với tiếng hát

Quỳnh Giao

và hòa âm đặc sắc của DUY CƯỜNG

● **Chiều Về Trên Sông** *Phạm Duy* ● **Từ Đó Khôn Nguôi** *Tuấn Khanh* ● **Khi Cuộc Tình Đã Chết** *Phạm Đình Chương - Du Tử Lê* ● **Dạ Khúc** *Nguyễn Văn Quỳ* ● **Nương Chiều** *Phạm Duy* ● **Dốc Mơ** *Ngô Thụy Miên* ● **Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi** *Phạm Duy* ● **Thuyền Mơ** *Dương Thiệu Tước* ● **Đêm Thấy Ta Là Thác Đổ** *Trịnh Công Sơn* ● **Người Về** *Phạm Duy*

VŨ TRỤ VÀ SIÊU HÌNH HỌC

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Hồi đầu tháng Tám 1996, một tờ báo Mỹ ở nam California trích đăng một bài báo của tờ *Chicago Tribune*, với tựa đề rất "hạ giới" là : Chuông điện thoại reo hoài, chẳng thấy ai trả lời.

Bài báo nói đến chuyện các nhà bác học đang bắc ống nghe lên trời để nghe lén những tiếng thì thầm của các loài thông minh trong vũ trụ, có nền kỹ thuật học tiên tiến, đang nói chuyện với nhau.

Khờ quá, hỡi những con người của vũ trụ

Nếu các nhà bác học chịu khó rời các đài thiên văn của họ đôi chút để đi xem mấy cuốn phim đang ăn khách chiếu trong mùa hè này ở Mỹ, họ sẽ thấy các loài alien vũ trụ chẳng thích đàm đạo tử tế với chúng ta chút nào, chúng chỉ muốn xâm lăng và dội bom địa cầu cho chúng ta chết hết mà thôi.

Cố nhiên mẩu báo trên đây chỉ là một lối hài hước dí dỏm của dân ký giả. Về mặt nghiêm chỉnh bài báo đem lại một vài tin tức đáng chú ý. Ở một đài thiên văn quan sát vũ trụ, không xa Đại học Harvard, các nhà bác học đang nghe những làn sóng điện từ vũ trụ đưa tới. Chuyện này con người Địa cầu đã làm từ 30 năm nay rồi, nào có kết quả gì đâu. Nhưng lần này, ở năm 1996 này, mọi việc có khác. Các nhà bác học đã bắt đầu xử dụng một dụng cụ mới có tên là FUDD (Follow Up Detection Device), có nghĩa là máy theo dõi tìm kiếm.

Hồi đầu năm nay, Dự án Phoenix mà chúng tôi đã nói đến trong các bài trước, được sự tài trợ của viện SETI, đã đặt trụ sở tại một đài thiên văn bên Úc với những dụng cụ nghe trong vũ trụ bén nhạy đến độ khủng khiếp là mạnh gấp 100,000 tỷ lần so với những dụng cụ nghe vũ trụ của dự án Ozma thực hiện vào năm 1960.

Quan trọng hơn nữa, dự án Phoenix là dự án đầu tiên dùng máy FUDD. Trước đây các chuyên viên trong viện SETI (Tìm sự thông minh ngoài địa cầu) đã phải khổ sở vì vấn đề kỹ thuật là làm thế nào tiếp tục theo dõi ngay những tín hiệu đáng chú ý trong vũ trụ, có khả năng là do các loài thông minh phát ra. Máy nghe thu được tín hiệu rồi ghi nhận và lướt qua để đi tìm các tín hiệu khác. Nhưng đến khi các nhà bác học trở lại nơi có tín hiệu đáng chú ý để tìm hiểu thêm, tín hiệu đã biến mất.

Dự án Phoenix đã phát triển được một kỹ thuật mới có khả năng theo dõi ngay và kiểm soát xem tín hiệu đáng chú ý đó là gì. Như chúng tôi đã có lần viết, trong vũ trụ đầy rẫy những làn sóng điện từ của thiên nhiên phát ra. Máy dò tìm phải biết nghe và tự động chọn lọc cái nào là bước sóng thiên nhiên, cái nào là bước sóng nhân tạo, có nghĩa là do các loài thông minh như chúng ta tạo ra. Cái bước sóng nhân tạo đó chỉ là một phần rất nhỏ gọi chung là đáng chú ý - trong cả một cái rừng bức xạ điện từ trong vũ trụ.

Ở Úc, dự án Phoenix đã thâu được 109,000 tín hiệu. Trong số này 94,000 tín hiệu xét ra là hậu quả những giao thoa sóng luôn luôn có trong thiên nhiên. Khoảng 15,000 tín hiệu đáng chú ý được nhồi vào máy FUDD, và rất mau lẹ máy này loại bỏ ngay vì chẳng có ý nghĩa gì hết, trừ 36 loại tín hiệu được máy cho lọt qua vì máy xác nhận đó là những tín hiệu do loài có trí óc thông minh tạo ra. Chỉ có điều đáng buồn là tất cả đều do các dụng cụ của chính loài người chúng ta phát ra, phần lớn là của các tầu thám hiểm vũ trụ không người lái hay các vệ tinh nhân tạo mà chúng ta đã phóng vào vũ trụ.

Kết quả đáng buồn chăng? Thật ra phải nói đây là một thành công kỳ diệu của kỹ thuật lọc sóng, tìm những luồng sóng do sự thông minh phát ra. Máy đã làm việc một cách vô cùng chính xác, chỉ có điều là nó chưa tìm thấy các làn sóng điện mà chúng ta mong muốn thôi, nhưng đây là chuyện không làm ai ngạc nhiên hết. Chúng ta chỉ mới nghe trong một góc nhỏ của vũ trụ và ở một khoảng cách hơi gần. Với sức làm việc như vậy, máy đang tiếp tục làm việc ngày đêm...

Các phó thường dân như chúng ta có lẽ nóng lòng luôn luôn hỏi vậy sắp tìm ra chưa? Chờ đến bao giờ?

Câu hỏi này cũng giống như thủy thủ đoàn tầu thám hiểm năm xưa luôn luôn hỏi ông Kha Luân Bố (Christopher Columbus) : "Sắp đến chưa?". Ông ta đáp: "Tôi không biết, tôi chỉ thấy trời và nước thôi".

Chúng ta không nào biết bao giờ sắp có, chúng ta chỉ biết là có khi nghe được làn sóng điện mà loại người mong mỏi.

Alien trong trí tưởng tượng của con người

Sau khi được thỏa mãn với những gì mới nhất xảy ra trong lãnh vực tìm người trong vũ trụ, chẳng hạn như vụ tìm thấy mầm mống sự sống trên Hỏa tinh như trong bài trước đã đề cập đến, chúng ta đã có thể trở lại với chủ đề, tiếp theo bài Đạo Đĩa Bay (UFOlogy) trong số báo tháng 8-96.

Có thật các loài alien trong vũ trụ đều nhất thiết là những loài "phản động" chống nhân loại đến cùng, hễ gặp là giết, vô cùng tàn bạo và dã

man như trong phim Independance Day hay không? Từ câu hỏi này, chúng tôi muốn mời bạn đọc phớt qua lãnh vực xã hội tâm lý học, để rồi đi đến lãnh vực siêu nhiên (paranormal) và siêu hình học (metaphysics).

Kể từ thập niên 30 của thế kỷ này, khi loài người biết các vì sao sáng trên trời chỉ là muôn triệu mặt trời cũng giống như vầng Thái dương của chúng ta, con người đã nghĩ quanh các vì sao đó phải có những hành tinh và trên các hành tinh đó có thể cũng có một thứ loài thông minh như chúng ta. Những suy tư của con người phần lớn đều nằm trong một các khung của hoàn cảnh xã hội mà con người sống trong đó.

Cuối thập niên 30, khi cuộc Thế chiến thứ hai sắp bùng nổ, tâm trạng của con người khắc khoải với những viễn tượng xâm lăng và vũ khí tối tân giết người hàng loạt, Orson Welles đã làm cả thành phố New York hoảng hốt chạy trốn khi ông dùng đài phát thanh mô tả y như thật một loài alien có đĩa bay đã đổ bộ. Cả các quận cảnh sát cũng tưởng là chuyện thật nên đưa ra lời báo động và khuyên dân chúng nên ở nhà hay tìm nơi an toàn ẩn núp. Người ta dễ dàng tưởng là chuyện thật chỉ vì quần chúng tin là người ngoài vũ trụ có thật. Niềm tin đó cộng với tâm lý sợ hãi chiến tranh đã dưa đến cảnh hoảng loạn thật sự.

Sau Thế chiến, hòa bình trở lại với phong trào...đĩa bay. Đó là vì cuộc đại chiến đã là cơ hội tạo ra những dụng cụ thám xét kỳ diệu như radar và các loại vũ khí tầm xa như phi đạn. Rồi đến giai đoạn các hỏa tiễn liên lục địa được dùng để đưa vệ tinh nhân tạo lên quỹ đạo và việc đổ bộ trên Mặt Trăng, khoa học Thiên văn cũng có những tiến bộ khổng lồ sau Thế chiến, con người trên Trái Đất tin chắc là một ngày nào đó họ sẽ thấy các loài thông minh trong vũ trụ. Nhưng lúc này thì trí tưởng tượng của con người hình dung các loài alien trong vũ trụ là những loài có kỹ thuật và trí thông minh vượt trên hẳn loài người, rất hiền lành và đạo đức, như những bậc thiên thần nhìn loài người một cách yêu thương và trìu mến, một kẻ cả bao dung nhìn một đứa trẻ thơ dại.

Tại sao loài người ước mơ có những alien như vậy? Đó là cuộc chiến tranh lạnh với hai siêu cường kình chống, mỗi bên tích lũy hàng kho vũ khí hạt nhân có khả năng hủy diệt Trái đất trong khoảng khắc. Con người trên Trái đất thầm ước mơ có những alien thiên thần xuống đây, nắm lấy cổ hai siêu cường, dạy cho hai anh một bài học về nhân đạo và ra lệnh thực hiện hòa bình, chấm dứt hiểm họa chiến tranh nguyên tử. Đó là giai đoạn điện ảnh Mỹ đưa ra cuốn phim E.T., với một alien rớt...đĩa bay, tìm cách sống chung với một câu bé loài người ngây thơ trong trắng. Vị alien này rất hiền lành, nhưng bộ óc có quyền lực ghê gớm, làm xe tăng thiết giáp chạy dài. Đó cũng là giai đoạn của phim Close Encoun-

MỜI ĐỌC

THƠ, V.V...và V.V...

Nguyễn Hưng Quốc

"Bình luận về thơ ở ngoài nước hiện giờ chúng ta có một tài viết thông minh và xuất sắc: đó là Nguyễn Hưng Quốc". (Mai Thảo)

"Nguyễn Hưng Quốc là người có khiếu thẩm thức đặc biệt về thơ. Ông đọc nhiều, và đọc thơ ai, ông cũng nắm bắt được cái thần của thơ từng người. Ông cảm thơ với một tâm hồn thơ, nhạy bén nhận ra đâu là thơ, đâu không là thơ. Sau đó, bằng một kiến thức quảng bác, Nguyễn Hưng Quốc tìm hiểu, giải thích đến ngọn ngành 'cái cảm được' của mình. Vẫn bằng một giọng rất đỗi thơ". (Nguyễn Mộng Giác)

"Người xứ An Nam ta chưa có nhà lý luận văn học nào mà viết đẹp như Nguyễn Hưng Quốc". (Võ Phiến)

"[Với Nguyễn Hưng Quốc - qua loạt bài chung quanh 'Thơ Con Cóc' in trong tập *Thơ, v.v... và v.v...* này] có thể nói lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam có một lý thuyết mới về thơ mang tính sáng tạo, chứ không chỉ là việc lập lại ý kiến của người trước". (*Hợp Lưu*)

Sách dày 294 trang.
Giá bán 14 MK, ngoài nước Mỹ 16 MK.

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683
Tel. (714) 527-5761

ters of the Third Kind, với các đĩa bay khổng lồ, các loài alien nhân ái đến với tín hiệu hòa bình.

Rồi đến thập niên 90 này, khi chỉ còn vài năm nữa nhân loại bước qua thế kỷ 21, UFO không còn là lãnh vực duy nhất để con người xả bớt những mối âu lo của họ nữa. Chúng ta đang sống trong thời kỳ "đầy rẫy độc", không phải chỉ có mối hãi hùng về bom khủng bố nổ bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, nhất là khi cả trăm người ngồi trên một chiếc phi cơ, mà còn âu lo về những chứng bệnh quái gở như AIDS, Ebola, nạn phổ biến súng và tội phạm, hút sách của thanh thiếu niên, nạn mua dâm trẻ em, nạn bán hình ảnh kích dâm trên siêu xa lộ điện tử...thế giới hiện đại có những vấn đề hiện đại. Tâm trí con người đi tìm một chỗ tựa trong thế giới siêu nhiên, một thế giới không phải bình thường (normal) như ta vẫn thấy. Nó ở ngoài hay tiềm ẩn trong thế giới hữu hình của chúng ta, luôn luôn đi cùng với cuộc sống của chúng ta nhưng chúng ta không thể thấy. Cái gì chúng ta tin là có, nhưng không nhìn ra hình, không nhận ra sắc là siêu hình.

Vùng tranh tối tranh sáng.

Vẫn biết giới điện ảnh Mỹ còn đang chuẩn bị một loạt ít ra đến 11 bộ phim loại UFO, nhưng các sóng điện não đang rung lên vì một loạt những hiện tượng khác trong lãnh vực siêu hình. Trong một cuộc thăm dò của tạp chí Newsweek, 40% người được hỏi nói họ tin là có thế giới siêu hình. Thế nhưng cái siêu hình của thời đại này khác với cái siêu hình của thế giới ma quỷ truyền thống của con người và cũng khác hẳn với thế giới cầu cơ đồng bóng nói chuyện với người của cõi âm như những năm thời tiền chiến.

Thời đại này có thể được gọi là thời đại "tân tâm linh", trong đó tri thức con người (consciousness), bị ảnh hưởng của khoa học hiện đại, nhưng lại phân vân không chắc khoa học có thể đem lại lời giải đáp cho mọi vấn đề, nên muốn tìm một cửa ngõ mới để tự cứu rỗi. Đây là lãnh vực không phải là dương mà cũng không phải là âm, nó là vùng tranh tối tranh sáng và cổ nhiên nó cũng có cả một dải quang phổ đậm lạt khác nhau. Có người thiên về khoa học duy vật nhiều hơn, nhưng cũng có người thiên về khoa học duy tâm nhiều hơn.

Nếu có đến 40% người Mỹ tin là có thế giới siêu hình thì hiển nhiên trên mảnh đất tân tâm linh này có đại đa số, nghĩa là những người bình thường như mọi người chớ không phải những người loạn trí.

Theo chúng tôi nghĩ, đặc điểm của thời đại tân tâm linh này là người ta đặt nặng vấn đề những quyền lực chưa khám phá thấy trong bộ óc con người, chớ không phải chỉ cốt đi tìm một thế giới bên kia, thế giới của cõi âm, thế giới của các thần linh. Người ta không hoàn toàn phủ nhận các thế giới vô hình đó, nhưng nếu có thì không phải do đồng cốt hay phép phù thủy tân thời nào tìm thấy, mà do chính quyền lực của bộ óc chúng ta tìm thấy. Người Mỹ gọi đây là quyền năng ngoài giác quan (Extrasensory Power) gọi tắt là ESP. Thời xưa, người ta hay có từ ngữ thông dụng gọi đây là giác quan thứ sáu, nghĩa là một thứ linh cảm ngoài ngũ giác bình thường của chúng ta.

Tri thức tân tâm linh này đã lan rộng trong dân chúng ở một nước tiền tiến như nước Mỹ, trên mọi giai tầng của xã hội. Đệ nhất phu nhân Hillary Clinton mới đây đã dự một buổi đồng, có tính cách phân tâm học nhiều hơn là mê tín dị đoan thuần túy, khi bà nhờ một bà thầy giúp bà nói chuyện với cựu dệ nhất phu nhân Eleanor Roosevelt. Còn trong bàn dân thiên hạ, những người bình thường nhất, một ông giám đốc công ty, một ông chủ sở nào đó đã bao lần chọn ngày tốt giờ lành để tính việc kinh doanh hay mở cửa hàng và biết bao ông bạn Mỹ của chúng ta, bất luận theo tín ngưỡng nào, cũng đã từng nhờ người làm phép trừ tà (exorcism) trước khi dọn đến nhà mới. Có tin có lành, khẩu hiệu mới của một thời đại nhiễu nhương. Thêm vào đó là một sự tò mò, bị thúc đẩy vì một niềm tin nào đó trong tiềm thức. Chẳng hạn người đang nóng lòng chờ xem cuốn phim Phenomenon, trong đó đại tài tử John Travolta sẽ biểu diễn "phép" telekinetic (đang ở chỗ này dột nhiên biến mất và hiện hình ở một nơi nào đó cách xa hàng ngàn dậm).

Telekinetic là một từ khoa học, dịch là viễn động lực, do ESP tạo ra, ở xa mà điều khiển được mọi vật, cũng giống như loại "cách không điểm huyệt" của các chuyện chưởng, phi đao phi kiếm của tiểu thuyết Phong Thần, hoặc nếu áp dụng vào cá nhân mình để "viễn động" thì có nghĩa là biến hóa còn lẹ hơn phép đằng vân của Tề Thiên Đại Thánh.■

KICON

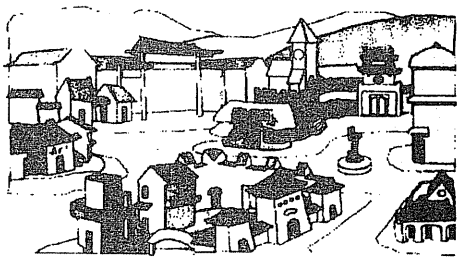

http://kicon.com

12866 Main Street, Suite 101
Garden Grove, CA 92840
Tel: (714) 590-3080
Fax: (714) 590-3084

EnViMAT: MỘT HỆ THỐNG PHIÊN DỊCH TỰ ĐỘNG TỪ ANH SANG VIỆT

NGUYỄN QUỐC QUÂN & TRẦN HỮU NHÂN

* *Trình bày trong phần Hội Thảo Chuyên Đề 4 của ĐHQT96.*

Tiến Sĩ Nguyễn Quốc Quân: *Cựu giáo sư trung học đệ nhị cấp tại tỉnh Kiên Giang. Năm 1981 vượt biển đến Hoa Kỳ và tốt nghiệp Tiến sĩ Toán tại North Carolina State University năm 1987. Hiện nay làm việc về ngành Điện Toán tại California và đang nghiên cứu về đề án Máy Thông Dịch Tự Động (Machine Translation) từ Anh sang Việt. Nguyên là một trong những sáng lập viên Hội Chuyên Gia Việt Nam và giữ trách vụ Tổng Thư Ký từ năm 1993 đến nay. Ước vọng được trở lại nghề giáo trong một nước Việt Nam tự do dân chủ.*

Kỹ Sư Trần Hữu Nhân: *Tốt nghiệp cử nhân Điện Toán và Toán Ứng Dụng, University of Central Florida, 1988. Từng trong đội tuyển của trường đi thi giải ACM Thảo Chương Quốc Tế (ACT International Scholastic Programming Contest) năm 1987 (hạng tư), 1988 (hạng nhì). Hiện đang làm việc cho công ty C.T. Translations. Hội viên và là Trưởng Khối Điện Toán HCGVN.*

Ngày hôm nay là lần đầu tiên chúng tôi có vinh dự được giới thiệu cùng quí vị trong một buổi hội thảo công khai về EnViMAT. Đó chính là một Nhu Liệu, chạy trên Windows của máy điện toán cá nhân, được gọi là Máy Phiên Dịch Tự Động từ Anh sang Việt.

Tại thời điểm này, chúng tôi vẫn coi EnViMAT như là một em bé vì nó chỉ mới được thực sự khai sinh cách nay một năm rưỡi; và nhất là vì tri thức (số lượng từ trong tự điển và số luật để vận hành) của EnViMAT vẫn còn hạn hẹp, mặc dù nó đã được soạn thảo để có một khả năng học hỏi rất cao.

Khi nói đến "Máy", thường chúng ta liên tưởng đến hai đặc tính căn bản: nhất quán (consistent) và nhanh chóng (fast). Chúng tôi tin rằng Máy Móc dù tinh vi đến đâu cũng không thể thay thế Con Người để thực hiện tất cả mọi công việc với một kết quả tương đương. Nhất là trong vấn đề dịch thuật. Nhưng chỉ có Máy mới có thể làm việc liên tục 24/24 không mệt mỏi trong nhiều ngày tháng và cho ra cùng một kết quả mong đợi. Mặt khác, Máy còn có thể được chế tạo hàng loạt để gia tăng năng xuất thực hiện một khối lượng lớn công việc được giao.

Để minh hoạ về Tốc Độ, chúng tôi xin cho EnViMAT dịch thử phần kết luận của tập tài liệu "Kinh Tế Việt Nam 1975-1995: Tăng Trưởng Nửa Vời Hay Phát Triển Toàn Diện?" do Khối Kinh Tế của HCGVN soạn thảo. Bài này khi in ra sẽ là một trang giấy đầy chữ và máy sẽ cho ra kết quả trong vòng 20 giây (Xem Phụ Lục 2). Cũng xin nhắc ở đây là máy điện toán chúng tôi hiện dùng là một máy 486 / 66 MHz.

Chúng tôi xin có vài lời về nhu cầu phiên dịch từ Anh sang Việt để hiểu rõ hơn động lực chính yếu của việc khai sinh EnViMAT.

1- Nhu cầu Phiên Dịch Tự Động từ Anh sang Việt:

Ở thời đại Tín Học, một quốc gia muốn phát triển nhanh cần phải mở rộng cánh cửa thông tin để mọi tầng lớp dân chúng thu nhận và lọc lựa kiến thức hiện đại của nhân loại.

Tại Việt Nam, có ba bức màn chính yếu ngăn cách giữa khối lượng kiến thức khổng lồ của nhân loại và 75 triệu đồng bào của chúng ta:

1- bức màn sắt kiểm duyệt của chế độ Cộng sản đương quyền.

2- bức màn ngôn ngữ vì khối lượng kiến thức đó thường không được viết bằng tiếng Việt.

3- bức màn kiến thức vì dân trí còn thấp trải qua bao nhiêu năm chiến tranh và hơn 20 năm dưới chế độ giáo dục ngu dân.

EnViMAT sẽ nhận lãnh một phần trách nhiệm trong việc phá bỏ bức màn thứ hai. Sự phá bỏ bức màn ngôn ngữ đó chỉ mới được thực hiện một chiều từ Anh sang Việt! Nguyên nhân của chọn lựa này không phải vì là một chọn lựa dễ làm nhất hay vì phát sinh từ lòng vị kỷ của người Việt Nam "chỉ muốn thu nhận" tinh hoa của thế giới. Mà đây chính là một chọn lựa thực tế, phù hợp với khả năng của nhóm thực hiện EnViMAT và vì Anh ngữ là một ngôn ngữ khá phổ thông trên thế giới.

Để có một cái nhìn chính xác về mức độ khó khăn và tầm vóc của việc thực hiện Máy Phiên Dịch Tự Động (Machine Translation viết tắt là MT) chúng tôi xin tóm lược lịch sử của MT.

2- Tóm lược lịch sử MT và EnViMAT:

A) Lịch sử MT:

Vào cuối thập niên 40s, khi máy điện toán đã được phát minh, một số người đã nghĩ đến việc ứng dụng máy điện toán vào việc phiên dịch. Khái niệm phiên dịch bằng máy (Machine Translation, viết tắt là MT) được ông Warren Weaver đề ra vào năm 1949. Nhiều trường đại học và viện nghiên cứu đã bắt tay vào việc

nghiên cứu này. Những nỗ lực đầu tiên trong MT chỉ đơn thuần dùng phương pháp dịch từ sang từ (word-for-word translation) với kết quả rất giới hạn vì từ ngữ có nhiều nghĩa khác nhau tùy theo ngữ cảnh dùng (context). Vào năm 1954, IBM và Georgetown Univ. hợp tác để thực hiện một chương trình MT từ tiếng Nga sang tiếng Anh với kết quả rất khiêm nhường. Với sự giới hạn của khả năng máy điện toán vào thập niên 50s, 60s cũng như ngành ngôn ngữ học trong điện toán (computational linguistic) còn chập chững, những nỗ lực MT trong thời gian này không đạt được kết quả cao.

Trong một bài báo cáo của Bar-Hillel (1960), ông ta cho rằng chẳng có hệ thống MT nào dịch một cách trọn vẹn nếu không biết được kiến thức của thế giới xung quanh (world knowledge) vì con người khi dịch, không phải chỉ dịch từ chữ qua chữ mà đã dùng rất nhiều đến kiến thức của thế giới chung quanh để suy đoán nghĩa. Ông ta đưa ra thí dụ "The pen is in the box and the box is in the pen" và thách đố rằng không có hệ thống MT nào có thể phân biệt được "pen" ở đây là "cây viết" hay là "(play) pen" tức cái chuồng cho nít nhỏ chơi.

Thất vọng trước viễn ảnh không mấy tươi sáng của MT, Hội Đồng Cố Vấn Xử Lý Ngôn Ngữ Tự Động (Automatic Language Processing Advisory Committee, ALPAC) đã soạn một bản báo cáo vào năm 1966 đưa ra nhận định rằng không có hệ thống MT nào đạt được mục tiêu phiên dịch tự động mà không cần bàn tay người sửa lại (human post-editing). Tiếp theo sau bản báo cáo này các cơ quan chính quyền đã cắt tài trợ cho việc nghiên cứu về MT.

Mãi cho đến đầu thập niên 70s, với sự tiến triển trong ngành điện toán, khả năng của máy điện toán cũng đã khá hơn, và cùng với tiến triển trong ngành ngôn ngữ học điện toán (computational languistics), một số trung tâm đã bắt đầu hứng khởi nghiên cứu vấn đề MT trở lại. Đặc biệt là hệ thống MT của ông Yorick Wilks (1973) có thể dịch một số đoạn văn tiếng Anh sang tiếng Pháp với kết quả tốt. Hệ thống MT của Wilks đã áp dụng "khái niệm" (concepts) trong việc dịch thuật. Lấy thí dụ, chữ "drink" không đơn thuần là một động từ, có nghĩa là "uống". Ông Wilks xác định cho chữ "drink" những khái niệm như: động từ có tính chất hoạt động (activitiy verb), có liên hệ đến những chất lỏng, v.v.... Những khái niệm này giúp cho hệ thống MT biết được mối liên hệ giữa các từ trong câu và từ đó xác định được nghĩa (meaning) một cách chính xác hơn, phù hợp với ngữ cảnh hơn.

Hệ thống MT của ông Wilks là chất xúc tác trong việc phục hồi lại sự hứng khởi nghiên cứu về MT. Kể từ đó đến nay đã có nhiều chương trình MT của nhiều trung tâm trên thế giới. Những hệ thống đang hoạt động như:

* TAUM-METEO (1977) của đại học Montréal chuyên dịch tin tức khí tượng từ Anh sang Pháp.

* METAL (1985) của Linguistic Research Center, đại học Texas, dịch từ Đức sang Anh.

Ngoài ra còn có những chương trình nghiên cứu về MT đáng kể như:

* EUROTRA, của cộng đồng Âu Châu với mục đích dịch từ một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác trong Cộng Đồng Âu Châu, gồm Anh, Pháp, Đức, Hòa Lan, Đan Mạch, Ý, Hy Lạp.

* Chương trình Đời Thứ Năm (Fifth Generation) của chính quyền Nhật, dịch từ Nhật sang Anh. Và còn nhiều chương trình nghiên cứu về MT khác ở các quốc gia Âu Châu, Nam Mỹ, và Á Châu. Riêng về việc dịch thuật từ Anh sang Việt, hệ thống EnViMAT (English to Vietnamese Machine Translation) là một trong những nỗ lực đầu tiên.

B) Lịch sử EnViMAT:

Khoảng giữa năm 1991, một số hội viên HCGVN đã để tâm suy nghĩ và thảo luận về đề án "phiên dịch tự động" gọi là MT-project. Sự thảo luận và tham khảo ý kiến lúc ấy khá mở rộng. Cho đến năm 1992, chúng tôi bắt đầu dùng thời gian rảnh rỗi để soạn thảo một nhu liệu nhằm minh hoạ tính khả thi của đề án. Nhu liệu đó, tuy khá đơn sơ nhưng cũng đủ thuyết phục được một số thân hữu và hội viên quyết định nghiên cứu MT-project một cách nghiêm chỉnh và chính thức. Tên gọi EnViMAT đã ra đời vào tháng 2 năm 1995 với một nhóm nhân sự làm việc toàn thời gian.

EnViMAT là một kết hợp của nhiều ngành khác nhau như: điện toán (computer science), ngôn ngữ (linguistics), thuật ngữ (terminology) và kỹ thuật phiên dịch (translation)[3]. Do đó, chúng ta cũng nên điểm sơ qua một số đặc tính căn bản của ngôn ngữ; rồi từ đó rút ra một số tính chất quan trọng mà EnViMAT cần có.

3- Một số đặc tính căn bản của Ngôn Ngữ:

Ngôn ngữ là một hệ thống âm thanh mà một đối tượng dùng để truyền đạt tư tưởng đến một đối tượng khác. Ngoài lời nói, một ngôn ngữ vẫn có thể được ghi bằng chữ viết hay những dấu hiệu nhất định theo một công lệ nào đó. [1]

Arsène Darmesteter, một nhà ngôn ngữ học Pháp cho rằng: "Sự biến hoá là quy luật căn bản chế ngự cuộc sinh tồn của ngôn ngữ; ngôn ngữ, cũng như cơ thể của các sinh vật, luôn luôn biến chuyển" [2]. Thật vậy, một ngôn ngữ bao gồm ba yếu tố chính: âm vận, ý nghĩa từ ngữ và văn phạm. Cả ba yếu tố ấy đều thay đổi không những theo thời gian mà còn thay đổi tùy nơi chốn, tùy lớp người, hoặc thậm chí tùy cá nhân. Chẳng hạn chữ "sự nghiệp" trong Việt ngữ đối với giới bình dân mang ý nghĩa "tài sản vật chất"; trong khi đó, đối với giới trí thức có thể mang nghĩa "tài sản tinh thần". Ví dụ trong hai câu thơ của Vũ Hoàng Chương:

Mải mê theo sự nghiệp
Quá trớn lỡ giàu sang

Về phương diện văn hoá, sự phát triển của ngôn ngữ tùy thuộc sự ảnh hưởng giữa 2 năng lực: năng lực trí thức và năng lực bình dân. Năng lực trí thức có thể được thể hiện qua một Hàn

Lâm Viện Quốc Gia về Ngôn Ngữ, các soạn giả Tự Điển. Mà từ đó quần chúng bao gồm cả các nhà văn nhà báo sẽ quyết định sự chọn lựa của mình bằng cách thường xuyên sử dụng một "từ" (word) nào đó trong một "ngữ cảnh" (context) nhất định của một câu nói hay bài viết nhằm trình bày các suy tư cá nhân. Do đó, năng lực trí thức có quyền đề nghị nhưng năng lực bình dân mới có quyền quyết định.

Sự dung hoà của hai năng lực này là điều kiện cốt yếu cho sự tiến bộ của một ngôn ngữ. Sự tiến bộ này nếu không bắt kịp nhu cầu văn hoá của một dân tộc, thì ngôn ngữ của dân tộc ấy phải diệt vong. Điểm đặc biệt là, EnViMAT sẽ có thể đóng cả hai vai trò của năng lực trí thức (khi tự điển và các luật vận hành đã định sẵn) và năng lực bình dân (khi tự điển cũng như luật vận hành do người dùng đã thay đổi được thu góp lại để thống kê và cập nhật cách dùng). Phần chính yếu của đề tài nặng về kỹ thuật hơn nhằm trình bày phương hướng thực hiện một nhu liệu Phiên Dịch Tự Động và minh diễn sự vận hành của EnViMAT.

4- Phương hướng thực hiện và một số kết quả của EnViMAT:

A) Phương hướng thực hiện EnViMAT:

Có 3 phương hướng chính để thực hiện một nhu liệu Phiên Dịch Tự Động: 1- Trực Tiếp (Direct Approach) 2- Chuyển Dịch Song Phương (Transfer Approach) 3- Chuyển Dịch Trung Gian (Interlangua Approach)

Để phần trình bày đơn giản hơn, chúng tôi dùng Anh ngữ như Ngôn Ngữ Nguồn và Việt ngữ là Ngôn Ngữ Đích.

* **Với phương hướng Trực Tiếp**, nhu liệu sẽ dịch từng chữ hay nhóm chữ tương ứng từ Anh sang Việt. Chẳng hạn như:

Tomorrow, I will buy a book for you.

—> Ngày mai, tôi sẽ mua một cuốn sách cho anh.

hoặc

[There will be] a day, you must [go to school].

—> [Sẽ có] một ngày, anh phải [đi học].

Nhưng các câu trong các bài viết thông thường lại không đơn giản để có thể dịch trực tiếp như vậy, ví dụ:

These four books have been bought by my history teacher.

Này bốn những cuốn sách có là mua bởi của tôi lịch sử thầy giáo.

* **Nếu dùng phương hướng Chuyển Dịch Song Phương**, nhu liệu phải dựa vào ngữ pháp của Anh ngữ nhằm xác định từng Cụm Từ và rồi dùng ngữ pháp Việt ngữ để chuyển dịch:

(These four books)
Cụm Danh Từ -> bốn cuốn sách này
(have been bought)
Cụm Động Từ -> đã được mua
(my history teacher)
Cụm Danh Từ -> thầy giáo lịch sử của tôi

These four books have been bought by my history teacher.

sẽ được dịch là

Bốn cuốn sách này đã được mua bởi thầy giáo lịch sử của tôi.

* **Nếu dùng phương hướng Chuyển Dịch Trung Gian**, nhu liệu phải dùng một "ngôn ngữ trung gian" hay một "cấu trúc đặc biệt" (knowledge representation language) để chứa nội dung của câu Anh ngữ. Cấu trúc này chủ yếu chứa các mối quan hệ (relation), chẳng hạn như động từ "MUA" sẽ được gắn thêm các dữ kiện như: ai mua, mua cái gì, mua cho ai, mua thế nào, mua bằng gì, ... cùng với tính chất của từng dữ kiện. Chẳng hạn như "thầy giáo" có những tính chất là "lịch sử" và "của tôi". Sau đó, tùy thuộc vào bộ phận chuyển dịch sang Việt ngữ, Cấu Trúc Kiến Thức ấy sẽ cho ra một trong những kết quả sau đây:

Bốn cuốn sách này đã được thầy giáo lịch sử của tôi mua.

Thầy giáo lịch sử của tôi đã mua bốn cuốn sách này.

Bốn cuốn sách này đã được mua bởi thầy giáo lịch sử của tôi.

Phương hướng này rất phức tạp và đang được nhiều chuyên gia trên thế giới, nhất là tại các nước Âu châu, nghiên cứu rất ráo riết; vì phương hướng này có thể chuyển dịch từ một ngôn ngữ (Pháp ngữ chẳng hạn) sang nhiều ngôn ngữ khác nhau (như Đức, Anh, Đan Mạch, ...) mà chỉ thông qua "một" cấu trúc trung gian. Phương pháp này cũng gặp phải một số chỉ trích vì kiểu cách (style) đặt câu trong nguyên ngữ đã bị coi nhẹ trong Cấu Trúc Kiến Thức.

Dựa vào chủ đích chỉ chuyển dịch từ Anh sang Việt, chúng tôi đã chọn phương hướng Chuyển Dịch Song Phương cho EnViMAT sao cho "*Người Dùng có thể nhuận sắc (post-edit) Kết Quả Việt Ngữ mà không cần tham khảo nguyên bản Anh Ngữ.*" Mặt khác, từ đặc tính hay thay đổi của Ngôn Ngữ, EnViMAT còn cho phép "*Người Dùng có thể sửa chữa các qui luật chuyển dịch để phù hợp với cấu trúc đặc biệt của loạt bài Anh Ngữ cần dịch và để Kết Quả Việt Ngữ mang sắc thái riêng tư của mình*". (Xem EnViMAT flow chart).

B) Một số kết quả trong việc phiên dịch của EnViMAT (Demo):

Có 3 bộ phận chính yếu trong một nhu liệu phiên dịch: 1- Phân Tích Ngữ Pháp (Syntactic Analyser) 2- Phân Tích Ngữ Nghĩa (Semantic Analyser) 3- Chuyển Dịch (Transfer)

Trong cả ba bộ phận này, EnViMAT đều được điều khiển bởi những qui luật (rule based driven): luật ngữ pháp (parsing rules), luật ngữ nghĩa (semantic rules), và luật chuyển dịch (transfer rules).

Chúng tôi sẽ trình bày và cho EnViMAT chạy thử về các phần Phân Tích Ngữ Pháp (còn gọi là Parsing), Phân Tích Ngữ Nghĩa và Chuyển Dịch. Trong đó, phần hóc búa nhất là bộ phận Phân Tích Ngữ Nghĩa.

B-1) Phân Tích Ngữ Pháp:

Bộ phận Phân Tích Ngữ Pháp có nhiệm vụ xác định Tự Loại và Cụm Từ cho từng chữ (hay nhóm chữ) trong câu. EnViMAT đã dùng phương

pháp Phối hợp từ Trái sang Phải (Left-Right Associated Method) kết hợp với các bộ Luật Ngữ Pháp để Người Dùng có thể thêm, bớt, hoặc điều chỉnh các Luật Ngữ Pháp. Trong đó, Tự Loại được phân chia chi tiết hơn là trong sách văn phạm thường dùng. Về Cụm Từ, hiện nay chỉ sử dụng hai loại: Cụm Danh Từ (NP) và Cụm Động Từ (VP).

Các ví dụ minh diễn bằng EnViMAT qua bộ phận Phân Tích Ngữ Pháp:

1- These four books have been bought by my history teacher.

NP	Adjective Demonstrative	These
	Adjective Cardinal	four
	Common Noun	books
VP	Verb Present	have
	Verb Past Participle	been
	Verb Past Participle	bought
———	* Preposition	by
NP	Adjective Possessive	my
	Common Noun	history
	Common Noun	teacher
— — —	* Punctuation	.

Và kết quả được ký hiệu lại là:

1- NP(These four books) VP(have been bought) by NP(my history teacher) .

Tương tự, bộ phận Phân Tích Ngữ Pháp của EnViMAT cho các kết quả sau:

2- NP(I) VP(will give) NP(your teacher) NP(a book).

3- NP(The lawyer) VP(likes) to VP(see) NP(the husband) 's NP(will).

4- NP(Time flies) VP(like) NP(an arrow).

Ở ví dụ 4 vừa kể trên "Time flies like an arrow", bộ phận Phân Tích Ngữ Pháp đã phân tích SAI khi chọn "flies" là Danh Từ ghép trong Cụm Danh Từ "Time flies" và đã chọn "like" là Động Từ. Lúc đó, Kết Quả Việt Ngữ sẽ là:

— Những con ruồi thời gian thích một mũi tên.

Khi ta dạy EnViMAT chọn "flies" là Động Từ và "like" là Giới Từ thì kết quả sẽ là:

5.fix- NP(Time) VP(flies) like NP(an arrow).

— Thời gian bay như một mũi tên.

B-2) Phân Tích Ngữ Nghĩa:

Vấn đề ở đây là sau khi một chữ đã được xác định Tự Loại, chữ ấy có thể mang nhiều nghĩa khác nhau tùy theo Ngữ Cảnh chứa chữ ấy. Thí dụ như:

* Danh từ: Vietnamese = người Việt, tiếng Việt, ...

* Danh từ: remain = thi hài, xác chết, đồ thừa, ...

* Tĩnh từ: hard = khó, cứng, mạnh, ...

* Động từ: grow = mọc, trồng, phát triển, ...

* Giới từ: to = tới, để, (không dịch), ...

* Giới từ: in = trong, vào, ...

EnViMAT sẽ dựa vào một Hệ Thống Khái Niệm (Concept System) để gắn cho mỗi Chữ một số Khái Niệm liên hệ và một nhóm Luật Ngữ Nghĩa nhằm chọn cho Chữ ấy một Nghĩa Việt Ngữ phù hợp với Ngữ Cảnh. Đôi khi có những chữ trong tiếng Anh chỉ là chữ đệm, đối với Việt ngữ, chứ không cần dịch. Mặt khác, chúng ta cũng cần để ý mỗi động từ thuộc thể Bị Động (Passive Voice) khi dịch ra Việt Ngữ có thể là "bị" hoặc "được".

Các ví dụ minh diễn bằng EnViMAT qua bộ phận Phân Tích Ngữ Nghĩa:

1- You are Vietnamese and he is a Vietnamese American, therefore we will speak Vietnamese with you.

—> Ông là người Việt Nam và ông ấy là một người Mỹ Việt Nam, bởi vậy chúng tôi sẽ nói tiếng Việt với ông.

2- This teacher remain and the remains of all brave dog are put in the remains of this abbey.

—> Thi hài thầy giáo này và những xác chết tất cả chó gan dạ được đặt vào những phế tích tu viện này.

3- On this hard table I can't solve any hard problem while the hard wind is blowing outside.

—> Trên cái bàn cứng này tôi không có thể giải quyết bất cứ vấn đề khó nào trong lúc gió khắc nghiệt đang thổi ở ngoài.

4- I have grown vegetables to sell in 1995. In August 18, all the flowers growed fast. I don't know why she can grow into such a beautiful girl. The economic in this country has been growing very fast in 1989.

—> Tôi trồng rau để bán vào năm 1995. Vào 18 tháng Tám, tất cả hoa đã mọc nhanh. Tôi không biết tại sao cô ấy có thể lớn lên thành cô gái đẹp như thế. Nền kinh tế tại quốc gia này phát triển rất nhanh vào năm 1989.

5- Mr. Nhân wants to flight to Saigon to learn Vietnamese with an Vietnamese teacher.

—> Ông Nhân muốn bay tới Sài Gòn để học tiếng Việt với một thầy giáo Việt Nam.

6- In America, everybody in a family must go to the church in Dec 24.

—> Tại Mỹ, tất cả mọi người trong một gia đình phải đi tới nhà thờ vào 24 tháng Mười Hai.

7- That thief was catched by this woman but he is released by the police.

— Kẻ trộm ấy bị bắt bởi người đàn bà này nhưng ông ấy được thả bởi cảnh sát.

* Trong ví dụ 1, nếu muốn dịch Tính từ "Vietnamese" trong "a Vietnamese American" là "người Mỹ gốc Việt", Người Dùng cũng có thể sửa chữa Luật Ngữ Nghĩa. Sau đó, EnViMAT sẽ biết dịch:

"Vietnamese Chinese" —> "người Trung Hoa gốc Việt"

"Chinese American" —> "người Mỹ gốc Trung Hoa", v.v...

B-3) Chuyển Dịch:

Bộ phận Chuyển Dịch có nhiệm vụ sắp xếp lại thứ tự nghĩa của từng Chữ (kết quả của bộ phận Phân Tích Ngữ Nghĩa) trong câu Anh Ngữ để có một Kết Quả Việt Ngữ phù hợp với cấu trúc của tiếng Việt. Việc làm này được chia làm hai giai đoạn: chuyển dịch Cụm Từ (Phrase Level) và chuyển dịch Trọn Câu (Sentence Level).

B-3-1) Chuyển dịch Cụm Từ:

Trong mỗi Cụm Từ (Cụm Danh Từ và Cụm Động Từ) khi chuyển dịch cần sắp xếp theo một

thứ tự phù hợp với cấu trúc của cú pháp Việt Nam:

a red house -> một căn nhà đỏ

these two hundred twenty one books -> hai trăm hai mươi mốt cuốn sách này

is learning -> đang học

have been bought -> đã được mua

B-3-2) Chuyển dịch Trọn Câu:

Sau khi từng Cụm Từ đã được chuyển dịch, Bộ Phận này còn phải thay đổi vị trí các Cụm từ ấy theo cấu trúc Việt Nam theo ý Người Dùng:

* Cụm từ chỉ thời gian nên chuyển lên đầu câu (?)

I will meet you on August 18 in the conference. —> Vào 18 tháng Tám, tôi sẽ gặp anh tại buổi hội thảo

* Thể Thụ Động nên chuyển Chủ Từ Hành Động sau chữ bị/được.

This book has been bought by my teacher.

—> Cuốn sách này đã được thầy giáo của tôi mua.

* Thể Nghi Vấn:

What is your name? —> Tên anh là gì?

B-4) Vài nan đề của EnViMAT:

Việc dịch thuật là một công việc rất khó khăn không phải chỉ riêng với Máy mà còn đối với Người nữa. Việc dịch thuật tối hảo không những cần đến kỹ thuật chuyển dịch mà còn cần nắm vững các yếu tính văn hoá được chuyên chở trong ngôn ngữ ấy (Anh và Việt) để có một kết quả thật Việt Nam. Trong dịch thuật có nhiều vấn đề mà Con Người sẽ quyết định khá dễ dàng và nhanh chóng; nhưng đối với Máy lại trở thành những Nan Đề khó tìm ra phương cách ổn thoả để giải quyết. Chẳng hạn như EnVIMAT đang vấp phải một số nan đề dưới đây:

- Đại Danh Từ:

* I: tôi, tao, ...;

* he: ông ấy, thằng đó, nó, chàng, ...;

* it: nó, con đó, cái đó, ...;

* we: chúng ta, chúng tôi, ...; v.v...

+ Có người bảo rằng EnViMAT không cần quan tâm đến vấn đề xưng hô vì mục tiêu phiên dịch của chúng ta là: tin tức, tài liệu khoa học, sách giáo khoa, ... chứa rất ít các Đại Danh Từ. Và dù có xuất hiện đâu đó các Đại Danh Từ thì khi nhuận sắc người ta cũng dễ dàng nhận diện và sửa chữa.

- Chữ viết hoa:

1- ... the Bush administration ...

nên dịch là: ... chính quyền Bush ...

chứ không phải: ... chính quyền Bụi Cây ...

2- ... I love Freedom and ...

nên dịch là: ... tôi yêu Tự Do và ...

chứ không phải: ... tôi yêu Freedom và ...

+ Đối với những chữ viết hoa không có trong tự điển thì đó là tên riêng (proper name) dĩ nhiên ta phải giữ nguyên. Nhưng nếu chữ viết hoa ấy có một nghĩa Việt ngữ thì EnViMAT sẽ không biết chọn lựa ra sao! Hơn nữa, trong ví dụ 2 chữ Freedom cũng rất có thể là tên của một người nào đó!

- Tìm Phương Pháp để EnViMAT "tự động" học thêm Luật Ngữ Nghĩa

+ EnViMAT đã biết cách tự động học Luật Ngữ Pháp, nhưng đối với Luật Ngữ Nghĩa sẽ phức tạp hơn; vì hiện nay Người Dùng nếu muốn dạy thêm cho EnViMAT về cách chọn Nghĩa thích hợp cho một chữ nào đó thì Người ấy phải nắm vững cấu trúc của Luật Ngữ Nghĩa cũng như Hệ Thống Khái Niệm đang dùng. Có người nhắn rằng hãy quan tâm đến kỹ thuật của Fuzzy Logic hoặc Case-Base Reasoning trong lãnh vực Expert System.

B-5) Những việc cần hoàn tất của EnViMAT:

Muốn có một sản phẩm Phiên Dịch Tự Động Anh Việt toàn hảo, nhóm nghiên cứu EnViMAT cần phải đầu tư thật nhiều thì giờ cũng như nỗ lực để học hỏi và ứng dụng các kỹ thuật tân kỳ. Trong thời điểm hiện tại, mục tiêu ngắn hạn của EnViMAT là khả năng dịch thật nhanh với chất lượng của Kết Quả Việt Ngữ (Raw Output) thuộc loại 'khá' như trong Phụ Lục 1&2. Để có một sản phẩm như vậy, chúng tôi cần phải hoàn tất một số việc sau đây:

- Phong Phú hoá bộ Luật Ngữ Pháp
- Hoàn Chỉnh Hệ Thống Khái Niệm (Concept System)
- Hoàn tất Tự Điển:

* thêm Chữ và viết Luật Ngữ Nghĩa cho các Chữ ấy

* tự điển Chuyên Môn

- Viết một Nhu liệu để Người Dùng nhuận sắc Kết Quả Việt Ngữ thật tiện lợi

5- Kết luận:

Chúng tôi tin tưởng rằng sau khi các lực lượng dân chủ dẹp bỏ 'bức màn sắt ' và xây dựng một thể chế Tự Do Dân Chủ đích thực tại Việt Nam; tạo điều kiện thuận lợi cho việc thiết lập một hệ thống giáo dục thích hợp nhằm nâng cao dân trí để xoá dần 'bức tường kiến thức'; chú bé EnViMAT sẽ nhanh chóng lớn lên thành hàng trăm hàng ngàn Phù Đổng Thiên Vương góp phần bức phá 'bức tường ngôn ngữ'. Lúc đó, Việt Nam mới có hi vọng biến thành Rồng thành Hổ để sánh vai cùng các nước tân tiến trên thế giới.

Tài Liệu Tham Khảo:

[1] Văn Phạm VN - Bùi Đức Tịnh; Nhà Xuất Bản Xuân Thu - 1966

[2] Cours de Grammaire historique de la langue francaise (Tome I)
Librairie Delagrave ở Paris xuất bản lần thứ 11 năm 1922

[3] Machine Translation - John Lehrberger and Laurent Bourbeau (Vol 15) John Benjamins Publishing Company - 1988

Từ Vựng trong bài này:

Bài Anh Ngữ: Input Text, Source Text - Chuyển Dịch: Transfer - Cụm Danh Từ: Noun Phrase - Cụm Động Từ: Verb Phrase - Cụm Từ: Phrase - Ngữ Cảnh: Context - Ngữ Nghĩa: Semantic - Ngữ Pháp: Syntactic - Ngôn ngữ Đích: Target Language - Ngôn ngữ Nguồn: Source Language - Người Dùng: User - Nhu Liệu: Software - Kết Quả Việt Ngữ: Output Text, Target Text - Tự Loại: Part Of Speech■

Âm Nhạc Truyền Thống Việt Nam Trong Hậu Bán Thế Kỷ Hai Mươi

ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG Ở MIỀN BẮC TRONG NHỮNG NĂM 1954-1975

LÊ TUẤN HÙNG

(Tiếp theo)

Đào tạo

Việc đào tạo một lực lượng nhạc sĩ sáng tác và trình diễn mới đã được tiến hành một cách quy mô và có tổ chức. Trường Âm Nhạc Việt Nam (đã đổi tên thành Nhạc Viện Hà Nội năm 1981) được thành lập năm 1956, Trường Nghệ Thuật Sân Khấu được thành lập năm 1959, và từ giữa thập niên 1960 một hệ thống các Trường Văn Hoá Nghệ Thuật ở các tỉnh và thành phố. Các học viên tốt nghiệp từ các trường này đều trở thành cán bộ nhân viên cuả nhà nước trong các công tác giảng dạy, sáng tác, trình diễn và lý luận âm nhạc theo đúng chính sách và đường lối cuả Đảng. Chính phương pháp và chương trình giảng dạy cuả các trường này, đặc biệt là cuả Trường Âm Nhạc Việt Nam tại Hà Nội, đã hun đúc một thế hệ nhạc sĩ truyền thống mới ở miền Bắc. Nhìn chung, đại đa số nhạc sĩ truyền thống mới này có kiến thức và khả năng trình tấu âm nhạc khác hẳn với những nhạc sĩ truyền thống trước đây.

Trường Âm Nhạc Việt Nam có sáu phân khoa: Khoa Nhạc Cụ Dân Tộc, Khoa Accordion và Guitar, Khoa Piano, Khoa Nhạc Cụ Giao Hưởng, Khoa Lý Sáng Chỉ (Lý luận, sáng tác, và chỉ huy dàn nhạc), và Khoa Thanh Nhạc. Điều đáng chú ý là trường này chỉ có Khoa Nhạc Cụ Dân Tộc (dạy các nhạc khí dân tộc) mà không có Khoa Thanh Nhạc Dân Tộc (để dạy các lối ca ngâm truyền thống Việt Nam) và Khoa Thanh Nhạc cuả trường này chỉ tập trung đào tạo ca sĩ theo phong cách nhạc viện Tây phương. Xét về mặt giáo dục âm nhạc cổ truyền thì đây là một thiếu sót lớn vì trong nhiều truyền thống âm nhạc Việt như nhạc Huế, nhạc Tài Tử, hay Ca Trù, khí nhạc gắn bó mật thiết với thanh nhạc. Tách rời khí nhạc và thanh nhạc trong quá trình học một loại đàn truyền thống sẽ khiến nhạc sinh không có cơ hội học và trình tấu bài bản cổ theo đúng phong cách cổ và hiểu rõ sự liên quan cuả khí nhạc và thanh nhạc trong bối cảnh âm nhạc truyền thống. Tuy nhiên việc thành lập riêng một khoa nhạc cụ dân tộc cũng có thể hiểu được dễ dàng vì thực tế cho thấy phương hướng hoạt động cuả Khoa này trong giai đoạn 1956-1975 là đào tạo những nhạc sĩ truyền thống mới, có khả năng sử dụng nhạc cụ truyền thống để diễn tấu nhạc truyền thống mới (nhạc cải biên, sáng tác mới), chứ không đào tạo những nhạc sĩ có khả năng diễn tấu nhạc cổ truyền theo đúng phong cách cổ truyền.

Điểm duyệt chương trình và cách giảng dạy cuả Khoa Nhạc Cụ Dân Tộc trong những năm 1956-1975, ta thấy nổi bật các đặc điểm sau:

1. Hệ thống bài bản được dạy bao gồm: dân ca cải biên, nhạc Chèo, nhạc Huế, nhạc Cải Lương, ca khúc chính trị phối cho nhạc cụ dân tộc, và sáng tác mới cho nhạc cụ dân tộc. Trong đó, phần nhạc cải biên, ca khúc chính trị và sáng tác mới là trọng tâm.

2. Các bài nhạc được ghi bằng ký âm pháp Tây phương, nhạc sinh phải học và trình tấu đúng như bài ký âm. Nhạc sinh không được học về phương thức biến hoá lòng bản cũng như nghệ thuật ứng tấu vốn là một đặc điểm cuả nhạc cổ truyền Việt Nam. Thêm vào đó, các cao độ trong nhạc cổ truyền đều được bình quân hoá theo thang âm Tây phương. Các kỹ thuật hoa mỹ luyến láy cuả các điệu thức trong cổ nhạc Việt Nam cũng không được chú ý giảng dạy đầy đủ.

3. Bảy nhạc khí truyền thống được giảng dạy bao gồm sáo, nhị, nguyệt, tỳ bà, tranh, bầu và tam thập lục. Trong số các nhạc khí này, cây đàn tam thập lục rất ít phổ biến ở Việt Nam trước 1945, vì cây đàn này không có khả năng diễn tấu các hình thức hoa mỹ rung mổ luyến láy cuả các truyền thống nhạc Việt. Đàn này từ Tây Á du nhập vào Trung Quốc vào cuối thời nhà Minh (khoảng năm 1600) và được gọi là Yangqin [Dương cầm]. Đàn này khá phổ biến ở vùng Quảng Đông và sau này được vận dụng nhiều trong các tốp nhạc, dàn nhạc dân tộc cải biên ở Trung Quốc. Đàn này có thể chơi giai điệu, hay đệm thêm phần tiết tấu và hợp âm rải trong các bài hoà đàn. Việc sử dụng nhạc khí này một cách phổ biến ở miền Bắc sau 1954 là một dấu ấn cuả nhạc cải biên Trung Quốc trong âm nhạc dân tộc ở miền Bắc.

4. Tất cả các môn học khác trong học trình như nhạc lý, nhạc sử, ký xướng âm v.v... đều là nhạc lý, nhạc sử, ký xướng âm nhạc Tây phương. Nhạc sinh không được học lý thuyết và lịch sử nhạc truyền thống. Nhạc sinh cũng không được học ký xướng âm theo thang âm điệu thức cổ truyền.

Trải qua học trình với những đặc điểm như trên, các nhạc sinh tốt nghiệp Khoa Nhạc Cụ Dân Tộc cuả Trường Âm Nhạc Việt Nam có căn bản nhạc Tây phương khá vững và có khả năng

diễn tấu nhạc cải biên, ca khúc chính trị và sáng tác mới rất tốt. Tuy nhiên, đa số các nhạc sinh này thiếu kiến thức căn bản về nhạc cổ và thiếu khả năng trình tấu nhạc cổ truyền đúng phong cách cổ.

Trình diễn

Trong giai đoạn 1954-1975, phần lớn các sinh hoạt âm nhạc cổ truyền trong bối cảnh truyền thống ở miền Bắc đã nhường bước cho các hoạt động âm nhạc truyền thống mới được nhà nước quản lý và tổ chức một cách rất qui mô. Từ trung ương đến địa phương, cũng như các ban ngành, ở đâu cũng có những đoàn ca muá nhạc chuyên nghiệp hay nghiệp dư. Các ca nhạc sĩ đều là cán bộ công nhân viên cuả nhà nước và đại đa số đều được huấn luyện tại các cơ sở đào tạo cuả nhà nước. Các đoàn nghệ thuật chính ở miền Bắc trong giai đoạn này gồm Đoàn Ca Muá Nhân Dân Trung Ương, Đoàn Ca Muá Thủ Đô Hà Nội, Đoàn Ca Muá Cục Chính Trị Quân Đội Nhân Dân, Đoàn Ca Muá Cục Chính Trị Quân Giải Phóng, Đoàn Nghệ Thuật Tuồng, Đoàn Chèo Trung Ương, Đoàn Muá Rối Trung Ương, Đoàn Cải Lương Nam Bộ, Đoàn Ca Vũ Nhạc, Đoàn Ca Muá Nhân Dân Miền Nam, Đoàn Văn Công Giải Phóng.

Xét trên tỷ lệ thời lượng trình diễn trên sân khấu cũng như trên hệ thống truyền thông như truyền thanh, loa thông tin văn hoá, các tiết mục ca muá nhạc mới xây dựng theo phong cách ngoại lai có tỷ lệ cao hơn rất nhiều so với những tiết mục ca muá nhạc dân tộc (đa số là cải biên). Nghe Đài Phát Thanh Tiếng Nói Việt Nam (Hà Nội) hay Đài Phát Thanh Giải Phóng (Hà Nội) cuả những năm 60, 70, ai cũng nhận ra rằng ca khúc chính trị đóng vai trò chủ đạo trong ca nhạc miền Bắc.

Xét về nhân sự cuả các đoàn nghệ thuật, ta thấy phần lớn những nghệ sĩ truyền thống cũ được lưu dụng đều thuộc các bộ môn sân khấu như Chèo, Tuồng, và Cải Lương. Ngoài ra tuyệt đại đa số các diễn viên cuả các tiết mục Ca Nhạc Dân Tộc đều là nhạc sĩ được đào tạo theo hệ chính qui từ các trường âm nhạc, nghệ thuật hay cơ sở huấn luyện cuả các ban ngành. Do đó, nhạc cải biên và sáng tác dân tộc hiện đại là những bài bản chính cuả các tiết mục Ca Nhạc Dân Tộc cuả các đoàn văn công, đoàn ca muá nhạc ở miền Bắc. Một đặc điểm nổi bật cuả phong cách trình diễn dân ca cải biên ở miền Bắc trong giai đoạn này là việc sử dụng lối hát cộng minh mạnh mẽ cuả ca kịch opera và ca thính phòng Tây phương tiếp nhận từ Liên Xô, Đông Âu và Trung Quốc. Nghe những giọng nữ cao (soprano), nam cao (tenor) hay nam trầm (bass) hát những bài dân ca với cường độ mạnh mẽ, với cách ngân và nhả chữ khác lối hát truyền thống, và thiếu những luyến láy, rung, đổ hột cuả lối hát truyền thống, ta thấy phong cách hát hày làm mất nét ý nhị, duyên dáng cũng như nét đẹp truyền thống cuả các làn điệu dân ca.

Trong giai đoạn này, chỉ có một vài đoàn nhỏ hay đoàn địa phương là còn lưu giữ được những nét đẹp cuả nhạc cổ truyền. Điển hình nhất là Đội Ca Huế Đài Phát Thanh Tiếng Nói Việt Nam (Hà Nội), kế đến là Đoàn Dân Ca Quan Họ (Hà Bắc). Đội Ca Huế với những ca nhân như Châu Loan, Hồng Lê, Hồng Duyên (nổi bật nhất về tài nghệ là Châu Loan) và một số nghệ sĩ đàn truyền thống đã lưu giữ và trình bày những bài Ca Huế cổ truyền theo phong cách cổ bên cạnh những tiết mục chính trị (như ngâm thơ Tố Hữu). Hoạt động cuả Đội Ca Huế nhìn chung là khá hạn chế so với hoạt động ca nhạc chính trị. Xét về mặt nghệ thuật, tiếng hát điệu đàn cuả các nghệ sĩ trong Đội Ca Huế này không thể sánh được với giọng ca bậc thầy cuả bà Tuyết Hương, bà Bích Liễu và tiếng đàn Huế cuả các tay thiện cầm như Nguyễn Hữu Ba, Bửu Lộc, Vĩnh Phan... ở miền Nam trong thời kỳ này.

Đoàn Dân Ca Quan Họ là một đoàn hát địa phương do ngành Văn Hoá Thông Tin Hà Bắc thành lập năm 1969. Đoàn Dân Ca Quan Họ kết hợp trình diễn Quan Họ nguyên thuỷ và cải biên. Vì là đoàn hát cuả đất Quan Họ, các ca sĩ cuả đoàn đã có cơ hội học những bài Quan Họ nguyên thuỷ và phong cách luyến láy từ các liền anh liền chị năm xưa còn sống tại các làng, vì cung cách cải biên có ý thức (như phối thêm các bè đàn truyền thống đi theo một cách vừa phải và hoa lá làn điệu cuả lời ca chứ không áp dụng lối đệm hay chạy bè cuả nhạc Tây phương, nhịp điệu cuả các bài hát tuy có tăng nhanh lên nhưng cũng không tăng quá đà), nên những bài hát do đoàn này trình diễn trong thập niên hoạt động đầu tiên thể hiện một nỗ lực làm mới dân ca, "thành thị hoá" dân ca một cách nghiêm chỉnh. Các giọng ca chuyên nghiệp mạnh và khoẻ nhưng không bỏ mất các luyến láy, hoa mỹ tiêu biểu cuả làn điệu truyền thống cuả các thành viên Đoàn Dân Ca Quan Họ là một thành tựu hiếm hoi cuả nền nhạc cải biên miền Bắc trong giai đoạn này. Tuy nhiên, Đoàn chỉ là một cơ chế địa phương và không có những ưu tiên và điều kiện hoạt động thuận lợi như những đoàn cấp trung ương. Năm năm sau ngày thành lập, Đoàn mới được về Hà Nội biểu diễn lần đầu. Đáng tiếc là đến cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90, Đoàn Dân Ca Quan Họ "xuống cấp một cách bi đát, khủng hoảng cả về tổ chức lẫn nghệ thuật" (Hồng Thao 1991:64).

Trong các bộ môn ca kịch chèo, tuồng và cải lương, chỉ các vở tuồng cổ truyền và các vở không cải biên là còn mang dấu ấn cuả ca kịch truyền thống về mặt âm nhạc. Các vở chèo cổ như Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình Dương Lễ (Đoàn Chèo Trung Ương, 1957-58), Vân Dại, Trương Viên (Đoàn Cổ Phong, 1957-58), hay các vở chèo cuả Đoàn Chèo Thái Bình vốn chủ trương giữ gìn phong cách cổ là những thí dụ điển hình. Tuy nhiên các vở cải biên với nội dung chính trị rõ ràng chiếm một vị thế quan trọng hơn nhiều trên sân khấu miền Bắc.

Riêng trong ca kịch cải lương, một phong cách đánh đàn mới được phát triển khá mạnh mẽ và trở thành phong cách đánh đàn cải lương tiêu biểu ở miền Bắc. Đặc điểm thứ nhất cuả phong

cách này là đánh rất nhiều chữ trong tất cả các câu nhạc cuả tất cả các bài nhạc. Bài Bắc, bài Nam, bài Oán hay Vọng Cổ đều có cùng một cách chuyển chữ nhiều và nhanh như nhau. Đặc điểm thứ hai là không vận dụng nhiều nhấn luyến hoa mỹ. Phong cách đàn này có thể nghe được ở tiếng đàn cuả Thanh Hải cùng nhiều nhạc sĩ cải lương khác ở Hà Nội. Xét về mặt âm nhạc, phong cách đàn này thích hợp cho các bài Bắc, Quảng (vui) hơn là bài Nam (buồn). Không kể việc bỏ bớt luyến láy hoa mỹ làm tiếng đàn bị trơ, việc chạy chữ rần rần trong các bài như Nam Xuân, Nam Ai, Giang Nam v.v... thực sự làm mất hẳn tinh thần thanh thản hay trầm buồn cuả bài nhạc. Có lẽ đây là kết quả cuả một nỗ lực xoá nhoà yếu tố buồn trong các bài Nam cuả nhạc cải lương, một yếu tố bị xem như là "tiêu cực", là "không thích hợp cho nền âm nhạc cách mạng, dân tộc hiện đại".

Cải tiến nhạc khí

Trong nỗ lực xây dựng nền âm nhạc dân tộc hiện đại ở miền Bắc trong giai đoạn này, nhiều nhạc khí truyền thống đã được cải tiến để trình bày nhạc cải biên và sáng tác mới. Thành quả cuả việc cải tiến nhạc khí ở miền Bắc có thể được liệt kê như sau:

1. Thay đổi cao độ các âm thanh do các nhạc khí cổ truyền tạo ra. Cách phân bố lỗ cuả sáo và tiêu, cách gắn phím cuả các đàn nguyệt, tỳ bà, đáy, tứ v.v... được thay đổi để tạo ra các âm thanh cuả thang âm bình quân Tây phương. Đây là một tiến trình Tây phương hoá nhạc khí Việt Nam. Cũng nên biết rằng, các nhạc khí cổ truyền như sáo, tiêu, kèn, đàn sến, đàn tỳ bà, đều có cách khoét lỗ hay gắn phím riêng để tạo ra các âm thanh cuả một thang âm bảy cung đều. Với việc "cải tiến và nâng cao", các nhạc khí cổ truyền Việt Nam đã mất đi khả năng diễn tấu chính xác các cung bậc cuả nhạc cổ truyền.

2. Tăng cường âm lượng cuả các nhạc khí cổ truyền. Trong lãnh vực này, có thể nói ngoài việc gắn hệ thống khuyếch âm điện làm tăng âm lượng cuả đàn bầu, không thấy có những nỗ lực nào có thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, xét về mặt âm nhạc, âm thanh đàn bầu điện không có đầy đủ màu sắc đẹp cuả tiếng đàn bầu thùng, và nghe ra rất máy móc.

3. Mở rộng âm vực cuả các nhạc khí cổ truyền. Trong giai đoạn này, khuynh hướng thành lập các tốp nhạc hay giàn nhạc dân tộc qui mô theo mô hình tốp nhạc hay giàn nhạc Tây phương khá phổ biến. Hướng phát triển này chịu ảnh hưởng cung cách "hiện đại hoá" nhạc dân tộc cuả Liên Xô và Trung Quốc rất rõ nét. Trong nỗ lực này, giới nhạc dân tộc miền Bắc đã chế tạo những tổ bộ nhạc khí dân tộc với các âm vực khác nhau. Các cây đàn truyền thống được chế tạo theo nhiều cỡ khác nhau để diễn tấu các âm vực trầm, trung và cao. Một thí dụ điển hình là bộ đàn tứ (đàn đoản) tiểu, tứ trung và tứ cao. Trong những năm 60-70, Đoàn Ca Muá Giải Phóng có dùng tổ bộ đàn tứ, Nhà Hát Ca Muá Nhạc Trung Ương dùng tổ bộ đàn đáy, Đoàn Ca Muá Hà Nội dùng tổ bộ đàn tam (Lý Trọng Hưng 1972: 157). Chức năng chính cuả các tổ bộ đàn như vậy là diễn tấu nhạc cải biên, ca khúc chính trị phối cho dàn nhạc và sáng tác mới. Một cải tiến khác trong việc mở rộng âm vực là việc gắn thêm phím trên phần đầu cuả cần đàn tỳ bà. Cải tiến này thực ra chỉ là sự tiếp thu cách gắn phím mới trên đàn pipa [tỳ bà] cuả Trung Quốc.

4. Ngoài các nhạc khí cổ truyền cuả người Việt, các nhạc khí cuả một số dân tộc thiểu số cũng được cải tiến theo hướng Tây phương hoá cao độ âm thanh và mở rộng âm vực. Đàn t'rưng cuả các sắc dân Giarai và Bana ở cao nguyên miền Trung được cải tiến theo mô hình các đàn marimba và xylophone Tây phương. Đàn Klông-put (cao nguyên miền Trung) cũng được cải biến để tạo ra các âm thanh cuả thang âm bình quân Tây phương. Tuy vẫn gọi là đàn t'rưng và klông-put, nhưng về hình thức cũng như cao độ âm thanh, các nhạc khí cải biến này khác xa những nhạc khí nguyên thuỷ. Sáo Mèo (hay sáo Hmông) cũng được cải biến theo chiều hướng Tây phương hoá này bằng cách khoét thêm lỗ để tạo ra các âm thanh cuả thang âm bình quân Tây phương.

Sưu tầm và nghiên cứu

Trong giai đoạn này, việc sưu tầm và nghiên cứu âm nhạc cổ truyền ở miền Bắc được Ban Nghiên Cứu Âm Nhạc thuộc Vụ Nghệ Thuật tiến hành. Ban này là tiền thân cuả Viện Nghiên Cứu Âm Nhạc và sau đó là Viện Âm Nhạc và Muá cuả thập niên 1980. Ngoài ra, các tổ chức như Đoàn Văn Công Trung Ương, Phòng Văn Nghệ Quân Đội, Đài Phát Thanh Tiếng Nói Việt Nam, Trường Âm Nhạc Việt Nam v.v... cũng có những cán bộ sưu tầm âm nhạc cho các mục đích riêng hay cho những chương trình ngắn hạn. Mục đích chính cuả công tác sưu tầm và nghiên cứu âm nhạc truyền thống là thâu thập và chọn lọc các làn điệu cổ truyền hay các yếu tố âm nhạc cổ truyền được xem là tích cực để cải biên, chỉnh lý thành tiết mục ca nhạc dân tộc hiện đại, hoặc khai thác trong các sáng mới.

Việc xác lập đối tượng nghiên cứu trong công tác nghiên cứu âm nhạc dân tộc ở miền Bắc mang dấu ấn cuả tư tưởng Lênin về tính giai cấp trong nghệ thuật rất rõ nét. Văn học nghệ thuật nói chung, và âm nhạc nói riêng, được phân chia thành hai bộ phận: một bộ phận cuả giai cấp thống trị và một bộ phận cuả giai cấp bị trị. Trong trường hợp Việt Nam trước thời kỳ xã hội chủ nghiã, giới lý luận và nghiên cứu nghệ thuật ở miền Bắc phân loại hai bộ phận nghệ thuật chính: (1) Nghệ thuật dân tộc phong kiến, tư sản (đại diện là nghệ thuật trí thức và cung đình) "chưá đựng nhiều yếu tố lạc hậu, không hợp thời hoặc phản động" và (2) Nghệ thuật dân tộc nhân dân (đại diện là nghệ thuật dân gian), "gồm nhiều yếu tố dân chủ và xã hội chủ nghiã (!), là những mặt tích cực...cần tiếp thu và phát triển" (Hà Huy Giáp 1972:10). Bộ phận nghệ thuật dân gian được xem là "cốt lõi cho tính dân tộc xã hội chủ nghiã" cuả nghệ thuật dân tộc

hiện đại ở miền Bắc. Xuất phát từ định hướng mang màu sắc tư tưởng Lênin này, phần lớn các công trình sưu tầm và lý luận trong giai đoạn này đều tập trung vào dân ca cuả người Việt cũng như cuả các dân tộc thiểu số sống ở Việt Nam. Một số khác chuyên về các bộ môn ca kịch đại chúng như chèo, tuồng và cải lương. Các bộ môn như ca trù, nhạc lễ v.v... không được chú ý sưu tầm và nghiên cứu trong giai đoạn này.

Trong lãnh vực sưu tầm và ký âm, hàng ngàn bài dân ca đã được ghi âm trên băng nhựa, hàng trăm bài đã được ký âm và xuất bản dưới dạng nguyên thuỷ hoặc cải biên (về nhạc lẫn lời). Nhiều tập dân ca các tỉnh, vùng, miền hay dân ca cuả các dân tộc thiểu số đã được xuất bản trong thời kỳ 1954-1975. Ký âm pháp Tây phương được dùng để ghi các làn điệu đã được sưu tầm. Ngoại trừ một số rất ít bản ký âm (như các bài ký âm cuả Tô Ngọc Thanh) có ghi các cao độ chênh chút ít với cao độ trong thang âm bình quân Tây phương, tất cả các bản ký âm dân ca đều sử dụng ký âm và cao độ Tây phương một cách rất tự nhiên, xem như tuồng dân tộc Việt và các dân tộc thiểu số trên đất Việt đều vận dụng thang âm bình quân Tây phương trong âm nhạc cổ truyền cuả mình rất nhuần nhuyễn và chính xác vậy. Tuy nhiên nếu có dịp nghe tận tai dân ca nguyên thuỷ, ta có thể khẳng định sự hiện diện cuả độ chênh giữa cao độ các âm thanh trong nhạc dân gian Việt Nam và thang âm bình quân Tây phương. Một khuyết điểm khác cuả các bản ký âm này là không ghi lại đầy đủ các yếu tố hoa mỹ làn điệu. Do đó, trong nhiều trường hợp, theo tiêu chuẩn thẩm mỹ truyền thống, ta thấy bài hát có vẻ trơ. Xem đó, đa số các bài ký âm này không mấy hữu ích cho việc học, phân tích hay tái thể hiện dân ca nguyên thuỷ theo đúng phong cách cổ. Năm 1985, khi viết lời tựa cho tập Dân Ca Kiên Giang, Lưu Hữu Phước đã lưu ý "người xem sách không nên lấy cây ghi-ta, cây pia-nô, đánh đàn theo cách ghi năm dòng trong sách để học hát các bài dân ca đã sưu tầm, vì nghe sẽ sai lạc hết, không khác gì ta ghi tên Mỹ Tho rồi đọc theo chữ Pháp là Mi-Tô vậy" (Lư Nhất Vũ 1985: 13). Nhận xét này có thể áp dụng cho đa số các tuyển tập dân ca được sưu tầm, ký âm và xuất bản ở miền Bắc. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh ở đây rằng các tuyển tập này rất hữu ích cho các hoạt động cuả dòng nhạc cải biên và dân tộc hiện đại ở miền Bắc, và góp phần không nhỏ vào sự phát triển cuả dòng nhạc này. Các công trình sưu tầm và ký âm này cũng cho thấy phần nào sự đa dạng và phong phú cuả ca nhạc dân gian truyền thống trước đây.

Trong lãnh vực nghiên cứu, lý luận, thời kỳ này chưa có những công trình lớn. Chưa có công trình nào xác lập được một cách chính xác và sâu sắc các đặc điểm cuả nhạc ngữ Việt Nam một cách tổng quát hay đặc điểm âm nhạc cuả từng thể tài âm nhạc truyền thống. Vì thiếu kinh nghiệm diễn tấu nhạc truyền thống, nên đại đa số các nhà lý luận âm nhạc miền Bắc thường áp dụng quan điểm về thang âm và quãng âm Tây phương và dùng các bản ký âm không chính xác nói trên làm cơ sở nghiên cứu. Điều này dẫn đến những kết luận không chính xác. Các công trình nhỏ về nhạc sử không ít thì nhiều mang màu sắc chính trị và dấu ấn cuả tư tưởng Lênin về tính giai cấp trong nghệ thuật.

Kết luận

Trong hai thập niên tiến hành xây dựng nền âm nhạc dân tộc hiện đại ở miền Bắc, Đảng và nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà đã thay thế phần lớn các thể tài âm nhạc cổ truyền bằng dòng nhạc dân tộc cải biên và sáng tác dân tộc hiện đại. Đặc điểm cuả nhạc cải biên và sáng tác dân tộc hiện đại là sự Tây phương hoá ngôn ngữ âm nhạc Việt Nam theo những phương thức được tiếp nhận từ Liên Xô và Trung Quốc. Việc chuyên nghiệp hoá và chính trị hoá hoạt động trình diễn là những đặc điểm xã hội cuả dòng nhạc truyền thống mới này. Với một lực lượng đông đảo các nhạc sĩ trình diễn và sáng tác cùng các cán bộ lý luận được đào tạo dưới mái trường xã hội chủ nghiã, và với tất cả phương tiện truyền thông, nhà xuất bản, cơ sở trình diễn trong tay, Đảng và nhà nước miền Bắc đã tạo cho dòng nhạc truyền thống mới này một vị thế vững vàng trong nền văn hoá mới ở miền Bắc. Bản chất dòng nhạc này đã phản ảnh khá rõ nét những đặc điểm cơ bản cuả nền văn hoá mới cũng như tình hình chính trị xã hội ở miền Bắc. Đó là (1) sự sùng bái tư tưởng, học thuật và chính sách ngoại lai mạnh mẽ, không thua sút (có thể còn hơn!) những triều Lê, triều Nguyễn năm xưa và (2) hiện tượng chính trị hoá mọi mặt sinh hoạt cuả đời sống. Cách đây mấy mươi thế kỷ, sách Nhạc Ký đã ghi: Thẩm nhạc dĩ tri chính [Nghe kỹ âm nhạc có thể hiểu rõ chính trị]. Xem ra người xưa đã có một cách nhìn có tính "liên ngành" về âm nhạc khá sâu sắc vậy.

Ở Bắc Việt, một thế hệ mới được sinh ra và trưởng thành trong bối cảnh văn hoá mới xã hội chủ nghiã. Đối với đại đa số người thuộc thế hệ mới này nhạc dân tộc cải biên và sáng tác dân tộc hiện đại là dòng nhạc truyền thống duy nhất. Trong thế hệ này, số người có khả năng thưởng thức và diễn tấu nhạc cổ truyền nguyên thuỷ rất hiếm hoi. Trong hoàn cảnh như vậy việc khôi phục và giữ gìn truyền thống âm nhạc Việt Nam là một thử thách vô cùng khó khăn và lớn lao.■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

Viết tắt: VTDTTÂNVN = Về Tính Dân Tộc Trong Âm Nhạc Việt Nam

Bùi Đức Hạnh

1985 Tìm Hiểu Âm Nhạc Trong Chèo Cổ và Chèo Mới. Nghiên Cứu Nghệ Thuật 4 (63): 76-81. Đào Trọng Từ

1974 The Hat Cheo, Song of Oars (The People Are Telling Their Own Story). Vietnam Courier 26:23-27 & 30.

1982 The Hanoi Conservatory. Vietnam Courier 4:25-27. Đinh Lạn & Sỹ Tiến

1971 Hướng Dẫn Sử Dụng Một Số Nhạc Cụ Dân

Tộc. [Hà Nội]: Vụ Văn Hoá Quần Chúng và Thư Viện. Đỗ Nhuận

1972 "Con Hơn Cha Là Nhà Có Phúc", trong VTDTTÂNVN, Hà Nội: Văn Hoá, tr. 26-34. Đức Thông

1989 "Các Đoàn Nghệ Thuật, Sân Khấu, Điện Ảnh Trong Cả Nước", trong Văn Hoá Việt Nam : Tổng Hợp, 1989-1995, tr. 375. Hà Huy Giáp

1972 "Nắm Vững Vốn Dân Tộc, Học Tập Tinh Hoa Thế Giới, Để Xây Dựng Một Nền Âm Nhạc Hiện Thực Xã Hội Chủ Nghiã Việt Nam" trong VTDTTÂNVN, Hà Nội: Văn Hoá, tr. 5-20. Hà Xuân Trường

1972 "Bàn Thêm Về Tính Dân Tộc Trong Nghệ Thuật Nhân Cuộc Thảo Luận Về Tính Dân Tộc Trong Âm Nhạc" trong VTDTTÂNVN. Hà Nội: Văn Hoá, tr. 35-53. Hồ Chí Minh

1958 "Bài Nói Chuyện tại Hội Nghị Cán Bộ Văn Hoá". In lại trong Về Công Tác Văn Hoá Văn Nghệ. Hà Nội: Sự Thật, 1977: tr. 50-54. Hoài Anh

1976 Lại Bàn Về Chèo Thể Hiện Đề Tài Hiện Đại. Nghiên Cứu Nghệ Thuật 2 (11): 100-109. Hoàng Quốc Hải

1995 Xuân Về Nhớ Điệu Ca Trù. Sài Gòn Giải Phóng xuân Ất Hợi, tr. 21. Hồng Thao

1986 "Canh Hát Hội Lim", trong Tìm Hiểu Âm Nhạc Dân Tộc Cổ Truyền. Hà Nội: Văn Hoá, tr. 109-140.

1991 Để Tiếng Hát Quan Họ Sống Mãi. Nghiên Cứu Văn Hoá Nghệ Thuật 101: 63-65. Lư Nhất Vũ, Nguyễn Văn Hoa, Lê Giang.

1985 Dân Ca Kiên Giang. Kiên Giang: Sở Văn Hoá Thông Tin Tỉnh Kiên Giang. Lưu Hữu Phước

1959 "Khai Thác Vốn Ca Nhạc Cổ Truyền Như Thế Nào". trong Tập San Văn Hoá số 5. In lại trong VTDTTÂNVN. Hà Nội: Văn Hoá, 1972: 191-200.

1961 "Vấn Đề Tiếp Thu Di Sản Nghệ Thuật Dân Tộc". Bài giảng ở Trường Lý Luận và Nghiệp Vụ Bộ Văn Hoá. In lại trong VTDTTÂNVN. Hà Nội: Văn Hoá, 1972: 201-231. Lý Trọng Hưng

1972 "Về Việc Cải Tiến Nhạc Cụ Dân Tộc", trong VTDTTÂNVN. Hà Nội: Văn Hoá, tr. 154-165. Mao Tse-Tung

1965 Selected Works of Mao Tse-Tung, vol. 2. Peking: Foreign Language Press. Nguyễn Phúc

1972 "Tính Dân Tộc Trong Âm Nhạc Việt Nam" trong VTDTTÂNVN. Hà Nội: Văn Hoá, tr. 65-92. Olkhovsky, Andrey.

1955 Music under the Soviets: the Agony of an Art. London: Routledge & Kegan. Trần Bảng

1979 Chèo: Sân Khấu Tự Sự. Nghiên Cứu Nghệ Thuật 1(24): 39-49 & 82. Trần Văn Khê

1972 Means of Preservation and Diffusion of Traditional Music in Vietnam. Asian Music 3(1):40-44. Võ Văn Trực

1990 "Tiếng Kêu Cứu Cuả Một Vùng Văn Hoá", trong Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương : Cao Trào Văn Nghệ Phản Kháng tại Việt Nam, 1986-1989. Reseda, CA. : Lê Trần, tr. 733-740. Xuân Khải

1982 Training of Players of Traditional Musical Instruments in Vietnam. Vietnam Courier 7: 21. Yang Mu

1994 Academic Ignorance or Political Taboo? Some Issues in China's Study of Its Folk Song Culture. Ethnomusicology 38(2):303-320. ■

TỪ LÁY TRONG PHƯƠNG NGỮ LỤC TỈNH

ĐOÀN XUÂN KIÊN

1

Tiếng Việt có một số khá lớn các từ ngữ không nằm trong kho từ vựng cơ bản (1) nhưng lại chiếm vị trí đặc biệt vì khả năng diễn đạt của chúng phản ánh một đặc điểm của tiếng nói dân tộc. Ai cũng biết trong kho từ vựng cơ bản có từ *thấp* và *héo,* nhưng khi Nguyễn Du viết: "*Sè sè* nấm đất bên đường, Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh." thì *sè sè* không chỉ là 'thấp', và *dàu dàu* còn ngụ ý gì khác hơn là diễn ý 'héo'. Các nhà ngữ pháp thường dùng những tên gọi khác nhau để chỉ loại từ ngữ này: từ ghép, từ điệp âm, từ phản điệp, từ láy, từ lắp láy... Maurice Durand có nghiên cứu nhóm từ ngữ này và gọi chúng là 'impressifs' (cảm từ). Trong bài này, chúng tôi chọn dùng thuật ngữ *từ láy.*

2

Nói một cách khái quát thì từ láy là một loại những từ được tận dụng phương tiện diễn đạt bằng âm thanh để chuyên chở những ấn tượng, cảm xúc hay ý nghĩ chủ quan của người nói về một sự việc. Phương tiện biểu tả của từ láy các âm thanh theo những kiểu thức khác nhau nhằm mục đích diễn đạt được ý nghĩa biểu trưng của các âm thanh. Trong từ vựng tiếng Việt, từ láy là loại từ có khả năng tạo sinh rất mạnh: từ một từ đơn, có thể có những từ láy hai âm hoặc ba âm, bốn âm: *âm* > *âm ỉ/âm âm ỉ ỉ.* Một từ đơn được chuyển thành một từ láy là khi nó được láy lại một phần hoặc toàn bộ từ: *bùng* > *bập bùng* (láy âm phụ đầu), *khéo* > *khéo léo* (láy bằng cách điệp vần), *chúm* > *chúm chím* (láy bằng cách đối vần). Có thể mượn mô hình dưới đây để hệ thống hóa các phương thức láy từ trong tiếng Việt (2):

Phương ngữ 'lục tỉnh' có khá nhiều từ láy ngộ nghĩnh, tạo nên sắc thái riêng nếu so sánh với toàn bộ hệ thống từ láy của tiếng Việt. Hãy lấy một ít từ láy trong mục từ B và C trong *Từ điển Việt Nam* của Lê Văn Đức (3):

Bảng 1

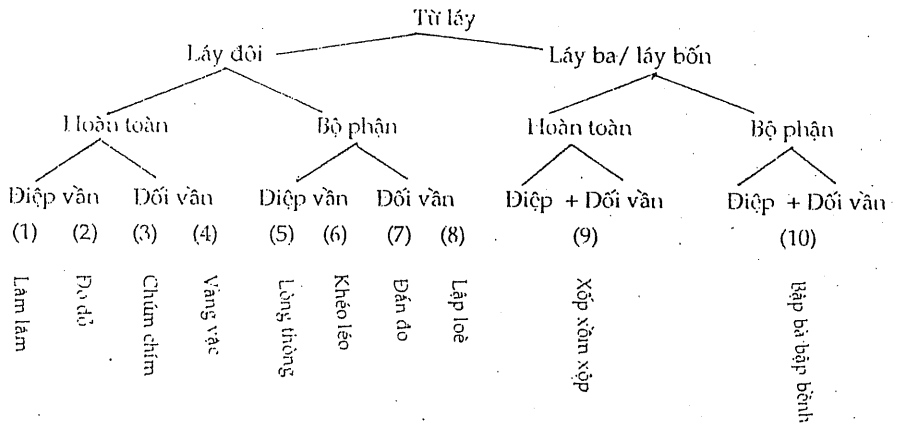

Bảng 2:

(1)	(2)	(3)	(4)
Bãi bãi	Cà tửng	Bẻ bai	Bần dùng
Bơ bơ	Cà xóc	Bãi hãi	Bí beng
Bõm bõm	Bì bịt	Bo bíu	Bờm xơm
Bịch bịch	Bễ nghễ	Bặm nhặm	Bòng chanh

Để thuận tiện cho việc so sánh nét riêng của từ láy miệt lục tỉnh và phương ngữ đàng ngoài, chúng tôi dựa vào phép biến đổi ngữ âm của từ láy để xếp loại từ đơn giản đến phức tạp, theo đó có thể gom vào bốn nhóm dưới đây:

(1) Nhóm thứ nhất có kiểu mẫu *cum cum*, là những từ đơn được lập lại hoàn toàn, hoặc là chỉ biến đổi dấu giọng theo bậc bổng (ngang-hỏi-sắc), trầm (huyền-ngã-nặng): *chằng > chằng chằng, cụp > cụp cụp/cùm cụp.*

(2) Nhóm thứ nhì có kiểu mẫu *tèm lem*, gồm những tiếng nguyên là từ đơn trong phương ngữ đàng ngoài nhưng được chuyển hóa thành một từ láy bằng cách thêm một âm phụ; cho nên *rà > cà rà, bã > bã chã, lem > tèm lem, bịt > bì bịt.* Rất thường gặp các từ láy loại này bắt đầu bằng âm tiết "cà" hay là âm tiết láy bắt đầu bằng phụ âm "l": *Thọt > cà thọt, vụn > lụn vụn, sượng > lượng sượng.*

(3) Nhóm thứ ba có kiểu mẫu *bãi buôi*, gồm những từ láy trong tiếng Việt phổ thông đàng ngoài nhưng được biến đổi một bộ phận; lí do biến đổi có thể vì người nói không nhớ đầy đủ từ láy cũ, có thể vì liên tưởng mà tạo ra từ mới này: *Chập chựng > chập chững, chầm hầm > hầm hầm, rũ kiệt > rũ liệt, bãi buôi > đãi bôi.*

Bảng 3:

(1)	(2)	(3)	(4)
Lom lom	Lụt thụt	Xên lên	Ỏi ọp
Hù hù	Lấn quấn	Húng hiếp	Hì hợm
Vặc vặc	Xẵng xớm	Xồm xàm	Dụ dự
Lúp lúp		Hầm hừ	Cóm róm

(4) Nhóm thứ tư gồm những từ láy khá "lạ tai," không thấy trong các từ điển Việt phổ thông, mặc dù khá phổ biến trong các từ điển biên soạn dựa trên tiếng nói địa phương miền Nam, (chẳng hạn *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị* của Huỳnh Tịnh Paulus Của và *Từ điển Việt Nam* của Lê Văn Đức). Phương thức tạo từ loại này là phương thức liên tưởng ngữ âm dựa trên những từ cùng khuôn âm: *Hì hợm* < [Lì lợm + Hì hục], *Quần quện* < [Vần vện + Quần quại].

Bảng 4

(1)	(2)	(3)	(4)
Trì trì	Lúp xúp	Lình bình	Lam nham
Chằng chằng	Lượng sượng	Chầm hầm	Vút vắt
Ngoay ngoay	Bầu bậu	Bải oải	Lất tất
Rần rần	Lăng líu	Cúm núm	Rời rợi
Cụp cụp	Tòe loe	Rũ riệt	Dập dữi
	Bìu rịn	Lướt khướt	Nhũn nhượi
	Lương ương	Chèm nhem	Lúm luyến
	Băng xiên băng nai	Bòng chanh bóc chách	Quằn quện
	Bơ lơ bảng lảng	Băm hăm bó hó	Hệch hạc

Bốn mô thức tạo từ láy này là những kiểu láy từ phổ biến trong phương ngữ miền Nam. So sánh với những từ láy mà Hồ Biểu Chánh — một nhà văn có phong cách hành văn đặc sắc nhờ dùng ngôn ngữ nói rặc miền Nam — sử dụng trong chương đầu tiên của cuốn truyện *Ngọn cỏ gió đùa* (4): (xem Bảng 3)

Những kiểu láy từ trong sách vở như vừa thấy cũng khá thích hợp với bảng 355 từ láy mà chúng tôi thu thập được trong ngôn ngữ hàng ngày tại miệt vườn: (xem Bảng 4)

Phương thức tạo từ láy nào trong số bốn kiểu trên đây được ưa chuộng hơn cả? Theo số liệu của chúng tôi thì các từ thuộc nhóm 1 và 4 được ưa chuộng hơn. (xem Bảng 5)

Nhóm 1 được ưa chuộng thì đã đành, vì láy lại nguyên vẹn một âm, hoặc là dùng một tiếng tượng thanh để nhại theo âm thanh tự nhiên là một cách tạo từ mới khá giản dị, phù hợp qui luật "lười" — có người gọi là qui luật "tiết kiệm" — của ngôn ngữ (5). Nhóm 4 xem ra được ưa chuộng hơn cả, cho dù tìm hiểu ý nghĩa hay cơ chế láy của các từ nhóm này chẳng phải đơn giản.

Thật ra, không biết có thể gọi hiện tượng trên đây là hiện tượng thuộc về khuynh hướng tiết kiệm, hay phải trở về tận nguồn xa xôi để thấy rằng khuynh hướng tạo từ láy ở dạng nhóm một đã có từ rất sớm. Tài liệu văn cổ đời Trần (thế kỷ XIII) còn lại đến nay đều cho thấy tạo từ láy nhóm một chiếm một khối lượng gần như tuyệt đối:

... "*Nhận biết* làu làu *lòng bản, chẳng ngại bề thì tiết nhân duyên; chùi cho* vặc vặc *tính gương, nào có nhiễm căn trần huyên náo... Lơi ý thức*

Bảng 5:

Tài liệu trích	Tổng số từ	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 4
Từ điển Việt Nam	83	19 *(23%)*	15 *(18%)*	10 *(12%)*	39 *(47%)*
Ngọn cỏ gió đùa	34	7 *(21%)*	5 *(15%)*	5 *(15%)*	17 *(49%)*
	117	26 *(22%)*	20 *(17%)*	15 *(12%)*	56 *(49%)*

chớ chấp trừng trừng; *nén niềm vọng mà còn* xốc xốc." (Trần Nhân tông, *Cư trần lạc đạo phú*)

... "*Cổ miếu gió lọt đầm* vòi vọi; *non tạnh mưa đượm màu* thốc thốc. *Ngàn cây phơi cánh phượng, vườn thượng uyển dặng tốt* rờn rờn; *hang nước miệng hàm rồng, rã li châu hạt san* mộc mộc." (Huyền quang, *Vịnh Hoa yên tự phú*) (6)

Đến các từ láy nhóm 4 thì chẳng thể nói là đơn giản về cách tạo từ lẫn về mặt ngữ nghĩa; vả chăng, không chỉ riêng miệt vườn ngày nay ưa dùng mà có những bằng chứng cho thấy tiếng Việt thời Nguyễn Trãi (thế kỷ XV) có sử dụng các từ láy loại này:

"Cửa quyền hiểm hóc ngại chon chăn" (Bài 27)

"Dương trường đường hiểm khúc co que" (Bài 73)

"Ý còn bìu rịn *lấy chi vay"* (Bài 75)

"Khóng khảy *thái bình đời thịnh trị"* (Bài 188)

(Nguyễn Trãi, *Quốc âm thi tập*) (7)

3

Có thể có mối liên hệ nào giữa những hiện tượng ngôn ngữ ở hai vị trí quá xa nhau trong không gian cũng như thời gian? Chúng tôi nghĩ là có. Thế kỷ XVII và XVIII trong lịch sử nước nhà có những biến động xã hội có tầm quyết định đến những thay đổi nhiều mặt trong xã hội Việt Nam nói chung và trong sinh hoạt ngôn ngữ nói riêng. Những đợt sóng di dân từ đàng ngoài vào vùng đất miền Nam trong những năm tháng này đã di chuyển những tập quán ngôn ngữ của đàng ngoài thời kì đó vào trong xứ nam và được quần chúng duy trì, bảo tồn cho đến nay. Có quan tâm đến hiện tượng di chuyển ngôn ngữ này mới hiểu được tại sao ngày nay ở nhiều nơi người bình dân lục tỉnh miền nam hãy còn nói "cái *gố*", "đi *ga* ngoài" trong khi trên khắp nước chúng ta nói "cái *rổ*" "đi *ra* ngoài." Lí do là đồng bào ở những nơi đó chính là hậu duệ của lớp người lưu dân từ Nghệ Tĩnh vào lập nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long theo kế sách trồng người của chính quyền chúa Nguyễn thời bấy giờ (8).

SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN AN TIÊM (PARIS)

Phát hành trong tháng Bảy, 1996

- MỘT BÔNG HỒNG CHO CHA
  Tù y Bú t của VÕ HỒNG
- MÙA XUÂN VÀ NHỮNG CON DÃ TRÀNG
  Truyện của PHAN T. TRỌNG TUYẾN
- EM ƠI BIẾT ĐÂU TÌM
  Truyện của KIỆT TẤN

VĂN NGHỆ PHÁT HÀNH
PO Box 2301 Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

Hiện tượng từ láy nhóm 1 và 4 trên đây cũng cần được cắt nghĩa từ hoàn cảnh di chuyển ngôn ngữ vừa nói. Người miền Nam có thể đang dùng lại những từ láy mà tổ tiên họ đã đem theo trên bước đường lưu dân, hoặc giả họ tạo ra những từ mới theo những mô thức có sẵn mà họ thừa kế từ tập quán ngôn ngữ cha ông. Cấu tạo từ láy trong phương ngữ lục tỉnh miền Nam không ra ngoài những qui cách chung, vậy thì bản sắc riêng của những từ láy này nằm ở đâu?

Trước hết là xu hướng. Trong khi phương ngữ đàng ngoài nói riêng và tiếng Việt phổ thông nói chung có khuynh hướng bảo thủ các từ láy đã được ổn định thì phương ngữ miền Nam ở lục tỉnh ưa chuộng loại từ láy mới mẻ, lắm khi được tạo ra tức thì trong lời nói. Từ láy trong phương ngữ lục tỉnh thường tạo những ấn tượng thích thú về những nét bất ngờ và tươi tắn của nó. Trong các từ điển tiếng Việt phổ thông, từ ghép của *dịu* thường được đưa vào là *dịu dàng, dịu êm, dịu ngọt, dịu nhẹ,* nhưng *dịu nhẽu, dịu nhuốt* và *dịu oặt* thì phải tìm trong các từ điển của Huỳnh Tịnh Paulus Của hoặc của Lê Văn Đức là những bộ có ghi phương ngữ lục tỉnh. Cũng tân kỳ như vậy là kiểu cắt bỏ một thành tố từ láy quen thuộc để tạo một từ đơn: *hau háu hau* (mắt), *bon bon bon* (đi). Lối tạo từ như vậy kể là khoáng đạt, thoát sáo, hiểu theo nghĩa là không đi theo những khuôn phép tạo từ láy đã thành "cổ điển" trong tiếng Việt.

Ở trên có nói đến phương pháp liên tưởng ngữ âm dùng để tạo ra từ láy mới trong phương ngữ miền nam. Đây cũng có thể gọi là một bản sắc khác của từ láy lục tỉnh. Khi đọc từ láy lục tỉnh *rúng rẩy* để làm trắc nghiệm với một số người nghe, chúng tôi ghi nhận hai kiểu ghi nhận ý nghĩa từ này như sau: (a) sợ hãi + run rẩy; (b) rung động, không vững. Cách hiểu thứ nhất đã đã dựa trên liên tưởng ngữ âm với "run rẩy," trong khi cách hiểu thứ nhì dựa trên sự gần gũi với "rung động." Cả hai lối cắt nghĩa đều không xa lắm với ý người nói, vì "rúng rẩy" trong ngữ cảnh này hàm ý dáng đi tung tăng như chim. Một trắc nghiệm khác với từ *hệch hạc* cho thấy người nghe liên tưởng ngữ âm với "hềnh hệch," "càng cạc," "nhếch nhác," và "cười hệch hạc" là cười toác miệng, cười dòn dã. Dựa trên sự liên tưởng ngữ âm, chúng ta có thể lập một mối quan hệ ngữ nghĩa của các từ láy dưới đây qua mối quan hệ liên tưởng mà âm thanh các từ láy gợi lên:

Nhóng nhảnh [đỏng đảnh + nhí nhảnh] *phập phều* [phập phồng + lều bều]

hụp hưởi [tức tưởi + hì hụp] *rờu rợu* [rờn rợn + rào rạo]

rời rợi [rũ rượi + rã rời] *lất tất* [tất tả + lật bật]

nhũn nhượi [(mềm) nhũn + rũ rượi] *dập dữi* [dập, vỗ + tức tưởi]

lấp ngấp [lóng ngóng + lập cập] *lúm luyến* [lúm(đồng tiền + lúng liếng]

bể nghể [ê ẩm + bải hoải] *quắn quíu* [quấn quít + xoắn]

Tóm lại, trường hợp những từ láy trong phương ngữ lục tỉnh cho thấy một phong cách

riêng về lối tạo từ của một vùng đất. Khuynh hướng sử dụng phương thức liên tưởng ngữ âm đã tạo nên sắc thái riêng về mặt tạo từ láy. Tất nhiên là láy từ trong tiếng Việt đã hình thành những qui định, những phương thức nhất định dựa trên các phương thức biến âm mà tất cả mọi phương ngữ đều phải tuân theo; nhưng cách thức biến âm một số từ trong phương ngữ lục tỉnh đã không đi theo con đường quen thuộc là chỉ biến đổi âm thanh một từ đơn, mà còn triệt để khai thác âm hưởng do liên tưởng ngữ âm đem lại. Từ đó dẫn đến hệ quả đặc sắc là từ láy trong phương ngữ lục tỉnh rất nhiều khi là những từ hoàn toàn mới lạ, chưa hề được điển chế trong từ điển. Chúng ta có thể đã nghe quen *bẽn lẽn* hoặc *e thẹn, thẹn thùng, thẹn thùa;* nhưng *xẻn lẻn* hiểu theo cùng trường nghĩa như những từ ghép vừa nhắc đến ở trước thì có lẽ chỉ mới được nghe, được thấy trong từ vị vua Huỳnh Tịnh Paulus Của hay trong văn Hồ Biểu Chánh.

(Còn tiếp)

Chú thích:

(1) Từ ngữ cơ bản là những từ chỉ sự vật hoặc khái niệm. Ngôn ngữ nào cũng có những đơn vị từ ngữ để chỉ số đếm, chỉ đồ vật, chỉ các bộ phận thân thể..., để phân biệt với loại từ bàn đến trong bài này.

(2) Hoàng Văn Hành, *Từ láy trong tiếng Việt* Nxb. KHXH, Hà Nội, 1985, tr.40.

(3) Lê Văn Đức, *Từ Điển Việt Nam,* q.1, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn, 1970.

(4) Hồ Biểu Chánh, *Ngọn Cỏ Gió Đùa,* Nxb. Mỹ Phương, Sài Gòn, 1973, chương đầu.

(5) Một vài thí dụ về "luật" tiết kiệm trong tiếng Việt: đến thế kỷ XVII, ta còn phụ âm môi [ ] cùng với [v] và [b]; nhưng đến nay phụ âm [ ] không còn nữa mà chuyển hóa sang âm [v] hoặc [b]. Cho đến thế kỷ XVIII ta còn phụ âm đầu kép [ml], [bl], [kl], [tl]; nhưng phụ âm trước đã rụng dần để chỉ còn âm [l] mà thôi. Dấu giọng của ta cũng có khuynh hướng tiết kiệm như thế: phương ngữ các miền trong gộp chung hai dấu *hỏi* và *ngã* thành một.

(6) Theo Đinh Gia Khánh *et al., Hợp tuyển thơ văn Việt Nam - thế kỷ X - thế kỷ XVII* (Bản in lần thứ hai). Nxb. Văn Học, Hà Nội, 1976.

(7) Theo Ủy Ban KHXH, *Nguyễn Trãi toàn tập* (Bản in lần thứ hai). Nxb. KHXH, Hà Nội, 1976.

(8) Người dân ở vùng Nghệ Tĩnh hãy còn nói âm [g] trong những trường hợp chúng ta nói [r]. Bản *Chinh Phụ Ngâm* của Phan Huy Ích ra đời thế kỷ XIX còn viết: "Hà Lương chia ghẽ đường này" (Chữ nôm chỉ có thể đọc là *ghẽ*). Chúng tôi đã nói đến những hệ quả về mặt văn hóa của hiện tượng di dân này trong bài "Ca dao miệt vườn - sản phẩm của hoàn cảnh lịch sử đặc biệt," *Thế Kỷ 21*, số 32 (tháng 12.1991), tr. 10-15.■

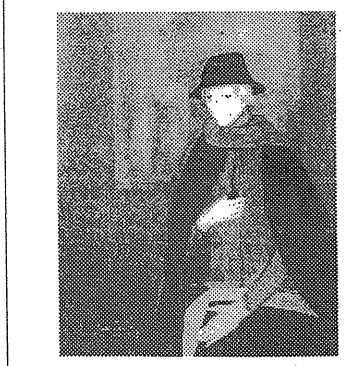

Ra mắt

Thái Tuấn,
tuyển tập tranh
và tiểu luận

tại PARIS*
ngày thứ Bảy mùng 7 tháng Mười Hai 1996
họa sĩ Thái Tuấn có mặt
để ký lưu niệm trên sách

VAALA xuất bản 1996. Với 18 bài viết về nghệ thuật tạo hình và thưởng ngoạn nghệ thuật, cùng 30 tranh in lọc màu trên giấy trắng mịn, khổ 23 x 30cm. Giá 160FF.
Liên lạc: Lê Tài Điển (Paris) 39.85.07.63
Lê Đình Điểu (Cali) (714) 638-9510

* giờ và địa điểm sẽ thông báo sau.

KHÁCH ĐẾN THẾ KỶ 21 TRONG THÁNG

Họa sĩ **Tạ Tỵ**, cũng là một tác giả có sách xuất bản từ hồi còn ở trong nước. Ông đã in nhiều cuốn hồi ký, nhận định, và mới đây ra mắt tập thơ "Mây Bay." Ít xuất hiện trong các sinh hoạt đông đảo, Tạ Tỵ vẫn đóng góp tranh, thơ và bút ký cho TK 21, từ khi ông còn cư ngụ ở Escondido, vùng cực Nam Cali.

Họa sĩ Tạ Tỵ

Đến thăm tòa soạn TK 21 đầu tháng Chín, họa sĩ - nhà văn 76 tuổi, tóc trắng và da bồ quân, cho biết Hà Nội vừa in lại cuốn "Mười Khuôn Mặt Văn Nghệ" của ông mà không xin phép trước, lại còn sửa đổi nội dung: thay chương viết về Mai Thảo bằng chương viết về Trịnh Công Sơn (ở một cuốn sách khác của Tạ Tỵ). Ông nói: "Không rõ Hà Nội có ý đồ gì."

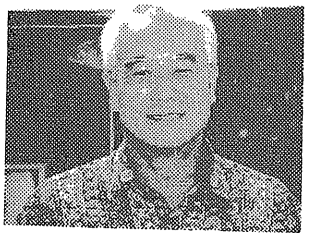

Ký giả Nguyễn Thiên Ân

Ký giả **Nguyễn Thiên Ân**, nguyên xướng ngôn viên Truyền Hình Việt Nam ở Saigon trước tháng Tư 1975, hiện là biên tập viên Ban Việt Ngữ đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA). Thỉnh thoảng anh vẫn viết cho TK 21 những bài vui vui về "chữ và nghĩa." Nhân đến thăm tòa soạn, anh cũng góp một vài nhận xét về chương trình phát thanh của đài VNCR (cùng trong trụ sở báo TK 21), và được ban điều hành của đài tiếp nhận một cách trân trọng. Anh cho biết mùa này miền Đông đã bắt đầu lạnh, với mưa và gió Thu. Anh đến Cali tìm chút nắng ấm để chờ... mùa Đông tới.

Bà Madelena Lài

Bà **Madelena Lài**, Chủ tịch Cộng đồng người Việt Pomona, đến thăm TK 21 nhân dịp thưởng lãm phòng tranh của họa sĩ Huỳnh Thượng Chí, hôm 12 tháng Chín. Bà là người có sáng kiến ghi danh Việt Nam vào Diễn Hành Hoa Hồng (*Rose Parade*) do thành phố Pasadena tổ chức hàng năm vào ngày Tết dương lịch. Đây là ngày hội truyền thống của Mỹ đã có hàng trăm năm, và được hàng trăm triệu người theo dõi qua màn ảnh truyền hình khắp nơi trên thế giới.

Đến thăm TK 21, bà Madelena Lài cho biết, vấn đề thuyền nhân ở các trại tị nạn Đông Nam Á còn phức tạp, chưa tiện cho việc cộng đồng Việt hải ngoại tham gia cuộc vui Diễn Hành Hoa Hồng, nên dù dự án đó vẫn còn, sẽ chỉ thực hiện vào một thời điểm thuận tiện hơn trong tương lai.

Linh mục **Nguyễn Ngọc Chiếu** từ Phần Lan sang Hoa Kỳ giảng đạo theo lời mời của một số các cộng đoàn Công giáo. Nhân dịp này ông cũng gặp gỡ nhiều văn nghệ sĩ thân hữu, vì linh mục vốn cũng là một nhạc sĩ và một ca sĩ.

Linh mục Chiếu, ngoài việc giảng kinh ở các họ Đạo, còn giúp "gỡ rối tơ lòng" cho nhiều người bằng cách trao đổi, tâm tình đem đến cho các "đối tượng" sự an bình trong tâm hồn. Sau khi rời Nam Cali, linh mục sẽ lên miền Bắc để thăm và giúp đỡ tinh thần cho ca sĩ Philippe Huy hiện đang điều trị chứng bệnh tâm thần ở một bệnh viện.

Linh mục Nguyễn Ngọc Chiếu

Giáo sư **Kiều Tiến Dũng** từ Melbourne, Úc Châu, đến Hoa Kỳ để nghiên cứu theo lời mời của đại học Columbia, New York. Sinh năm 1960, giáo sư họ Kiều đến Úc năm 1980, đã tốt nghiệp Cử nhân ở đây, và được học bổng theo học Cao học và Tiến sĩ ở Anh. Hiện anh đang dạy môn Vật lý về các Hạt Cơ bản, ở đại học Melbourne.

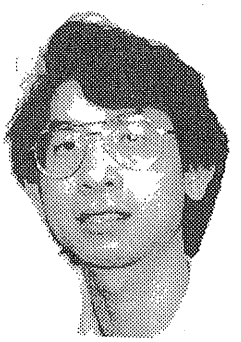

Giáo sư Kiều Tiến Dũng

Đến thăm TK 21, anh Dũng lại đóng vai một phóng viên truyền thanh và truyền hình: anh đã làm ký sự và phỏng vấn để về phát thanh, phát hình cho người Việt ở Úc biết vài nét sinh hoạt của người Việt ở Mỹ.■

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
EDWARD REID

CHUYÊN MÔN VỀ TAI NẠN

- BẤT CỨ TAI NẠN GÂY THƯƠNG TÍCH
- HỒ SƠ ĐƯỢC THEO DÕI THƯỜNG XUYÊN VÀ GIẢI QUYẾT NHANH CHÓNG
- CHỈ NHẬN THÙ LAO SAU KHI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

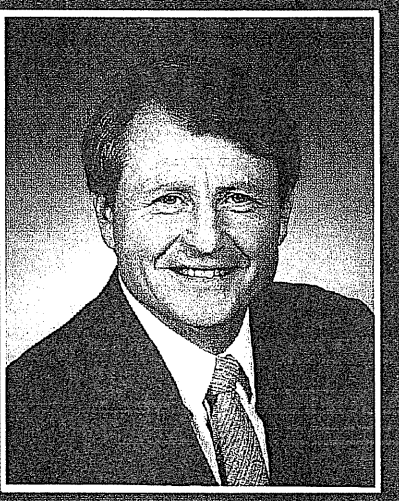

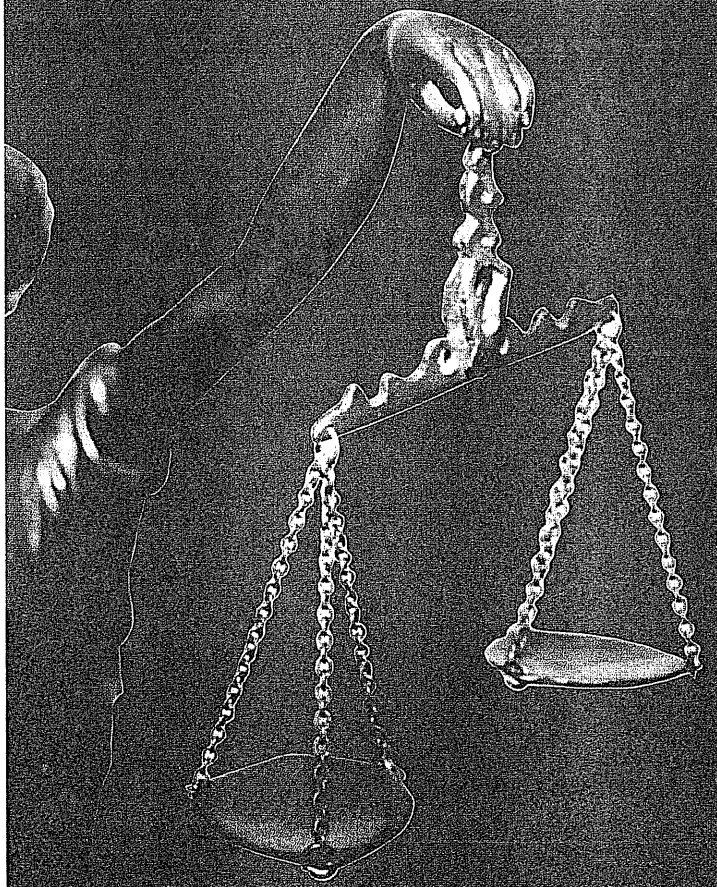

Quý vị cần có một luật sư tận tâm, uy tín. Với rất nhiều năm kinh nghiệm hùng biện trước tòa án, luật sư sẽ bảo vệ quyền lợi tối đa cho thân chủ.

Văn phòng có Cô NHƯ LAN sẽ hướng dẫn và giúp đỡ quý vị tham khảo trực tiếp với luật sư để giải quyết mọi thắc mắc và khó khăn thiệt hại đến đời sống hằng ngày của quý vị. Khi có tai nạn, xin quý vị trực tiếp liên lạc ngay với văn phòng để bảo đảm được lệ phí luật sư thấp và hợp lý.

ĐỊA ĐIỂM THUẬN LỢI

ORANGE COUNTY **(714) 379-8333**

LOS ANGELES COUNTY **(310) 434-4421**

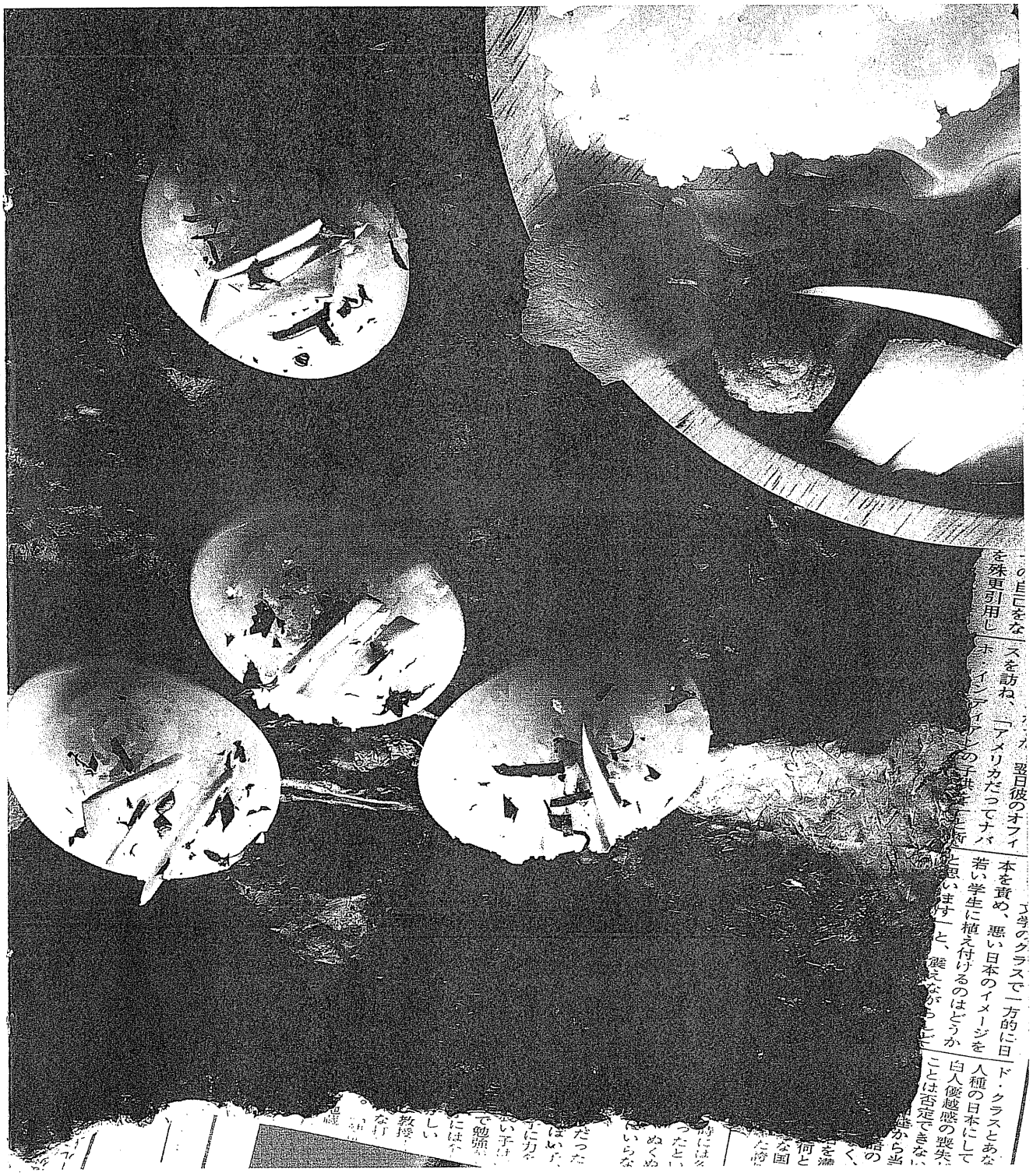

"Từ photography đến graphic design,
từ color separation đến printing; mọi sự
đều sạch, đẹp, trau chuốt, chọn lọc, tinh tươm.
PRECISION COLOR là như vậy đó."
Vũ Chung, một thân hữu.

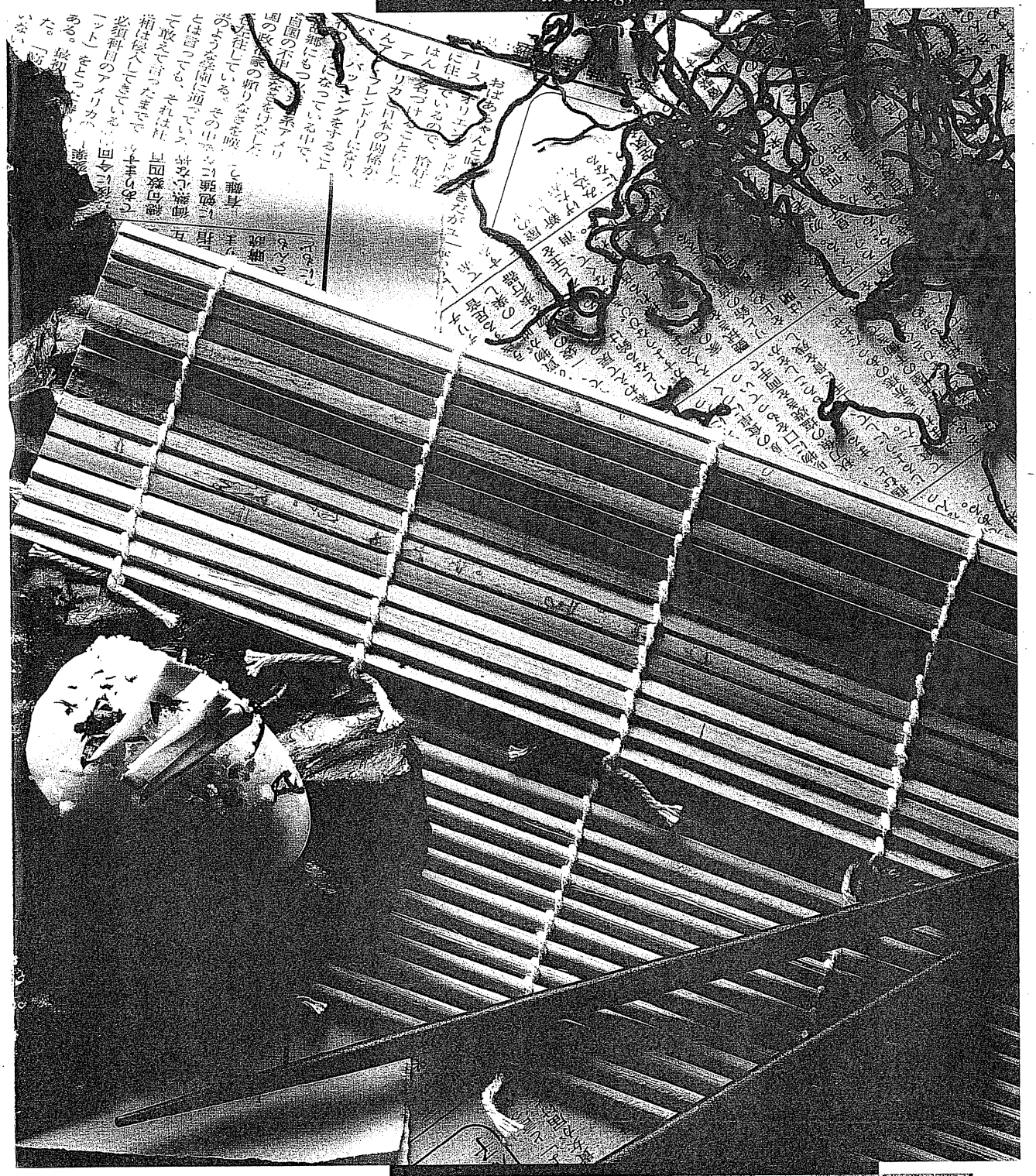

PRECISION COLOR

15703 Valley Boulevard INDUSTRY. CA 91744
Phone (818) 937-6886 Fax (818) 937-6880

DỰ ÁN THÁI TUẤN 1996

RA MẮT ALBUM THÁI TUẤN

gồm 24 bức tranh in lọc mầu trên giấy trắng mịn, 20 bài Thái Tuấn viết về nghệ thuật tạo hình và phong cách thưởng ngoạn nghệ thuật, trong đó có năm bài dịch sang tiếng Anh (do Nguyễn Ngọc Bích), bài giới thiệu của Huỳnh Hữu Uy, bài góp ý của Nguyễn Đồng, nhạc cảm đề của Lê Uyên Phương và vài dòng cảm nghĩ của nhà văn Võ Phiến.
(Hội VAALA xuất bản. Giá một cuốn: $32.00)

□ **Tại WASHINGTON DC**
6 giờ chiều **thứ Sáu**
13 tháng Chín 1996
tại 7403 Windy Hill,
McLean VA 22102.

□ **Tại CALIFORNIA**
11 giờ sáng **thứ Bảy**
mùng 5 tháng Mười 1996
tại VAALA
11022 Acacia Parkway #A,
Garden Grove CA 92840

TRIỂN LÃM TRANH

□ **Tại WASHINGTON DC**

gồm 30 tranh sơn dầu mới nhất của Thái Tuấn, được vẽ tại Orléans, Pháp quốc, nơi ông cùng gia đình đang cư ngụ. Tác giả có mặt trong buổi khai mạc,
6 giờ 30 chiều **thứ Bảy 14 tháng Chín** 1996, tại **Viet Arts Center**,
5228 Port Royal Road, Springfield VA 22151 - ĐT (703) **321-7266**.
Triển lãm sẽ kéo dài từ 14 đến 22 tháng Chín 1996.

□ **Tại CALIFORNIA**

gồm 12 tranh mới nhất của Thái Tuấn. Tác giả có mặt trong buổi khai mạc,
11 giờ sáng **thứ Bảy mùng 5 tháng Mười** 1996, tại **VAALA**,
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840,
ĐT (714) **537-8352**; **638-9510**; **534-9430**.
Triển lãm sẽ kéo dài từ mùng 5 đến 13 tháng Mười 1996.
Phòng triển lãm mở cửa mỗi ngày từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều.

"NGUYỄN DU TOÀN TẬP" CỦA NGUYỄN THẠCH GIANG, BÁCH VIỆT "HIỆU ĐÍNH"

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Chủ nhật 1 tháng Chín 1996, tác phẩm *Nguyễn Du Toàn Tập* (NDTT) đã ra mắt ở Viện Đại Học George Mason, Arlington, VA. Đây là một biến cố văn học trong hơn một nghĩa: Tác giả Nguyễn Thạch Giang là một giáo sư Hán Nôm ở Hà Nội, nhưng có sự mờ ám chung quanh vai trò của bà Bách Việt, người được ghi trên bìa sách là "hiệu đính" tác phẩm.

Trong bài này, chúng tôi mong làm được công việc giới thiệu những nét chính của cuốn NDTT cũng như tách bạch vai trò của tác giả cũng như người "hiệu đính."

Tác giả, ông Nguyễn Thạch Giang

NDTT (gồm hai tập, Quyển I là Thơ Quốc Âm, có nghĩa là thơ viết bằng chữ Nôm, 657 trang, và Quyển II là Thơ Chữ Hán, 506 trang, tổng cộng gần 1200 trang) là bộ toàn tập đầu tiên gom góp hết di bút của nhà thơ lớn của dân tộc, Nguyễn Du (1765/66 - 1820).

Ai là người san định?

Thưa, đó là ông Nguyễn Thạch Giang, một giáo sư Hán Nôm ở Đại học Tổng hợp Hà Nội trước kia (giờ đã đổi tên thành Đại học Quốc gia Hà Nội), một vị đã có nhiều sách được in. Cứ theo một danh sách được in trong bản *Truyện Kiều* (xuất bản lần thứ IX do Nhà xuất bản Đại học và Giáo dục Chuyên nghiệp in ra năm 1991 ở Hà Nội), trang 239, thì một mình ông đã có tới 18 cuốn sách, phần lớn là truyện và thơ Nôm, do ông phiên âm và in ra từ năm 1961 đến 1991. Ngay tại Mỹ, năm ngoái ông cũng đã có quyển *Thiên Nam minh giám*, một cuốn sử bằng thơ Nôm từ thế kỷ XVII, do ông phiên âm ra và nhà xuất bản Bách Việt in. Như vậy ta có thể tin ông là một người có thẩm quyền về mặt Hán Nôm.

Mấy ưu điểm của NDTT (Nguyễn Thạch Giang)

Giở Quyển I ra, ta thấy một số nét mà có thể gọi là những đóng góp đáng kể của ông Nguyễn Thạch Giang:

- Trang 14 có một "Niên biểu Nguyễn Du."
- Trang 92 đến 130 (gần 40 trang) là "Niên phổ Nguyễn Du," một bản chi tiết đi vào từng năm một của đời Nguyễn Du, một công cụ rất thuận tiện cho ai muốn nghiên cứu tiểu sử cặn kẽ của nhà thơ.
- Trang 133 đến 199 là "Lời dẫn" nói về: Lịch sử văn bản Truyện Kiều (phần A, 133-152), cách xử lý văn bản Truyện Kiều (phần B, 153-180), vấn đề chú thích văn bản (phần C, 181-196), và các phân đoạn của Truyện Kiều (phần D, 196-199).
- Truyện Kiều, ngoài phần khảo dị (ở cuối mỗi trang) và chú thích tường tận (trang 349-533), còn có phần Ngữ vựng Kiều là một loại index từ ngữ dùng trong Kiều (trang 535-599).
- Ngay những tác phẩm phụ của Nguyễn Du như *Chiêu hồn Thập loại chúng sinh* (thường được gọi là bài *Văn tế Thập loại chúng sinh), Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu,* v.v... cũng được chú thích và có lời dẫn khá cặn kẽ tuy không có khảo dị (như cụ Hoàng Xuân Hãn đã làm với bài *Văn tế thập loại chúng sinh*, nhà xuất bản An Tiêm in ra cách đây ít lâu).
- Ngoài ra cũng còn có vài bài viết của Nguyễn Thạch Giang bàn về "Những vấn đề được thảo luận về truyện Kiều" (trang 63-70), "Nguyễn Du tiên sinh chi mộ" (trang 71-77) và "Một số nhận xét về Kim Vân Kiều Truyện [của Tàu] và Đoạn Trường Tân Thanh [của Nguyễn Du]" (trang 47-62, viết chung với người khác).

Quyển I, như vậy, chủ yếu là công trình của ông Nguyễn Thạch Giang.

Quyển II, Thơ chữ Hán của Nguyễn Du, "được thực hiện trên cơ sở bản in năm 1965 (Nhà xuất bản Văn Hóa có bổ sung" còn các bản dịch thì là "những bài dịch theo nguyên thể của các cụ: Phạm Khắc Khoan, Lê Thước, Ngô Ngọc Can, Vũ Tam Tập, Nguyễn Văn Tú, Nguyễn Hữu Bổng, Vũ Mộng Hùng, Hoàng Tạo" (trang 47). Như vậy thì Quyển II là một sản phẩm của tập thể nhiều người hơn là một mình ông Nguyễn Thạch Giang, mặc dù ông vẫn là người viết các lời dẫn và chú thích. Và cũng như vậy, nếu nói quyển này là của một mình ông thì là cũng đã hơi gượng.

Nhận xét

Dù là của một người hay hơn một người thì NDTT quả là một công trình lớn. BS Lê Văn Lân hôm ra mắt sách ở Arlington, VA, cũng đã nêu ra một vài cái tìm tòi xem ra khá mới của Nguyễn Thạch Giang, đó là:

1/ Nguyễn Du chết vì bệnh dịch tả hồi đó lan từ Thái Lan sang Hà Tiên rồi ra Huế, khiến ông bị nhuốm bệnh mà chết.

2/ Sách cho rằng từ 9 tuổi cho đến 19, Nguyễn Du đã về quê cha ở Hà Tĩnh để đi học chứ không phải ở Thăng Long trong thời gian này với ông anh là Nguyễn Khản, như bấy lâu nay ta vẫn nghĩ.

Ngoài ra, Nguyễn Thạch Giang còn dựng lại được một giả thuyết về một quá trình thành hình của truyện Kiều: Nguyễn Du đọc truyện gốc của Tàu rồi tóm lược các hồi khi mới 14 tuổi (năm 1779), viết lúc nào thì không thấy nói nhưng đến năm 37 tuổi (1801) thì ông đã đem ra chỉnh lý và đến năm 44 tuổi (1808) thì hoàn chỉnh. Ông cũng lại còn cho rằng nửa sau Truyện Kiều, Nguyễn Du đã viết với một người cháu gái giỏi thơ Nôm là bà Nguyễn Thị Đài (trang 99 và nhất là trang 107). Nếu giả thuyết của ông đúng thì nó cũng có phần ăn khớp với giả thuyết của cụ Hoàng Xuân Hãn khi cụ cho rằng "truyện Kiều được viết đầu đời Gia Long hoặc trước đời Gia Long" (*Hợp Lưu* số 29, tháng 6-7 năm 1996, trang 96). Chỉ có điều đáng tiếc là, khác với cụ Hãn, ông đã không trưng ra bằng chứng hoặc cho chúng ta biết xuất xứ những thông tin của ông từ đâu ra.

NDTT của Nguyễn Thạch Giang cũng có một số khuyết điểm:

1/ Cuốn sách tuy dày gần 1200 trang mà lại không có thư mục ở cuối sách.

2/ Sách cũng thiếu sách dẫn theo thứ tự ABC để cho dễ tìm.

3/ Song đáng tiếc nhất là sách không có in lại các bản Hán Nôm gốc để cho ai cần tham khảo có thể quay ra đó mà kiểm soát. Đây là lối làm việc khác hẳn ở Miền Nam trước năm 1975: các bản dịch hay phiên âm Hán Nôm thời bấy giờ bao giờ cũng có bản chữ Nôm chữ Hán in đằng sau để cho người đọc có thể tiện bề tham khảo.

Trong khi đó, thật ra, khi ta đi kiểm soát với một hai trang Nôm được chụp lại ở đầu sách (trang 6-7 và 10-13) ta đã thấy ngay là cách đọc trong sách đã không đúng. Câu 4 của bản Trương Vĩnh Ký, chẳng hạn, đã đọc đúng bản gốc của Truyện kiều (được gọi là bản Tiên Điền) in nơi trang 6: *Những điều trông thấy* đã (chứ không phải *mà) đau đớn lòng.* Cụ Hoàng Xuân Hãn, trong bài phỏng vấn với Thụy Khuê, cũng xác nhận chuyện này (*Hợp Lưu* 29, trang 97). Câu 6 đúng ra phải đọc: *Trời xanh quen* với (chứ không phải *thói) má hồng đánh ghen* (cả hai bản kinh lẫn phường đều viết thế, xem bản Nôm ở trang 11 và 13) và câu 8 chính thật là: *Phong tình cổ* (hoặc *cổ) lục* chứ không phải *cổ lục còn truyền sử xanh.*

Tóm lại, ông Nguyễn Thạch Giang tuy có thẩm quyền về Hán Nôm nhưng khi bắt tay vào việc, ông vẫn theo cách đọc quen của các học giả đi trước chứ ít khi dám tin ngay chính mắt mình. Nói cách khác, ông khá bảo thủ và bản Kiều của ông, in lại bản san định từ năm 1972, đã cổ tới gần 1/4 thế kỷ và không thu thập được những cái mới mẻ người ta tìm tòi ra sau này.

Phần "hiệu đính" của bà Bách Việt

Phải thú thật là tôi đã tìm mỏi mắt cả hơn nghìn trang mà vẫn không tìm đâu ra chỗ nào có vết tích là bà Bách Việt đã hiệu đính cuốn sách, có chăng là chỉ ở một vài trang vì in kiểu chụp lại từ một bản gốc giấy xấu (vì in ở trong nước từ những năm nghèo đói 1972) nên bà đã phải cho người đánh máy lại chỗ này năm dòng, chỗ kia ba dòng (như các trang 170, 177 v.v...) rất nhiều chỗ khảo dị in không hoàn toàn chính xác vẫn được để nguyên. Một chú thích quá sai như nơi trang 405 (Q.I) vẫn được để nguyên: "thường có đôi chim uyên ương đến đậu, tiếng hót rất thảm thiết." (Như chúng ta thừa biết, chim uyên ương — "madarin ducks" trong tiếng Anh — là một loại vịt nên không biết đậu trên cành cao và tiếng vịt thì không thể nào mô tả là "hót" được).

Chính bà cũng viết trong phần "Vài lời..." ở đầu cả hai tập là "Tôi không phải là một nhà Kiều học" và bà cũng cho rằng bà "không phải là một nhà bình luận về văn chương" (trang 19 Q.I, trang 23 Q.II), vậy thì bà "hiệu đính" trên căn bản sở trường nào? Vả lại, muốn hiệu đính một tác phẩm, thường người làm việc thận trọng bao giờ cũng phải ghi xuống nguyên tắc hiệu đính của mình như thế nào. Đằng này, không đâu thấy bà Bách Việt trình bày về những nguyên tắc hiệu đính của bà nên tôi cho rằng *không những bà không phải là tác giả NDTT mà bà cũng không có hiệu đính cái gì cả.*

Một bằng chứng về khả năng Nôm rất giới hạn của bà Bách Việt có thể thấy ở nơi trang 6 Q.I: Phóng ảnh trang đầu của bản Kiều Tiên Điền đã được chú thích là từ câu 521 đến 558 (trong khi đích thực là từ câu 1 đến 37) và lại còn được in xoay đi để chữ đọc thành quay ra nằm ngang. Vả lại, trang này bị cháy song vẫn được ghi chú là "còn nguyên."

Mặc dầu được biết là bà Bách Việt Lương Thị Bạch ngày trước đi du học ở Nhật song mấy chỗ có tiếng Nhật thì bà đều ghi sai hoặc để nguyên lỗi in: nữ tiểu thuyết gia nổi tiếng của Nhật, bà Marasaki Shikibu, đã bị ghi thành Shi*no*bu (Q.I, trang 17), rồi nhà xuất bản Kodansha (không có chữ n sau chữ o) bị để nguyên lỗi là Kondansha (trang 42).

Phần đóng góp rõ ràng nhất của chính cá nhân bà là sáu trang "Vài lời..." có in lại trong cả Q.I và Q.II, hai bức tranh phụ bản in trong Q.I (trang 78-79) và bảy bức trong Q.II (trang 6-12), cộng thêm hai hình màu in ở trang bìa hai Q.I và II. Sở dĩ ta biết vậy là vì những bức tranh này đều có dấu mộc ghi bằng chữ Hán: Lương Thị Bạch ấn. Còn như chín bức phụ bản vẽ một cách chuyên nghiệp hơn (trang 80-88 Q.I) thì là của họa sĩ Lê Lam mặc dầu điều này không được ghi nhận ở bất cứ đâu trong toàn bộ cuốn sách.

Hiệu đính sót hay là giao lưu?

Có điều nếu bà Bách Việt đã hiệu đính cuốn sách thì rõ ràng bà đã bỏ sót một vài đoạn làm cho người đọc thắc mắc. Ở đây, vấn đề không đặt ra là tình cảm chính trị của tác giả (ông ở trong nước và đã ở dưới chế độ đó từ hơn nửa thế kỷ nay nên chắc cũng không có nhiều lựa chọn). Có điều, cũng nên tránh những lối nói như "sau ngày giải phóng Miền Nam" (Q.I, trang 152) hoặc cả đoạn đầu trang 89 (Q.I): "Nguyễn Du vui với cuộc sống hôm nay: hết rồi cảnh con người bị đày đọa, đã qua rồi cái thân gái phải bán phấn buôn son, quan tham lại những không còn..." Có thật không? ■

CHUYỆN TRÒ VỚI THẾ KỶ 21:

THÁI TUẤN
NHÌN MÌNH, NHÌN NGƯỜI

LTS: Thái Tuấn có mặt trong sinh hoạt văn học miền Nam Việt Nam từ gần nửa thế kỷ. Ông lặng lẽ viết và vẽ đều đặn, bền bỉ như chính cuộc đời của ông. Bài viết về hội họa của ông có mặt trên tạp chí Sáng Tạo *những số đầu. Bức tranh sơn dầu đầu tiên ông bán vẽ chân dung đứa con đầu lòng của ông. Cuộc triển lãm đầu tiên của ông ở Trung Tâm Văn Hóa Pháp vào 1957 và từ đó ông triển lãm thêm ba lần nữa ở trong nước.*

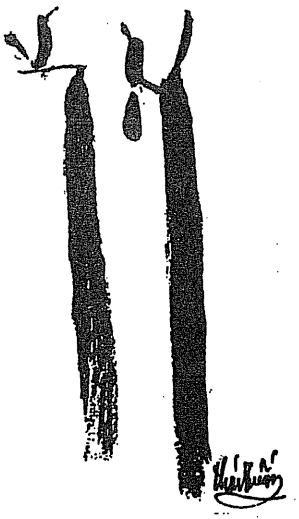

Tên khai sinh là Nguyễn Xuân Công, Thái Tuấn sinh ngày 11 tháng Chín 1918 tại phố Hàng Bông Thợ Ruộm Hà Nội. Thân phụ ông người Nam Định. Thân mẫu ông người Thanh Hóa. Vì thân phụ là công chức nên cuộc sống di chuyển nhiều và vì vậy Thái Tuấn đã chỉ học ở Hà Nội đến 11 tuổi sau đó là Tuyên Quang, Vinh, Sài Gòn, Nam Định. Năm 1939 ông theo học lớp dự bị sửa soạn để thi vào trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Đông Dương nhưng đã quyết định không thi vì "học thế đủ rồi." Cùng lớp với ông có nhiều tên tuổi đáng nhớ như Đặng Thế Phong, Nguyễn Tư Nghiêm, Phan Văn Tại, Nguyễn Tùng...

Trong suốt thời kháng Pháp ông sống ở Thanh Hóa và thành hôn với cô Vũ Thị Lan, người đàn bà tận tụy mà Thái Tuấn vẫn thường nói "không có nhà tôi thì không có Thái Tuấn." Hai ông bà sinh được năm trai hai gái và nay đã có 10 cháu nội ngoại.

Hai ông bà hồi cư và sau đó di cư vào Nam. Trong suốt thời gian kháng Pháp, vì có khuynh hướng Quốc Dân Đảng, ông không vẽ nhiều; "độ bốn năm bức gì đó; tôi chỉ lo vẽ phông cho mấy ban kịch."

Sau 1975 ông ở lại Sài Gòn và cũng không vẽ được ngoài "bốn năm bức gì đó." Giải thích về sự kiện không sáng tác sau 1975, ông nói "Có nhiều lý do lắm. Nhưng có thể vì sợ hãi. Có thể vì tâm mình không an. Tôi thực sự không biết nhưng thật là không vẽ được." Ông nhắc đến một bức vẽ cô gái ngồi ôm thùng đàn violin tặng cho nhà thơ Kiệt Tấn. "Kiệt Tấn đem bức tranh đó sang Tây. Cũng mừng."

Ông được gia đình bảo trợ và di cư sang Pháp 1984, hiện sống tại Orléans, Pháp.

Từ 1984, ông "dần dần" sáng tác lại, viết về hội họa cho tạp chí Văn *của Mai Thảo,* Thế Kỷ 21 *và vẽ đều. Kết quả của ba năm mới đây của Thái Tuấn là bộ tranh* Cội Nguồn *gồm 30 bức tranh sơn dầu khổ lớn vừa được triển lãm vào trung tuần tháng Chín 96 tại Việt Arts Center, thủ đô Hoa Thịnh Đốn dưới sự bảo trợ của* Diễn Đàn Tự Do, VAALA *và* Thế Kỷ 21. *Một phần bộ tranh được triển lãm tại VAALA, Orange County vào đầu tháng Mười 96.*

Bài phỏng vấn sau đây dành riêng cho Thế Kỷ 21 *được thực hiện tại Hoa Thịnh Đốn. Tham dự cuộc phỏng vấn có* **Lê Thiệp** *và* **Phó Ngọc Văn.**

*

TK21: Anh bị mất giọng từ bao giờ?

Thái Tuấn: Khoảng 1993, sau một cơn cảm cúm. Tôi đã được một bác sĩ chuyên môn người Gia Nã Đại khám rất kỹ. Dây thanh quả của tôi bị chùng. Các bác sĩ nói nếu muốn, họ có thể giải phẫu, nhưng tôi thấy không cần.

TK21: Vâng, theo con mắt y khoa thì giải phẫu chỉ năm ăn năm thua, nhất là với tuổi của anh. Nhưng anh có thể tập lại, nói to, và nói nhiều...

Thái Tuấn: Mỗi sáng tôi hét tôi gào và khi nào vui anh vui em tôi cũng nói chẳng thua ai.

TK21: Anh nói đến anh em. Xin anh cho biết thế nào là một người bạn thân.

Thái Tuấn: Đó là người mình có thể nói thật và nói hết những điều mình nghĩ và ngược lại.

TK21: Anh có nhiều bạn.

Thái Tuấn: Vâng. Tôi giao du nhiều và anh em cũng nhiều người mến tôi. Nhưng nếu gọi là bạn thân như anh hỏi thì có lẽ phải kể Vũ Khắc Khoan, Hồ Dzếnh, Quang Dũng, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Đức Sơn...

TK21: Có điểm chung nào giữa những người anh vừa nêu tên?

Thái Tuấn *(ngần ngừ rồi chậm rãi)*: Họ là những người làm văn học đích thực.

TK21: Thế nào là làm văn học đích thực?

Thái Tuấn: Phải vượt lên hẳn mọi phức tạp hàng ngày để nhìn cuộc sống, phải vượt lên, thoát ra ngoài để nhìn và tường trình lại trung thực với chính mình. Hãy còn lẩn quẩn ở trong đó thì khó mà trung thực được.

TK21: Hãy lấy một trường hợp tiêu biểu. Xin anh nói về một người trong số anh vừa nêu tên.

Thái Tuấn: Các anh chọn ai cũng được.

TK21: Hồ Dzếnh.

Thái Tuấn: Tôi rất thân và quý anh Hồ Dzếnh từ những ngày ở trong khu. Tôi đọc *Chân Trời Cũ* nhiều lần, lần nào đọc lại cũng xúc động, khác hẳn với các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn. Cái chân thành tự nhiên trung thực bao giờ cũng có sức chinh phục lớn. Tôi xin nói rõ tính anh Hồ Dzếnh cũng khó chịu lắm, không hiểu thì không chơi được với anh. Tôi nhớ ngày còn ở Thanh Hóa, anh định trốn về thành nhưng còn vướng bận đứa con mới ba tuổi. Anh đem đến muốn vợ chồng tôi lo giữ nhưng đó là một trách nhiệm quá lớn đối với vợ chồng tôi lúc đó vốn cũng lao đao. Sau đó anh và con về được tới Hà Nội và hình như lấy cô hàng bán sách ở tiệm Bình Minh, Phố Mới. Tôi quý và trọng anh vì cái tình đối với nhau và anh thật trong văn chương.

TK21: Trong số tên tuổi anh vừa nêu có người đã khuất như Vũ Khắc Khoan, có người có địa vị vững vàng trong văn học như Thanh Tâm Tuyền và có người còn rất trẻ và rất lạ như Nguyễn Đức Sơn. Xin anh có nhận xét về những người làm văn học khác.

Thái Tuấn *(cười):* Các anh muốn tôi phát biểu về ông nào vậy?

TK21: Một người đã khuất, ông Nguyễn Hiến Lê và một người còn trẻ khác, Trịnh Công Sơn.

Thái Tuấn: Người già đã khuất trước. Ông Lê không đi chơi lang thang, không hút thuốc uống rượu đàn đúm như tôi. Ông Lê không phải bạn tôi nhưng tôi quý — phải nói là kính trọng mới đúng. Chỉ tiếc ông mô phạm quá nên thiếu cái trực giác bén nhạy của người nghệ sĩ.

Trịnh Công Sơn? Phải nói ngay tôi thích, tôi yêu nhạc Trịnh Công Sơn, không phải tất cả nhạc Trịnh Công Sơn đâu. Những bản nhạc mang màu sắc chính trị... Vâng, cái gì chẳng là chính trị. Tranh tôi cũng mang màu sắc chính trị... Như bức *Lời Chim Nói* vẽ con chim hót trên những cành xương rồng... Tôi nghĩ là lập trường chính trị — mình nên nói trắng và nói thẳng, nói bằng ngôn ngữ hàng ngày — lập trường chính trị của tôi và Trịnh Công Sơn khác nhau, đối lập nhau. Nếu các anh muốn *quote* tôi thì tôi xin nói thực nhận xét của tôi. "Trịnh Công Sơn có thể vì bản ngã yếu đuối, vì sợ sệt hoặc vì cái lợi nào đó nên đã ứng xử như vậy." Tôi cũng sợ chứ. Nếu nó dí súng vào mang tai, nó dọa cho đi học tập đi lao động thì ai cũng sợ. Hoặc như nếu mình ham cái lợi cho bản thân mình thì lại khác.

TK21: Hãy nói về *Sáng Tạo.*

Thái Tuấn: Anh em *Sáng Tạo* đều là bạn thân.

TK21: Anh có cùng một suy nghĩ với những người trong nhóm *Sáng Tạo.*

Thái Tuấn: Mỗi người một suy nghĩ làm sao giống nhau. Tất nhiên là có những điểm không đồng ý chứ. Hãy nói một thí dụ vui. Anh Mai Thảo thích được người ta chiều chuộng còn tôi thì không. Có thể những suy nghĩ văn học mang sắc thái khác biệt nhưng cái khía cạnh chính trị của văn học thì tôi hoàn toàn thấy tôi giống các anh em khác.

TK21: Đặt lại *Sáng Tạo* **trong bối cảnh văn học của miền Nam Việt Nam lúc đó,** *Sáng tạo* **được nhìn như** *avant garde.* **Anh có thấy mình** *avant garde* **không?**

Thái Tuấn: Có thể mọi người không thấy ở tôi, nhưng chính tôi, tôi nghĩ là tôi rất *avant garde,* không phải chỉ lúc đó mà ngay cả bây giờ.

TK21: Anh có thể dịch hay định nghĩa *avant garde?*

Thái Tuấn: Hình như chữ này không ai dịch và ngay cả tiếng Anh cũng dùng thẳng *avant garde.* Không dịch được mà định nghĩa thì lại gây hiểu lầm. Thế này vậy, tôi hãy cứ vẽ như tôi muốn vẽ ngày hôm nay. Ngày mai tôi nhìn thấy mới. Mỗi ngày một khác trước. Nói như vậy không phải là tôi đặt một cái mốc ở trước mặt để cố bò tới. Tôi làm xong thấy có khác ngày hôm qua như vậy có thể coi là *avant garde* được không?

Và còn có chuyện này nữa. Mới người cũ ta. Không phải thấy Sartre mới, *Abstract* mới mà bắt chước. Như Picasso nhìn thấy những bức tượng của Phi Châu rất mới. Thực ra là cũ lắm, chỉ mới với Picasso thôi.

TK21: Hãy trở lại với *Sáng Tạo...*

Thái Tuấn: Xin được minh xác về kết hợp *Sáng Tạo.* Tự Lực Văn Đoàn là một nhóm, là một văn đoàn có nội quy, có sinh hoạt, có hội viên, sáng lập viên... *Sáng Tạo* là chơi với nhau, quý nhau tôn trọng nhau cùng làm việc. Chúng tôi tự nhiên mà thành, coi nhau như anh em và không bao giờ có dự tính sẽ làm cái này cái nọ, ra tuyên ngôn tuyên cáo. Mọi sự gặp đâu hay đó. Làm gì có *guide lines.*

Tôi nói điều này với các anh. Văn chương của *Sáng Tạo* chưa chắc đã hay hơn ai nhưng vượt lên được là cái tình có trước có sau. Có lẽ. Không phải Thái Tuấn, Ngọc Dũng chơi với nhau mà các bà ấy cũng quý nhau. Vợ con chúng tôi thân nhau, trọng nhau và lúc nào cũng giữ cái lễ với nhau. Thế mới bền được. Ngay cả trong sinh hoạt văn học.

TK21: Trong *Sáng Tạo* **có ba người vẽ. Anh nghĩ gì về Duy Thanh và Ngọc Dũng?**

Thái Tuấn: Mỗi người một cá tính. Tôi yêu *dessin* Ngọc Dũng nhưng về tâm hồn có lẽ tôi gần với Duy Thanh. Tôi quý cả hai.

TK21: Thế nào là một người đàn bà đẹp?

Thái Tuấn: Nếu nói về hình thức thôi thì phải nhìn cái toàn thể. Nếu theo tiêu chuẩn Tây Phương thì hoa hậu thế giới phải là đẹp nhất. Nhưng ngay chấm điểm thì cũng còn cứ cãi cọ. Tôi nghĩ rằng nhìn thấy đẹp và cảm thấy đẹp khác nhau xa lắm. Phải có định nghĩa nào chăng

Thái Tuấn, tháng Chín 1996, Washington DC. (Ảnh Lê Tam Ca)

nhưng hễ định nghĩa thì lại đi vào phân tích Tây Phương và đưa đến nhiều ngộ nhận, tranh cãi.

Hãy nhìn dưới khía cạnh hội họa. Không chỉ là đàn bà đẹp. Đàn ông cũng đẹp. Hãy nhìn như một con người, một sinh vật.

Mona Lisa là một người đàn bà đẹp hay là một bức tranh đẹp? Người đàn bà, khi nói như vậy là xương, là thịt, là máu chảy trong cơ thể. Khi chuyển lên khung vải nó là đường nét, màu sắc, bố cục, bút pháp, không còn là đàn bà nữa. Anh có thể nhìn bức tranh là một người đàn bà. Tôi không nhìn bức tranh là đàn bà. Tôi nghĩ *abstract* là thế.

TK21: Cái gì đã khiến người họa sĩ chuyển xương thịt, chuyển sự sống lên tranh vốn chết, vốn tĩnh. Sự liên hệ đó như thế nào?

Thái Tuấn: Khi tôi nhìn một ly rượu, một bông hồng tôi xúc động. Từ cái xúc động đó tôi nhớ, tôi nghĩ, tôi hình dung thấy một người đàn bà đẹp. Khi tôi vẽ người đàn bà đó, tôi nhìn thấy ly rượu và bông hồng. Tôi không hiểu tại sao lại thế nhưng rồi từ đó tôi vẫn cứ nghĩ tôi là *abstract*. Hoặc là danh từ *abstract* vô nghĩa, hoặc tất cả nghệ thuật đều là *abstract*. Tây Phương vốn chuộng sự phân tích nên sắp xếp thành từng trường phái. Họ nghĩ đến sự tiện lợi. Theo tôi tất cả là *abstract*, trừ hội họa xã hội chủ nghĩa.

TK21: Anh nhắc đến xã hội chủ nghĩa nên phải nhắc đến Việt Nam. Anh xa nước hơn 10 năm rồi. Anh có so sánh gì về hội họa Việt Nam ở trong và ngoài nước.

Thái Tuấn: Ở trong hay ngoài thì cũng có một điểm chung là thế hệ trẻ sẽ tiếp tục vươn lên. Theo tôi ở bên nhà có nhiều triển vọng hơn. Đó là một điều dứt khoát. Bên ngoài có thể có nhiều điều kiện hơn như phương tiện kỹ thuật, sách vở, bảo tàng viện...

Tôi nói dứt khoát rằng trong nước có triển vọng hơn vì nghệ thuật không thể tách rời đời sống tập thể. Nguyễn Phan Chánh, Nguyễn Gia Trí không hề sống ở nước ngoài. Lê Phổ, Mai Trung Thứ trải phần lớn cuộc đời ở xa Việt Nam. Tây nó thích ông Phổ, ông Thứ, trong khi đồng bào mình yêu ông Trí, ông Chánh. Từ lâu lắm rồi, mấy ai biết đến hai ông Phổ và Thứ, hoặc cũng chỉ nghe thấy tên vậy thôi. Hai anh có thấy tranh ông Phổ bao giờ chưa? Theo tôi sự thành công trước hết phải từ đồng bào mình. Nếu đồng bào mình thích, yêu, thì rồi từ đó giá trị sẽ một ngày một cao và một xa. Tây Mỹ nó sẽ chẳng dịch truyện Kiều nếu chúng ta không yêu Truyện Kiều.

TK21: Anh nghĩ đến địa phương tính của nghệ thuật.

Thái Tuấn: Nghệ thuật không biên cương? Tôi cho vẫn chỉ là ước vọng và là một ước vọng nên có. Nghệ thuật vượt biên giới quốc gia, thế giới đại đồng thì còn gì đẹp hơn, nhưng cũng chỉ là ước vọng vì văn hóa, kinh tế, tập tục suy nghĩ, ngôn ngữ khác nhau. Hãy nói lại một chút. Nếu đồng bào mình không quý trọng những tác phẩm của Việt Nam trước thì làm sao bắt người ngoại quốc họ quý được. Cá nhân tôi, tôi sung sướng thập phần, cảm động nhiều hơn khi thấy người giữ tranh tôi không phải là Tây hay Mỹ. Mình trước mới thích chứ.

TK21: Một câu hỏi nhỏ chuyển đề. Trong các họa sĩ trẻ Việt Nam, anh thích ai nhất?

Thái Tuấn: Phước, Nguyễn Phước. Có thể là ý kiến cá nhân và tự nhiên nên không giải thích được. Tôi không muốn phân tích, bình luận nhưng tôi thích Phước nhất.

TK21: Anh không chỉ vẽ mà còn viết nhiều về hội họa. Anh thấy nhu cầu nào lớn hơn?

Thái Tuấn: Có lúc thích viết, có lúc thích vẽ, không nhất thiết. Có khi vẽ không được thì viết. Có cái viết không được thì vẽ. Có khi đang ở chỗ mà mình không có phương tiện vẽ thì viết.

TK21: Những điều kiện nào để anh vẽ được một bức tranh?

Thái Tuấn: Tôi nhìn cái cây. Nó dẫn tôi đến những hình khác. Có khi là những hình ảnh của giấc mơ. Có khi nó chỉ là cái cây và lúc nào đó nó trở lại như hình ảnh của một giấc mơ.

TK21: Anh cần một sự liên tưởng?

Thái Tuấn: Cần.

TK21: Vẽ, theo anh cần có kỷ luật nào không?

Thái Tuấn: Kỷ luật trong đời sống thật là cần thiết nhưng còn kỷ luật vẽ? Với tôi thôi thì không. Cái kỷ luật duy nhất là thích vẽ thì phải vẽ.

TK21: Còn những cái phía sau như danh vọng, tiền bạc.

Thái Tuấn: Tôi không để ý và cũng không nghĩ đến những thứ đó. Không phải vì nên hay không nên nhưng vì không nghĩ. Thế thôi. Có thể là tính tôi như vậy.

TK21: Anh không có tham vọng?

Thái Tuấn (*cười*): Không phải là làm bộ làm tịch nhưng quả bản tính tôi nó như vậy, biết làm sao hơn.

TK21: Quay trở lại với cái đẹp. Theo anh thế nào là một bức tranh đẹp?

Thái Tuấn: Có nhiều tiêu chuẩn lắm, tùy người. Đối với các nhà buôn bán tranh thì tranh đẹp là tranh bán nhanh và bán được nhiều tiền. Theo tôi, bức tranh đẹp là bức tranh tôi thích. Cái thích này rất cá nhân. Nó có thể trùng hợp với nhiều người khác, với quần chúng. Nhưng đừng để người khác chọn hộ mình, thích hộ mình. Đừng *snob*. Trong sự thưởng ngoạn nghệ thuật, dễ trở thành *snob* lắm.

TK21: Có người nói tất cả họa sĩ từ Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội, cùng hoặc lớn tuổi hơn anh, đều thuộc khuynh hướng ấn tượng vì chịu ảnh hưởng và được huấn luyện bởi người Pháp. Anh đồng ý không?

Thái Tuấn: Không. Nhận xét đó sai. Nguyễn Gia Trí không hề là *impressionist*. Nguyễn Phan Chánh không hề là *impressionist*.

TK21: Hãy nói đến cái mốc thời gian sau Genève, khoảng 1957, khi anh bắt đầu vẽ ở miền Nam.

Thái Tuấn: Cái duyên lớn nhất là gặp Duy Thanh, Ngọc Dũng qua Quách Thoại. Bắt đầu vui mà vẽ, mê mà vẽ. Lúc đó nghèo lắm, đâu có tiền mua vải, mua bố, nên vẽ trên *carton*. Và cuộc triển lãm đầu tiên 1957 ở Văn Hóa Pháp, bức tranh đầu tiên được một người Pháp, một ông chủ nhà băng mua, là bức tranh tôi vẽ đứa con đầu lòng. Hồi đó ván ép là do anh Đào Sĩ Chu cho. Tôi nhớ lúc đó chưa quen anh, cho đến một hôm anh cầm tờ *Sáng Tạo* số 1 nói với tôi "Bài anh viết về hội họa giải tỏa một số suy nghĩ của tôi." Và sau đó anh Đào Sĩ Chu giúp đỡ tôi nhiều trong cuộc sống cũng như phương tiện để sáng tác. Tôi vẫn coi anh là một ân nhân.

TK21: Anh nghĩ gì về lời phê bình anh có cái đầu khéo hơn cái tay?

Thái Tuấn: Tùy. Anh hãy nhìn bức *Khúc Giao Hưởng*, hoặc bức tranh *Violin* Kiệt Tấn giữ. Cái tay khéo hơn cái đầu chứ.

TK21: Làm thế nào để nhận ra?

Thái Tuấn: Thật là khó nói. Nhưng tranh cũng như người, phải có thời gian để làm quen. Nếu anh xem tranh nhiều, anh sẽ có cái nhận xét đúng và của riêng anh.

TK21: Anh nghĩ gì về nhận xét cái giản dị trong tranh anh là để che giấu cái vụng về?

Thái Tuấn: Hai cái đó chỉ cách nhau có một sợi tóc.

TK21: Có người nói tranh anh ít màu vì anh không đủ khả năng sử dụng nhiều màu.

Thái Tuấn: Hà, tôi ghét màu đỏ, từ lúc còn bé, chả hiểu tại sao nữa. Tranh tôi nhiều màu chứ. Các anh nhìn 30 bức tranh đang treo ở Việt Arts Center, nhiều màu hay ít màu? Nói đến chuyện xem tranh, làm quen với tranh, tôi xin kể anh nghe chuyện anh Phái. Một hôm có anh em dẫn Bùi Xuân Phái đến chơi với tôi. Tôi hỏi "Tại sao anh đến tôi?" Anh bảo "Tôi chưa quen và cũng chưa có dịp nhìn tranh anh, nhưng nhiều anh em nhắc nên đến thăm." Ít lâu sau anh vẽ chân dung tôi rất nhiều và có một bức ông ấy đề tiếng Anh *I like you* rồi xóa đi đề lại *I love you*. Mặc dù xóa nhưng nhìn kỹ vẫn thấy.

TK21: Từ ngày rời khỏi nước, anh sống ở Pháp. Anh thấy sự thay đổi đó như thế nào?

Thái Tuấn: Nếu nói về chuyện này thì lại đẩy sang nhiều chuyện để nói lắm. Hay trả lời các anh thế này vậy. Vải tốt hơn. Sơn tốt hơn. Vì vậy tranh vẽ ở Pháp của tôi chắc sẽ giữ được lâu hơn so với tranh vẽ trước đó.

TK21: Nếu tự sắp hạng, anh nghĩ anh thuộc trường phái nào?

Thái Tuấn: Cái chuyện trường phái là để tiện trong việc phê bình, viết lịch sử hội họa... Tôi cho tôi chẳng thuộc trường phái nào. Hay là trường phái tự do. Thành ra sáng tạo. Giống như thơ tự do vậy (*cười*).

TK21: Nếu phải chọn một người như bậc thầy, anh chọn họa sĩ nào?

Thái Tuấn: Tôi chọn nhà thơ, và nhà thơ Việt Nam. Quang Dũng, Đinh Hùng, Nguyễn Du... Có một bức ông Phái vẽ tôi và đề tựa là *Le peintre poète*. Tôi khoái lắm. Tôi khoái tranh Tàu hơn tranh Tây vì Tàu giản dị hơn, gần với mình hơn.

TK21: Trước khi dứt, anh có điều gì muốn nói thêm trong cuộc phỏng vấn này?

Thái Tuấn: Xin có một câu hỏi với các anh. Các anh có hài lòng về cuộc phỏng vấn này chăng? ■

KÝ ỨC NHẠT NHÒA

CUỘC TRIỂN LÃM TRANH CỦA DƯƠNG PHƯỚC TẤN

CAM VŨ

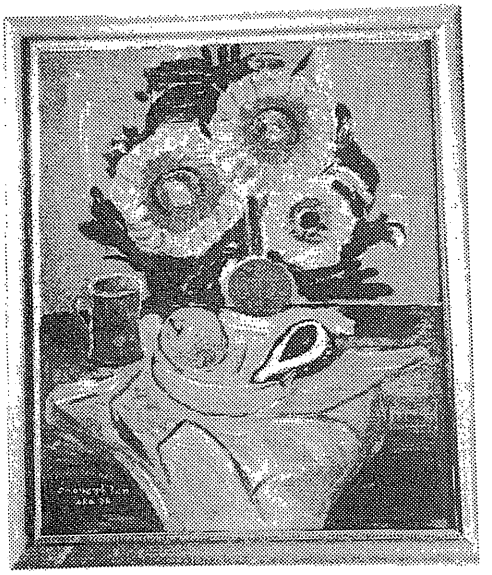

Hoa - sơn dầu. Dương Phước Tấn

Từ 18 tháng Tám đến 1 tháng Chín 1996 tại Fort Smith Art Center, Fort Smith, Arkansas.

Khác với tên đặt cho cuộc triển lãm, "Faded Memories" (Ký ức nhạt nhòa), các bức tranh của Dương Phước Tấn đã cho người xem những ấn tượng rõ nét về quá khứ. Đó là quá khứ của một người đã theo học Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế vào cuối thập niên 50, đã tham dự vào cuộc chiến Việt nam với chức vụ Thiếu tá Cảnh sát, đã trải qua 12 năm tù cải tạo sau khi Miền Nam sụp đổ, và đã định cư tại Mỹ từ giữa năm 1990. Sau mấy năm ngày đi làm, tối về miệt mài với phòng tranh, ông đã cống hiến cho thành phố Fort Smith nơi ông đang cư ngụ một cuộc triển lãm phong phú, với 32 bức tranh "bán trừu tượng," vẽ về nhiều đề tài khác nhau.

Thành phố Fort Smith đã đón tiếp tranh của ông với một cảm tình nồng hậu. Trước ngày khai mạc triển lãm, ông đã được đài phát thanh địa phương và đài truyền hình NBC phỏng vấn. Tờ *Times Record* của Fort Smith đã dành nguyên một trang lớn để đăng hình và bài của ký giả Nancy Steel giới thiệu và phân tích tỉ mỉ tranh của ông. Và ông Thị trưởng Ray Baker đã đến tham dự lễ khai mạc triển lãm cùng với đông đảo các nhà làm nghệ thuật và giới sành điệu tại Fort Smith.

Ký giả Nancy Smith đã viết: "Trong không đầy hai năm, Dương Phước Tấn đã vẽ được hơn 50 bức sơn dầu. Ông vẫn tiếp tục với nhịp độ phi thường ấy, mỗi bức tranh lại nói lên một khía cạnh khác của tâm hồn ông. Ông cố gắng hoàn

Ông Bell, Hội CCB Hoa Kỳ, Ông Baker, thị trưởng Fort Smith, họa sĩ và bà Dương Phước Tấn. Ông thị trưởng trao tặng bằng Danh dự của thành phố cho họa sĩ Dương Phước Tấn, ngày khai mạc phòng tranh 18/8/1996.

Họa sĩ Dương Phước Tấn tại phòng tranh.
(Hình chụp lại từ báo *Times Record* ở Fort Smith, Arkansas)

thiện kỹ thuật của mình, thích dùng dao (palette knives) hơn là cọ, để thể hiện niềm say mê đang thôi thúc trong ông."

Đào Lữ Yến, một người bạn của tác giả viết về tranh Dương Phước Tấn:

"Thời tuổi trẻ - cố đô Huế, vùng đất văn hóa, nơi sinh trưởng, đã ban phát cho Dương Phước tấn dư thừa những ý niệm màu sắc. Cho nên giờ đây nhìn những tranh *Trăng trên Ngọ Môn* hay *Bến cũ* với nhiều màu xanh ngọc biếc làm tôi chợt liên tưởng đến dòng Hương Giang... sáng xanh, trưa vàng, chiều tím.

"Ngoài bảng màu ngũ sắc quý phái chốn cung đình, Dương Phước Tấn còn lục lọi trong ký ức thuở xa xưa về một vùng đất đặc biệt: Phước Long, Bà Rá, Ninh Thuận..., nên bây giờ có những tranh đẹp như *Giặt áo bên hồ, Đàn bà Chàm...*

"Miền Nam Lục tỉnh, nhất là Sài Gòn "Hòn Ngọc Viễn Đông" cũng để lại trong tiềm thức Dương Phước Tấn những dấu ấn đậm nét, và nhờ đó hôm nay anh mới đạt đến cái thần trong những tranh về một Sài Gòn đầy hoài niệm, như tác phẩm *Saigon at night* với những màu sắc chắc khỏe tươi tắn."

Tại sao cuộc triển lãm của ông mang tên Faded Memories? Sau những biến cố lớn lao trong đời và sau nhiều năm gian khổ, ký ức của ông trở thành nhòa nhạt. Sau khi đến Hoa Kỳ, lòng yêu hội họa của ông bỗng sống dậy, và ông bắt đầu khôi phục trở lại trong trí của mình từng sự kiện, từng nơi chốn, từng con người... của những ngày đã qua, đã từng lưu lại một ấn tượng nào đó trong ông. Và ông thể hiện những cái ấy lên khung vải với một cung cách bán trừu tượng, mà ông gọi là "ký ức nhạt nhòa." Càng xa quê hương, tranh của ông càng trở nên trừu tượng hơn. Và bây giờ ông muốn chia sẻ những ký ức nhạt nhòa ấy của ông với các cư dân của Fort Smith, với hy vọng tạo một cơ hội để họ hiểu hơn một chút về văn hóa Việt Nam.

Ký ức có thể nhạt nhòa, nhưng Dương Phước Tấn là một con người rất tích cực với cuộc sống. Bức tranh *Băng qua sa mạc* của ông, diễn tả những con lạc đà lưng đeo nặng hành lý, đang sải bước trên một đường cát dốc, nhưng đầu vẫn ngẩng cao: đó là hình ảnh tượng trưng cho sự hăng hái tích cực mà tác giả rất tâm đắc. Ông đã tâm sự: "tình yêu tôi dành cho nghệ thuật cũng giống như tình tôi dành cho cuộc sống." ■

PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 10, 1996

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Trước 1975 tại Saigon,
Khởi Hành đã khởi đăng loạt bài
Sơ Thảo 20 Năm Văn Học Miền Nam Việt Nam.

Kể từ số 1 Bộ mới, 10-1996,
Khởi Hành khởi đăng loạt bài
Sơ Thảo 20 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại.

Nhiều Tiết Mục
Với Một Ban Chủ Biên Tên Tuổi

Anh Việt Trần Văn Trọng
Viên Linh
Hồ Trường An

P.O. Box 3156 Santa Ana, CA 92703
9306 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Phone: (714) 894 4950/(714) 897 2599
Fax: (714) 894 7333

Quỹ Cứu trợ Bão Lụt cho Việt Nam
Flood Relief Fund for Vietnam (FRF/VN)

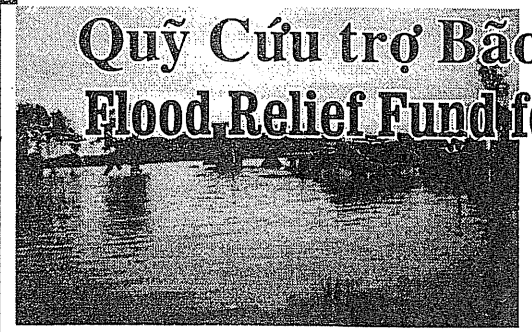

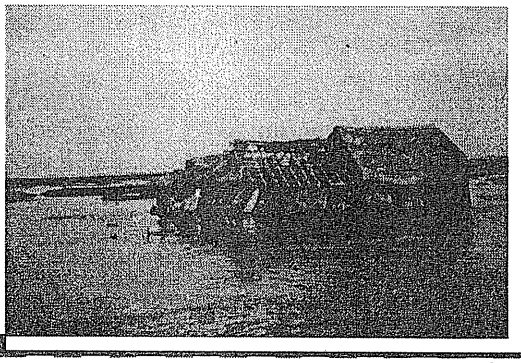

Với sự phối hợp của 4 đoàn thể trẻ:

- **Hội thiện nguyện SAP-VN** (Green Cross)
  Đại diện: Nguyễn Ngọc Thành
- **Hội Ái Hữu Sinh Viên Việt Nam**
  Đại diện: Đinh Ngọc Lệ Hồng
- **Liên đoàn Thanh Niên, Sinh Viên, Học Sinh Việt Nam**
  Đại diện: Vũ Quốc Phong
- **V.I.E.T. Foundation**
  Đại diện: Nguyễn Công Bằng

... và một số thân hữu.

Chủ trương:

TRỢ GIÚP TẬN TAY ĐỒNG BÀO NẠN NHÂN THIÊN TAI, BÃO LỤT.

Địa chỉ liên lạc:

Flood Relief Fund for Vietnam
622 So. Harbor Blvd.
Santa Ana, CA 92704-1340

Phone/Fax: **(714) 775-9528**
email: floodSOS@aol.com

Xin quí đồng hương vui lòng liên lạc với FRF/VN để biết thêm chi tiết.

Ảnh từ trên xuống:

- Một cảnh lụt ở Thanh Hóa ('96)
- Một buổi phân phối quà cứu trợ ở Kiên An (Kiên Giang, '94).
- Thăm viếng và cứu trợ đồng bào ở Sơn Hòa (Phú Yên, '93)
- Một cảnh lụt ở Châu Đốc ('95).

PHIẾU ỦNG HỘ

Họ và Tên: _____

Địa chỉ: _____

Thành phố: _____ Tiểu bang & Zip: _____

Điện thoại: _____

Số tiền ủng hộ: $_____

**** Tax Deductible Receipt issued by SAP-VN***
CA Non-profit • Federal ID #33-0539755

Chi phiếu và ngân phiếu xin đề tên:

Flood Relief Fund for Vietnam -FRF/VN
622 So. Harbor Blvd., Santa Ana, CA 92704
Phone/Fax (714) 775-9528

Xin giúp FRF/VN bằng cách sao lại bản này và gửi đến các thân hữu hảo tâm. Rất cảm ơn.

ĐÔI MẮT THẦN

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

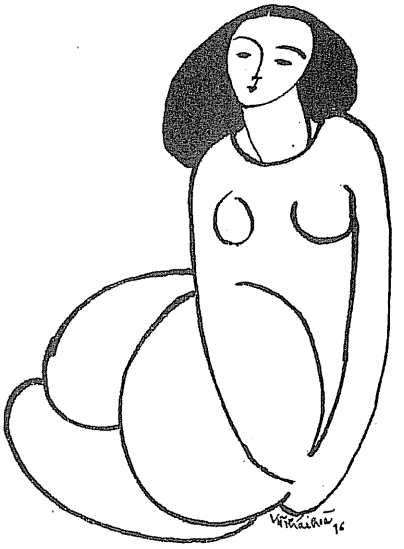

Không rõ tôi bị cận thị từ bao giờ, chỉ nhớ hồi còn nhỏ chưa đầy mười tuổi tôi đã phải nằm đắp thuốc lên mắt. Khi đi học, ngồi cuối lớp không trông thấy chữ trên bảng, tôi rất sợ đi học. Đến lúc ở nhà khám phá ra, đưa tôi đi mua kính thì tôi đã đeo kính số 3.5. Đeo kính vào, nhìn xuống đất thấy ngay dưới chân mình có một cái hố sâu từ từ dốc ngược lên trước mặt. Biết là giữa nhà không làm gì có hố nhưng mắt thấy rành rành, tôi ngần ngừ rồi giơ chân bước xuống hố, dẫm đánh bạch một cái. Phải mất một thời gian tôi mới hiểu tại chưa quen với kính.

Ở Việt Nam tôi chỉ đeo kính mỗi khi nhìn bảng. Sang Pháp quen lệ, đi đường cũng không đeo, xuống tầu hầm (métro) phải hỏi thăm đường tôi cho là chuyện dĩ nhiên vì mình "lạ nước lạ cái." Cho đến hôm gặp một người hỏi có biết đọc không, tôi nói "Có," ông hỏi: "Đã biết đọc sao không nhìn bảng chỉ đường?" Từ đấy đôi kính không bao giờ rời tôi, thấm thoắt đã mấy chục năm. Cái kính đầu của tôi ở Pháp mang số 9, cái kính sau cùng, trước khi đi mổ mắt, là 16.

Có kính, tôi đi lại, đọc sách dễ dàng, chỉ khó khăn khi phải nhìn xa. Thời sinh viên, mỗi khi đi dạ hội, cô em vẫn phải nhắc: "Chị cười đi, người ta đang cười với chị." Tôi cười như máy mà không biết mình cười với ai giữa cái biển người nhấp nhô. Tôi hỏi "Ai?", "Ở chỗ nào?" thì em tôi nói: "Thôi, người ta thấy chị không cười đã bỏ đi rồi."

Chuyện tôi đi ngoài đường gặp người lạ thì chào còn gặp người quen đi thẳng là thường. Tôi giải thích, có người thông cảm, nhưng số người giận tôi không phải là ít.

Khi sang Anh làm cho đài BBC, người bạn đi đón kể: "Mình thấy bà ấy từ xa, cười với bà ấy nhưng bà ấy cứ điềm nhiên. Mãi đến khi mình cười đã mỏi miệng, tắt cười rồi mới thấy bà ấy toe toét!"

Thấy người ta đi trượt tuyết, "thuyền đua thì lái cũng đua," tôi cũng ghi tên. Ai ngờ buộc giày vào chân rồi là cái chân cứ chạy phăng phăng không thèm hỏi ý kiến mình mà đằng trước thì mịt mù (như tương lai của tôi) chẳng biết chỗ nào có hố mà tránh, tôi phải cố ý ngã lăn ra để dừng lại. Từ hôm ấy tôi nhận thấy mình khoái đi bộ ngắm cảnh hơn đi trượt tuyết.

Đã hơn hai chục năm nay kính của tôi không thay đổi nên năm ngoái tôi có ý muốn mua một cặp thật tốt, thật đẹp, dùng mãn đời. Khi đeo kính mới, cô hàng hỏi có thấy rõ hơn không? Tôi ngạc nhiên thấy mờ hơn cũ. Tháo ra, lau, đeo lại, chưa đầy một phút kính lại mờ, hóa ra vì tôi quá mê có một cái kính thật tốt đã đặt họ tráng lên mặt kính đủ thứ thuốc, nào để đỡ lóa mắt dưới ánh đèn, nào để nước mưa trôi đi không nhòa, nào để đỡ bị sây sát... vì thế kính trở nên khó tính, gặp nóng lạnh không vừa là làm mình làm mẩy, mờ đi, cả ngày tôi phải lau. Nhưng lau đi lau lại vẫn thấy mờ, bấy giờ mới biết bệnh đục nhân (cataracte) của tôi, chớm từ những năm tám mươi, đã trở nên trầm trọng. Tôi hỏi bác sĩ tại sao tôi chăm uống thuốc mà bệnh vẫn trở nặng thì ông cười: "Thuốc đã cầm bệnh cho chị hơn mười năm nay bây giờ mới trở nặng, chị còn

muốn gì nữa?"

Tôi thù mấy bậc thềm đá trường Viễn Đông Bác Cổ, trong con đường tối tăm, trước cái cửa kính dẫn lên phòng đọc sách. Thềm gì quái ác, bậc không viền mầu khác đến nỗi lần đầu đi xuống tôi suýt ngã bổ chửng vì tưởng chỉ là một phiến đá phẳng lì. Sau rút kinh nghiệm, trước khi bước xuống tôi đưa một chân dò dẫm, nhưng nếu có người, dò dẫm thì hơi kỳ, tôi phải giả vờ đứng lại sửa áo, loay hoay tìm kiếm cái gì hay làm như mệt nhọc phải dừng chân để thở, đợi cho người ta đi chỗ khác. Dần dần tôi ít dám đi đâu.

Nhưng ngồi nhà nào có hơn? Tôi đã từng rót nước ra bàn vì lẽ giản dị là cái cốc trong suốt nó nhìn thấy tôi nhưng tôi không thấy nó. Đọc sách báo sao thấy chữ cứ mờ mờ nhạt nhạt, mấy lần toan cầm bút yêu cầu nhà báo không nên hà tiện mực, giờ thấy chữ cứ đen nhánh, nét sắc sảo chói chang trên giấy trắng nhìn đến nhức mắt, mà cũng vẫn những tờ báo ấy! Đánh máy thì phải cúi gầm đầu xuống, cổ mỏi ơi là mỏi, mà nào bài tôi viết có "tràng giang, đại hải" gì cho cam! Tóm lại, chuyện đi giải phẫu mắt đã trở nên khẩn thiết, dẫu sợ hãi cũng đến lúc không lùi được nữa.

Tôi đã từng đi mổ ung thư, từng đi nhổ răng, tuy không thích nhưng không lẩn trốn, riêng với đôi mắt thì tôi đặc biệt sợ hãi, chưa ai đụng đến tôi đã chớp, máy đo áp suất tiến đến đâu là tôi lùi đến đấy đến nỗi bác sĩ phải thò tay ra sau đầu tôi giữ lại và luôn miệng trấn an, mắt tôi vẫn chớp lia lịa. Lâu dần quen cũng đỡ sợ, nhưng tôi vẫn "khẳng khái" từ chối không cho soi mắt, nó có nghĩa là đưa vào mắt một loại kính để soi cái võng mạc trong mắt (rétine) có triệu chứng bị bong ra không. Tôi kiếm đủ cớ để tránh: nào là mới bị trọng bệnh, nào là còn trông thấy rõ đường, nào là bận nhiều việc. Tôi đặc biệt chọn một bác sĩ người Việt để "điều đình." Quả nhiên ông không ép, chỉ khuyên tôi nghĩ đến chuyện giải phẫu. Sau một thời gian trì hoãn, cuối cùng tôi thu hết can đảm đến cho ông soi mắt. May mắn mắt tôi chỉ bị cận thị nặng.

Paris có hai bác sĩ nhãn khoa, hàng giáo sư, nổi tiếng trong cộng đồng người Việt. Tôi chọn ông H.X.T. vì ông đã mổ cho khá nhiều người tôi quen biết, kể cả người trong gia đình, ai cũng khen. Vì quá sợ hãi, muốn "điều đình" nên tôi xin gặp riêng, và đã chuẩn bị tinh thần để ông đút kính soi mắt lần nữa. May sao ông chỉ quan sát từ ngoài, tôi nghĩ chắc nhà thương có máy tối tân.

Trước khi gặp, tôi dò hỏi và suy nghĩ về vấn đề chữa cả cận thị lẫn đục nhân cùng một lúc. Có nhiều người đáng tin cậy khuyên tôi đừng, hay ít nhất cũng chữa đục nhân trước, sửa cận thị sau. Duy có một người bạn đã mổ và sửa cả hai thì khuyên ngược là *rất nên*. Tôi phân vân, lưỡng lự chưa kịp đặt vấn đề với ông T. thì ông cho biết gặp những trường hợp cận thị nặng như tôi ông thường khuyên nên chữa cả hai một lúc, cam đoan không có vấn đề gì cả. Tôi gặn: "Mỗi mắt mổ hai lần hay một lần?" Ông nói mỗi mắt chỉ mổ có một lần nhưng hai mắt chỉ mổ cách nhau khoảng mười ngày vì tôi cận thị nặng (mổ một bên hai mắt chênh lệch nhiều quá). Tới mục "điều đình," tôi xin ông đánh thuốc mê cả người cho đỡ sợ, ông lắc đầu nói ông mổ xoành xoạch quanh năm nhưng cả đời ông chỉ đánh thuốc mê có mỗi một người mắc chứng ngu ngốc (mongolisme), ông nghĩ tôi không mắc chứng ấy nên ông sẽ không đánh thuốc mê mà chỉ đánh thuốc tê thôi, y như những người khác. Tôi cãi là tôi *không giống* người khác ở chỗ tôi sợ, ông bảo ai cũng sợ. Tôi nói tôi sợ *hơn* những người khác, ông vẫn khăng khăng không chuyển, nói nhỡ đánh thuốc mê đang mổ tôi giẫy thì sao? Rút cục, tôi chịu thua. Sang tới mục "phải ở nhà thương mấy ngày" ông cho biết mổ xong giữ lại một đêm, sáng hôm sau khám rồi cho về. Tôi xin ở lại vài ngày, ông trợn mắt (ấy là tôi đoán thế chứ trong phòng tối lù mù tôi có trông thấy gì đâu?) hỏi ở lại làm gì? Tôi bảo tôi thay băng một mình sợ không được, ông nói không có băng phải thay. Đến lượt tôi trợn mắt (lần này có thật) hỏi lại: "Không phải thay băng?" Ông có vẻ thú vị: "Ờ, băng vứt hết đi, còn gì để thay?" Điều đình không xong, nhưng thấy ông cầm máy đọc cho thư ký là sẽ hạ kính cận của tôi từ 16 xuống 4, tôi mừng quá quên hết mọi chuyện. Giả dụ ông chỉ hạ bớt cho tôi chừng vài độ tôi cũng vui rồi, hạ tám chín độ, tôi không mong ước gì hơn, nhưng hạ trên mười độ quả là ra ngoài sức tưởng tượng của tôi. Thấy tôi tần ngần, ông cười: "Súc sắc đã gieo rồi, không lùi được nữa." Ông cho biết thời dụng biểu của ông kín mít chỉ có thể mổ tôi ba tháng sau. Tôi còn mừng vì có thì giờ chuẩn bị tinh thần. Lúc ấy tôi chưa biết mình sắp bước chân vào một cuộc "phiêu lưu" ly kỳ, hồi hộp cho đến tận phút cuối, không kém gì chuyện trinh thám của Agatha Christie!

Chị em tiền kiếp

Trước khi mổ, tôi phải trải qua một loạt khám xét, một phần để chuẩn bị mổ mắt, một phần là cuộc kiểm tra sức khỏe thường niên: chụp phổi, thử máu v.v... Từ khi mổ ung thư không ai dám chọc mũi kim tiêm vào tay phải của tôi, mà than ôi, mạch máu tay trái của tôi lại chìm, muốn lấy máu, trừ những tay thành thạo, còn gặp "tay mơ" họ chọc lên chọc xuống, ngoáy đi ngoáy lại, rút ra chọc vào... Nghĩ đến màn lấy máu, tôi tính toán nên đem kết quả thử máu thường niên đến nhà thương chữa mắt. Quả nhiên bác sĩ nói sẽ không bắt tôi lấy máu nữa. Thế là thoát một cửa ải!

Mục đo mắt (échobiométrie) đáng sợ hơn nhiều vì bác sĩ cầm cái gì như quản bút dí sát tận mắt để đo, tuy không đau nhưng hết hồn, tôi chớp lia lịa. Sau bác sĩ phải dùng mẹo, cầm tay tôi đưa lên cao bảo nhìn vào tay, quả nhiên tôi bớt chớp. Nhưng đo đi đo lại cả nửa giờ, bà thở dài nói: "Một vùng hỗn độn như thế này bảo tôi đo sao được? Mắt bà đã cận thị nặng, đục nhân lại dày, bà phải đến nhà thương L. tôi có dụng cụ khác đo cho bà chính xác hơn. Con mắt là trọng, không thể đo ẩu được." Dù rất ngại, tôi cũng đồng ý ngay. Ở nhà thương L. tôi vẫn chớp

HẠ ĐỎ

CHIỀU... LÊN GIÓ ISSAQUAH

Tặng chị TMT

Chiều... khoan thai
buông mình trên sóng biển
hôn bàn tay nàng thi sĩ mộng mơ
Những ngón thơ
dan cát thổi lên trời
cuồn cuộn gió...
xoay cuộc đời ốc đảo

Chiều... đứng lên
buông tóc mềm hương thảo
quấn vai gầy nàng thi sĩ lim dim
Mật thơ tuôn
lai láng ướp nỗi niềm
thơm hơi gió...
lịm tình yêu hạnh phúc

Chiều... cúi xuống
buông khói mờ sương đục
ướt làn mi nàng thi sĩ rưng rưng
Lệ thơ rơi
óng ánh cả núi rừng
mềm gió đọng...
hôn bờ môi mặn mặn

Chiều... nằm nghiêng
buông tay mặt trời lặn
Máu về tim nàng thi sĩ Issaquah
Giọt thơ lan
hồng thắm đất hiền hòa
Chiều... lên gió
giao mùa thu
trong bàn tay nàng thi sĩ...

9/96

mắt liên hồi khiến bà nóng nẩy, cuối cùng cũng xong. Mượn cớ xin lỗi đã chớp mắt, tôi nhắc khéo bà là tôi sắp đi mổ để bà nhớ chuyển kết quả đến nhà thương B. cho kịp. Rồi mới yên bụng ra về.

Trước khi mổ, thấy tôi sợ, ai cũng dỗ: "Không đau đâu, nhanh lắm, chỉ mười lăm phút là xong. Bây giờ khoa học tiến bộ người ta đi mổ như đi chợ, việc gì mà sợ." Tuy những người này có lòng tốt nhưng họ không hiểu rằng trường hợp tôi không giống mọi người, tôi không sợ đau (đã đánh thuốc tê thì còn sợ gì đau) nhưng tôi sợ nhìn thấy dụng cụ mổ lù lù đưa vào tận mắt. Chỉ có người bạn đã mổ cho biết là lên bàn mổ người ta bịt mặt không nhìn thấy gì nữa.

Hôm nhập viện, tôi đã chuẩn bị tinh thần nên khá bình tĩnh. Vừa bước chân vào phòng, cô y tá đã bén gót đòi lấy máu, lại còn điểm mặt: "Tại sao bà không y hẹn đến gặp bác sĩ lo chuyện tiêm thuốc tê ?" Tôi cãi có đi, cô không tin, vặn hỏi cặn kẽ đến ngày nào. Thấy tôi nói rành mạch đã mang theo kết quả thử máu thường niên nên bác sĩ cho miễn lấy máu kỳ này cổ mới nhìn lại hồ sơ, hóa ra cô lẫn tôi với một bà họ Nguyễn khác.

Đến chiều, một y tá vào hỏi: "Ở đây có ai biết tiếng Pháp?" Tôi ứng tiếng, cô dẫn tôi đến một phòng, nói với một bà người Á Đông đang ngồi cạnh cửa sổ. Thấy bà không trả lời, tôi hiểu vai trò cô dành cho tôi, hỏi bà có biết tiếng Việt không thì bà tỏ vẻ mừng rỡ. Cô y tá liền trao cho tôi tấm phiếu màu xanh trên đề tên Ngô Nguyệt nhờ tôi khai hộ thủ tục nhập viện. Khai xong, tôi dẫn bà về phòng giới thiệu với bà chia phòng với tôi, cũng họ Ngô.

Chập tối, y tá đến lẳng lặng vén tay áo tôi đòi lấy máu. Tôi rụt tay lại cãi bác sĩ bảo không cần, cô cười nói: "Những kết quả thử máu bà mang đến còn thiếu một món, nên vẫn phải lấy máu." Món ấy mọi năm tôi vẫn làm nhưng năm nay chính phủ Pháp bắt tiết kiệm nên bác sĩ của tôi tự ý bỏ đi mới thành ra thiếu. Tôi đành nhăn mặt, chìa cánh tay trái ra.

Đêm ấy tôi không ngủ được, không phải vì sợ hãi mà là vì bà bạn chung phòng ngáy dữ quá. Thoạt đầu còn tỉ tê to nhỏ, nhưng lâu lâu lại đột nhiên ầm ầm như sấm động. Tôi nằm nhớ đến một người đi nghe hòa nhạc, kể có lúc các nhạc công hình như ngủ gật, chỉ còn một người cò cưa kéo đàn, rồi bỗng nhiên cả bọn giật mình tỉnh dậy đua nhau kẻ vỗ trống, người đập bàn ầm ầm...

Sáu giờ sáng, tôi nhổm dậy vào rửa mặt cho tỉnh ngủ, nhưng bị y tá gõ cửa đòi ra bắt nhường chỗ cho bà họ Ngô vì bà mổ lúc 10 giờ, tôi mãi 11 giờ mới mổ. Cô ta đưa áo mổ rộng thùng thình cho bà thay, dặn trút bỏ hết quần lót, răng giả, nữ trang, kính v.v... rồi giỏ thuốc vào mắt cho con ngươi nở to ra. Một lúc sau trở lại, giỏ thêm lần nữa rồi cho uống thuốc an thần. Đến giờ, họ bắt đầu đẩy giường đi thì y tá chợt thấy chân bà sơn móng đỏ chót, giẫy nẩy, bắt lau sạch mới cho đi.

Đến phiên tôi đại khái cũng thế. Y tá vào giỏ mắt cười cười: "mắt phải," tôi cãi "mắt trái," cô lại nói "mắt phải," thấy tôi vẫn cãi "mắt trái," cô nhìn lại hồ sơ rồi cười: "Đúng, nhưng mắt trái của bà với tôi đứng đối diện lại thành mắt phải." Và thêm: "Người Việt các bà làm chúng tôi điên đầu. Cùng mổ ngày hôm nay có đến hai bà họ

Nguyễn, hai bà họ Ngô. Mỗi lần làm gì chúng tôi phải kiểm đi kiểm lại thật kỹ. Bà có biết là ngay số giường của bà cũng bị ghi nhầm là của bà Ngô không? Nhưng tôi biết nên đã sửa lại rồi, cứ yên tâm."

Tôi dậy trước bà Ngô mà lại mổ sau, thời giờ ngồi đợi dài dằng dặc. Trời nóng nực, tôi cứ xoay đi xoay lại trên giường, đổi chỗ cho mát. Kính đã cất đi, không nhìn rõ, không dám đi đâu.

Rồi cũng đến lúc người ta đẩy tôi ra thang máy. Trời nóng nhưng vẫn phải đắp chăn len vì xuống dưới nhà có gió lạnh, ông đẩy xe bảo thế. Ra đến thang, bất ngờ ông trao đổi vài câu khẽ với một người đồng nghiệp rồi thấy ông lại quay giường đẩy đi nữa không hiểu đi đâu, hỏi thì nói hãy chờ một lúc. Tôi kiên nhẫn nằm đợi, sau nóng quá nhổm dậy tốc chăn mới hay họ đã đẩy mình về phòng từ bao giờ! Ngồi một lúc thấy họ đẩy bà Ngô lên, y tá gọi thì bà ú ớ không trả lời thành câu, chắc còn mê. Tại sao lại mê nếu chỉ đánh thuốc tê? Lúc sau, bà nhổm dậy rót nước. Tôi nghĩ bụng bà khát thì chắc mình mổ xong cũng khát. Mình không trông tỏ như bà, khôn hồn thì rót sẵn cốc nước để đấy, mang cả chai nước uống dở để một bên, dọn bàn thật gọn, thò tay ra là có nước ngay.

Y tá lại vào khám mắt xem con ngươi còn nở rộng hay không vì phải đợi lâu quá, sợ thuốc nhạt. 12 giờ họ mới đẩy tôi xuống, chậm đúng một tiếng. Cả đêm mất ngủ, sáng dậy, không được uống cà phê, lại bị thuốc an thần ngấm kỹ, xuống tới nơi tôi đòi đi ngủ. Miệng họ trấn an: "Cứ ngủ đi, không sao" nhưng họ đặt ngay cái gì vào mũi và cho quạt gió, đồng thời truyền "sérum" (huyết thanh) vào mạch máu tay trái, tôi mới tỉnh táo. Ông T. đến cho biết ông thay áo xong sẽ vào mổ cho tôi.

Đúng như lời người bạn nói, họ chụp một miếng vải che kín mặt chỉ hở một lỗ, chỗ con mắt phải mổ. Mắt mổ lại bị chiếu đèn sáng chói không trông thấy gì cả. Ông T. nói: "Trước khi mổ, tôi nói rõ cho bà biết tôi sẽ làm những gì để bà đỡ sợ, không có lại như người đẻ không biết nó chui ra đằng dưới hay đằng trên." Chắc ông muốn pha trò cho tôi quên sợ, ông đã tung bóng thì tôi bắt, cười nói: "Thế chui ra đằng trên cũng được à?" Không thấy ông nói gì, không biết vì mải chăm chú hay vì bí, không trả lời được, chỉ thấy cô phụ tá ông cười: "Bà đừng để ý làm gì. Họ là đàn ông có biết đẻ là cái quái gì đâu?" Ông T. lại lên tiếng: "Bây giờ tôi tiêm cho bà một mũi ở đây (ở má, phía đuôi con mắt) rồi một mũi ở chỗ này (trên mí mắt, gần sống mũi). Chỉ trong giây lát bà sẽ cảm thấy tê cứng, tôi mổ bà không đau nữa." Khi tiêm có nhói đau nhưng người bạn cũng đã cho biết trước. Ông T. tiếp tục hỏi chuyện, tôi trả lời, rồi bỗng thấy miệng tê dại, nói khó khăn. Ông T. bắt tôi nhắc lại một câu mà tôi tin chắc ông đã nghe rõ. Tôi nghĩ bụng tay này chơi khó mình, biết mình nói khó khăn mà còn bắt nhắc lại. Tôi thong thả nói từng tiếng một cho thật rõ rồi chợt hiểu ông chỉ muốn đo lường mức thuốc tê ngấm tới đâu. Đột nhiên tôi rụng rời nghe ông nói bên tai: "Làm đi, đến số bảy thì ngừng lại. Thế, được rồi." Có lẽ ông không mổ tôi mà lại giao tôi cho học trò mổ? Tôi biết ông cần phải huấn luyện học trò. Nhưng thực tập vào cái đám đông vô danh tôi không quen là một chuyện, thực tập vào chính đôi mắt quý báu của tôi lại là chuyện khác, rõ ràng có điều không ổn, sao ông không nhìn ra nhỉ? Bây giờ phản đối cũng vô ích, tôi nằm yên, có hơi hậm hực. Chờ đợi ba tháng để chính tay ông mổ, thế mà... Nhưng một lúc sau tôi thấy rõ ràng chính ông đang mổ, tôi đã đoán nhầm hay đến chỗ nào mổ khó thì ông làm? Rồi ông báo trước sẽ cho máy chạy, ông không giảng nhưng tôi đoán (lại đoán!) chắc máy chạy để hút hết các chất dơ bẩn trong mắt trước khi ông đặt "mắt mới" của tôi vào (cristallin). Lúc ông mổ phía trên tôi không cảm thấy gì cả, y như chưa động vào mắt, nhưng lúc mổ phía dưới tôi cảm thấy rõ con dao (?) mổ chạy đi chạy lại, không đau lắm, trừ phút cuối đau nhói tôi bật kêu thì ông vội nói: "Xong rồi!" Gỡ vải che mặt ra, đặt băng vào, đậy nắp plastique lên dán lại. Ông vỗ vai: "Chiều tôi sẽ lên thăm bà." Tôi cảm ơn, xe đẩy đi. Thế là xong. Quả không đáng sợ lắm như tôi tưởng.

Quá mệt vì cả đêm mất ngủ, lại bồn chồn vì phải chờ đợi lâu, bị hoãn lại thêm cả tiếng đồng hồ mới mổ, não cân căng thẳng, lên đến phòng tôi rũ ra. Giờ ăn trưa đã qua, họ quên, tôi cũng không đòi. Vừa lơ mơ chợp mắt, một người bạn đến thăm, tôi nói qua loa rồi xin lỗi không tiếp chuyện được. Tay trái vẫn lòng thòng dính với ống dẫn "sérum." Khoảng năm giờ chiều y tá vào đo áp suất, tôi hỏi tại sao tôi vẫn phải đeo dây còn bà Ngô thì không, cô cười: "Tại bà khác người ta. Chưa có ai mới uống có ngần ấy thuốc an thần mà xuống phòng mổ lại đòi đi ngủ như bà." Tôi hiểu ra, giải thích tại tôi mất ngủ trắng đêm, lại thêm thuốc an thần thấm kỹ, cô liền "giải phóng" tay tôi.

Hơi khát, tôi thò tay tìm cốc nước. Than ôi, cái bàn tôi dọn gọn ghẽ giờ đây la liệt "chướng ngại vật," còn cốc nước không biết nằm phương nào? Đành ngồi dậy sờ soạng. "Chướng ngại vật" thứ nhất mà tôi yên trí bình đựng "sérum" do y tá để hóa ra là một gói quà, người bạn mang đến. "Chướng ngại vật" thứ nhì nằm chỗ chai nước, cũng lại một gói quà của người khác. Duy có cốc nước thì không biết ai đã cất biến đi đâu! Thò chân xuống tìm dép để kiếm nước thì dép cũng bị dẹp đi đằng nào. Tìm được dép mới phát giác lối đi đầy "chông gai," trước hết là cái giá treo bình "sérum," rồi đến cái ghế chẳng biết ai oái oăm đem ra bầy ở đây? Tôi càu nhàu, rồi chợt nghĩ đến hai câu:

Vẻ chi ăn uống sự thường,
Cũng còn tiền định...

mà bật cười. Cái số nó thế! Mình đã tưởng khôn ngoan sắp xếp trước là yên trí có nước uống, nào ngờ...

Người Pháp tự xưng là con cháu Descartes, sao họ làm ăn ẩm ớ thế này? Mổ mắt xong, không được phép cúi mặt xuống thì họ cho ăn cánh gà với dao cùn, tráng miệng là một quả táo

tròn đẹp, nhưng dao cùn khó gọt, trong khi hôm qua họ cho ăn toàn thứ thịt không xương và tráng miệng lấy thìa múc! Tuy bỏ dở một nửa nhưng ăn xong cũng thấy tỉnh táo, hóa ra đói mà không biết.

Lại thêm một đêm mất ngủ nhưng cái đáng lo sợ đã qua, tôi bớt khắc khoải. Bảy giờ sáng vừa xuống giường chưa kịp rửa mặt, y tá vào thấy tôi dậy trước tiên, bắt đi ngay ra phòng khám mắt. Cũng hơi run, không biết kết quả ra sao? Bác sĩ đón hỏi: "Đêm qua bà ngon giấc chứ?" không ngờ gặp câu trả lời rất thành thật: "Tôi mất ngủ đã hai đêm rồi!" Ông hơi xịu mặt, hỏi thêm: "Chắc hết đau rồi phải không?" Lại thật nữa: "Cũng còn đau nhưng tôi nghĩ sau khi mổ đau là chuyện dĩ nhiên." Ông im lặng bỏ nắp, tháo băng, giỏ thuốc vào mắt rồi bảo tôi đặt cằm lên máy, mở to mắt. Tôi thấy một con đường thẳng tắp trước mặt, cuối đường có cái gì như ngọn lửa đỏ, có lúc lại như thấy mấy ngón tay ông. Xem xét một hồi thật kỹ, ông tuyên bố gọn: "Tốt!" Tôi mừng quá nhắc lại cho chắc: "Tốt lắm phải không?" Ông gật: "Tôi sẽ cho giấy để bà xuất viện hôm nay." Tôi sướng quá quay lưng đi một mạch, quên cả chào. Đi còn chập choạng mắt nhìn chưa rõ lắm, nhưng mỗi lúc một rõ thêm, đến khi ăn sáng tôi đã nhìn kỹ cả con mắt bà Ngô ngồi đối diện mà không cần đeo kính. Đang ăn ông T. đến nhắc tôi được xuất viện và năm hôm nữa phải quay lại để ông kiểm soát, rồi ông vội vã đi, nhanh như gió. Tôi chỉ kịp cản lại yêu cầu ông thu xếp cho một phòng riêng lần sau, sợ ở chung rồi lại mất ngủ như lần này. Ông lắc đầu nói không có phòng riêng, và thêm: "Dù sao cũng chỉ mất ngủ có hai đêm, không sao cả." Chắc ông chưa bao giờ mất ngủ! Thấy tôi im lặng, ông đề nghị hay là dậy sớm hôm mổ, đừng ăn uống gì, đến đây, mổ xong chỉ phải ở lại có một đêm. Vẫn mất ngủ một đêm mà lại lỉnh kỉnh bắt người khác dậy sớm đưa mình đi cũng không hơn gì, tôi đành chấp nhận phòng chung vậy. Ra cửa, ông quay lại: "Tôi sẽ cố thu xếp cho bà có phòng riêng, nhưng không bảo đảm."

Sau bữa ăn trưa mới có người tới đón về, ở lại cả buổi sáng tôi tha hồ ba hoa. Ông trưởng khu ghé thăm, tôi còn cho biết mười hôm nữa tôi sẽ quay lại "quấy nhiễu" và tôi sẽ nhắc để khỏi có chuyện lẫn hồ sơ như lần này. Ông cười: "Bà cứ yên tâm, chương trình đã làm xong, mười hôm nữa chỉ có mỗi một bà họ Nguyễn, không thể lẫn được." Ông hứa sẽ cố thu xếp phòng riêng cho tôi, nếu có. Tôi cao hứng kể đến chuyện trước khi mổ tôi sợ hãi ra sao, ông cho biết còn có những người sợ hãi hơn cả tôi nữa, xuống bàn mổ giẫy nẫy không chịu, cho chờ thêm một tiếng để nghĩ lại, vẫn nhất mực xin về. Mà toàn là các ông cả, mới biết phụ nữ can đảm thật!

Ra về, tôi vẫn còn loạng choạng. Mắt mổ rồi, kính cũ không hợp nữa, mắt chưa mổ tuy có kính nhưng vẫn mờ. Tuy nhiên, tôi đeo để che cho mắt tránh bụi bậm. Tới nhà, bỏ kính nhìn ra ban-lan thấy cái chậu hoa xưa kia tôi ngỡ là mầu trắng ngả vàng vì "mầu thời gian" thì nay thấy nó trắng tinh, trắng bóc; mấy bông hoa tôi vẫn biết mầu hồng, mầu tím tươi đẹp nhưng không ngờ nó có thể tươi thắm, rực rỡ tới bậc ấy. Tôi ngẩn ngơ nhìn không chán mắt, đẹp lạ đẹp lùng. Nhìn một lúc tôi đâm nghi ngờ tự hỏi có thật mầu hoa tươi thắm như thế hay vì mắt tôi là "mắt giả?" Năm nay lạnh, hoa muguet cuối tháng năm còn nở. Trước khi đi tôi chỉ thấy hoa lốm đốm trắng giữa đám lá xanh, giờ nhìn thấy rõ từng chùm hoa xinh xinh như cái móng tay, hình quả chuông, đẹp vô cùng.

Như một đứa trẻ có đồ chơi mới, cái thú của tôi là nằm nhìn trần nhà. Chỉ có mỗi một cái chao đèn bằng giấy đã cũ vàng treo giữa nhà. Tôi nhắm mắt cũ nhìn bằng mắt mới, thấy rõ từng chi tiết, xong lại nhắm mắt mới nhìn bằng mắt cũ, đến cả cái lỗ hổng để đưa bóng đèn vào cũng biến mất. Rồi tôi nhìn đến cái tủ và không tin ở mắt mình, các đường dọc đều hơi cong, có lúc đường dọc thẳng thì đường cong lại trũng xuống. Thử đi thử lại mấy lần, tôi thở dài nghĩ là mắt tuy sáng nhưng vẫn còn bị loạn thị (astigmatisme), may mà có kính chữa.

Đến giờ giỏ thuốc, tôi cầm lọ thuốc thấy cái vòi chỗ thuốc chảy xuống hơi cong. Tôi nghĩ thời buổi văn minh cũng có khác, đến cái vòi giỏ thuốc mà cũng cầu kỳ làm cong để giỏ cho dễ. Hai hôm sau tôi mới khám phá ra cái vòi vẫn thẳng!

Tôi có thói quen làm gì cũng co tay đưa lên gần mắt, hễ không nhìn rõ thì đưa lại gần hơn, hoặc lấy tay đẩy kính ở sống mũi đến sát mắt. Bây giờ càng đưa lại gần càng thấy nhòa, tôi sực tỉnh, thử đưa ra xa thấy rõ, tôi duỗi thẳng cánh tay, lại càng rõ nữa. Tôi thích thú ngắm bàn tay, ngón tay, móng tay "tưởng quen mà lạ..." và phát hiện ra rằng bây giờ nhìn phong cảnh thì đẹp hơn nhưng nhìn người thì, eo ơi...

Mười hôm sau tôi trở lại nhà thương, trong lòng rất bình tĩnh, thư thái. Tôi đã biết hết còn sợ gì? Những chuyện đáng ngại như lấy máu, đo mắt thì họ vừa làm mới cách đây hơn mười ngày chẳng lẽ họ lại lôi tôi ra làm lại? Gặp ông trưởng khu, tôi cười đùa. Ông hỏi có muốn trở lại phòng cũ lấy khước không vì lần mổ trước kết quả tốt đẹp, nhưng trong phòng lại có một người đang nằm một tuần nay. Còn ở phòng mới thì may ra đêm đầu không có ai, tôi vội xin vào phòng mới. Thoát được đêm đầu trước khi mổ, đỡ mệt là nhất. Mổ xong có mất ngủ, mệt cũng không sao.

Dọn vào phòng mới liền phải làm thủ tục nhập viện, họ lại đưa cho tôi hồ sơ của một bà Nguyễn khác. Tôi cười trao trả rồi ngồi đợi họ mang hồ sơ của tôi đến. Đợi mãi sốt ruột, tôi giở báo ra đọc. Đang đọc thì ông trưởng khu đến ngại ngùng bảo: "Có vấn đề." Tôi cười: "Tôi biết rồi, lại nhầm hồ sơ phải không?" Ông bảo không chỉ có thế, bà họ Nguyễn kia bây giờ cũng tới trình diện rồi. Tôi ngạc nhiên: "Sao lần trước ông bảo hôm nay chỉ có mỗi một bà họ Nguyễn thôi?" Ông gật: "Đúng là chỉ có tên một bà họ Nguyễn trên chương trình, nhưng tên bà kia chứ không phải tên bà. Bà có chắc là bà không nhầm ngày không?" Tôi cả quyết không nhầm, giấy tờ gửi cho tôi từ ba tháng trước, hẹn

ngày rõ ràng, hôm nào tôi cũng tâm niệm để quên sợ, nhầm thế nào được? Ông nói: "Thế thì có lẽ bà kia lầm vì lần trước bà ta cũng đã đến lầm ngày rồi phải về, bà ta có vẻ ẩu lắm." Đang nói thì bà họ Nguyễn kia bước vào, tưởng ai hóa ra là người mà tôi đã làm đơn hộ kỳ trước mà tôi thấy tên là Ngô Nguyệt (Có lẽ họ lại lầm nữa?). Bà cho biết đáng lẽ con mắt thứ hai của bà đến tháng Tám mới mổ nhưng tuần trước đi khám mắt về thì ông T. gọi lại nhà bảo tháng Tám ông đi nghỉ hè, phải đến mổ trước và hẹn bà ngày hôm nay. Ông gọi thì bà phải đi chứ thật sự bà không muốn mổ bây giờ. Tôi vui mừng quay ra dịch cho ông trưởng khu hiểu vì sao cả hai chúng tôi cùng trình diện, không có ai lầm cả. Tưởng thế là xong, không ngờ ông vẫn không vui nói: "Chúng tôi chỉ chuẩn bị có mỗi một cái giường cho một bà họ Nguyễn thôi, hai bà cùng đến tôi không biết để giường cho ai?" Tôi nói dĩ nhiên là giường dành cho tôi vì mười ngày trước tôi đã bảo ông tôi quay lại hôm nay, còn bà kia thì chỉ biết mình mổ hôm nay cách đây có năm ngày. Chính bà không muốn mổ, bà chưa sẵn sàng, còn tôi chuẩn bị từ ba tháng nay, chương trình làm việc sau khi mổ đã hoạch định, bắt tôi về nhỡ hết công việc của tôi. Ông nói phải đợi xem ông T. xử trí ra sao? Bà Nguyễn kia muốn chuồn cứ túi tít giục hỏi ai ở ai đi? Sao bảo hỏi ông T. mà không hỏi? Hỏi rồi thì ông T. trả lời ra sao? Tại sao ông không trả lời? Không trả lời thì phải giục... Tóm lại, bà chỉ muốn về. Tôi bảo ông trưởng khu bà ta sẵn lòng nhường chỗ cho tôi thì còn dẫn đo gì nữa? Ông T. mổ tôi hay mổ bà kia có khác gì nhau? Ông ngần ngừ rồi cho biết thêm là hồ sơ của tôi bị thất lạc, tìm từ sáng chưa ra. Tôi hết cười, không tin lại có sự trớ trêu như thế. Ông vẫn hồ nghi là tôi nhầm ngày nên đòi xem giấy ông T. triệu tôi đến. Giấy tôi đã trao cho cô thư ký ở dưới nhà, ông bắt phải xuống lấy lên và chỉ định cho một sinh viên thực tập dẫn tôi xuống, nếu quả tôi không nhầm thì lập tức dẫn tôi đi đo mắt. Dĩ nhiên là tôi không nhầm, nên họ lôi tuột tôi đến cái phòng khủng khiếp, vẫn cái "quản bút" dí sát vào mắt nhưng bà bác sĩ này làm nhanh hơn, nội trong khoảng 5, 10 phút bà đo xong cả hai mắt - "Để so sánh" bà nói. Trong khi đó, có mấy người đến mở cửa hỏi chuyện, lúc đầu bà còn rút "quản bút" ra để quay lại trả lời, sau mấy lần bà bực mình để nguyên "quản bút" sát mắt tôi rồi quay đầu nói chuyện làm tôi bở vía. Sau đó, bà hỏi tôi đeo kính số mấy, ông T. định hạ xuống số mấy rồi loay hoay làm tính, chỉ một loáng đã xong. Bà cho biết số tôi không may nên hôm tôi tới đo mắt, bà phải đi họp, bà kia đo xong lẽ ra phải ghi kết quả vào một quyển sổ, nhưng khi thấy hồ sơ tôi bị thất lạc, họ mở sổ ra thì chỗ đề tên tôi chỉ thấy một trang giấy trắng tinh!

Đo mắt xong, lên phòng, tới giờ ăn trưa. Bà Nguyễn kia chưa chịu ăn vì còn đợi kết quả có được về hay không. Phần tôi, lo chuyện mất hồ sơ cũng nuốt không trôi.

Ông trưởng khu quay lại bảo ông T. quyết định giữ và mổ cả hai. Ông chuẩn bị đưa bà kia sang phòng khác. Thấy bà mừng rỡ khi gặp tôi nên tôi xin cho bà ở lại, đằng nào chắc cũng mất ngủ vì chuyện cái hồ sơ.

Y tá vào cho biết vẫn chưa tìm thấy nó. Đã quen làm việc ở chỗ có nhiều hồ sơ, tôi biết dù cẩn thận đến mấy cũng không tránh được chuyện thất lạc, nên tôi thông cảm không trách họ, chỉ giận cái số mình đen đủi; và nhắc họ, theo kinh nghiệm của tôi, nên tìm hồ sơ tôi trong lòng hồ sơ của bà kia, có khi vô ý xếp lầm. Họ nói họ đã tìm khắp nơi, xuống cả kho tàng trữ hồ sơ cũng không thấy. Tôi hỏi tại sao tuần trước tôi đến khám mắt ông T. còn xem hồ sơ tôi mà chỉ chưa đầy một tuần hồ sơ đã biến? Họ nói không biết. Tôi bảo không biết chừng nó còn nằm trên bàn làm việc của ông T., họ nói ông không bao giờ giữ hồ sơ. Tôi khuyên họ tìm hồ sơ người Việt đừng bao giờ nhìn vào cái họ, thứ nhất họ Nguyễn vì đến 50% người Việt họ Nguyễn, phải nhìn vào tên riêng của chúng tôi. Ông trưởng khu nói: "Thì chúng tôi nhìn tên riêng chứ sao?" Khốn nhưng tên của hai bà cũng tựa tựa như nhau, một bà là Nguyễn Thị Chân, một bà là Nguyễn Thị Ngân." "Thế thì nên nhìn năm sinh của chúng tôi." Ông lắc đầu: "Bà tưởng chúng tôi không nghĩ đến sao? Khổ một nỗi hai bà cùng sinh một năm, chỉ khác ngày tháng thôi." Ra thế, chẳng trách được. Sao ở đời lại có sự trùng hợp tấu xảo kỳ lạ đến thế.

Xế trưa, hồ sơ vẫn chưa tìm ra, ông T. lên xin lỗi và nói sẽ cho lập hồ sơ mới. Tôi băn khoăn hỏi: "Bà bác sĩ trước bắt tôi phải đến nhà thương L. để đo mắt vì dụng cụ ở đây không chính xác, bây giờ lại đo bằng dụng cụ ở đây thì sao?" Ông nói: "Nói thật cho bà biết, mắt bà cận thị nặng quá, có xê dịch một tí cũng không việc gì." Ông cười nói tiếp bằng tiếng Anh: "No problem!" (Không có vấn đề gì cả!). Tôi im lặng nhưng thật sự không yên tâm. Bà Ngân an ủi: "Chị đừng lo, rồi đâu cũng vào đấy" và bắt sang nói huyên thuyên đủ thứ chuyện, có lẽ để tôi quên. Tôi còn lòng dạ nào nghe, nên chỉ ậm ừ.

Sau nạn đo mắt, dĩ nhiên đến nạn lấy máu. Lần này phải lấy nhiều ống máu chứ không chỉ một ống như lần trước. Ngẫm lại cái số mình đen thật, người ta lấy máu chỉ một lần, mình được chiếu cố tới ba lần! Người ta đo mắt chỉ một lần, mình lại cũng hân hạnh được đo ba lần lại còn rắc rối phải đến tận nhà thương L. đo, mà rút cục có dùng đến nó đâu? Bà Ngân thấy người ta đến lấy máu tôi, tưởng mình cũng bị lấy máu sợ kêu bai bải. Tôi cười hỏi sao trước chỉ bảo tôi làm lại hồ sơ chẳng có gì đáng sợ, giờ chỉ mới tưởng

* Tôi vừa phát minh ra một cách để khi đóng đinh búa không đập vào tay mình. Đó là để người khác giữ cây đinh.

* Tôi vừa phát minh ra một thứ có thể nấu ăn, lau nhà, rửa bát đĩa, giặt quần áo — đó là kiếm một người vợ.

phải lấy máu chị đã kêu ầm lên?

Thỉnh thoảng y tá vào nhìn tôi lắc đầu, hồ sơ vẫn chưa tìm thấy.

Khi xin cho bà Ngân ở cùng phòng, tôi chỉ nghĩ là bà thích ở với người đồng hương để trò chuyện và yên tâm hơn, không ngờ cũng là cái may cho tôi: bà ngủ không ngáy một tiếng nào nên mặc dầu khắc khoải chuyện hồ sơ, tương đối tôi vẫn yên giấc, sáng dậy không ngất ngư như lần trước. Ông T. đến thăm cho biết để tránh chuyện nhầm lẫn ông sẽ mổ bà Ngân lúc 11 giờ, mổ tôi lúc 12 giờ (lại mất một bữa ăn trưa nữa!). Tôi như chim đã bị tên, y tá làm gì tôi cũng kiểm soát, họ buộc tên tôi vào chân giường tôi cũng leo xuống xem lại.

Mọi sự tuần tự tiến hành: thay áo, trút bỏ nữ trang, kính v.v... giỏ mắt, uống thuốc an thần rồi người ta đẩy giường bà Ngân đi. Lần này bà mổ mắt trái, tôi mổ mắt phải. Ngồi lại một mình, tôi bần thần nghĩ ngợi. Sao mình làm gì cũng cố hết sức để mong kết quả vẹn toàn mà cứ vô phúc chuốc lấy những chuyện trắc trở dập dồn? Lần trước bà Ngô mổ có vấn đề gì đâu? Lần này bà Ngân tuy phải đổi ngày sớm hơn nhưng mọi sự vẫn xuôi. Còn mình, khi xuất hiện đã cố ý không nghe thư ký, làm ngay thủ tục nhập viện lần thứ nhì trước khi về, để tránh rắc rối mà sao rắc rối vẫn trút xuống đầu mình cả lần trước lẫn lần này?

Khoảng 11g45, sau khi giỏ mắt hai lần, uống thuốc an thần, tôi đã bó tay phó mặc số mệnh, thì bà y tá bước vào tươi cười như hoa nở: "Xin báo tin mừng để bà biết, hồ sơ của bà tìm thấy rồi!" Tôi mừng quá cảm ơn rối rít. Bà cười: "Tôi đi một vòng, quay về thấy có cái hồ sơ trên bàn, tên Nguyễn Thị, tôi càu nhàu: 'Lại thêm một bà Nguyễn Thị nữa!' Bạn tôi bảo không chừng nó là cái hồ sơ thất lạc, tôi giở ra xem quả thật của bà. Tôi vội tới báo tin cho bà mừng." Mừng thật, quá sức mừng! Giờ tôi mới yên tâm đi mổ.

Xuống phòng mổ, không thấy ông T. đâu, chung quanh toàn người Pháp lăng xăng, kẻ buộc tóc cho tôi, người buộc tay tiếp "sérum," nhưng lần này không quạt gió vào mũi. Một người lăm le cầm kim tiêm định chọc xuống. Bây giờ tôi không nín lặng nữa, cái gì khác lạ là tôi hỏi ngay: "Giáo sư H. không mổ cho tôi à?" Họ trấn an: "Ông đang mổ phòng bên cạnh, mổ xong sẽ sang mổ cho bà. Chúng tôi chỉ chuẩn bị sẵn sàng để ông mổ thôi." Tôi hỏi người cầm kim tiêm: "Ông không bịt mặt tôi lại như kỳ trước hay sao?" Ông nói: "Không, tôi không bịt." Tôi toan đòi, rồi chột dạ nghĩ chắc tay này còn non nên phải để rõ mặt hẳn mới biết mà chọc kim xuống cho đúng chỗ, bắt bịt kín hẳn không biết đằng nào mà lần, nhỡ chọc mù mắt mình thì hỏng. Thế là tôi im thin thít, không phản đối nữa, đành run mà trông mũi kim trước mắt lăm le đâm xuống. Ông bác sĩ trẻ đắn đo mãi vẫn không dám chọc, tôi tự hỏi trong hai chúng tôi ai sợ hơn ai? Cuối cùng ông cũng đâm xuống, không đau lắm, nhưng khi bơm thuốc, ông luống cuống để một phần thuốc chảy ra má. Phát thứ nhì ông mới lấy lại bình tĩnh. Xong ông bắt tôi nhìn lên nhìn xuống, sang phải sang trái rồi mới yên dạ. Ra người ta không muốn đánh thuốc mê là để mình "cộng tác" như thế này đây.

Một lúc sau ông T. đến, nói từ đỉnh đầu: "Tôi đây. Tôi sẽ mổ cho bà." Họ lại bịt mặt tôi như lần trước, nhưng lần này đèn không chói sáng, tôi lờ mờ thấy bóng dụng cụ của ông đi qua đi lại trước mắt, có khi dường như thấy cả ngón tay hồng hồng. Ông chăm chú mổ, không gợi chuyện như lần trước, chỉ thỉnh thoảng hỏi có đau không? Đến gần cuối mới nghe người phụ tá nói để cho ông ta làm tiếp. Tuy thuốc tê trôi đi một phần khiến tôi nói năng linh hoạt, miệng không tê cứng, nhưng có lẽ ông T. nhẹ tay hơn nên không đau lắm. Tuy vậy có lúc ông ấn cả bàn tay lên con mắt vừa mổ kỳ trước làm tôi hoảng hồn nhưng nghĩ lại chắc ông biết ông làm gì nên tôi không nói. Những lúc ấy có hơi ngạt thở nhưng rồi vải che lại được kéo ra khỏi mũi. Mấy lần tôi bắt gặp mình ưỡn cong người lên như cao thủ võ lâm biểu diễn môn "thiết bản kiều," hai tay như vận công, ngón tay cong lại cứng đơ, tiếc là không có cái gì để nắm cho chặt. Lần nào tôi cũng tự bảo phải thư giãn, từ từ thả lỏng bắp thịt, nằm xuống thoải mái. Tôi nhớ có lần nghe trong băng thu thanh thầy Nhất Hạnh kể đi chữa răng vì không chịu được thuốc tê nên đã thay thế bằng cách tập trung tư tưởng vào ngón tay, đau thì vẫn đau nhưng chịu được. Tôi lại nhớ đến chuyện Quan Công uống rượu đưa cánh tay cho Hoa Đà tha hồ khoét thịt, cạo xương sồn sột mà vẫn cười nói như không. Tôi biết mình không phải Quan Công, cũng không phải Nhất Hạnh, nhưng cũng muốn thử tập trung tư tưởng vào tay xem sao. Đang ngon trớn thì ông T. chạm hơi mạnh, tư tưởng của tôi vọt từ ngón tay chạy tọt về mắt, nhanh không tưởng, nắm giữ không kịp! Và tôi lại thấy mình đang thi triển công phu "thiết bản kiều," mấy ngón tay lại cong cong cứng đơ... Cuối cùng mọi sự cũng chu. Ông T. nói: "Chiều nay tôi sẽ lên thăm bà" nhưng chỉ mấy phút sau người ta đang đẩy tôi trên hành lang về phòng đã thấy ông lên: "A, bà đã lên đây rồi à? Mai tôi sẽ gặp bà." Ông lại biến nhanh như một luồng gió.

Đến chiều y tá vào thăm, tủm tỉm: "Bây giờ mọi sự xong xuôi, tôi mới dám cho bà hay chứ sáng nay chúng tôi hết hồn, cả đến cái hồ sơ thứ nhì của bà cũng mất nốt! Tìm mãi, sau mới thấy nó nằm trong hồ sơ của bà Nguyễn kia."

Bảy giờ sáng hôm sau, trước khi mở băng, ông bác sĩ trẻ mỉm cười hỏi: "Có sợ không?" Tôi thản nhiên: "Không!" Ông hơi giật mình nhưng không nói gì, lẳng lặng gỡ nắp, tháo băng, giỏ thuốc vào mắt rồi soi. Ông lại buông gọn: "Tốt!" Lần này tôi nhớ đứng lại cám ơn, bắt tay cẩn thận rồi mới quay lưng đi về phòng. Việt Nam có tới bốn nghìn năm văn hiến mà!

Đang ăn sáng ông T. đến, thấy tôi đeo kính cũ nói: "Bỏ đi, bây giờ bà không cần đến nó nữa." Tôi bảo tôi biết vì đeo kính giờ nhìn không rõ bằng không đeo. Ông hỏi đã biết thế sao còn đeo? Tôi trả lời là lúc ăn sợ sữa bắn vào mắt nên đeo để che mắt. Ông nói cứ việc bỏ ra không sao

đâu. Tôi bỏ kính ra, nhưng ông vừa quay lưng đi, tôi ngần ngừ rồi lại đeo lên. "Cẩn tắc vô ưu" là hơn, nhỡ có chuyện gì biết ông ở đâu mà tìm? Tìm được ông cũng còn khướt. Lúc nào ông cũng tất tả, đi lại vùn vụt. Xuân Diệu xưa nói "muốn buộc gió lại" nhưng lại không chỉ phương pháp buộc như thế nào.

Ngồi chờ người tới đón về, bà Ngân và tôi lại nhắc lại câu chuyện trùng hợp kỳ lạ giữa hai chúng tôi mà từ hôm nhập viện chúng tôi đã nói đi nói lại không biết bao nhiêu lần: tại sao cả hai lại cùng mổ mắt đều một ngày, ở cùng một nhà thương, cùng một bác sĩ? Họ chúng tôi giống nhau, tên cũng tựa tựa, lại sinh cùng một năm đã là chuyện lạ. Đến mổ con mắt thứ nhì lại cũng cùng một ngày! Rõ ràng đáng lẽ bà Ngân mổ vào tháng Tám, sao đến phút cuối ông T. lại đổi mà chọn đúng vào ngày tôi mổ chứ không vào ngày khác hay tuần khác? Sự trùng hợp ngẫu nhiên thật kỳ lạ. Người Pháp có câu; "Sự thật vượt xa hư cấu" là thế này đây. Bà Ngân kết luận rất Việt Nam: "Chắc hai đứa mình kiếp trước là chị em nên kiếp này lại tìm nhau."

Sáu hôm sau trở lại khám mắt, ông T. xem xong từ từ nói: "Trong những trường hợp kết quả tốt đẹp như thế này tôi thường chỉ định cho một bác sĩ khác thay tôi săn sóc. Tôi sẽ chuyển bà sang một bác sĩ khác. Cứ yên tâm, bà này tiếp bệnh nhân cùng một ngày với tôi, có gì đã có tôi. Với lại bà thử kính còn thành thạo hơn bọn tôi nữa." Tôi hơi ngạc nhiên nhưng cũng hiểu ông không thể một mình làm hết mọi việc, ông còn nhiều bệnh nhân khác. Trước khi chia tay, ông hỏi: "Hài lòng chứ?" Tôi cười: "Còn hơn thế nữa. ÀHài lòng' chưa đủ, phải nói là tôi rất sung sướng. Đây là một món quà quý báu nhất đời tôi, tôi chưa bao giờ dám mơ tưởng tới nó." Ông cười. Ông có một cuộc đời thật đẹp. Ông cho tôi đeo kính tạm, số 3.5, tôi mừng quá cám ơn rồi quay đi quên cả lấy đơn mua kính!

Cái số nó vẫn trêu người, đi xin hẹn gặp bà bác sĩ do ông chỉ định, mới hay bà đi nghỉ hè. Không suy nghĩ, tôi nói để tôi đợi thêm hai tuần nữa chờ bà nhưng cô thư ký không nghe, tìm gặp ông T. xin ý kiến và quay về bảo tôi phải giữ ngày, đổi bác sĩ khác. Dĩ nhiên tôi không biết bà này thử kính có thành thạo hơn ông hay không?

Một cuộc đời mới

Sau khi mổ mắt thứ nhì, tôi ra về với một tâm trạng vui mừng, hớn hở hơn "Xuân đi học..." Chưa quen với mắt mới, đi đứng vẫn chuếnh choáng như say: "say" với cả hai nghĩa đen và bóng. Trên đường về, ngồi trong xe ngước mắt nhìn lên, trông rõ từng chiếc lá cây tít trên ngọn, nắng chiếu xuống lá xanh trong. Trời ơi, đẹp quá. Gió phơ phất, lá quay quay, lao xao, lật đi lật lại, mặt nào cũng đẹp kinh hồn, đẹp ơi là đẹp, nhìn mãi không chán, rõ mồn một y như bầy ngay trước mắt.

Tôi nhớ lần đi trượt tuyết có người chỉ cho tôi dãy núi xa xa, chập chùng, mờ trong sương khói hỏi: "Đẹp không?" Tôi nhìn kỹ một tí rồi buộc miệng: "Đẹp, nhưng giá đừng có sương mù, trông rõ còn đẹp hơn." Ông nhìn tôi, thương hại con bé không có khiếu thẩm mỹ và giảng: "Nó đẹp chính là nhờ lớp sương mù khiến phong cảnh như ẩn như hiện, nếu trông rõ thì còn gì là đẹp nữa?" Tôi cứng họng, thấy mình "quê một cục" nhưng trong thâm tâm vẫn ấm ức. "Mờ mờ ẩn hiện" thì lúc nào tôi chả thấy? Không phân biệt chi tiết thì lá cây nào không xanh, đẹp ở cái khổ nào? Không trông rõ mặt thì triệu triệu con người ai chẳng hai mắt một mũi, hai tai một đầu? Có trông rõ chi tiết mới biết chẳng ai giống ai, chẳng cái lá nào giống cái lá nào. Lá cây có cái tròn tròn, có cái dài dài, cái có khía, cái có răng cưa, cái to, cái nhỏ lăn tăn... Người, trước kia, đối với tôi chỉ có loại cao hay thấp, gầy hay béo, tóc đen hay tóc vàng, có đeo kính hay không v.v... Trong một đám đông người lạ, muốn "nhận diện" người đối thoại vài câu với mình một cách nhanh chóng không cần nhìn trừng trừng vào mặt người ta, tôi ghi nhớ mầu áo. Lần sau, gặp lại, tôi tính bơ vì họ đã thay áo!

Một cuộc đời mới bắt đầu. Ngồi trong nhà nhìn ra trước mặt, cái dãy nhà nằm chênh chếch mé trái không song hàng với mặt tiền nhà tôi như tôi tưởng. Ở đây trên hai mươi năm, giờ tôi mới rõ cái mà tôi nghĩ là một bức tường thẳng hóa ra nó do hai bức tường chắp nối hình thước thợ vuông vắn, chính cái góc vuông ấy mới nhìn sang nhà tôi. Tường bên trái không có cửa sổ, tường bên phải dài hơn, ngăn ra từng căn hộ, có bao-lan, tôi thấy rõ cả cây cảnh, mái nhà ngói đỏ, ống khói, dây ăng-ten, y như phong cảnh trên một tấm bưu thiếp.

Gió phe phẩy, lá cây lấp lánh dưới ánh nắng, chòm cây lắc lư, ngọn cây nghiêng nghiêng phất phơ... Gió ào ào, cành rướn lên thật cao rồi cúi rạp xuống thật sâu, cành này lên cành kia xuống, lên xuống tới tấp, nghiêng ngả, rập rình, lá cây phấp phới, tíu tít, rối rít loạn sạ... không

HOÀNG XUÂN SƠN

BÓNG TỐI

Lấm lem
chiều nhọ mặt người
nhìn không ra nữa
mắt cười
đẹp
xưa

VÀ ÁNH SÁNG

rực ngời
hoa nắng ban trưa
hương bay vào ngọ tóc lùa
gió
thơm.

bút nào tả nổi cái sinh động của cành lá tưng bừng đón gió.

Cái gì như con ruồi bay vụt qua trước mắt? Ruồi tây lờ đờ quyết không bay nhanh như thế. Ra đấy là một con chim sẻ chuyền cành ở mãi bên kia đường. Mắt tôi mà nhìn được xa đến thế kia à?

Một lần ra đóng cửa sổ, tôi đứng mê mẩn ngắm con chim bồ câu (chắc thế vì tôi chỉ biết chim là một loài xòe cánh bay, con nhỏ là chim sẻ, con to là bồ câu!) đậu nóc nhà hàng xóm. Chim mầu xám nhưng cổ lại có một vòng lông trắng. Chim gật gù mổ rồi đột nhiên dang cánh tay lên, tôi ngạc nhiên thấy cả cái đuôi chim cũng xòe ra.

Có hôm ngồi tít trong nhà nhìn qua phòng khách chợt thấy thấp thoáng mấy giọt mưa. Tôi không tin ở mắt mình, chạy ra cửa sổ nhìn, quả trời đang mưa. Mọi khi muốn biết có mưa hay không tôi phải nhìn người qua đường xem có cầm ô không, nếu không có ai thì nhìn vũng nước xem có bong bóng không, hoặc lắng nghe tiếng mưa rơi...

Từ hôm mổ mắt, ra đường tôi thích thú nhìn tận mặt những "ông đi qua, bà đi lại" thấy họ không phải chỉ cao hay thấp, béo hay gầy, tóc vàng hay tóc đen nữa, mỗi người có một nét mặt khác nhau, không phải ai cũng đẹp, nhưng mỗi người đều có một cái gì là lạ, quyến rũ.

Ngồi đợi xe buýt, để khỏi sốt ruột, mọi khi tôi tập thở. Giờ tôi ngắm cảnh. Tít tắp đằng xa, có trạm xe buýt ngày trước đi làm tôi vẫn thường đến đứng đợi và cáu nhàu mỗi khi trời mưa tuyết trơn hay khi tôi dậy muộn đi làm chậm, sao những lúc ấy thấy nó xa thế, đi mãi không đến nơi! Giờ thấy nó "gần trong gang tấc", không những tôi trông rõ nó mà còn thấy cả con đường cách xa hàng mấy chục thước nằm vắt ngang phía sau, xe chạy vùn vụt qua, cái trắng, cái màu, cái to cái nhỏ, cái chạy thẳng, cái rẽ tôi đều thấy. Con đường tráng nhựa màu xám phẳng phiu, hơi cong (thật sự cong chứ không phải tôi loạn thị, vì nhìn với cả hai mắt thì tôi hết loạn thị) có lằn sơn trắng ở giữa ngăn đôi hai dòng xe xuôi ngược, hàng dậu xanh cắt xén gọn ghẽ ngay ngắn. "Tưởng gần mà xa..." Tôi mê mải ngắm, chợt ông già ngồi bên bắt chuyện, phàn nàn: "Có thể tưởng tượng được không, tôi chờ cả mười lăm phút rồi mà không thấy bóng dáng một cái buýt nào cả! May mà tôi không hẹn ai. Không thể trông cậy ở xe buýt được!" Tôi ậm ừ cho qua, không muốn làm mất lòng ông, nhưng nghĩ bụng: "Chậm mười lăm phút, hai mươi phút thì có là bao? Đời tươi đẹp như thế này, sao ông không nhìn lá cây lao xao, lấp lánh ánh nắng, lại đi hậm hực làm gì?"

Trước kia, thấy mắt mình kém, tôi hoảng sợ nghĩ đến tương lai phải ngồi một xó, không đi lại, không đọc sách được... Tôi chuẩn bị học đàn, nhưng chọn phải đàn tranh có tới 16 dây, mỗi khi trời nhá nhem, dây rủ nhau "đi chơi" biến hết trước khi tôi "thành tài," đến trình độ gẩy đàn không cần nhìn dây. Giờ, dây không còn chơi khăm tôi được nữa!

Tôi có thói quen hễ nhỏm dậy buổi sáng là thò tay tìm kính. Giờ cầm kính thấy nhẹ bỗng mới nhớ ra ở nhà tôi không cần, không đeo, mắt nhìn trong suốt, đeo vào nhìn gần lại hóa nhòe. Nhưng không đeo kính, tôi cứ có cảm giác thiếu cái gì, cả ngày muốn chạy đi tìm kính. Vào phòng tắm, không suy nghĩ, tôi thò tay gỡ kính để rửa mặt, không thấy mới lại sực nhớ giờ tôi chỉ đeo khi ra đường. Có kính đi đường nhìn xa rất tỏ nhưng nhìn ngay dưới chân mình lại không rõ bậc thềm, có khi nhìn một cái xe hóa hai, óc chưa quen, hai cái hình chưa chập vào làm một. Đúng là một cuộc đời mới, cái gì cũng phải học, nhưng sung sướng mà học!

Để đổi lấy cặp mắt mới này, nói thật, nếu ông T. bắt tôi thức trắng bảy đêm liền chắc tôi cũng ký cả hai tay. Người ta có thể nói mắt tôi là "mắt giả," có thể chê tôi nhìn vẫn chưa được bằng người khác, tôi không cần. Tôi rất quý đôi mắt này, không những vì tôi đã phải vượt qua bao nhiêu nỗi sợ hãi, khó khăn mới được nó mà còn vì từ nay nhờ có nó tôi không lo một ngày kia phải ngồi một xó, tôi lại tha hồ nằm nghiêng đọc sách không sợ kính xô lệch hại mắt, ra đường tôi được ngẩng mặt nhìn mọi người, hết phải cúi xuống nhìn đường để tránh nạn gặp người quen không chào. Mắt đã "cải tử hoàn sinh" tôi. Đối với tôi nó không là "mắt giả," nó là "đôi mắt thần!"

*

Sau khi mổ ung thư, tôi nhìn đời khác trước. Trước tôi cố tròn phận sự, cắm đầu làm việc, suốt ngày bận rộn, sắp xếp sao cho mọi sự trôi chảy, không vấp váp. Nhưng hễ cứ vừa thanh toán xong một việc là lập tức có việc khác thế chân ngay, lại loay hoay sắp đặt... Mệt và muốn ngừng nhưng đã bước chân vào guồng máy là phải quay theo, khó rút chân ra. Đùng một cái bị bạo bệnh, mọi việc phải đình lại, dù muốn dù không. Rút cục cũng xuôi. Mới nhận thấy cả cuộc đời mình lẩn quẩn lo toan những chuyện mà có lẽ một nửa không cần mình. Các cụ xưa dạy phải "hòa hoãn," tôi chỉ để ý đến chữ "hòa," giờ mới học thêm được chữ "hoãn" bởi những khi mệt quá, tôi đâm ỳ ra rồi thấy mọi sự cũng vẫn đâu vào đấy. Nhưng sức khỏe dần dần phục hồi và tôi lại dần dần "nhập cuộc," tuy cũng có những lúc dừng tay...

Giờ, sau khi mổ mắt, tôi cũng nhìn đời khác trước, nhưng khác một cách khác. Trước, sau khi "kề cận tử thần," tôi bớt bận tâm đến những lo toan thường nhật, tôi như đứng xa ra nhìn đời một cách bao quát, toàn diện hơn và sống thoải mái, an nhiên hơn. Giờ, ngược lại, từ chỗ nhìn đời một cách đại khái, lá cây nào cũng xanh, tôi bàng hoàng ngắm từng chi tiết tinh vi, kỳ thú của mỗi chiếc lá. Tôi như cúi xuống gần đời hơn để quan tâm, tới những cái nhỏ nhặt, tầm thường của cuộc sống ngay trong tầm với của mình, và thấy lòng phơi phới. Tôi yên tâm "nhập cuộc."

Hai cách nhìn đời này có mâu thuẫn nhau chăng? Tôi không biết, tôi không thấy thế.■

Châtenay-Malabry, tháng Tám 1996

NGHỊCH LÝ

NGUYỄN ĐỨC TÂM

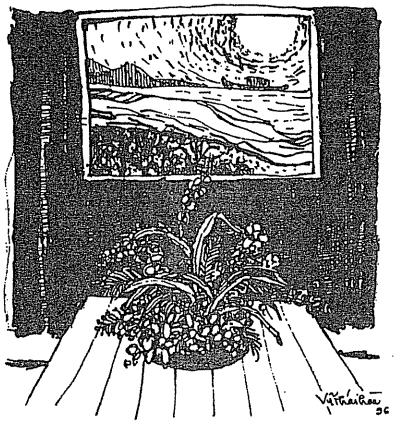

Chỉ sau tuần lễ đầu, trong số mười lăm sĩ quan trẻ vừa tốt nghiệp về trình diện đơn vị mới, Vọng để ý ngay đến Bằng. Chẳng phải vì Bằng là người xấu trai nhất trong đám. Nước da đen sậm, khác với bạn bè hồng hào, rắn chắc, ảnh hưởng đặc biệt nhiều năm của khí hậu mát lạnh cao nguyên. Cũng chẳng phải vì hắn là người thiếu thước tấc nhất. Có lẽ chỉ vừa đủ tiêu chuẩn chiều cao tối thiểu để được nhận vào quân trường. Vọng để ý đến hắn, bởi vì đôi mắt sáng linh động, thông minh pha một ít tinh quái hóm hỉnh. Không nói nhiều, nhưng những lời đối đáp bén nhạy ,những câu chuyện pha trò duyên dáng, đúng lúc của Bằng, làm cho cả đám vui nhộn, thích thú. Ai cũng mến hắn!

Nói thêm. Đơn vị Vọng là một đơn vị hành quân đặc nhiệm. Tiêu chuẩn gay gắt nhất là lý lịch an ninh cá nhân. Là trưởng phòng chiến tranh chính trị kiêm sĩ quan an ninh, tất cả những ai thuyên chuyển về, từ anh binh nhì cho đến sĩ quan mọi cấp, đều phải qua Vọng để hoàn tất thủ tục. Riêng với các sĩ quan mới ra trường, những con gà nòi mới ra lò, thì đặc biệt hơn. Do biện pháp an ninh nghiêm ngặt, họ không được phép ra khỏi giới hạn quy định để tiếp xúc trò chuyện với bất cứ ai trong bộ chỉ huy. Thời gian này thường kéo dài ít nhất khoảng một tháng để sưu tra lý lịch. Việc làm này chỉ là thủ tục. Thường không phát hiện điều gì mới mẻ. Suốt mấy năm ở quân trường, phần lý lịch của họ đã được chiếu cố kỹ lưỡng, khó điều gì che dấu khuất lấp được. Sau thời gian này, họ được đưa đi huấn luyện nghiệp vụ ba tháng ở một căn cứ riêng của đơn vị. Tu nghiệp bổ túc ở ngoại quốc hai tháng. Những sĩ quan được tuyển chọn về toán hành quân đột nhập sẽ qua một khóa huấn luyện nhảy dù. Những người còn lại được tung đi hoạt động hành quân mật trên mọi miền đất nước, ngày ngày đơn độc đối đầu với quân thù. Sinh mạng cá nhân, thành quả hoạt động, chỉ còn tùy thuộc vào bản lãnh và mưu trí của riêng mình.

Một buổi trưa Sài Gòn nóng bức, hơn một tuần lễ sau ngày Bằng về đơn vị, Vọng nhận được cú điện thoại từ bộ Tổng tham mưu. Giọng hống hách:

"'Moa' là đại tá Hoàng đây! Có phải "toa" là sĩ quan an ninh không?"

Theo thói quen bén nhạy của nghề nghiệp, Vọng ngập ngừng để cố nhận ra có phải là giọng nói thật của ông Hoàng không. Vọng đã gặp và nói chuyện với ông ta nhiều lần.

"Dạ thưa đại tá, tôi đây!"

Bên đầu dây tiếng ông oang oang đến nhức tai:

"Có phải thiếu úy Bằng đang ở với toa đó không?"

Thoáng sửng sốt ngạc nhiên, Vọng ngần ngừ:

"...Dạ...dạ phải! Có gì thưa đại tá?"

"Sáng mai khoảng mười một giờ, moa sẽ cho tài xế xuống đón nó lên gặp moa. Việc riêng!"

Vọng nhăn mặt khó chịu. Bắt đầu nóng mũi. Ông ta tuy thường liên lạc với đơn vị và quen biết với đại tá Lương, Chỉ huy trưởng, nhưng đâu phải là "xếp" trực tiếp, đâu có quyền hành gì mà dùng giọng điệu trịch thượng, ra lệnh vượt hệ thống kiểu đó. Chưa kịp trả lời, ông dằn giọng:

"Toa nghe rõ chưa?"

Vọng cố nói thật lễ độ và bình tĩnh:

"Thưa đại tá, tôi không làm vừa lòng đại tá được. Xin đại tá gọi thẳng với đại tá Lương. Ông ta đồng ý tôi mới cho thiếu uý Bằng đi được. Xin đại tá thông cảm!"

"Toa làm khó moa phải không?"

Vọng cố phân trần:

"Thưa đại tá tôi đâu dám. Đây chỉ là nguyên tắc mà đại tá thừa biết. Không có lệnh của đại tá Lương...tôi lãnh đủ!"

Hình như ông ta cáu lắm, đột ngột cắt máy.

Vọng thở dài ngao ngán. Ông này là một trong số không ít tướng tá cùng thế hệ, những người đang nắm một phần vận mệnh đất nước trong cuộc chiến đấu mất còn với kẻ thù cộng sản. Thái độ hống hách phi lý với thuộc cấp, thực ra để trấn áp cái mặc cảm sợ bị coi thường của những người chỉ huy vốn vô tài, vô đức . Họ là những người có được địa vị ăn trên ngồi trước chẳng qua cũng chỉ nhờ thời cuộc và thời gian đẩy đưa.

Hai bàn tay đan nhau đỡ lấy đầu, ngả lưng trên ghế, Vọng nghĩ " Bằng chắc cũng thuộc loại con ông cháu cha, có bà có con quen biết với ông Hoàng." Vọng vốn ghét vô cùng những trường hợp như vậy, một phần tự ái bị xúc phạm, một phần thất vọng vì lề thói chạy chọt cửa hậu vẫn còn trong hàng sĩ quan trẻ. Những người Vọng có rất nhiều cảm tình và hoài vọng. Nản vì họ lại tiếp tục đi trên lộ trình rục nát mà thế hệ trước đã và đang mòn lối.

"Em ra gọi thiếu úy Bằng vào gặp anh!"

Vì là một đơn vị hành quân đặc nhiệm, việc xưng hô giữa Vọng và thuộc cấp không cứng nhắc theo cấp bậc. Thường tùy theo thứ bậc gọi nhau là anh em.

Bằng vào. Đứng nghiêm chào. Nhìn Vọng, nét mặt phảng phất lo âu. Chắc Sơn đã lẻo mép cho biết qua lý do.

"Em ngồi xuống đi!"

Nhanh nhẹn ngồi xuống ghế. Mắt nhìn thẳng.

"Em có quen biết đại tá Hoàng trên Tổng tham mưu, phải không?"

Bằng trả lời không do dự:

"Dạ thưa anh không."

"Thật không?"

"Dạ thật. Em đâu dám nói dối với anh. Có chuyện gì vậy anh?"

Nhìn đôi mắt và nét mặt biết Bằng nói thật.

"Ông bảo trưa mai cho tài xế xuống đón em lên gặp. Chưa có phép của 'xếp' mình, anh không dám quyết định."

Với giọng nói chậm rãi, dứt khoát, Bằng quả quyết:

"Quả tình em không biết và chưa hề gặp ông ấy lần nào!"

Các sĩ quan mới đến đã được hướng dẫn rất kỹ lưỡng về các nguyên tắc an ninh. Một điều sơ đẳng là không được tiết lộ cho bạn bè và thân thuộc danh xưng của đơn vị cũng như địa điểm của bộ chỉ huy. Ai có hỏi thì trả lời chung chung là làm tại bộ Tổng Tham Mưu. Bởi thế, Vọng thắc mắc :

"Không quen, không biết, sao ông biết em được phân phối về đây?"

Bằng lắc đầu nhè nhẹ. Bặm môi, nhíu mày, suy nghĩ cố tìm ra câu giải đáp.

Điện thoại nội bộ chợt reo. Sơn cầm lên nghe. Vừa chuyển cho Vọng vừa nói:

"Thưa anh Năm, đại tá chỉ huy trưởng."

"Anh Năm" là biệt danh xưng hô của Vọng.

"Thưa đại tá tôi nghe!"

Bên đầu dây, giọng ông cười lớn khoái trá:

"Cậu làm gì mà đại tá Hoàng gắt ầm lên thế!"

Hỏi chỉ để mà hỏi. Vọng biết ông hài lòng và ngầm hãnh diện về việc làm đúng nguyên tắc của mình. Một cách gián tiếp đề cao ông. Vọng cũng đoán được, ông đã xoa dịu ông Hoàng với lời hứa cho có lệ, sẽ lưu ý thuộc cấp linh động hơn! Không ưa, nhưng ông cũng ngán ông Hoàng. Tuy cùng cấp bậc, ông Hoàng thâm niên hơn nhiều. Đi lính cho Tây từ thuở còn trẻ. Bạn bè cùng khoá, cùng lứa, đã là tướng nầy, tướng nọ. Riêng ông tá còn lẹt đẹt giữ chức vụ ngồi chơi xơi nước, nhưng quen biết lớn. Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Không việc gì phải làm mất lòng ông ta.

Đại tá Lương nhỏ nhẹ:

"Cậu cấp sự vụ lịnh cho thiếu úy Bằng lên gặp đại tá Hoàng. Ngày mai tôi lên họp trên đó, luôn tiện cho tháp tùng theo xe," ông dằn giọng, "chín giờ đúng!"

"Việc gì vậy thưa đại tá?"

"Ồ! đừng bận tâm, việc riêng!"

Vọng lầm bầm ... "lại việc riêng!"

*

Kể từ hôm đó, hết ông tướng này đến bà tá nọ gọi Bằng trình diện. Lúc thì tại văn phòng có khi tại nhà riêng. Có ông gọi thẳng, như ông Hoàng, ra lịnh cho Vọng, như là trên cõi đời này, quân đội này ...chỉ có ông ta là số một. Tất cả răm rắp phải làm theo. Có ông biết điều, lịch sự hơn thì gọi cho chỉ huy trưởng ra lệnh cho Vọng thi hành. Vọng bực mình lắm. Tôn trọng nguyên tắc "need to know" — "chỉ biết việc cần biết" — của đơn vị, Vọng chẳng hỏi Bằng lý do những chuyến đi. Bằng vẫn giữ một thái độ rất kính trọng với Vọng. Không vì sự gặp gỡ quan hệ với các ông bà tai to mặt lớn mà có một cử chỉ nhỏ sơ suất. Vẫn hồn nhiên và dễ thương, vẫn dí dỏm và khôi hài. Sau thời gian gần gũi, giữa Vọng và đám sĩ quan trẻ đã có mối thân tình rất anh em. Những buổi ăn sáng cà phê, những đêm cấm trại, ứng chiến, những buổi nhậu náo nhiệt vui nhộn...Bằng uống rượu như hũ chìm. Càng uống nhiều, ăn nói càng lưu loát, có duyên. Chẳng bao giờ thấy Bằng ... xỉn, hay ... sửa cả.

Dần dà thì Vọng cũng biết được đầy đủ mối quan hệ giữa Bằng và các tướng quân và mệnh phụ. Một phần qua tài xế của chỉ huy trưởng, một phần qua sự tiết lộ tình cờ của các sĩ quan hầu cận. Bằng được triệu gọi chỉ để... coi bói và đoán chữ ký. Tiếng tăm tài đoán như thần của Bằng, nói đâu trúng đó, về tương lai sự nghiệp, về tai ương hoạn nạn, về gia đạo ... nổi như cồn, được truyền miệng trong giới tướng tá và mấy phu nhân lớn, phu nhân bé. Việc tin mê bói toán tử vi, đoán thời vận...là một nét sinh hoạt đặc biệt của giới quyền cao, chức trọng. Đây là một phản ảnh đáng buồn về thực trạng xã hội miền Nam những năm trước ngày mất nước.

Cũng dễ hiểu! Thường khi vận nước hưng

thịnh, nhân tài xuất hiện, đem tài năng đức độ để chuyển xoay thời thế, cứu nước giúp dân. Họ là những anh hùng tạo thời thế. Lúc nước suy vi, kẻ bất tài thời cơ đón gió. Chờ cái thời cơ để thành ... anh hùng giai đoạn. Nếu gặp khi thời thế chuyển quay thì... co giò dọt lẹ! Không tin ở mình, mình có quái gì để mà tin, chỉ đợi vào cái thời cơ. Thời cơ thì thuộc về tương lai mịt mùng sao mà biết được. Thế nên tin vào bói toán. Mong biết trước cái thiên cơ để hy vọng, để chuẩn bị, để bon chen...chụp cho lẹ!

Một đêm ứng trực đơn vị cùng với Bằng. Trời về khuya, giờ giới nghiêm. Xe cộ thưa vắng. Không gian yên lặng. Tiếng súng lẻ tẻ, tiếng pháo xa xa vọng về. Tiếng máy bay phản lực thỉnh thoảng xé bầu trời khuya đêm hè. Nhâm nhi cà phê, trà. Anh em ngồi nói chuyện với nhau tương đắc. Liên miên đủ mọi thứ chuyện trên cõi đời. Bằng thật tình quí mến Vọng. Ngược lại, Vọng cũng dành cho Bằng nhiều tình cảm. Duy chỉ có điều Vọng hơi khó chịu là hắn chưa hề kể, hay cho Vọng biết về cái tài bói toán. Tuy trẻ tuổi, so với bạn bè cùng lứa, Bằng có một số vốn hiểu biết rất phong phú về nhiều mặt, nhiều vấn đề. Một phần vì tư chất thông minh, phần khác do đọc nhiều sách... Bằng như trưởng thành trước tuổi. Nhiều ý kiến đôi khi xốc nổi hàm hồ, nhưng rất đỗi thích thú, mới lạ.

Khi nói về cuộc chiến, về tình hình đất nước, về không khí chính trị ... Bằng trở nên sâu lắng, suy tư.

Giọng nói từ tốn đĩnh đạc, ẩn chứa sự chín chắn:

"Em nói thật với anh Năm, cứ tình hình như bây giờ, cuộc chiến sẽ còn kéo dài và càng ngày càng bất lợi cho phía chúng ta."

Vọng xoay trên tay ly cà phê đã nguội ngắt, trầm ngâm. Bằng nói tiếp:

"Như anh Năm thấy đó, so với cấp lãnh đạo của

NGUYỄN MẠNH TRINH

NỬA KHUYA, NGHE TÌNH CA PHẠM DUY VÀ CHINH PHỤ KHÚC VĂN CAO

1. Với Phạm Duy

Sợi nào dây võ dây văn
chợt thiên địa bỗng quẩn quanh mơ hồ
tấm lòng trải tận hư vô
xao da thịt. sóng vỗ bờ cuồng điên.
Sợi nào dây nhớ dây quên
Rêu hoang sơ vẫn mọc riêng mái đời
Ngực ran. chuông đổ mấy hồi
Giọt âm thanh rụng. Rơi rơi ngõ về.
Sợi nào dây tỉnh dây mê
cơn đồng thiếp. Ánh trăng thề phân thân
biếc xanh. lả cánh chim gần
bờ lau lách. cũng tần ngần cố tri.
Sợi nào dây đến dây đi
Gió bâng khuâng. lụa xuân thì mấy vai
Ngữ ngôn vọng với heo may
Trống hoang não. tủy vợi ngày xưa sau
Sợi nào dây lệ dây đau
quàng tay. ôm bộ ngực sầu vô minh
ngũ cung thả nhịp tang tình
có. không. lời hát lặng thinh muôn trùng.
Sợi nào dây lẻ dây chùng
Vọng vào. Thoảng giữa mịt mùng biệt xa...

2. Và Văn Cao...

nửa khuya, lạnh buốt thịt da
nhạc căm căm giữa thoảng qua tỏ nguyền.
rưng rưng hạt máu dành riêng
trong sâu thẳm chợt vô biên cõi người.
Bàng hoàng, động tiếng thơ rơi
trăng xanh biếc nụ, một thời. Có - không?
Về Kinh Bắc, mấy cửa sông
sỏi âm giếng. cạn mấy vòng nước lau
Nửa khuya. lòng chợt trống hoang
Ngọn gió bấc vụt thổi ngang quê nhà
Ngựa ai. tiếng hí ải xa
Đêm u uẩn. tiếng chẳng thà mênh mông.
dòng nước chảy cánh rêu rong
đỏ đen tâm thất mấy vòng máu đi
đỉnh lưu lạc ý hồ nghi
trăng cổ sử bóng lạ kỳ dặm sương.
Nửa khuya. lạ chiếu lạ giường
bỗng hiu hắt tiếng mê cuồng xa khơi
Biển. Trăng. Thơ. Nhạc. Quyện lời
Cầm ca thu. Đã rụng rời bến xưa.

"Bên Cầu Biên Giới." Mưa. Mưa
"Chinh Phụ Khúc." "Cung Đàn Xưa." Lạnh lùng...
"Bến Xuân." nốt nhạc muôn trùng
Chao ngọn nến. rụng ngũ cung ơ hờ...

địch, một số tướng lãnh đương quyền của mình, trước mắt quần chúng, thật sự thua xa! Không ít những kẻ bên kia bỏ vợ, bỏ con, bỏ nhà cửa, bỏ phú quý vinh hoa ra bưng chiến đấu gian khổ. Động cơ đầu tiên phải là lòng yêu nước thôi thúc."

Bằng ngập ngừng, thở dài:

"Cái đáng buồn, nói cho đúng là vận nước, vì muốn giành độc lập, họ đã chọn, hay bị cuốn hút theo chủ nghĩa cộng sản để trở thành những tội đồ của tổ quốc. Còn... một số ông lớn của mình thì sao? Đi lính cho Tây. Phe cánh bè đảng. Sống lâu lên lão làng. Thế thôi!"

Nhún vai, hậm hực. Liếc nhìn thấy Vọng không phản ứng gì, Bằng hăng hái, cười mỉa mai:

"Giả thử giờ này mang lon đội mão cho tụi em, rồi cho giữ chức vụ như mấy ông ấy, nói thật với anh Năm, nhiều đứa trong tụi em chắc làm còn khá hơn!"

Vọng cười, nói đùa thân mật:

"Thằng này ngon lành quá ta! bộ mày không ngán sĩ quan an ninh sao ăn nói hồ đồ, vung vít thế?"

Biết Vọng đùa, Bằng ngửng cao đầu:

"Đây là ý kiến chung của tụi em, không phải của riêng em đâu nhé!"

Dẫu nông nỗi hồ đồ, nhưng điều này cũng phản ảnh được tâm lý bất phục, bất mãn của những sĩ quan trẻ có lý tưởng, có nhiệt huyết và có năng lực, những người thật sự ưu tư cho sự sống còn của chế độ, cho nỗi bất hạnh dai dẳng mà đồng bào đang gánh chịu, khi nhìn về một số cấp chỉ huy quyền thế đương thời của mình.

Vọng đứng dậy vớ chiếc tẩu thuốc lá trên bàn. Nhồi đầy vố, quẹt cây diêm mồi thuốc. Mùi thơm nhè nhẹ quen thuộc của thuốc, mùi diêm quẹt thoang thoảng, mang đến cho Vọng cảm giác thoải mái, thú vị.

"Chú mầy chê mấy ông, nhưng, mấy ông đã làm một việc mà mấy ông dép râu nón cối không làm được. Đúng hơn, không dám làm!"

Bằng nhìn Vọng nghi ngờ, không biết đùa hay thật. Không đợi hỏi, Vọng nói tiếp :

"Điều không thể phủ nhận là chúng ta đang hưởng một chế độ tương đối tự do và đang chiến đấu cho sự tự do đó."

Bằng mở miệng định nói. Vọng giơ tay ngăn:

"Bình tĩnh để anh nói tiếp. Đó! em có cái tự do để nói ra điều bất mãn và ý kiến riêng của mình. Đừng nói chi về phía cộng sản. Chắc chắn không một cán binh nào dám nói với..." Vọng cười chỉ tay vào ngực "'ủy viên chính trị' những tâm sự như em đang nói. Ngay cả dưới thời Ngô tổng thống, ăn nói như em cũng... tiêu tùng luôn sự nghiệp!"

Xoa hai tay, gật đầu nhè nhẹ, Bằng chưa tìm ra ý gì để phản bác. Vọng nói:

"Điều em vừa nói, anh nói thẳng, là phiến diện và nông nổi. Anh không nói là sai, là trật." Vọng gằn từng chữ, "Đúng! có phần đúng."

Bằng chú ý lắng nghe.

"Em, bạn bè em nghĩ thế là quá đáng. Chỉ nhìn từ một góc độ hạn hẹp. Em nên nhớ, cuộc chiến đấu dành độc lập từ trong tay thực dân Pháp không phải là công riêng của cộng sản, mà là thành quả xương máu của nhân dân cả nước. Trí thức yêu nước đóng góp công lớn. Không phải chỉ có giai cấp bần cố nông. Thế nhưng, khi cộng sản ranh ma cướp công, tiêu diệt các thành phần ái quốc không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản, người quốc gia phải đứng trước những lựa chọn. Một số dựa vào Pháp để xây dựng lực lượng. Đây là khởi đầu bất lợi cho sự biện giải lập trường vì dân tộc của mình sau nầy. Anh không nói đến những người đi lính cho Tây để vinh thân phì gia. Ý kiến của em, góc nhìn nghiêm khắc của em, rơi vào trường hợp nầy..."

Bập bập mấy hơi thuốc. Lửa đã tắt ngấm. Vọng gõ nhẹ tẩu thuốc xuống bàn để đổ tàn. Bằng tựa lưng vào ghế lắng nghe.

"...Một số khác thấy được nguy cơ và thủ đoạn bạo tàn của Cộng Sản đã âm thầm hay công khai chống đối. Họ can đảm chống cả Pháp và cả phong kiến. Cuộc di cư vĩ đại của hàng triệu người sau hiệp định Genève là một bằng chứng về sự lựa chọn giữa tự do và cộng Sản. Nói như thế, không có nghĩa là các chiến sĩ đấu tranh cho tự do chỉ đến từ miền Bắc. Ở Trung, ở Nam, những người yêu nước, chống chủ nghĩa độc ác Cộng Sản, đã kết hợp sau lưng Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Điều nầy

HUỲNH LIỄU NGẠN

RÀM

lại ngập hồn anh về giữa tháng
mà trăng đã ngợp ở trên trời
tuổi thơ anh bỏ ngoài khung cửa
thế mà tròn lại ở đôi mươi

em biết hôm nay anh khẽ hỏi
một chút buồn vừa lén ở rằm thôi
anh hiểu mùa qua thôi không đợi
còn gì ngoảnh lại cũng mau trôi

mười năm một ánh trăng vừa cạn
trung thu của thế kỷ xa vời
hỏi lại tiền thân từ mấy kiếp
ai cầm nến thắp thuở pha phôi

thôi thế để em rằm với nguyệt
một tuổi buồn như trăng quê người
mai về anh thắp dùm em lửa
trăng dù sáng lắm cũng thua thôi.

giải thích được sự hưng thịnh và ổn định của xã hội miền Nam trong những năm đầu của thời đệ nhất Cộng hòa. Và giờ đây, bên cạnh những tướng tá quan chức bất xứng đón gió chờ thời, còn có biết bao người xứng đáng. Ngày ngày bao chiến sĩ ngã gục. Mấy em bất mãn một số người rồi vơ đũa cả đám là không công bằng!"

Vọng bùi ngùi hạ giọng như chỉ nói riêng cho mình:

"Em biết đó, vừa ngày hôm qua đây anh lên nghĩa trang quân đội nhận xác đại úy Sang và trung úy Huy bị sát hại ở Hồng Ngự. Hàng trăm quan tài phủ cờ. Mùi tử thi, mùi hương, tiếng khóc than thảm thiết của gia đình..."

Vọng nghẹn lời...

Ngửng đầu, nhìn thấy Vọng đôi mắt nhuốm buồn. Bằng phân bua:

"Anh Năm! Em không chối cãi điều đó. Đó chính là điều em chưa kịp nói ra. Anh cho em nói hết."

Nhìn lên đồng hồ thấy đã hai giờ sáng. Bên trong tiếng ú ớ mớ ngủ của Sơn. Tiếng ngáy đều nhè nhẹ của các sĩ quan trẻ. Cà phê, thuốc lá và câu chuyện dang dở làm cho hai anh em tỉnh ngủ.

"Điệu này ngày mai lên họp tham mưu chắc anh ngủ gục quá!"

Bằng cười, nụ cười dễ thương :

"Lâu lâu thức khuya một bữa không sao đâu anh Năm! Có khi tụi em thức nhậu tới sáng."

Bằng trở lại câu chuyện:

"Những người có lòng, có tài thì lỡ thời, không đất dụng võ; hoặc còn trẻ chỉ ở cấp trung gian thừa hành. Đất nước chiến tranh, xã hội nhiễu nhương, em nhớ lại câu thơ của Đặng Dung ở thế kỷ 15:

Thời lai đổ điếu thành công dị
Sự khứ anh hùng ẩm hận đa.

Vọng đọc tiếp hai câu phóng dịch:

Hèn hạ gặp thời lên cũng dễ
Anh hùng lỡ vận nuốt hận sâu!

Thích thú, Bằng vỗ tay nói:

"Em phục anh Năm. Hèn gì tụi nó nói, anh Năm chuyện gì cũng biết!"

Vọng hóm hỉnh:

"Chỉ trừ những chuyện... anh không biết!"

Bằng cười ha hả. Không chịu bỏ dở:

"Như anh Năm thấy đó! Hôm nay rầm rộ mừng ngày quân lực. Ý cuả em lại khác. Chẳng có gì để mừng. Nên lo, nên buồn thì hơn!"

Vọng nghĩ "tên này thật lắm chuyện!"

"Tại sao?"

"Cuộc chiến này nặng về chính trị, quân sự chỉ là hỗ trợ. Thắng lớn trên chiến trường, nhưng non yếu về lãnh đạo chính trị, một sơ hở chiến lược là... mất công toi! Chính phủ của ông Diệm bị lật đổ, xáo trộn liên miên, đảo chánh liên tục, dẫn đến sự cầm quyền của các tướng lãnh... là khởi đầu một điều lo. Tầm mức như ông Diệm, ông Nhu và một số bộ trưởng, cán bộ tầm cỡ dưới thời đó, mới đương đầu ngang sức về mặt đấu tranh chính trị với chúng nó. Thật quá tiếc! Tham vọng cá nhân gia đình, cục bộ phe phái và nhất là tôn giáo, đã làm hỏng tất cả."

Bằng cúi mặt hạ giọng:

"Cỡ mấy ông tướng nhà mình chắc chắn không phải là những địch thủ đáng gờm của mấy ông mặc áo đại cán... hút thuốc lào, bên kia. Ngày ông Diệm, ông Nhu bị giết, Hồ chí Minh và các đồng chí ăn mừng lớn!"

*

Nói chuyện với Bằng, Vọng thấy được một điều là hắn rất có định kiến về mấy ông tướng tá. Nhiều khi một chiều và nghiêm khắc. Sau này Vọng mới biết được lý do.

Đột nhiên Bằng hỏi:

"Anh có biết, thời gian vừa rồi, hết ông này bà nọ gọi em làm gì không?"

"Coi bói!"

Bằng trợn tròng:

"Anh biết à! Sao anh không hỏi gì em hết?"

"Sĩ quan an ninh mà em! Giả thử em đi gặp một tên Việt cộng nằm vùng nào thử xem. Anh hỏi thăm sức khoẻ ngay... Lột da em là đằng khác! Đây là việc riêng. Anh chẳng thèm xía vô. Hơn nữa, có phải em xin anh để đi đâu. Anh nhận lệnh của xếp mình."

Vọng mỉa mai:

"Nhà binh mà em! thi hành trước... cằn nhằn sau!"

"Em ngấy lên tận cổ!"

"Ngấy sao không từ chối?"

"Em có nhận lời đâu mà từ chối! Đại tá Lương nhận lời với người ta rồi ra lệnh. Có khi nào ông đếm xỉa xem em có đồng ý hay không!"

Bằng chua chát:

"Chỉ huy trưởng là... cha mẹ mà! Ông dùng em như là một món quà giao tế. Được lòng cấp trên và bạn bè mà chẳng tốn đồng xu!"

Vọng bực mình đốp chát:

"Anh không chịu lối giải thích quanh co của chú mày. Nếu không muốn, em cứ coi trật bậy trật bạ thì ai mà thèm gọi đến. Đừng đổ lỗi cho người khác."

Chưng hửng, lúng túng Bằng hạ giọng:

"Điều này thì em nhận. Quả thật như ma nhập. Dù ưa hay không, khi Ahành nghề', ma đưa lối quỷ đưa đường, em nói thao thao. Tổ đãi, nói đâu trúng đó. Thiên hạ phục lăn!"

"Chú mày chắc có bí quyết... chơn truyền?"

Bằng bẽn lẽn:

"Bí quyết gì đâu anh. Em xạo không hà!"

Vọng cười vui vẻ:

"Dóc tổ mẹ! Chắc muốn dấu nghề. Đành rằng bói toán là có xạo. Điều đó không ai chối cãi. Nhưng phải có cái gì làm bằng mà xạo chứ! Hơn nữa, mấy ông bà đó đã lăn lóc trong trường bói toán mà họ chịu em, em phải là người... cao tay ấn!"

"Đối với ai em còn quanh co. Với anh, em nói thật. Một phần tụi em rất chịu anh, phần khác nói dối cũng khó mà...qua lọt được!"

Bằng cười thú nhận. Thong thả thố lộ. Đôi mắt linh hoạt hẳn lên:

"Nếu nói là 'bí kíp' thì trước hết họ ngán và tin, vì em nói dứt khoát. Chỉ có đúng hay sai.

Không ẩm ờ nửa vời. Năm ăn năm thua mà! Nhờ tổ đãi, nhiều phen hú hồn, nhưng trúng phóc!"

Vọng thắc mắc:

"Chỉ vậy thôi sao?"

"Từ từ em... cung khai!"

Bằng cười ranh ma:

"Khi đoán về tính tình, để từ đó suy diễn về gia đạo, về quan hệ bạn bè, em áp dụng nguyên tắc... Àphản diện tâm lý'!"

"Nghe ghê gớm quá!"

"Dễ hiểu mà anh Năm. Con người thường có những biểu hiện tâm lý và sinh hoạt bên ngoài trái ngược với cá tính thật sự tiềm ẩn bên trong. Như trường hợp gặp ông đại tá Hoàng. Em tấn công ngay, không sợ mất lòng mất bề gì cả. Lúc đó mình là 'thầy' mà! Em bảo,'gia đạo không yên, vợ lấn lướt làm mang tai mang tiếng. Con cái thì mất dạy. Trai du đãng, gái lăng nhăng, phá nhà, phá của...'. Nghe chưa hết, ông phùng mang trợn mắt. Em hoảng hồn, nói muốn líu lưỡi, 'nếu...nếu không đúng cho em rút lui!'. Ông đứng phắt dậy, chụp tay em: 'Sao thiếu úy biết hết! Tôi phục, tôi phục. Quả là danh bất hư truyền!'"

Bằng cười sảng khoái. Điệu bộ và giọng kể của hắn làm Vọng cũng không nén được cười.

"Tiếp! tiếp!" Vọng nôn nóng thúc.

"Có gì đâu anh. Ông Hoàng hách dịch với thuộc cấp. Đánh lính như cơm bữa. Những người như thế, về nhà tất phải... sợ vợ. Chồng sợ vợ thì con khinh cha... cứ như vậy em tương ra, trúng phóc!"

"Chú mày đúng là... lõi!"

"Ông xếp nhà mình, nhà giáo bị động viên. Đối đãi lính lịch sự, nhã nhặn, đạo đức. Nhắm mắt em cũng biết. Về tới nhà là khác hẳn. Vợ con xếp re. Nghiêm khắc kỷ cương. Động một tí là gắt ầm lên. Gia đạo tất phải yên. Chồng vợ, con cái,...anh em đâu ra đó. Con cái đương nhiên học hành đỗ đạt. Không học thì phá nhà. Đã học thì phải đậu... Đấy, đại để là thế."

Thấy Vọng chăm chú theo dõi, Bằng như gãi đúng tần số:

"Có bà, gặp ai cũng vui vẻ toe toét, cứ như mọi người ai cũng là bạn thân lâu ngày. Ai cũng có cảm tình...Gặp em, em gieo ngay một quẻ phủ đầu: 'Ai cũng tưởng bà là người giao thiệp rộng, nhiều bạn bè. Thật sự không phải vậy. Giúp hết mọi người, nhưng khi mình hoạn nạn thì chẳng một ai đoái hoài. Không có lấy một người bạn thân. Bà là người cô đơn!' Phục thầy. Phục thầy quá !

* Một người đàn ông có thể ngồi cả ngày trên bờ sông chờ cá cắn câu, nhưng vợ mới làm cơm trễ mươi phút là đã gắt um lên.

* Tôi vào hải quân để có thể nhìn ngắm thế giới bao la, nhưng bốn năm qua tôi toàn ở trong tàu ngầm.

"Có lần gặp ông tướng nọ. Mặt mày chầm vầm như cú vọ. Chẳng khi nào nở một nụ cười, dù nửa miệng. Khó khăn với hết thẩy mọi người. Ít quan hệ quen biết với ai. Mồng một Tết xuất hành gặp ông, chắc cả năm... mạt rệp! Em dứt khoát: 'Thiếu tướng là một người may mắn!' Mặt đằng dằng sát khí, ông nghi ngờ: 'Tôi may mắn gì, thiếu úy nói rõ hơn đi!' Em cười tự tin 'Thiếu tướng may mắn bởi vì...' em chậm rãi để ông ta nôn nóng, tò mò '...bởi vì...tuy chỉ có rất ít bạn, nhưng đó là những người vô cùng tốt, cùng chia sẻ khó khăn hoạn nạn, thân thiết, giúp đỡ nhau còn hơn anh em ruột thịt!' Ông đập bàn một cái rầm. Ly cà phê bay tuốt xuống đất vỡ tan. Miệng ông cười, nụ cười hiếm hoi Bao Tự. Ông xổ... tiếng Đức: 'Đ.M. thằng này hay quá!' Anh lính tà lọt, tưởng tướng quân giận điều gì, chạy vào thè lưỡi. Thấy ông cười vui vẻ hiếm có, lật đật lượm mấy mảnh vỡ của ly tách rồi rón rén rút lui.

Vọng cười đau bụng. Sặc ho.

"Có gì đâu! Người khó chơi, ai đã chơi được thì phải thân. Dễ ẹt!"

Chưa hết thắc mắc, Vọng hỏi tới:

"Nghe cũng có lý. Đó là đoán về tâm lý, rồi suy diễn. Nếu nói về tương lai sự nghiệp...thì cậu căn cứ vào đâu?"

"Coi về việc này em áp dụng... 'thuyết nghịch lý.'"

Mặt Bằng làm ra vẻ quan trọng.

"Tao cũng muốn nhức đầu luôn với chú mầy! Có lẽ đi sĩ quan là trật đường. Đi dạy triết như thầy Lữ Hồ, thầy Nguyên Sa thì đúng hơn."

"Triết trét gì đâu anh. Như thế này nghe!"

Bằng chỉ tay về phía cửa sổ, rồi nói:

"Anh Năm thấy đó. Cửa sổ có mấy chấn song. Anh Năm vo tròn tờ giấy, rồi cố nhắm cho trúng mấy song cửa đó mà ném. Em bảo đảm nắm giấy đó sẽ không trúng song mà lại lọt ra ngoài."

Bằng hỏi:

"Anh hiểu ý em không?"

"Hiểu."

"Bây giờ anh Năm cũng ngồi tại vị trí đó. Cũng nhắm cửa sổ đó. Cũng ném nắm giấy vo tròn đó. Nhưng, bây giờ anh... thay đổi ý. Muốn nắm giấy đó lọt ra ngoài mà không đụng song cửa. Ý như rằng, nắm giấy lại trúng vào song cửa và dội lại! Cái gì giải thích được hiện tượng này? Dùng toán học xác suất? Không được! Theo danh từ toán, cùng hiện tượng, cùng biến cố, tất có cùng kết quả."

Bằng hăng hái vo tròn chặt tờ giấy. Dục Vọng:

"Anh thử đi!"

Không biết vì ngẫu nhiên rủi may hay Bằng có lý; Vọng ném thử mấy lần, kết quả y chang lời hắn nói.

Trời về sáng. Ngoài đường đã có tiếng xe cộ lưu thông. Sơn và mấy sĩ quan trẻ dậy đi tiểu. Lần lượt thấy câu chuyện của hai người vui vẻ, bỏ luôn giấc ngủ, ngồi xoay quanh nghe Bằng... thuyết trình:

"Những điều mình muốn, mình cầu, mình

mong thì không được. Vì nếu muốn cái gì, được cái đó, thì thế gian nầy là thiên đường rồi! Anh Năm có công nhận thế không nào. Cái mình được hay đến với mình, thường là không ngờ, không tính tới. Đó là 'thuyết nghịch lý' của em. Những người trúng số độc đắc, thường mua vé số rồi quên phứt đâu đó. Chừng tìm thấy lại, biết mình trúng số cá cặp! Mua số rồi đêm đợi, ngày chờ. Nghe radiô, dò từng số một thì... đừng mong!"

Nghe đến đây, Vọng thấy Bằng có lý.

Một kỷ niệm nhớ đời. Có một lần hành quân xa cả tháng mới về lại Sài Gòn. Tiền trong túi cả đống. Tiền hành quân, tiền thưởng... khoản tiền này thường là để bù khú với bạn bè cho bõ những lúc nằm rừng, nằm bụi. Sáng sớm Vọng đã ra ngồi chầu ở nhà hàng Kim Sơn, trên hè đường Lê Lợi tấp nập. Chắc nịch thế nào cũng gặp mấy thằng bạn đi qua để gây sòng nhậu. Từ sáng đến trưa. Từ trưa đến chiều... ngồi uống lai rai một mình, chán muốn chết. Bất đắc dĩ phải đối ẩm với một ông tướng lỡ thời thất chí, nửa khùng, nửa tỉnh. Mất toi một ngày đẹp !

Hôm khác. Mới quen được một cô bồ trẻ đẹp. Một người em hậu phương. Em rủ đi chơi. Thôi cũng liều trốn vợ. Lãng mạn chút đỉnh. Sợ gặp người quen, chuyện nhỏ thành chuyện to, bèn dẫn nhau vào xem xi nê tận mút trong ngã năm đèn năm ngọn Chợ Lớn. Lấm la, lấm lét. Nhìn tới nhìn lui. Chắc mẫm! Không có ai quen. Toàn mấy chú ba, mấy thím xẩm xì lô, xì la... Đang lúc hí ha, hí hửng, bỗng nghe tiếng xe Jeep thắng két. Trên xe tiếng cười hô hố, nham nhở. Bỏ mẹ! Năm đứa bạn trong đơn vị không thiếu mặt nào. Phen này phải hối lộ cho bọn mặt dày mày dạn, may ra mới được buông tha. Nếu không, đến tai vợ, kể như... nửa đường đứt gánh! Sau một hồi năn nỉ ỉ ôi, hứa hẹn,mặc cả, chúng nó dọt. Thở phào!

Vào tới rạp. Hôm nay phim "Mùa thu lá bay," theo lời yêu cầu của nàng. Ngồi xuống chưa nóng đít. Với tay nắm nhẹ... bàn tay. Ôi lãng mạn, rung động! Cách ba bốn chỗ ngồi, một ông nhìn qua. Bốn mắt gặp nhau. Thôi đúng là tổ trác. Ông anh vợ! Ông này có mấy khi đi đâu xa. Sao hôm nay các cớ lạc bước phong trần tới chốn này hở trời! Cũng may, ông cũng thuộc người "chịu chơi." Chuyện tình lẻ tẻ của Vọng được giữ kín.

Từ việc này và nhiều việc khác, Vọng công nhận Bằng nói đúng.

Thấy khán giả mộ điệu đủ mặt, Bằng hứng chí:

"Ông chuẩn tướng Hạ lo lót cho ông tư lệnh Vùng để chạy một chân tư lệnh phó. Mọi chuyện xong xuôi, chỉ còn chờ giấy bổ nhiệm. Ông cho gọi em lên để coi cho chắc ăn. Em đoan quyết với ông rằng việc không thành, tiền mất tật mang... Nghịch lý mà! Em cũng liều. Nếu ông bảo đảm một trăm phần trăm, thì đâu cần triệu em lên. Hai tuần sau, ông tướng vùng thay đổi đột ngột. Mộng của tướng Hạ cũng... cuốn theo chiều gió. Em nổi tiếng là vậy đó, anh Năm. Tổ đãi không hà! Làm nghề này, khi hưng thời, nói đâu trúng đó. Một khi hết thời, trật tùm lum. Thời em đang lên!"

Bằng cười vui. Mấy anh em đều cười.

Trung sĩ Sơn buột miệng hỏi, giọng Huế:

"Có khi mô thiếu úy bí không rứa?"

Bằng khôi hài nhại tiếng:

"Có răng không! Nhiều lần muốn toát mồ hôi hột. Có lần đang coi tại nhà ông đại tá Quang. Bỗng, bà vợ một ông tá ở Vùng bốn ghé thăm. Bà này tốt tướng, đẹp người, thân hình lôi cuốn. Vốn ghét cay, ghét đắng bói toán tử vi. Bà không tin. Không tin là phải quá! Sau khi giới thiệu, bà nói: ÀChỉ cần cậu nói một câu về tôi thôi. Hoặc trúng, hoặc trật.' Thấy mẹ! Phen này đúng là... bị triệt rồi đây. Đầu tôi suy nghĩ nhanh như chớp, rồi nói không ngập ngừng: ÀThưa bà, bà chỉ có nhiều con gái mà chưa có một mống con trai nào cả!' Tim tôi muốn thót lên tận cổ. Sửa soạn độn thổ là vừa. Bà tá và mấy người nhà, bạn bè đại tá Quang đồng ồ lên một tiếng. Đại tá Quang thích chí: 'Đúng một trăm phần trăm ! Bà chị chịu chưa?' Từ đó tôi có thêm một đệ tử ái mộ."

Trung sĩ Sơn thắc mắc:

"Răng mà thiếu uý biết được, tài rứa?"

"Tôi đã nói, ma đưa lối quỷ đưa đường mà! Thật tình, tôi thấy vóc dáng thì đoán đại bà là người sung sức trong vấn đề chăn gối. Ông bà mình có câu "tốt mái, hại trống." Ông xông pha trận mạc, trăm trận thắng trăm. Về với bà chắc

DƯƠNG ĐỨC NHỰ

Tái Ngộ Nguyễn Tiên Sinh

Cố hương viễn cách đa tâm sự,
Tái ngộ hiền nhân dạ mãn sương.
Văn giáo hành trình tâm bất quyện,
Hồi quan cựu mộng kỉ hoàng lương?

Gặp Lại Nguyễn Tiên Sinh

Quê xưa xa cách nhiều tâm sự,
Gặp lại nhau đây đêm đẫm sương.
Văn giáo đường đi lòng chẳng mỏi,
Ngảnh coi mộng cũ mấy kê vàng?

bại trận liên miên. Cái 'gene' của bà mạnh, đẻ con gái là chuyện chắc. Giải thích như vậy, thật ra cũng không đúng theo di truyền học. Nhưng trong đầu nghĩ sao, nói vậy. Nói theo linh tính mà trúng bon. Thế mới tài!"

Sơn và mấy cậu ngồi nghe thán phục.

Trời sáng hẳn. Vọng đứng dậy vươn vai, ngáp dài. Câu chuyện tạm chấm dứt. Rửa mặt, vệ sinh buổi sáng xong, tất cả cùng kéo xuống câu lạc bộ điểm tâm. Vọng nói lớn:

"Hôm nay anh bao!"

Mấy đứa nhao nhao không chịu. Bằng đòi lấy tăm xỉa răng làm thăm. Ai rút cây ngắn nhất trả tiền. Rút sau cùng, Vọng trúng cây tăm ngắn nhất.

"Tụi nó được ăn sáng miễn phí mà khỏi nợ mình một chầu. Đúng là chạy trời không khỏi nắng!"

Vừa đi Vọng vừa than thân.

*

Bằng được điều động về Vùng Một Chiến thuật. Địa bàn hành quân thuộc một tỉnh dọc biên giới Việt Lào. Anh em thỉnh thoảng nhắn tin thăm hỏi nhau. Nhiều lần Bằng đi phép về Sài Gòn, do những quy định về an ninh, không thể ghé bộ chỉ huy đơn vị để thăm Vọng.

Mùa Hè 1972, chiến trận trở nên sôi động. Đơn vị thiệt hại về nhân sự tương đối nặng nề. Nhiều sĩ quan bị mất tích, bị bắt ở Bình Long, Kon Tum, Quảng Ngãi... trong đó có Bằng. Vợ con Bằng được Vọng lo liệu để nhận trợ cấp nhanh chóng.

Khoảng sáu tháng sau, chỉ một mình Bằng may mắn được phóng thích. Do thủ tục quy định, Bằng được đón và đưa thẳng về Trung Tâm An Dưỡng Quân đội, bên hông Lăng Ông Bà Chiểu. Tên nghe đẹp, nhưng thật ra đây là nơi để Cục An ninh quân đội điều tra những tin tức đã bị tiết lộ cho địch trong thời gian bị cầm giữ. Bằng đang mang cấp bậc đại úy. So với bạn bè đồng khóa, Bằng lên lon khá nhanh. Vọng vội vàng đến thăm và hỏi han đôi điều cần thiết về nghiệp vụ. Luôn tiện cũng thông báo cho Bằng biết không thể nhận Bằng trở về đơn vị được vì quy luật an ninh. Đơn vị Vọng một lần nữa phải thay đổi danh xưng để bảo mật hành quân.

Một buổi sáng, Bằng đột ngột trở về trình diện với đầy đủ giấy tờ bổ nhiệm. Vọng sửng sốt, ngạc nhiên. Sau đó biết được, do quen biết với nhiều ông tướng, nhất là các bà tướng, qua việc bói toán trước đây, do gửi gấm, Bằng được trở về. Một biệt lệ!

Cũng tại nơi này, mấy năm trước đây, Vọng biết Bằng. Thời gian nhấp nháy tựa như mới ngày nào đó rất gần. Nhìn những đổi thay nơi Bằng, Vọng sực tỉnh. Nhiều năm tháng đã trôi nhanh. Đôi mắt sáng linh động thông minh, tinh quái hóm hỉnh, tự tin ngày nào, nay đã trở thành đờ đẫn ngượng ngùng, khó hiểu.

Tiễn Bằng trở ra bộ chỉ huy hành quân Vùng Một Chiến Thuật để nhận một chân tham mưu, Vọng và một hai bạn bè cùng khóa, đãi Bằng một chầu nhậu ở Chợ Lớn, nơi trước đây anh em thường quen tới lui vui vẻ. Câu chuyện gắng gượng, tẻ nhạt. Còn đâu cái khôi hài duyên dáng ngày xưa. Ngậm ngùi, Vọng thương Bằng, như thương một người em thân thiết, vừa gánh chịu những ngày tháng căng thẳng nặng nề trong ngục tù cộng sản. Vọng tự hỏi, phải chăng sự thay đổi của Bằng là hậu quả của chuỗi ngày địa ngục đó?

Khúc quanh oan nghiệt !

Tháng ba, mất dân mất đất.

Tháng tư, mất nước!

Cả miền nam ở tù. Quân nhân, công chức, đảng phái... đi cải tạo. Đầy đọa, tủi nhục, khốn cùng...

Thế nhưng, những năm dài đăng đẳng vô vọng rồi cũng có ngày kết thúc.

Anh em lần lượt được tha về. "Hương âm hối cải mấn mao tồi" - "ngày về tóc đã bạc phai mái đầu" — Thỉnh thoảng thầy trò, anh em, bạn bè cùng đơn vị gặp gỡ hàn huyên. Giờ đây chẳng còn chi để tôn xưng, để phân biệt. Chỉ còn lại chăng những ân tình, những cái đẹp đã xử sự với nhau trong thời gian quân ngũ, trong thời gian tù đày. Cái tình người muôn thuở, bất biến. Đó là mối giây thân ái nối kết không thể đứt rời. Có người cho biết, ngày cộng sản chiếm Đà Nẵng, Bằng mang quân hàm thượng úy việt cộng. Nón cối dép râu, binh phục bộ đội, hắn ngồi chễm chệ trên xe jeep quân đội tiến vào thành phố!

Kiểm điểm, đơn vị Vọng, có hai sĩ quan không đi cải tạo. Bằng và Quân. Giữa những mất mát to lớn, mất đất nước mất tự do; mất tuổi thanh xuân của mình, của vợ; mất tuổi thơ của bầy con thơ vô tội... mất thêm một tên Bằng, một tên Quân thì... nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ! Nói thế, nhưng Vọng cũng thấy buồn buồn, thấy mình cũng có phần trách nhiệm.

Cuộc sống dồn nén về chính trị, khó khăn về kinh tế. Rạn nứt gia đình và những oái ăm của nghịch cảnh, tất cả là những oan nghiệt tiếp tục lạnh lùng đổ trên đầu những cựu tù cải tạo. Thời gian "hậu cải tạo" có khi còn bi thảm gấp bội so với thời gian tù đày. Giờ mới cảm thông tận cùng, để thương để tội nghiệp cho những người vợ trẻ. Một mình ngậm đắng nuốt cay, trăm bề tủi nhục, đối đầu với nghiệt ngã, với bầy thú mặt người, quần quật sớm tối tảo tần nuôi con, nuôi chồng.

Chuyện chẳng ngờ!

Sài Gòn không ngờ mất, đã mất tức tưởi!

Đi Mỹ, chuyện khó tin mà có thật.

Chương trình H.O.

Đúng là... nghịch lý!

Trong đợt H.O. đầu tiên, anh em cho biết, có tên Bằng và gia đình. Phái đoàn Mỹ từ chối vì giấy ra trại của hắn, có ngày ra trại mà không có ngày bị bắt. Riêng Vọng, sau mấy lần mòn mỏi, thấp thỏm, khám đi khám lại, khạc đàm rọi phổi, uống thuốc... đúng là HO, ho đây là ho...ra máu! Sau cùng Vọng và đầy đủ bầu đoàn thê tử đặt chân lên đất Mỹ. Miền đất tự do, hào hiệp.

Cuộc sống mới dẫu khó khăn tất bật, Vọng vui vẻ đón nhận. Chưa bằng lòng với cái hiện

có, nhưng rất sung sướng với những gì đã vượt qua. Sung sướng nhất là con cái lại được tiếp tục học hành. Cám ơn nước Mỹ. Cám ơn các tổ chức, hội đoàn và cá nhân người Việt. Nếu không có sự tranh đấu của họ, giờ đây Vọng và bạn bè cải tạo cùng vợ con, chắc đã bị áp đặt định cư ở một nông trường xa tắp vùng rừng núi Thanh Nghệ.

Có những cái được thì cũng có cái phải mất. Dẫu rằng, có những mất mát tưởng chừng nhẹ nhàng, sống nơi xứ lạ quê người, mới thấy nặng nề biết mấy. Đó là sống xa những người bạn, những đứa em thân thiết đã gắn bó thử thách qua bao thăng trầm dâu bể. Đành rằng "tứ hải giai huynh đệ — bốn bể là anh em," song tuổi trẻ thì dễ kết bạn, nhưng lại khó rã tan. Lớn tuổi như Vọng, tìm một người bạn già đã khó; có được, chỉ một câu nói, một hành động nhỏ vô tình cũng đủ để hiểu lầm và xa cách. Chưa đủ credit! Vọng chưa được cái hạnh phúc "tha hương ngộ cố tri, xứ người gặp bạn cũ."

Buồn nhất và chán ngán vô cùng là lúc đọc báo chí hải ngoại và sinh hoạt trong cộng đồng. Bôi nhọ, chưởi bới, hạ nhục nhau... chẳng ra làm sao cả. Vọng thường thắc mắc. Mất nước và tù đày có lý nào chẳng giúp cho người Việt lưu vong, tị nạn một bài học nào cả chăng? Hay là, như Vọng đã từng nói nhiều lần: lập trường chống cộng của họ chỉ vừa đủ để chống đối nhau, chứ chưa đủ để ngồi lại với nhau, kết hợp với nhau, nhắm thẳng vào kẻ thù của dân tộc ở bên kia đại dương. Chống cộng phải chăng là một nhu cầu thời trang để xưng tên tuổi với đời, để che đậy một ý đồ mà không phải vì lý tưởng, vì hoài vọng thật sự cho một Việt Nam tự do ?

Thỉnh thoảng tham dự các buổi họp mặt thân hữu cùng với anh em đồng cảnh ngộ, Vọng thấy có ông tố vung vít, tố hăng say hết người này trong tù làm ăn ten, người kia là tay sai cán bộ... Vọng cười thầm. Chợt nhớ đến Bằng với... phản diện tâm lý (!). "Ông này mới là ăn ten thứ thiệt đây!"

Có ông khác, ba hoa khoe thành tích nào là chống cán bộ, đánh cán bộ cai tù... còn bạn bè mình toàn là hèn nhát, nịnh bợ. Vọng nói khẽ với anh bạn, trong số rất nhiều anh bạn mới quen, ít nói, chững chạc:

"Ông này trong trại chắc là... tà lọt?"

Ông bạn sơ giao, nuốt vội ngụm bia đang uống dở, mở lớn hai mắt hỏi:

"Sao anh biết? Đích thị! Ông ta ở cùng trại với tôi."

Tháng trước lấy mấy ngày nghỉ hằng năm, vợ chồng Vọng lên thăm chơi với một người bạn già ở tận miền Bắc. Anh là một thi sĩ cự phách. Tuy nói là bạn, nhưng thật ra Vọng luôn kính trọng, thương phục như là một người anh. Trước tù, trong tù, sau tù; trong nước, ngoài nước... ở đâu, lúc nào anh cũng là một kẻ sĩ. Xứng đáng với cái nghĩa đẹp nhất của từ ngữ.

Miền Bắc Mỹ trời vào thu thật đẹp. Thành phố yên bình, sạch sẽ. Số người Việt ở đây cũng vừa phải, nhưng số hội đoàn thì... vượt chỉ tiêu!

Như một thói quen từ lúc còn ở quê nhà, buổi sáng thư thả, rỉ rả cà phê. Vọng lôi mấy tờ báo của địa phương dưới gầm bàn ra đọc. Liên tiếp mấy số của một tờ báo, dưới bút hiệu Người Tự Do, một loạt bài chống cộng, đã kích quyết liệt. Luận điệu một chiều độc đoán, dao to búa lớn. Chẳng cần tranh luận, đối thoại gì ráo trọi. Vọng có cảm giác như sống lại không khí tố cộng thời cụ Diệm. Gửi tiền về Việt Nam, về thăm Việt Nam: tiếp tay cộng sản, thân cộng! Cứu trợ nhân đạo, cấp học bổng học trò nghèo: công cụ cộng sản! Đồng ý bãi bỏ lịnh cấm vận, kinh doanh với Việt nam: cộng sản nằm vùng! Không phản đối tái lập quan hệ Việt Mỹ: đích thị cộng sản. Cộng sản...cộng sản...cộng sản...

Vọng nói với bạn:

"Cứ điệu này ra đường tìm gặp một ông quốc gia khó lắm đấy ông ạ!"

Ông... cười!

Lật tờ báo cùng tên số mới nhất. Trang phóng sự hình ảnh. Một phái đoàn đón tiếp một gia đình mới đến ở phi trường. Đằng sau hai cái rương nhôm có khóa to, giữa những người mới tới, ráng cười nhưng không dấu được nét lo âu, mệt mỏi, nước da còn sạm nắng quê hương, một ông mập mạp, trong bộ đồ lớn, áo cổ tròn, tóc chải láng mướt, tay cầm bó hoa, xoay về phía phó nhòm cố cười thật lớn, trình đủ ba mươi hai cái răng, trong đó có... ba cái răng "dàng" sáng chói!

Vọng chụp vội kiến đeo mắt trên bàn. Đeo vào nhìn cho rõ. Nói cà lăm như bị trúng gió:

"Anh...anh...anh biết...biết người này không?"

Ông bạn già chồm tới nhìn, thong thả chặc lưỡi:

"À! Tưởng ai! Lạ gì ông ấy... ông Bằng, bút hiệu...Người Tự Do đó mà!!■

Chicago, March 96.

BÍ MẬT CỦA PHAN THIÊN ÂN NGƯỜI GIÀU NHẤT THẾ GIỚI

Hơn tám ngàn cuốn sách đã được phân phối. MỘT KỶ LỤC. Muốn chia sẻ sự kỳ diệu của một hành trình đầy ý nghĩa, và tìm cho mình một thanh bình trong tự do và thịnh vượng, hãy thư về:

PO Box 915
Los Alamitos, CA 90720, USA.

Kèm $5.00/một cuốn, hay xin biếu không nếu không đủ tài chánh.

TRỜI MÙA MƯA SINGAPORE

NHUNG UYÊN

Lời giới thiệu của tác giả: *Tôi viết truyện này theo hình thức "stream of consciousness" của Tây phương, trích thơ văn Việt Nam, bằng giọng văn mà tôi gọi là của miền nam Việt Nam "trước 1975" để hoài niệm về cái gì còn lại trong tôi của cái gì đã mất...*

Thay lời tựa: *The repossession by women of their bodies will bring a far more essential change to humans than the seizing of the means of production of workers...*

- Adrienne Rich

The repossession of her creation by a female writer, away from the crowd, away from herself, intellectually, emotionally, spiritually, and sexually, through her expression and understanding of the frailty of humans, will become her greatest contribution to life.

- Wendy N. Duong

Một bài hát...

Lên xe tiễn em đi
Chưa bao giờ buồn thế
Trời mùa Đông Paris
Suốt đời làm chia ly

Bây giờ thì hắn đã quen thuộc với sự có mặt của tôi, quen thuộc đủ để có thể nằm ngủ tỉnh bơ trong khi tôi hát nghêu ngao bằng tiếng Việt. Hắn mới đi Bangladesh về được mấy ngày, rồi còn phải chiều chuộng tôi, nên đuối sức. Tôi ca hát một mình để tự giải sầu. Cái sầu đeo đuổi tôi trong những ngày tháng này, cái sầu riêng mình tôi hứng chịu, vì tôi đã tự chọn để cho hắn làm kẻ bàng quan.

Em tự tiễn em đi
Chưa bao giờ buồn thế
Trời mùa mưa Singapore
Trót làm em chơ vơ

Tôi cám ơn nhà thơ Cung Trầm Tưởng và ông già Phạm Duy đã tạo cho tôi bài hát muôn thuở này. Tôi thích nó từ ngày còn là đứa con nít ở Việt Nam. Tôi chưa phải tiễn ai, hay để ai tiễn mình ở Paris, vì Paris với tôi có duyên mà không nợ, chân tôi không mòn đường xá Paris để chia sẻ với Cung Trầm Tưởng, cho dù cuộc đời tôi, đếm lại toàn là những cuộc chia ly không lớn thì nhỏ. Tôi xin lỗi Cung Trầm Tưởng vì tôi đã sửa lời bài hát, như để gửi gắm đôi lời với hắn, cho dù hắn không hiểu lời gửi gắm của tôi. Cũng như tôi không hiểu ngôn ngữ Bắc Âu của hắn, mỗi lần hắn nhận những cú điện thoại từ quê hương của hắn.

Tôi cũng có quê hương của tôi. Quê hương cũ này. Quê hương mới này. Từ Đà Lạt đến Nữu

Ước, khoảng cách thăm thẳm như bước chân tôi xoãi ngang chiều rộng của chiếc váy. Khoảng cách bí mật ấy của tôi, lối vào bản chất phụ nữ tính và cái "tôi" tính của người đàn bà mang cái tên bất hủ "Trâm Kha." Khoảng cách ấy không ai nắm giữ được, không ai hiểu được, trong bất cứ cuộc xâm chiếm hay sự cho đi nào. Kể cả hắn. Khoảng cách ấy cũng khó khăn phức tạp như tiểu sử cái tên bất hủ của tôi. Mẹ tôi tên Trâm, bố tôi tên Kha, hai người yêu nhau đặt tên con gái là "Trâm Kha" mà không suy nghĩ cho chín chắn. Ai cũng tưởng tên tôi là "Trầm Kha" có dấu huyền trên chữ Trâm. Vậy là người Việt Nam có chiều hướng bi thương. Tại sao nhìn "Trâm Kha" thì nghĩ ngay là "Trầm Kha?" Ác ôn như thế, đáng lý chỉ nên đặt cái tên ấy cho những nàng Vương Thúy Kiều của cụ Nguyễn Du. Phận đàn bà nổi trôi thì gọi là trầm kha. Vận nước ngả nghiêng cũng gọi là trầm kha. Đại gia đình đổi tên tôi thành "Khả Trâm" để cứu vãn cái tội tày trời bố mẹ tôi trong mục đặt tên con, kết quả của một bốc đồng cao hứng vô tội vạ. Khi muốn mang chân mạng đế vương, tôi tự gọi mình là "Trẫm Khá."

Tôi nghe kể lại bố tôi đặt tên tôi khi ông đọc báo trong... nhà cầu, khi ông bí tắc vấn đề sáng tác, chỉ còn đủ sáng kiến đem tên vợ hiền để cạnh tên mình. Mẹ tôi nghe bùi tai không chống đối. Định mệnh của cái tên bắt đầu từ lễ thôi nôi, tôi cứ khăng khăng bò đến cây viết. Định mệnh cất tiếng kêu gọi khi lớn lên tôi lại đam mê kịch nghệ, và quyết định không lấy chồng để theo đuổi sân khấu cho được mới thôi. Tôi lang thang từ thành phố này sang thành phố khác, đến rã cả chân, nghèo cả người, trong cái nước Mỹ rộng lớn nhưng không có chỗ đứng trường kỳ cho một diễn viên gốc Việt. Tuy nhiên, nước Mỹ tạm giải quyết vấn đề cái tên. Từ Khả Trâm tôi trở thành Catherine, gọi tắt là Cat. Con mèo. Bây giờ tôi là con mèo khi tuổi trẻ sắp qua đi, sự nghiệp chưa có gì, đứng khóc dưới ánh trăng như trong thơ của T.S. Eliott và vở nhạc kịch lừng danh của Andrew Lloyd Weber.

Và hắn đến đúng lúc để lau đỡ những giọt nước mắt của tôi...

Cho đến ngày tôi bắt đầu một cuộc hành trình mới. Từ Đà Lạt đến Nữu Ước tôi đã đi, thì không còn cuộc hành trình nào đáng kể. Xá chi cảnh từ biệt trời mưa Singapore. Tôi sẽ tự tiến tới. Một mình. Một mình. Và một mình. Hắn không biết. Không biết. Và không biết.

Khoảng cách từ Đà Lạt đến Nữu Ước cũng xa vời như quê hương hắn đến quê hương tôi, quê hương cũ cũng vậy, mà quê hương mới cũng vậy. Và chúng tôi gặp nhau ở một vùng đất không phải là quê hương. Singapore. Hắn là người giúp tôi hiểu thế nào là sự bắt đầu một cuộc tình muộn. Khi mà người ta không còn nói đến chữ "Yêu," vì đó là chuyện của con nít.

Người ta cũng không nói đến sự trói buộc hay lời hứa hẹn, vì tham vọng và lối sống đã nuốt chửng cá nhân rồi, không còn chỗ để "trói" hay để "hứa." Cá nhân đã trở thành bản ngã cứng ngắc, và phần tử bị đóng đinh bởi xã hội. Bản ngã và xã hội tạo ra thời khóa biểu và công thức cho cuộc sống và hướng đi. Tình yêu và nhục thể thành một hình thức tiêu khiển, không quan trọng.

Tôi để ngực trần bước đi trong nhà, nhìn hắn ngủ. Hắn là người đàn ông độc nhất trong đời tôi không có nét trẻ thơ khi ngủ. Hắn có nét mặt hao hao giống tài tử Peter O'Toole, khuôn mặt của đăm chiêu. Tôi nghĩ đến cuộc đi xa mình đã toan tính cả tháng nay. Lời chia ly của Cung Trầm Tưởng mà tôi muốn nói cho hắn nghe nhưng sẽ không bao giờ nói. Người tình ơi, người không được cho biết hay là giả vờ không muốn biết?

Tôi cúi xuống khuôn mặt hắn, bộ ngực tôi đong đưa trên những nét gầy của khuôn mặt người tình. Hai núm vú màu mật ong tiêu biểu cho sự nồng nàn của phụ nữ miền nhiệt đới. Tôi là đứa con nhiệt đới, da đậm màu, mắt và tóc sẫm màu. Còn hắn là cái lạnh của Bắc Âu, mắt nhạt, môi nhạt tóc nhạt. Hắn nhướng một con mắt, ngay trong giấc ngủ và sự mệt mỏi sau cuộc hành trình dài, vẫn còn hằn nét ham muốn. Tôi định nghĩa đàn ông bằng sự ham muốn. Sự ham muốn thể hiện trên bờ môi tham lam ngay trong khi ngái ngủ. Trong tình trạng nửa thức nửa ngủ, hắn vẫn thốt những tiếng ngọt ngào khen ngực tôi đẹp. Lúc mới ngủ với nhau, hắn đã phải kêu lên:

"Sao người em nhỏ nhắn mà bộ ngực đẹp thế?"

Tôi cho hắn tình yêu một phần vì tôi là một phụ nữ kiêu căng muốn người ta ca tụng mình đẹp. Chứng bệnh vô cùng nguy hiểm của giống cái. Tôi nhìn tôi trong gương biết mình đẹp, nhưng ở tuổi này tôi không còn tự tin vào thân thể của mình như trước, trừ bộ ngực vẫn còn trung thành với tôi. Tôi không đẹp đủ để thành tài tử số một như Sharon Stone, Michelle Pfeiffer, hay để rung chuyển cả một thế hệ như Marilyn Monroe. Trời thương đàn ông nên bắt tôi bớt đẹp lại, có cái đẹp cái xấu, lại bắt tôi phải già đi theo nếp xoay của tạo hóa. Trời lại ghét bỏ tôi nên ban cho tôi mấy cái tài vặt, cộng thêm cái đầu đầy tế bào suy nghĩ, ươm đúc thành những giấc mộng lớn hơn cuộc đời. Tôi chỉ đẹp đủ để cho những người tình của tôi chiêm ngưỡng, rồi ngậm ngùi cho cái đẹp dở dở ương ương của mình. Đàn bà đẹp không nên có óc. Mà đàn bà có óc thì không nên đẹp làm gì. Bộ óc là giải phóng, mà cái đẹp là gông cùm của cuộc đời. Số kiếp của tôi là thế. Trầm kha là thế.

Trong khi bờ môi hắn tham lam, thì tôi nghĩ đến ngày ra đi sắp tới, đến mảnh giấy tôi sẽ phải viết gửi lại cho hắn. Tôi sẽ phải nói những gì, giải thích những gì. Có thể tôi sẽ đổ lỗi tại trời mưa Singapore.

*

Tôi đến Singapore vào mùa mưa, thêm cơn "shock" văn hóa khi phải hòa nhập vào đời sống bản xứ. Con người nhân bản trong tôi không chịu được sự phân biệt giữa người da trắng đến đây làm việc với người bản xứ nghèo nàn. Tôi chán Singapore vì văn minh cách mấy vẫn là một xã

hội Á Đông không coi trọng phụ nữ, mà tôi thì đã tự sai khiến mình theo gót Simone de Beauvoir của Pháp và Germaine Greer của Mỹ từ lâu năm. Văn hóa Á Đông trù phú vẫn thường cho phụ nữ "đóng phim" bất đắc dĩ trong cuộc đời. Cái gì "Tây" hay "Ăng Lê", "Hòa Lan", vân vân, là tốt, là sang, là học thức. Như cái Raffle Hotel của Singapore và sân khấu kịch nghệ tôi vẫn theo đuổi ở đây. Sao mà nó "Ăng Lê" đến như thế! Còn phụ nữ xứ nghèo Á Đông bị xã hội cho đóng phim ngang xương, nếu không vai ở đợ thì vai điếm. Hắn đi đến đâu thì bồi bếp khách sạn o bế, còn tôi đi lang thang quanh phố Singapore mấy vòng là có kẻ liệt tôi vào phường "bán phấn buôn hương" hạng sang, hạng hèn, hay con bé đi làm mướn từ Philippines hay Indonesia đến. Không ai nghĩ tôi là kẻ có bằng có cấp của Tây Mỹ ban.

Tôi chán Singapore vì mấy năm ở đây, sự nghiệp ca kịch của tôi càng ngày càng đi xuống. Tôi không còn giả giọng Ăng Lê kiểu Shakrespearean điêu luyện, cũng không còn tiềm năng cất cao giọng hát lên đến note La tít mù bên phải đàn piano. Bây giờ tôi chỉ còn ngòi bút. Nhưng ở Singapore, người tôi thường nặng nhọc, và đầu óc tôi thường trống rỗng.

Vì thế cho nên đã từ lâu tôi quyết định sẽ ra đi một lần nữa.

*

Cuộc gặp gỡ trên đường phố về đêm...

Tôi gặp hắn cũng vào mùa mưa Singapore. Khi tôi đã chán ngấy những cơn mưa nhiệt đới. Nguyên buổi chiều hôm ấy trời mưa, tôi ngồi bò lê bò càng ở một tiệm ăn Ý, nhìn Singapore đẫm mình trong nước mắt Ngưu Lang và Chức Nữ. Bản thảo truyện phim gửi đi bị trả lại. Sân khấu địa phương không có chân tôi vì các đồng nghiệp của tôi ở đây có sự huấn luyện của Ăng Lê, giỏi quá trời, như bà Nancy Qwan ngày xưa. Sự buồn chán, phẫn uất, làm tôi muốn thay đổi không khí. Tối đến, tôi bỏ tiệm ăn đi bộ về nhà, mở tủ áo lấy một bộ đồ đen, phần ngang bụng may bằng voan thấy một khoảng thân hình mờ ảo. Nỗi buồn và sự thất vọng cuộc đời làm tôi kém ăn kém ngủ, người sụt mấy kí lô, tự nhiên mặc quần áo đẹp hơn. Tôi không uống rượu, hút sách, hay cờ bạc, chỉ biết đùa giỡn thách thức cuộc đời qua cách mặc.

Và tôi đi phố, lại một căn bệnh hiểm nghèo nữa của giống cái. Tôi tiêu thêm một khoảng tiền, mua thêm mấy bộ áo nữa, rồi đi bộ về nhà. Tôi chọn toàn kiểu hở hang, diêm dúa, như để trả thù cho những ngày tháng phải ăn mặc như bà già, cặm cụi làm công việc ngân hàng để kiếm cơm, tối về mệt rã người vẫn phải cầm bút viết cho xong bản thảo, hoặc lo học bài để audition.

Con đường Orchard Road là mạch máu về đêm của Singapore. Tôi bước tung tăng bất cần thiên hạ. Trời tối mà tôi đeo kính đen kiểu Jackie O. Hai bên đường có những cậu con trai người Trung Hoa, Ấn Độ, đứng huýt sáo.

Trong lúc tôi đang hạnh phúc trong sự lập dị của mình thì có tiếng nói lơ lớ giọng Âu Châu của một gã đàn ông:

"Cô có một dáng đi rất là hấp dẫn."

Tôi nhìn lên, hắn đó, một người đàn ông Âu Châu không già, không trẻ, cao ơi là cao, hơi gầy, với nét mặt của Peter O'Toole. Tôi chột dạ vì câu nói của hắn. Cái dáng đi của tôi cũng bất hủ như cái tên Việt Nam bố tôi sáng tác trong... nhà cầu. Hồi trẻ ham nhảy múa và không luyện tập đúng cách, tôi làm "thắt" một dây thần kinh

Sau **VIẾT CHO MẸ VÀ QUỐC HỘI**
của **NGUYỄN VĂN TRẤN**

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ mời bạn đọc

TỬ TÙ TỰ XỬ LÝ

Hồi ký của TRẦN THƯ

Năm 1967, là một Thiếu Tá QĐND, TRẦN THƯ ở trong số hàng trăm người bị phe Lê Duẩn - Lê Đức Thọ bắt giam, tù đày trong vụ **Xét lại - Chống đảng** cùng với **Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang.**

Phần Phụ Lục gồm nhiều văn thư, tài liệu do chính các nhân vật liên hệ trong vụ án và gia đình họ cung cấp. Đọc **Tử Tù Tự Xử Lý** để biết rõ chính sách tàn bạo kinh khiếp của các lãnh tụ Cộng Sản đối xử với chính các đồng chí của họ.

Sách dày 340 trang.
Giá **15 MK**, ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK.

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683
Tel. (714) 527-5761

"...Nói đúng ra thì bây giờ tôi cũng chẳng chống đảng. Tôi chỉ chán đảng thôi, chán phè."
"...Con X bảo em, nó định giới thiệu em vào đảng. Em bảo nó: - Xin lỗi chị, khi vào đảng béo bở, các chị chẳng nhớ đến em. Bây giờ người ta sắp lôi đảng viên ra hỏi tội, các chị mới bảo em vào, em chả dám."

nhỏ bên hông trái, từ đó dáng đi uốn éo như chọc thiên hạ. Tôi không cố tình mà thành như cố tình hất bên này, hất bên kia. Bạn gái Việt Nam hay chửi tôi dáng đi đĩ thõa, không sang trọng chút nào. Bà con giòng họ xa gần thì bảo tôi cao số, long đong đường tình vì dáng đi trườn như rắn.

Câu nói định mệnh của người đàn ông xa lạ này về dáng đi vũ nữ của tôi là một sự bắt đầu cho một chuyến phiêu lưu tình cảm cuối cùng. Cái gì làm cho hắn chận đường tôi hỏi chuyện: dáng đi hay bộ áo đen nửa kín nửa hở? Buổi gặp gỡ đó, tôi không ghét hắn vì hai điểm: hắn giống Peter O'Toole, và theo lời hắn tự giới thiệu, thì hắn đến từ một xứ sở tuy nổi tiếng phóng đãng nhưng đã cứu vớt một nữ văn sĩ tôi yêu mến: bà Nhã Ca, tác giả Giải Khăn Sô Cho Huế. Vì không ghét hắn, cho nên khi hắn mời đi ăn, tôi không thấy khó chịu. Thế nhưng tôi vẫn từ chối:

"Cám ơn ông, nhưng tôi mắc đi... làm." Tôi nghĩ đến cái máy computer, lab top, đến bản thảo viết dở dang.

"Đi làm?" Hắn có vẻ sửng sốt. Tôi nhìn đồng hồ tay: đã gần mười giờ đêm. Hắn ngạc nhiên là phải. Đôi mắt xanh đục có vẻ tư lự. Tôi đọc thấy trong đó những câu hỏi: cô bán tiệm tạp hóa về đêm, làm nghề hầu bàn, hay là gái ăn chơi, mà giờ làm việc bắt đầu lúc 10 giờ tối?

Thế nhưng hắn không hỏi tiếp. Và từ đó sự quen biết bắt đầu. Sự quen biết hời hợt của những kẻ gặp nhau trên đường phố. Cái "bắt mắt," "hạp nhãn" giữa hai người không hiểu gì về nhau. Sự hời hợt ấy hợp với tâm trạng của tôi trong những ngày còn lại ở Singapore. Đủ lý do để tôi cho hắn số điện thoại. Để đến một lúc nào đó, tôi nhận lời đi ăn với hắn. Hắn ít ăn thịt. Hay ăn rau. Hắn không hay hỏi han lộn xộn hoặc tò mò không cần thiết. Thêm những ưu điểm nữa.

Gã đàn ông Bắc Âu mới quen, ngồi ăn tối với tôi mà không biết đánh vần họ tôi, không biết tôi bao nhiêu tuổi. Nói chi đến cái vấn đề hắn có nét của Peter O'Toole. Hắn không hiểu đối với tôi, cái nét của Peter O'Toole là định mệnh.

Còn chuyện hắn đến với tôi ư? Tôi định nghĩa đàn ông bằng sự ham muốn. Cho nên dù rằng tôi không đẹp như Sharon Stone, tôi vẫn kết luận hắn đến với mình vì dáng đi vũ nữ, cái áo đen hở làn da bụng và sau này là vì đôi núm vú màu mật ong, màu sắc của đằm thắm, trữ tình.

Cho nên tại sao tôi phải nghĩ đến hắn, cho hắn biết cuộc ra đi của những ngày sắp tới? Tôi có cái lý của tôi.

*

Từ từ tôi nhận ra cái ham muốn trong hắn không phải là cái ham muốn thông thường của những người bạn trai Bắc Mỹ đã đi qua đời tôi. Hắn không thích Cindy Crawford hay Claudia Scheifer. Trái lại, hắn thích Barbra Stressand, vì đường nét không cân đối của người phụ nữ mà dưới mắt tôi không được đẹp như giọng hát của nàng — Mỗi lần nghĩ đến giọng hát của Barbra, tôi hoảng sợ không dám hát nữa! Hắn thích Marilyn Monroe không phải vì bộ ngực, mái tóc vàng, hay đôi mắt ngái ngủ, mà là vì nàng có bàn tay đẹp, cho dù Marilyn không phải là dương cầm thủ. Hắn thích Debra Winger dù nàng không "gracieuse" như Grace Kelly.

Không giống như những người đàn ông trẻ tuổi, hắn ít độc tài sai khiến hơn. Trong giai đoạn đầu, tôi tự nguyện ngủ với hắn chứ hắn không dồn tôi vào bước đường cùng phải tự vệ vì sự ham muốn của giống đực. Cũng như đa số người Âu Châu, hắn không thích văn hóa Mỹ. Nhưng hắn để yên quê hương mới của tôi, không định nghĩa tới, cũng không tò mò hay lo sợ vì cái nghề nghiệp bạt mạng bất thường của tôi. Cái bất thường của những bản thảo dở dang làm hắn thản nhiên trước những lời tôi nói bóng nói gió trong tháng này. Tôi nhẩn nhủ cho mình, cho hắn, mà hắn không hề biết.

Có một buổi sáng, tôi nói:

"Em giống như loài quỷ nhập tràng, sống bằng ban đêm. Sáng ngủ quá trưa mới dậy. Vì là quỷ nhập tràng, nên sẽ có ngày em tan đi như sương, anh không tìm thấy em nữa."

Rồi một tối ngồi uống cà phê, tôi lại ví von:

"Nửa đêm nào đó, em sẽ biến thành trái bí, thành kiệu xe của Cô Bé Lọ Lem, chở hành trang đi đâu mất. Không để rớt lại giày, không có hoàng tử nào tìm ra em nữa."

Đang ngủ, tôi dựng hắn dậy bắt ngồi nghe:

"Vì lưu đày mà chúng ta có mặt bên nhau. Em với anh giống như những cái va li. Những cánh phi cơ. Những con tàu. Những con ngựa hoang chạy lăng quăng từ đồng cỏ này sang đồng cỏ khác. Chúng ta là linh hồn quen sống trong lưu đày. Lưu đày vì hoàn cảnh chính trị, kinh tế, phiêu lưu như em, hay vì công việc làm ăn như anh, cũng chỉ là một thứ mà thôi."

Hắn dịu dàng:

"You are a writer. Living by metaphor." (Là văn sĩ, em sống bằng sự ví von).

Ít nhất hắn nhận ra bản chất của tôi, cho nên tôi tiếp tục ví von mà không cần hắn hiểu. Cái trầm kha của đời tôi là ở chỗ tôi sống cóc cần ai hiểu. Nhưng khi lên sân khấu, vào vai, hoặc viết văn dựng kịch, tôi tha thiết muốn khán giả, độc giả hiểu nhân vật của mình, tha thiết đến nỗi đau đớn, cho nên tôi nổi khùng xé rách lề lối viết truyện của Tây phương. Protagonist - Antagonist - Event - Drama conflicts - Resulting Change. Tôi muốn độc giả, khán giả, chui vào đầu nhân vật của mình qua cuộc hành trình ý thức của tư tưởng — stream of consciousness — mà không cần đến cái ngoạn mục của tình tiết éo le, hay biến chứng của căng thẳng tâm lý. Và vì thế, tôi lận đận mãi trong vấn đề nhà xuất bản hay bán truyện phim. Khi độc giả không phản ứng, tôi đau khổ như bị phản bội.

Hắn xách va li đi luôn luôn toàn Châu Á nên không biết đến đời sống vật lộn hàng ngày của tôi, và cái bí tắc của con đường tôi đã chọn. Những cơn mưa nhiệt đới của Singapore nhẹ tênh như va li của người đến Singapore, như chặng đường quá giang của những kẻ gọi là khách trú (expatriates).

Cho nên tôi coi hắn như kẻ đứng bên lề cuộc

đời của tôi. Tôi sửa soạn cuộc hành trình sắp tới với viền môi khép kín.

*

Những cái điềm tôi muốn tránh...

Mặt trăng đã lên rồi. Tôi nói thầm vào tai hắn hai câu thơ ứng khẩu bằng tiếng Việt:

Yêu nhau khi ánh trăng chênh chếch
Là vướng câu thề cho kiếp sau

Khi một người đàn ông Âu Châu đeo bên cạnh một phụ nữ Việt Nam ương ngạnh như tôi, họ phải chịu đựng mỗi khi tôi hứng văn chương trong ngôn ngữ mẹ. Cho nên hắn phải chịu đựng để cho ngôn ngữ lách cách như tiếng chim ấy đi vào tiềm thức, vào giấc ngủ. Tôi muốn hỏi một nhà nghiên cứu văn học nào đó, tại sao văn hóa mẹ của tôi đem ánh trăng kết lại với lời thề thốt giữa hai phái nam nữ. Sao có vấn đề thề thốt làm chi để mệt nhọc kiếp người? Giữ chữ tín là cái lầm than của con người quân tử. Để làm gái chính chuyên. Lời thề của Thiên Chúa để con người ta lấy nhau và cầm tù lẫn nhau. Vì thế, tôi ít khi thề thốt.

Tôi mặc áo vào để che bầu ngực đong đưa, để khỏi lạnh khi ra lan can đứng, và để chính phủ Singapore khỏi phạt đòn tôi, tội làm lũng đoạn đạo đức con người. Ở bên trong hắn thức dậy tự bao giờ, đang châm một điếu thuốc. Nãy giờ hắn đứng sau lưng tôi, như ngày đầu gặp gỡ, hắn ngắm nhìn cái dáng đi trĩu nặng nữ tính gần như oằn oại của tôi.

Rồi bỗng dưng hắn nói lên một cái điềm quái gở:

"Nếu cần một đứa con, em nên có với anh." Tôi thấy thót tim. Thót tim tức là đưa khẩu súng giả tưởng lên bắn vào ngực. Tôi không thích cảm giác đó. Cái tự tin của hắn vừa dễ thương, vừa dễ ghét. Hắn làm như cơ thể tôi là của hắn không bằng. Hắn dập tắt điếu thuốc, đến gần, vuốt đôi chân mày của tôi (hắn không vuốt tóc bao giờ, chỉ vuốt chân mày).

"Em không lấy chồng là một chuyện không đáng bận tâm. Nhưng nếu không có con, là một thiếu sót quan trọng."

"Dễ thường như có con sẽ để cho anh nuôi?"

"Why not? I've been through it before."

Tôi nghĩ đến hai đứa con của hắn ở bên trời Âu mà tôi chưa hề biết mặt. Trong ảnh, tóc nó vàng ánh, mắt nó xanh lơ như bố nó. Tôi không ham làm mẹ kế hai đứa con mắt xanh tóc vàng của hắn, cũng không ham sản xuất ra đứa thứ ba, nhưng nếu trời cho, tôi đoán chắc con chúng tôi sẽ đẹp lắm. Giống con búp bê đem chưng tủ kính được. Việc sáng tạo ra con búp bê đẹp không làm tôi hào hứng đủ khi nghĩ đến thân thể chưa có con đã dễ bèo nhèo, nói chi sinh đẻ. Tôi muốn con tôi là cuốn sách, là truyện phim. Tôi sẽ không phải nhờ vả thượng đế trong việc sáng chế ra nó. Tôi bóp méo nắn tròn con tôi ra sao cũng được. Tự tôi làm thượng đế, muốn giết nhân vật là tôi giết ngay không thương tiếc, không ai lên án buộc tội tôi, bắt tôi vào tù ra khám. Có khi tôi nghĩ kẻ chọn cây bút là kẻ vô trách nhiệm nhất trước cuộc đời, muốn trốn tránh cuộc đời trong cái tự cao tự mãn của mình. Những kẻ muốn làm thượng đế. Khi nghĩ như vậy tôi tự thương tôi. Và tự ghét tôi.

Thường thường phụ nữ đặt chuyện có con để cho người đàn ông vào tròng giam giữ. Ở khía cạnh này, tôi là đàn ông, không xứng đáng làm loài hữu nhũ trong bản chất đàn bà. Tôi không muốn có trách nhiệm với ai, hay ai phải chịu trách nhiệm về tôi. Tôi thấy việc hắn nhắc đến chuyện có con, và việc tôi phải thót tim vì câu hắn nói là một cái điềm gở mà tôi muốn tránh.

Trong khi tôi sửa soạn cuộc hành trình sắp tới, tôi cứ phải gặp ngay, gặp mãi, những cái điềm tôi muốn tránh. Những cái điềm chồng chất lên nhau, bắt tôi phải thót tim hoài.

*

Miến Điện, hoa lan, và lại một bài thơ nữa...

Trời sáng sớm. Hắn xếp va li sửa soạn đi Myanmar. Xứ Miến Điện có ngọc xanh như rắn lục. Có kẻ cai trị bằng súng ống. Có người đàn bà chân yếu tay mềm, đẹp như liễu, sáng như ánh trăng, lãnh giải Nobel hòa bình thế giới. Nàng ngồi trong căn nhà cổ xưa kiểu villa của Tây cũ, bỏ gương lược, chồng con để tranh đấu cho cái gì đó. Nàng có quyền lựa chọn không, khi sinh ra làm con gái của người anh hùng đuổi quân xâm lược Miến Điện. Ngày đầu tiên thấy hình ảnh nàng trên truyền hình Singapore, tôi sửng sốt tưởng nàng là hostesse de l'air, là model quốc tế. Nào ngờ nàng là phụ nữ Á Đông của một huyền sử. Nàng 50 tuổi ngoài, làm mẹ của tôi còn được. Bây giờ thì nàng làm mẹ cả một dân tộc Miến Điện. Nàng là cánh lan tỏa hương thơm cho phụ nữ Châu Á.

Theo tôi thì báo chí ngoại quốc phỏng vấn lăng xăng làm giảm đi cái đẹp của nữ anh hùng xứ Miến Điện. Cho nên tôi muốn viết một vở kịch, mà màn độc thoại, cảnh nàng ngồi trong căn nhà cũ kỹ, trong ánh chiều tà, nói lên tâm tư người mẹ, người vợ, người con của cha, người dân của xứ sở, người lãnh đạo của một phong trào, người hiến dâng cho lý tưởng. Người phụ nữ xinh đẹp trong con người lãnh tụ, nghĩ thế nào khi chồng gửi cho cây môi son, thì đối thủ reo rao để bêu xấu nàng. Nàng gửi trả cây môi son cho chồng, rồi từ đó không còn son phấn. Nghĩ đến là tôi đã muốn rớt nước mắt. Tôi muốn viết cái monologue cho người nữ anh hùng Miến Điện trong vở kịch thi vị hóa nàng thành đóa hoa lan tim tím muôn thuở của Á Đông.

Nếu tôi hên, thì một ông bầu nào đó sẽ dựng kịch tôi, rồi cho tôi đóng luôn vai chánh hoa lan

* Cứ mỗi lần tôi ngâm mình trong bồn tắm thì y như rằng chuông điện thoại reo. Tôi than phiền với hãng điện thoại, họ đến và mang cái bồn tắm của tôi đi.

của Miến Điện...

Trong khi tôi đang mơ màng sáng tác monologue cho người đẹp Miến Điện của lòng tôi, thì hắn nói, cái điềm quái gở thứ hai:

"Em làm gì khi anh đi vắng?"

Lạ không, bày đặt hỏi. Hỏi không phải là một đức tính. Tôi có bao giờ hỏi hắn đâu. Tôi chỉ giao hẹn một điều độc nhất. Làm gì thì làm. Đừng bao giờ đặt tôi vào hoàn cảnh phải đứng sắp hàng trong nhà thương thử máu tìm antibody vi khuẩn AIDS. Ở địa hạt này, đành phải tin nhau. Chứ chẳng lẽ tôi trở thành nữ tu à!

Tôi trả lời câu hắn hỏi. Bâng quơ, kể lể tùm lum đủ thứ. Tôi là người đàn bà luôn luôn hụt hẫng vì nhiều việc phải làm quá. Tôi chỉ không biết cách hái ra tiền thôi. Chứ việc tôi cần làm, phải làm gì thì ngút ngàn, hằng hà sa số. Hắn ngắt lời:

"I mean, do you see another man?"

"I see many men..." Ý tôi muốn nói đến ông bầu, và đồng nghiệp và ông chủ.

"Many men?" Hắn nhíu mày. Cái nhíu mày của hắn là một cái điềm nữa. Tôi thở dài, chao ôi những cái điềm gở này, cứ lần lượt kéo nhau mà đến. Vậy mà hắn không chịu ngừng lại, còn bồi thêm, trong khi tay vẫn còn thắt caravate:

"Em có khó chịu không nếu anh yêu cầu em đừng gặp họ nữa?"

Cái điềm này nặng nề quá, làm tôi khó thở. Tôi phải thành thật với lòng tôi. Tôi không khó chịu. Tôi chỉ thót tim. Nhưng tôi không thích thót tim vì đàn ông. Nhất là đàn ông như hắn. Hắn đi vắng, tôi chỉ gặp ông bầu bụng bự đầy mỡ người Singapore, luôn luôn nhìn ngắm tôi qua con mắt của kẻ đếm tiền. Tôi chỉ gặp ông chủ tịch ngân hàng quốc tế, mặt khó đăm đăm, bắt tôi ngồi bàn giấy mới chịu trả lương cho tôi sống, cấp nhà cho tôi ở.

Nỗi đau thót tim của tôi từ một lúc nào đó tôi không ngờ trước, trong cuộc quen biết tạm bợ này, tôi chợt nhận ra rằng khi hắn đi vắng, tôi bắt đầu nhung nhớ. Tôi không đi chơi với ai khác. Tôi đủ thông minh, già dặn trong đời để biết rằng nhung nhớ có thể chỉ là một thói quen. Nhưng nhung nhớ mấy thì tôi cũng vẫn ra đi. Bởi tôi sợ lắm những sợi dây tơ quyến luyến của tình cảm. Của sự lãng mạn nửa mùa. Tôi chỉ lãng mạn khi phải vào vai trên sân khấu. Khi phải sáng tác monologue nói về cánh hoa phong lan của Miến Điện. Tôi sẽ ra đi trong âm thầm như kiểu ông Nguyên Sa ngày xưa:

Mai tôi đi chắc trời mưa
Tôi chắc trời mưa mau
Nhưng mưa thì mưa chắc tôi không bước vội
Vì chậm thế nào thì cũng vẫn xa nhau.

Tôi chợt nhớ ra, ngoài Cung Trầm Tưởng, tôi còn phải cám ơn ông Nguyên Sa của ngày xưa. Đã cám ơn thi sĩ miền Nam Việt Nam, tất nhiên tôi phải cám ơn luôn Beaudelaire. Fleurs du Mal. *"Mon Enfant, Ma Soeur... Aimer à loisir... Aimer et mourir au pays qui te ressemble..."* Đã vậy thì cám ơn luôn Graham Greene, "Her name is Phượng, meaning Phoenix, but nowadays, nothing is fabulous, and nothing rises from the ash... To lose her will be, for me, the beginning of my death" Tôi, Khả Trâm Catherine, xin cám ơn hết cả cuộc đời. Tất cả nam nhân đã đem chất liệu romance vào đời sống. Tôi chỉ không cám ơn hắn. Hưởng thụ thân thể tôi là báu vật rồi. Tối ngày hắn chỉ biết buôn bán, không hề làm thơ. Cần gì ơn với nghĩa.

*

Đôi bàn chân của tôi...

Hắn đã mặc áo chỉnh tề để ra sân bay. Tôi nằm ngủ lười biếng như một con mèo ốm. Tôi đặt lòng tay xuống dưới bờ má, mở một con mắt nhìn hắn đi qua đi lại trong phòng. Người hắn thẳng tắp, đường mông cong, hẹp, rất dễ kiếm trong giới đàn ông Tây Phương, nhưng khó kiếm trong giới đàn ông trên bốn mươi. Hắn không có một chút mỡ trên người, vì là một tay quần vợt có hạng. Tôi thích hắn ở điểm này.

ĐỖ THÌ KÊNH G

GAI Ô RÔ

Cô mọc ven cánh đồng
Tháng Mười mùa nước nổi
Mênh mông.
Đầu gối ngập phù sa
Anh ì uỗm trong nước
Ui da.
Đạp trúng cô ô rô
Gai tình đâm buốt nhức
Chân thô.
Đạp trúng cô tình cờ
Gai tình xuyên buốt nhức
Tim khờ.
Cô đã thuộc về ai
Thân cô tình xanh mướt
Đầy gai.
Gai tình gai ô rô
Đâm anh mùa nước nổi
Kìa cô.
Cô đã có chồng rồi
Anh biết ừ anh biết
Nào nguôi.
Gai tình một lần đâm
Bàn chân tình buốt nhức
Ngàn năm.
Gai tình một lần xuyên
Quả tim tình buốt nhức
Nào quên.

Tôi ao ước có thể nhờ hắn trong chuyến đi này, ghi giùm tôi từng chi tiết, từng góc cạnh của xứ Miến Điện, để tôi viết về cánh hoa lan muôn thuở của nhân loại — những phụ nữ oanh liệt của phương Đông huyền bí. Tôi muốn hắn trở thành cái gạch nối dài cho ngòi bút của tôi. Nhưng hắn chỉ là một người đàn ông ngủ với tôi, mà không hề biết tôi, huống chi đến ngòi bút phức tạp nhưng chưa ra hồn của tôi. Và tôi không biết hắn. Cho nên cái tôi mong muốn là điều không thể có. Vì thế, tôi không bao giờ đưa hắn xem bản thảo. Chỗ hắn đứng trong đời tôi lúc này ư? Khi rảnh rỗi, tôi ngủ với hắn. Không hạnh phúc, không đau khổ. Tôi ngủ với hắn để cảm thấy rằng mình có ngủ với đàn ông, vô tội vạ, vô tình cảm. Tôi lặng lờ trong cái nữ tính mơ hồ của mình. Tôi ngủ với hắn để minh chứng rằng mình là đàn bà. Có thế thôi. Tôi để cho hắn dùng thân thể tôi đôi khi như một hình thức khổ nhục tính. Cho hắn ngủ, rồi tôi ngồi dậy, thao thức mà viết, mà vật lộn với trí não. Viết văn cho ra hồn là cao điểm của khổ nhục tính.

Hắn chỉ là một sinh vật giống đực. Trí não tôi là cuộc hành trình dài hơn Vạn Lý Trường Thành. Trong khinh mạn, tôi để giống đực hưởng thụ mình. Không lý do. Không nhu cầu. Không trao đổi. Một sự bố thí nào đó. Cái trịch thượng ngu dại của phái nữ.

"It's just something that men and women do. And I do it, too!" Tôi nói với tôi.

Tôi nhắm một con mắt lại, chờ đợi tiếng cửa khép. Nhưng tôi không nghe thấy tiếng cửa khép, mà trái lại tôi cảm thấy hơi thở hắn miên man trên ngấn cổ mình. Tôi thở dài, lại sắp sửa một cuộc tấn công thân xác đầu ngày. Thói quen buổi sáng. Tôi đã quen thuộc cho nên vẫn còn để trong người cái diaphram của tối trước. Tôi xoay người lại, nằm ngửa ra cho hắn lột cái áo ngủ dễ dàng hơn. Hắn cởi cái nịt da. Kéo thốc áo chemise. Một sự vội vã gần như tàn độc. *"Oh Catherinre I need you so!"*

Tôi độc thoại một mình. Phải rồi, hắn cần tôi. Trước khi ra sân bay bắt đầu một chuyến đi dài, hắn phải ngủ với tôi thêm lần nữa. Vì giống đực cần giống cái, hay vì lòng tham không đáy hoặc bản chất kiêu ngạo của đàn ông. Hắn cần tôi chứ tôi không cần hắn. Nhưng khổ thay cho nhân loại, và cho lũ đàn bà nhạy cảm chúng tôi, giống đực của hắn không hề biết là chúng tôi không cần họ. Con vật tự ái nhúc nhích trong họ làm mờ mắt, không cho họ thấy những sự thật phũ phàng nhất. Chúng tôi, lũ đàn bà, tự yêu mình say sưa, dễ dàng, cuồng nhiệt hơn là họ yêu chúng tôi. Khỏi phải mang nặng đẻ đau. Khỏi phải nhẫn cưới gông cùm. Khỏi phải trông đợi rồi thất vọng.

Hắn cho tay vào giữa hai đùi non của tôi để sửa soạn cho cuộc tấn công. Công thức này tôi đã biết nhiều lần. Tôi như nữ thần tình yêu, óc tôi lạnh, mà người tôi vẫn nóng. Tôi nhớ đến trái mít nồng nàn của Hồ Xuân Hương. Trái mít không cần yêu, không cần hưởng thụ, vẫn ngọt ngào hương nhựa. Vì từ trong cá tính của trái mít là có nhựa. Cho nên khi tôi ướt át, mềm mại, thì giống đực ngu xuẩn cứ tưởng rằng tôi đã yêu mê, đã sẵn sàng trông đợi, đã cong người mà hứng nhận. Một sự hiểu lầm tai hại. Chỉ cần không ghét, không kinh tởm, không oán hận, chỉ cần được ve vuốt một chút, là tôi đã có thể trở thành trái mít của Xuân Hương. Điều đó không ăn nhập đến vấn đề tình yêu. Vấn đề của cảm thông, kính trọng và tri thức.

Trong khi hắn vội vã, nhấp nhô, thì tôi nghĩ đến cuốn sổ tay nhật ký để ghi chép các chi tiết, nếu tôi là nhà văn ghé thăm Miến Điện. Tôi nghĩ đến những câu văn nuột nà mà tôi sẽ viết về xứ Miến Điện. Về cánh hoa lan cao quý của tôi. Nhưng rồi hắn phải tàn phá dòng tư tưởng. Tàn phá bằng cách nâng hai bàn chân tôi lên hôn. Gã đàn ông Bắc Âu này mê đôi bàn chân tôi, mê từng ngón, nút trong miệng từng ngón, liếm từng vết chai vì tôi đi giày hay tập nhảy múa. Kéo bàn chân tôi lên miệng hôn, là dốc ngược người tôi lại. Cho hắn đi vào thật sâu, thật mạnh. Tôi thấy ruột gan và bụng dưới như thốc lên theo cái ích kỷ và ngu xuẩn bậc nhất của giống đực. Tôi rên nhỏ.

"Did I hurt you?" Tôi có tưởng tượng hay không, mà nghe thấy âm thanh thắng thốt trong giọng hắn nói. Tôi không nói gì, chỉ với tay lấy cái gối che mặt. Hắn ngưng cái động tác xâm lăng nham nhở của giống đực. Ngậm lấy ngón chân tôi. Tôn thờ bàn chân tôi tức là tôn thờ cái vùng tâm linh vô nghĩa lý nào đó của giống đực mà tôi xin nhường lại cho ngài Sigmund Freud đem phân tích.

Rồi hắn xìu đi, khoảng da thịt tiêu điều xuống. Hắn vòng tay nâng mông tôi lên, tiếp tục cái động tác mà thiên hạ gọi là khuôn mẫu tình yêu. Nhưng rồi như con ngựa đã đuối sức, da thịt hắn phản bội hắn. Hắn rớt ra khỏi tôi như một sợi bún bèo nhèo. Da thịt tôi không réo gọi, cho nên tôi không mất mát không đau buồn. Và con đàn bà độc ác trong tôi sung sướng reo cười.

"I lost it, baby!" Giọng hắn như không có âm thanh.

Tôi nghĩ thầm đây là món quà tôi tặng người sắp đi Miến Điện.

Hắn buông mình xuống nệm bên cạnh tôi. Tôi nghe thoảng tiếng hắn thở dài. Một khoảng trống trống yên lặng. Tôi quay lại nhìn hắn, nhưng mắt hắn tránh nhìn mắt tôi. Môi hắn, hình như mím lại. Mùi cologne đàn ông không còn mang nét kích thích. Tôi nhổm dậy hôn phớt lên môi hắn, nhưng hắn tránh qua một bên.

Giống đực không thích nhìn thấy cái thất bại của mình.

Tôi nói:

"Anh phải đi kẻo trễ máy bay."

Hắn cởi áo chemise:

"Không đi nữa. Ở đây nằm với em."

Hắn nhổm dậy gọi điện thoại vào sở. Hoãn chuyến đi.

Rồi hắn nằm bên tôi. Tôi thiếp ngủ quên. Khoảng da thịt phía dưới vẫn trơ trọi. Tôi gối đầu vào vai hắn, nghe cái gì đó dường như tan vỡ.

Tôi tỉnh dậy, vì hắn cọ sát vào người tôi. Con

vật của giống đực cứng ngắc bên hông tôi là một đòi hỏi. Tôi nói "Đừng," nhưng hắn giục giã. "Oh Gosh I need to do this." Hắn leo lên người tôi lần nữa. Như để chứng minh cái nam tính của mình. Tôi ngoảnh đầu qua một bên để khỏi nhìn hắn. Hắn ngồi sát vào mông tôi, kéo đôi chân lên hôn. Đôi chân tôi dựng ngược lên là con dốc đi xuống vũng lầy cho hắn.

Hắn nói bên tai tôi:

"Em biết không? Em thích màu đêm, anh sẽ là Dracula để uống máu em. Em biến thành cỗ xe của Cinderella chạy đi mất, anh sẽ là con bạch mã, dây cương vướng vào cỗ xe giữ em đứng lại."

Ai dạy cho hắn nói văn vẻ thế này. Tôi mới là văn sĩ. Hắn chỉ là một travelling businessman. Cái điểm này khó ưa quá.

Là giống đực, hắn phải gỡ gạc lại sự thất bại của mình. Để băng bó vết thương khó mà giải thích được của một gã đàn ông. Hắn làm tình với tôi như một sự cố gắng giận dữ. Tôi thấy mình làm một sự bố thí đáng thương. Hắn thúc vào người tôi, như những cái đá dữ dội, tôi không tránh được. Tôi nghiến răng lại để khỏi rên vì đau. Lần này thì thân thể tôi cũng phản bội tôi. Tôi là nữ thần của tình yêu, như trái mít thơm hương nhựa của Xuân Hương. Tại sao tôi lại đau đớn ngay trong cái sự nhầy nhụa? Tôi muốn cực hình này chấm dứt, tôi muốn hất hắn khỏi thân thể tôi.

Hắn cắn mạnh vào gót chân tôi, gập người tôi lại, tôi kêu lên vì đau.

Rồi hắn xìu đi, từ từ, từ từ, tuột khỏi người tôi một lần nữa. Súng chưa nổ hắn đã đầu hàng như một tên lính quèn run sợ.

Lại một thất bại thứ hai.

Hắn gục xuống. Chúng tôi không nhìn nhau.

Tôi bước ra khỏi giường. Hắn gọi theo, âm thanh cấp bách, lo ngại, "What's wrong, Catherine?"

Tôi biết mình phải làm gì. Tôi không muốn phải đối diện với những chiến bại như thế. Tôi muốn đi tìm những gã trai trẻ, nhỏ tuổi hơn tôi, biết nghe lời, biết phục vụ, như những cái máy không biết mệt, không đem đến cho tôi những cái điểm quái gở, không làm cho tôi phải suy nghĩ về vùng tâm linh khó hiểu của giống đực. Tôi có cái vùng tâm linh khó hiểu của riêng tôi, của giống cái, đã đủ nhức đầu lắm rồi.

Trước sau gì hắn cũng phải đi Myanmar. Tôi sẽ ngồi viết mấy chữ goodbye. Cho trọn vẹn. Vì tôi là một nghệ sĩ. Phải giữ cái đẹp và sự mặn mà. Tôi là trái mít của Xuân Hương. Nhựa dính đến tay ai là nghìn năm nhung nhớ.

Đã đến lúc từ giã.

Rồi bỗng nhiên tôi nhớ đôi mắt, khuôn mặt của Peter O'Toole. Rồi tôi rùng mình. Tôi không muốn nhớ... Tôi phải quên đi, đừng ám ảnh nữa.

*

Tôi viết cho hắn cái thư rất ngắn. Fax về khách sạn của hắn ở Rangoon. Tôi nói đại khái tôi sắp ra đi... Tôi bỏ cuộc. Tôi không thích trời mưa Singapore nên sẽ dọn về miền ôn dới. Tôi chúc hắn thành công ở Châu Á, với nghề nghiệp, với tương lai.

Tôi cho hắn biết khi hắn ở Myanmar về, thì tôi đã biến mất.

Đó là cuộc đời. C'est la vie.

Tôi tưởng mình sẽ yên thân.

Sự việc sẽ giản dị. Tôi với hắn, trước sau là hai kẻ xa lạ. Liên hệ qua cái giường.

(Còn tiếp)

Singapore JUNE 1996

VĂN NGHỆ

NXB VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

SÁCH MỚI 1996

• **Viết Cho Mẹ và Quốc Hội** (tái bản)	hồi ký chính trị *Nguyễn Văn Trấn*	**20 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta I** (tái bản)	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Lý Luận và Phê Bình, 20 Năm Văn Học Việt Ngoài Nước**	*Bùi Vĩnh Phúc*	**27 MK**
• **Cấu Trúc Thơ**	*Thụy Khuê*	**13 MK**
• **Thư Gửi Bạn Ta II**	*Bùi Bảo Trúc*	**16 MK**
• **Thơ v.v... và v.v...**	*Nguyễn Hưng Quốc*	**14 MK**
• **Tử Tù Tự Xử Lý Nội Bộ**	hồi ký *Trần Thư*	**15 MK**
• **Về Vùng Chiến Tuyến**	hồi ký *Lê Xuân Nhuận*	**15 MK**
• **Mặt Trận Ở Sài Gòn**	truyện ngắn *Ngô Thế Vinh*	**12 MK**

SÁCH PHÁT HÀNH

• **Tạng Thư Sống Chết**	*Sogyal Rinpoche*, Trí Hải dịch	**18 MK**
• **Marie Sến**	tập truyện *Phạm Thị Hoài*	**10 MK**
• **Hồi Ký Ngoài Văn Chương**	hồi ký *Thế Phong*	**13 MK**
• **Nguyễn Du: Đại Thi Hào Dân Tộc**	*Phạm Công Thiện*	**18 MK**
• **Em Ơi Biết Đâu Tìm**	truyện *Kiệt Tấn*	**12 MK**
• **Một Bông Hồng Cho Cha**	truyện *Võ Hồng*	**7 MK**
• **Hoa Trôi Trên Sóng Nước**	*Nguyên Phong*	**13 MK**

* Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá dưới 18 MK, thêm 3 MK cho sách trên 20 MK.
* Xin liên lạc Văn Nghệ để nhận Thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

NGƯỜI ĐƯỢC BẠC

PHẠM NGUYÊN LƯƠNG

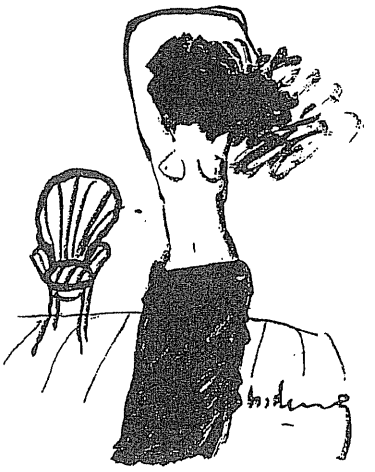

(tiếp theo)

"Thế bạn gái của ông đâu? Sao không đem cô ta theo để ông luôn được bạc hoài hoài?"

"Bạn gái? Tôi chẳng có cô bạn gái nào cả! Có lẽ vì tôi mê đánh bạc quá, nên chẳng thấy cô nào ưng tôi cả."

"Tại anh chưa tìm được người cùng sở thích đánh bạc như anh đó!"

"Có lẽ vậy. Mà này, cô có thể cho phép tôi được mời cô đi đánh bạc ở sòng bài bên kia đường, tối nay không? Tôi biết cô hết làm ở đây lúc bảy giờ phải không?"

"Sao anh biết rõ giờ làm việc của tôi vậy? À, mà tôi biết rồi. Ngày nào tôi cũng thấy anh chơi bài từ sáng đến tối mịt. Tối nay hả. Xem nào. Anh bồ của tôi hôm nay phải làm thêm giờ. O.K, tôi có thể đi với anh đến 11 giờ đêm thôi. Anh nhớ chỉ cho tôi cách đánh bài, để luôn được bạc như anh đó. O.K?"

"Dĩ nhiên rồi cô bé! Nhớ nhé, bảy giờ tối tôi sẽ trở lại đây đó. Bây giờ tôi phải sang bên đó đây."

Hôm đó Nicolle đã rất vui. Trước khi trở lại bàn đánh bài với khách hàng, cô ta đã mau mắn ghé qua căn phòng thay áo của nhân viên. Nicolle muốn ngắm lại cô ta trong gương. Cô ta không biết, có phải chàng Leon đó đã thích cô ta ở mái tóc dài mầu bạch kim, hoặc vì cặp mắt xanh lơ như mắt mèo của cô. Cũng có thể vì bộ đồng phục màu xanh của sòng bài đã làm Nicolle đẹp, khác biệt với những cô gái khác? Gì chăng nữa, hiển nhiên là anh chàng Leon đã thích thú Nicolle. Tự ái của cô gái đẹp được vuốt ve. Nicolle thấy dấy lên trong lòng một nỗi vui khó tả. Cô ta hăng hái trở về bàn xì-dách để làm trọn vẹn công việc của cô ta.

Đúng như Nicolle đã nói với chàng trai lạ Leon, anh bồ Terry của cô nàng dạo này lại làm thêm một công việc bán thời gian mới. Ngoài công việc bán xe hơi lúc ban ngày. Từ tám giờ tối đến bốn giờ sáng anh làm thêm việc giữ gìn an ninh sòng bài cho sòng bạc M.G.M. Thành thử có bữa anh ta về nhà lúc hai giờ sáng, bữa khác lại về lúc bốn giờ sáng. Anh ta đã vì tình yêu, vì muốn cho Nicolle có thêm tiền đánh bạc, nên đã hy sinh làm việc lâu lắc như vậy. Tối đó, anh sẽ về nhà lúc hai giờ sáng, Nicolle biết như vậy, nên đã nhận lời đi với Leon.

Leon hơn Nicolle bảy tuổi. Hắn trông đẹp trai, ăn nói rất có duyên. Không ai biết Leon đã từ đâu đến Las Vegas. Nhưng mấy tháng sau này hắn đã có mặt ở các sòng bài ở đó. Lúc nào hắn cũng chải chuốt, lịch thiệp từ cách đi đứng cho đến cách rút bài, chơi bài. Hắn lại luôn luôn được bạc. Cách ăn nói, cư xử của anh ta khôn ngoan không kém gì Terry. Hơn nữa hắn trông trẻ trung, nhanh nhẹn. Điểm Nicolle thích hắn nhất vẫn là tài đánh bạc. Cô nàng vẫn muốn học môn chơi xì-phé luôn luôn thắng của hắn.

Buổi hẹn đầu tiên đó, Leon đã đến đón Nicolle rất đúng giờ. Thực ra hắn ở bên kia, sòng bài Caesar gần đó, lái xe qua. Leon đề nghị cô ta cứ để xe ở chỗ cũ. Cùng hắn đi bộ đến sòng

bài Treasure Island để đánh bạc. Những sòng bài đó ở rất gần nhau. Không biết có phải nhờ hơi hướng của Nicolle, mà chàng Leon đã dễ được bạc, hoặc là hắn đang khéo léo tán tỉnh cô nàng. Tối đó, Leon đã chiêu đãi cô gái rất mực. Hai người ăn tối xong, liền đi bộ đến coi màn trình diễn độc đáo của sòng bài Treasure Island: màn "Hải tặc tấn công tầu của chính phủ Anh." Màn độc đáo này được thực hiện ở ngay trước cửa sòng bài, xe cộ đi trên đường, đều có thể thấy được rõ ràng. Khách đến coi cũng nhân thể vào thử đen đỏ ở sòng bài đó. Nicolle và Terry đã qua lại nơi đó nhiều lần, nhưng chưa lần nào đến đúng giờ trình diễn của màn kịch sống ngoài trời đó. Lúc đi với Leon, Nicolle đã cùng hàng trăm du khách, được chứng kiến màn trình diễn ngay từ đầu. Màn diễn xuất quả là độc đáo: những tay đóng vai hải tặc, đã bắn súng thần công, đánh chìm tàu của quân đội Anh, nhưng rồi tàu của hải tặc cũng bị bốc cháy. Diễn xuất sống động. Tiếng súng đại bác của hai tầu bắn nhau ầm vang, như thật. Làm các khán giả đã chen chúc, đứng coi một cách thích thú.

Sòng bài Treasure Island, cũng như những sòng bài khác ở Las Vegas, mỗi nơi đều có những cách riêng để hấp dẫn du khách đến đó đánh bạc. Sòng bài M.G.M. có những tòa nhà cao, kiểu như tòa nhà trọc trời ở Nữu Ước. Sòng bài Excalibur có những nóc nhà giống như những nóc lâu đài trong các truyện thần thoại cổ xưa. Sòng bài Luxur với những cảnh về Ai cập. Có Kim Tự Tháp. Có những trò chơi kỳ thú, phiêu lưu làm hồi hộp cả người lớn lẫn trẻ con. Có tiền, có thì giờ, thích trò chơi lạ, thích giải trí vui, muốn ngắm những vũ nữ tuyệt sắc, nhất là lại thích đánh bạc... thì Las Vegas là nơi có thể đáp ứng những nhu cầu hưởng thụ đó một cách dễ dàng.

Mấy tháng ở Las Vegas, Nicolle đã coi hầu hết những màn trình diễn với Terry. Hiện tại cô ta chỉ thích cờ bạc. Vì thế, liên tiếp mấy tối Terry phải đi làm đêm, cô ta đều theo Leon đi đánh bạc. Thoạt đầu, Nicolle nghĩ rằng Leon si mê cô ta, rủ rê cô ta đi chỗ này chỗ kia để lấy lòng cô. Càng theo Leon đi đánh bài, Nicolle mới rõ hắn chỉ mê đánh bạc. Hắn lại hay dị đoan. Hắn tin rằng hôm nào hắn tránh được những điều mà hắn cho là xui xẻo, thì hôm đó hắn sẽ được bạc rất lớn.

Đi với Leon nhiều lần, Nicolle công nhận rằng Leon đã nói thật. Sự hiện diện của Nicolle quả đã làm cho hắn được bạc. Ngay hôm đầu tiên khi bước chân vào sòng bạc, Leon đã giao hẹn ngay rằng: quân bài nào hắn đã rút, Nicolle không được đụng tới, dù chỉ để xem. Hắn sợ bị xui. Hắn công khai nói rằng hắn rất dị đoan. Thấy Nicolle ngồi coi lâu đã chán. Hắn liền cho cô ta một ít bạc "chip" mà hắn đã được để Nicolle đánh riêng. Nhưng lại giao hẹn rằng hắn chỉ cho cô ta vậy thôi. Bao giờ được bạc thêm, hắn mới cho nữa! Rõ ràng Leon chỉ coi Nicolle như người đem lại sự hên. Nếu hắn không được bạc, sẽ không thưởng tiền thêm.

Máu ham mê cờ bạc của Nicolle mỗi ngày mỗi tăng. Tuy không được đụng vào quân bài. Nhưng lại được Leon cho coi sau khi hắn đã nặn quân bài rút được để coi trước, Nicolle nhờ vậy đã học được cách rút thêm quân bài thế nào để cho bài thắng được nhà cái. Lý thuyết khó đi đôi với thực hành. Mỗi khi Leon cho tiền để đánh riêng, Nicolle không thể nào giữ lại số bạc đã có. Cô ta không những thua sạch tiền của cô ta đem theo, cộng với tiền Leon cho. Leon luôn thắng lớn, trong khi cô gái lại thua sạch. Nhiều lần như vậy đã làm Leon bực mình. Hắn liền đến ngồi cạnh để giúp Nicolle đánh bài.

Leon luôn phê bình tính ham hố của Nicolle: Khi đánh xì, cô ta được đôi già hoặc đôi xì, đã cho là hên, cố gắng theo bài, để rồi thua nhà cái chỉ vì họ có ba cây sất, ba phé đầm. Nicolle đã không có can đảm bỏ bài. Được hai đôi xì hoặc hai đôi bạt đã cho là to. Bài đã tưởng là quá "sáng," tố láng không đúng lúc, không đúng chỗ, bị thua "Mùn-sẩu" hoặc "toàn hàng" (Straight Flush) của nhà cái. Liên tiếp tính sai đoán sai, làm cô gái bị thua liên tiếp.

Nhờ được chỉ dẫn tận tay như vậy Nicolle đã khôn ngoan hơn. Cô ta bắt đầu gỡ lại dần dần. Càng được bạc, cô ta càng hăng, đêm khuya, đến giờ về, cũng còn muốn ngồi đánh thêm. Leon tỏ ra là tay bạc chuyên nghiệp. Hắn đánh bài rất chừng mực. Làm việc gì hắn cũng cẩn thận. Anh ta định một ngày sẽ đánh bài bao nhiêu giờ. Hết giờ đã định, dù được hay thua, anh ta vẫn ngừng chơi, về nghỉ, đợi ngày hôm sau mới đánh tiếp. Anh ta muốn lúc nào anh ta cũng phải sáng suốt khi đánh bài. Thêm được hên nữa, thì sẽ luôn thắng bạc. Leon muốn rằng Nicolle đi với anh ta, cũng phải theo chương trình như vậy. Anh ta muốn Nicolle phải về lại phòng trọ vào 11 giờ đêm, như cô ta đã yêu cầu ngay từ ngày đầu.

Mỗi ngày, Nicolle càng bị thu hút bởi ông Thầy dạy đánh bài Leon. Anh chàng này chỉ thấy say mê bài bạc, hơn là chú ý đến con người đẹp đẽ của Nicolle. Từ lúc đến đón cô ta đi đánh bạc, cho đến khi đưa cô ta về lại khách sạn, Leon chỉ hôn nhẹ lên má Nicolle khi từ biệt. Nhiều lúc Nicolle tự hỏi, không hiểu Leon có vì quá ham mê cờ bạc, hoặc bị bệnh gì đó, bị liệt dương, vì Leon không hề có ý định hôn cô ta thực sự, cũng như không hề có ý gì để tiến tới thêm với một người con gái đẹp. Ngoài miệng Leon vẫn khen Nicolle đẹp, nhưng dù nàng tỏ ra dễ dãi, hắn cũng chẳng tiến tới gì cả. Nicolle bắt đầu có mặc cảm là Leon chê cô ta. Cô đoán chừng là anh ta hoặc bị bệnh hoặc vì sợ anh bồ Terry về bất tử.

Tối đó, nhờ Leon giúp sức, Nicolle lại thắng lớn. Mỗi lần được bạc, cô ta hể hả ra mặt. Nicolle kéo Leon lại để hôn anh ta như một cách đền ơn. Thấy Leon cứ để mặc cho cô ta hôn, Nicolle nghĩ rằng anh chàng đã "chịu đèn," đã thấy thích cô ta!! Lúc Leon đưa Nicolle trở về khách sạn, cô ta đã táo bạo đề nghị Leon cùng lên phòng cô ta, để ăn Sandwich và ăn kem hộp với Nicolle trước khi về ngủ. Thấy Leon chần chừ, Nicolle tiếp theo:

"Cưng à! Nhờ anh mà tôi mới được bạc nhiều tối nay. Anh phải để tôi tự tay làm món gì đãi anh trước khi đi về đi ngủ chứ?"

"Tôi chỉ sợ anh bồ Terry của cô về bất tử, nổi cơn ghen thì phiền cho cả hai tụi mình đó. Chúng mình đi đánh bài với nhau là đủ vui rồi."

Nicolle vật nài:

"Bồ của tôi, hôm nay bốn giờ sáng mới về. Hắn viết giấy để trên bàn cho tôi biết như vậy. Giấy còn trên phòng tôi đó. Anh không tin, cứ lên phòng tôi sẽ thấy."

Leon nhìn đồng hồ tay, hắn chép miệng:

"Thôi được, bây giờ mới 12 giờ đêm. O.K, tôi sẽ lên chơi với Nicolle nửa giờ rồi về. Ngủ sớm mới tỉnh táo, để mai còn chơi bài nữa chứ?"

"Hừ!! Anh ham bài bạc như vậy, hèn gì không có bồ, cũng phải. Người gì mà chỉ biết có tiền và đánh bài?"

"Này, này... Đừng tưởng tôi không biết yêu đàn bà đâu nhé. Lại đây, cho hôn một phát đi nào."

Leon vừa nói, vừa kéo nhanh Nicolle về phía hắn. Nụ hôn nóng bỏng của hắn làm Nicolle muốn nghẹt thở. Cô nàng chưa chuẩn bị để đón nụ hôn đó. Tuy nhiên Nicolle thấy khoái trá. Nàng cảm thấy con mồi đang sa vào bẫy. Con người chỉ biết có bài bạc, đang say đắm vì nàng. Nicolle thì thào bên tai hắn:

"Đậu xe vào đằng kia đã cưng ơi!! Lên phòng em rồi muốn làm gì thì làm!!"

Hai con người vừa được bạc, vừa sung sức đó, còn cần gì ăn uống nữa. Họ vồ lấy nhau trong phòng khách sạn mà Terry đã bầy biện đẹp đẽ để làm tổ ấm cho hai người. Họ vất quần áo đầy xuống sàn. Họ ngụp lặn, lăn lộn trên nhau.

Từ một câu nói khích mời mọc, Nicolle đã bị tay Leon biến cô ta thành kẻ bạc tình với Terry. Cô ta đã quên mất người đã mang cô ta đến Las Vegas và đang chịu khó đi làm để có thêm tiền, làm vui lòng cô. Nicolle đã quên hết. Nàng chỉ biết tận hưởng khoái lạc. Cô nàng một lần nữa lại biết thêm sức mạnh và kỹ thuật làm tình của ông Thầy dạy đánh bạc đó. Lần đầu tiên Nicolle thấy Leon đã sai giờ hắn đã định. Gần ba giờ sáng hôm đó Leon mới bịn rịn ra khỏi phòng của cô gái.

Trong khi đó, chàng Terry vẫn chỉ làm việc. Nhờ căn bản đã học Taekwondo từ hồi trẻ anh ta xin được một chân giữ an ninh cho sòng bạc. Anh ta muốn kiếm thêm tiền để làm hài lòng cô bồ nhỏ cũng là hôn thê của anh. Anh ta đã quyết định là sẽ nói với Nicolle để hai đứa sớm thành hôn ở ngay Las Vegas. Terry không thấy khó chịu vì phải làm thêm giờ. Việc làm của anh ta ở sòng bài M.G.M. đó tương đối giản dị. Anh chỉ cần mặc quần áo bình thường như những tay đánh bạc khác và đi rảo bước khắp nơi trong sòng bài. Việc của anh ta là theo dõi và loại trừ những kẻ cố tình đánh bạc lận, hoặc phá hoại những máy đánh bạc. Anh cần loại trừ những tên du đãng, những tên thất nghiệp, không có tiền đánh bạc, nhưng lại hay đến sòng bài để phá hoại những máy điện tử, làm khó chịu hoặc gây gổ với những khách hàng khác.

Giữ an ninh trong sòng bạc, nhưng anh Terry lại không được quyền có súng hay dao gì cả. Anh chỉ được quyền đem theo một cây gậy cao su nhỏ, lận ở sau lưng, với một bình xịt thuốc cay mắt, để đối phó với đám đông hỗn loạn, hoặc đàn áp những phần tử bất hảo, to con. Đi đi, lại lại trong sòng bài, Terry đã luôn nhớ đến bộ mặt nhí nhảnh, mỹ miều của Nicolle. Mệt mỏi đấy, nhớ đến khuôn mặt thiên thần của cô bồ khi đang ngủ bên anh khiến anh ta lại hăng hái làm việc. Anh luôn nhớ đến khuôn mặt rạng rỡ của Nicolle những lần anh đưa thêm tiền cho cô ta đi đánh bạc. Terry không ngờ rằng, người yêu bé nhỏ, hôn thê anh tưởng là đang trung thành với anh ta đó, đã lâu lâu lại rủ rê Thầy dạy đánh bài Leon lên phòng để trả ơn anh ta bằng những ân ái tuyệt vời.

"Đi đêm lắm sẽ có ngày gặp ma": Đông và Tây đã gặp gỡ nhau qua câu tục ngữ này. Tối đó, cặp tình nhân Leon và Nicolle, sau những màn cụp lạc, đã lăn ra ngủ. Họ ngủ quên cả giờ Leon bắt buộc phải về. Gần sáng, theo thường lệ, Terry, mắt nhíp lại vì buồn ngủ, chậm rãi mở được cửa phòng ngủ anh ta. Anh ta dự định sẽ vào tắm táp thật mau, rồi leo lên giường ngủ với vợ. Khi qua phòng ngủ, nhìn vào trong, dưới ánh đèn ngủ xanh mát ở góc phòng, anh Terry giật mình thấy vợ sắp cưới của anh đang lõa lồ, nằm ôm một tên trai trẻ. Cả hai như ngủ mê mệt. Terry thêm đờ người khi thấy cả hai như giật mình vì tiếng mở cửa và tiếng chân của anh. Tên tình địch thấy anh, hắn đang trần trục, hắn vội kéo chiếc chăn chùm lên vai, rồi nhảy xuống giường, đứng khom khom ở chân giường nhìn anh, thủ thế.

So với Terry, hắn trông nhỏ bé, mặt lại non choẹt. Terry thấy hắn trông quen quen. Anh chợt nhớ ra, đã thấy tên này nhiều lần ở chỗ đánh bạc của Nicolle. Terry chợt lấy lại bình tĩnh. Cơn ghen đã không làm anh mờ lý trí. Anh ta biết rằng cô bé Nicolle làm ở chỗ đó đã dễ bị sa ngã, nếu không có anh ở cạnh. Đây có lẽ là tình địch đầu tiên của anh ở Las Vegas. Terry chỉ tay vào Leon hất hàm bảo hắn:

"Tao cho mày ba phút, mặc lẹ quần áo, và cút ngay ra khỏi phòng của tao. Nếu không, tao sẽ bẻ gãy cổ mày."

Mặt Terry hầm hầm. Anh ta run rẩy vì giận. Nhưng anh vẫn đứng đó nhìn tình địch đang cố gắng xỏ áo, mặc quần vội vã. Hắn vừa cầm đôi giày ống, tay kia với vội áo Jacket và cà-vạt. Hắn lấm lét nhìn Terry, vừa đi ra phía cửa. Thấy Nicolle kéo chiếc chăn giường màu vàng choàng lên người, đang ngồi dậy ở trên giường, Leon vội quay lại nhìn cô ta, như có ý từ biệt. Điên tiết, Terry bước nhanh đến một bước. Thẳng tay đấm mạnh vào mặt tình địch. Leon kêu "Oái" lên một tiếng, và bị lộn nhào vào vách phòng. Hắn ngã ngồi trên sàn nhà, lưng tựa vào vách tường.

Terry đứng thủ thế, đợi Leon đứng lên thì sẽ đấm nữa. Anh ta gầm lên:

"Cho mày nếm trái đấm của tao... để đừng theo đuổi và lộn xộn với con bồ của tao nữa."

Leon nhịn đau, nó không trả lời Terry. Hắn

mở nhanh khuy cài ở một chiếc giày ống mà anh ta vẫn cầm ở tay. Hắn lôi từ trong giày ống có hai ngăn đó ra một khẩu súng lục nhỏ, loại rouleau có thể bắn được sáu viên đạn nhỏ. Hắn lên đạn đánh "tách" một tiếng. Súng này hắn vẫn mang theo giầy ống để tự vệ. Hắn từ từ đứng dậy, chĩa súng thẳng vào mặt Terry đang hoảng hồn lùi dần về phía giường của Nicolle. Leon cao giọng:

"Mày phải xin lỗi tao, thằng khốn!! Mày phải xin tao tha mạng cho mày. Nếu không tao sẽ bắn."

Terry lắp bắp:

"Mày, mày... Mày đã tán tỉnh và ngủ với hôn thê của tao. Bây giờ mày lại bắt tao xin lỗi hay sao?"

Leon, giọng mỉa mai:

"Tại sao hả? Mày thử hỏi con bồ của mày đó. Xem thử là ai đã rủ rê tao lên phòng này ngủ với nó?"

Terry nhìn về phía Nicolle. Cô nàng mặt đầy kinh hoàng, xen lẫn mắc cỡ. Đột nhiên cô ta kéo lại chiếc khăn lông vàng lên vai, rồi ù té chạy vào phòng tắm. Leon vội đưa tay ra như có ý định nói gì đó với Nicolle. Hắn thấy cô bé choàng chiếc khăn vàng lớn mà hắn đã mua tặng cô ta từ trước. Nhân cơ hội đó, Terry nhanh như chớp, tiến tới một bước, rồi dùng chân sau, đá như điên vào tay cầm súng của Leon. Khẩu súng của Leon bay vèo về phía bên kia giường. Mất súng, Leon vội nhào đến chiếc giá vẫn đựng thanh gươm Nhật Bản mà Terry đã mua trưng bày trong phòng ngủ.

Leon tuốt gươm ra khỏi vỏ. Lưỡi gươm nhấp nháy trong ánh sáng dịu của phòng ngủ. Hắn cầm thanh gươm lăm lăm trong tay. Hoảng hồn, Terry vội nhặt mau chiếc gối rơi trên sàn. Anh ta cầm chiếc gối bằng cả hai tay để chuẩn bị đối phó với thanh gươm Nhật của Leon. Leon cẩn thận tiến đến. Hắn nhanh nhẹn đâm Terry hai nhát. Terry nhảy tránh được. Leon lại chém thêm ba nhát nữa, Terry sợ hãi, phải nhảy qua phía giường bên kia tránh. Leon không tha, hắn nhảy lên giường ngủ để đâm. Lúc đó, Terry thập phần nguy hiểm. Hắn đã bị đâm trúng vai, máu đỏ đã thấy loang trên áo của hắn. Hăng máu, Terry dùng chiếc gối ghì chặt lưỡi gươm trong thế cận chiến, làm Leon ngã lăn từ trên giường xuống sàn nhà. Hắn bị Terry bẻ gập tay ra phía sau, cố ý để Leon phải bỏ rơi thanh kiếm. Hai người cố ghì lẫn nhau. Người cố bẻ tay, người cố giữ lại thanh gươm. Máu trên vai của Terry đã thấm ướt cả vạt áo.

Cuối cùng Leon bị đau quá, đã để rơi thanh kiếm xuống sàn. Nhưng hắn lại nhanh nhẹn khoèo chân Terry, cả hai cùng ngã chồng lên nhau. Bây giờ là cuộc vật lộn tay không. Họ lăn lộn trên sàn. Leon rất lẹ làng, nhưng Terry to con hơn. Cuối cùng Terry ngồi lên trên mình Leon. Hắn muốn bắt Leon phải xin hàng. Leon dẫy dụa, tay nó cố gỡ tay của Terry. Chân trái của hắn cong lên để đạp vào đầu Terry. Terry tiếp tục xiết cổ, xiết nữa. Leon bị ngạt trông thấy. Hắn đập tay, đập chân dữ dội mà không sao thoát được thân thể nặng nề của Terry đang ngồi trên mình hắn.

Nhưng cũng chính lúc tuyệt vọng đó, tay của Leon lại đập phải khẩu súng của hắn đang bị đám quần áo phủ lên ở trên sàn. Cầm được khẩu súng, Leon như hồi sinh. Nicolle từ trong phòng tắm bước ra, chợt rú lên khi thấy hai người vật lộn và Leon đang bị bóp cổ gần chết ngạt. Cô ta thấy rõ ràng Leon cầm được khẩu súng và bắn liên tiếp hai phát vào đầu và ngực của Terry. Người bị bắn, giật người ra phía sau. Tay đang xiết cổ lỏng dần rời khỏi cổ của Leon. Hắn giựt thêm một cái, rồi gục sang một bên, chết không

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Đêm Văn Nghệ
DÂN CA - DÂN NHẠC

với

ĐÀO DUY ANH *

cùng nhóm BÁCH VIỆT và đoàn LẠC HỒNG
THI — CA — VŨ — NHẠC — HOẠT CẢNH

Vào hồi **8:00 giờ tối**
Thứ **Bẩy** mùng **2** tháng **Mười Một** 1996
tại Thính đường **Phillips Hall Auditorium**
thuộc trường đại học Rancho Santiago
(góc đường BRISTOL & 17TH ST., SANTA ANA)

Liên lạc: Nghiêm Phú Phát (714) **537-0763; 537-8352**

* Nhân dịp này giới thiệu CD "Về Nguồn" của Đào Duy Anh. Tiền bán vé sẽ dùng cho quỹ điều hành của Hội VAALA — được miễn thuế.

kịp trối.

Leon hất cẳng người chết sang một bên. Hắn lồm cồm ngồi dậy. Tay vẫn xoa cổ vì còn đau. Hắn biết, hắn vừa thoát chết ngạt. Thấy Nicolle khoác chiếc khăn lông vàng, đang sợ hãi đứng nhìn, hắn dắt khẩu súng vào cạp quần, nói:

"Xém chút nữa là chết với hắn rồi?! Cả em và tôi phải đi mau khỏi nơi này, nếu không muốn bị cảnh sát bắt. Hàng xóm đã nghe tiếng súng nổ, họ sẽ kêu cảnh sát. Họ sắp đến bây giờ. Hắn muốn giết tôi, tôi đã tự vệ. Nhưng tôi không muốn bị phiền phức, mất thì giờ vì vụ này. Tôi phải đi đây. Tùy em, muốn ở lại làm chứng, tùy ý."

Nicolle run rẩy:

"Anh đi đâu? Tôi cũng muốn đi với anh. Ở tỉnh này, tôi không quen ai ngoài hắn cả. Tôi muốn đi với anh."

"Vậy thì mau lên. Mặc lại quần áo đi. Tôi không chờ được đâu..."

Leon ngồi thụp xuống sàn để đi đôi ủng vào chân. Hắn mặc lại áo, đeo cà-vạt, áo choàng. Hắn muốn lúc nào cũng chững chạc, đàng hoàng, dù rằng hắn mới giết người. Hắn nhìn lại Terry đang nằm chết trên sàn, máu ra lênh láng. Hắn cười gằn. Nicolle đã mặc lại quần áo. Dù vội vã, trông cô ta vẫn hấp dẫn. Hai người mở hé cửa, nhìn ra ngoài hành lang. Không có ai cả. Giờ đó đã bốn giờ sáng, mọi người chắc chắn đang còn ngủ mê mệt. Leon nắm tay Nicolle để cùng đi. Cô gái cố ngoái nhìn Terry lần chót. Đôi mắt của Terry trong ánh đèn ngủ vẫn mở thao láo như nhìn theo.

Cả hai mở cửa mau đi xuống hành lang. Tay xách va li của Nicolle bị chạm mạnh vào thành cầu thang, làm cô ta xém ngã. Leon thấy vậy, vội giằng lấy va li để xách giùm. Anh ta để tay lên môi, ra hiệu cho Nicolle đừng có nói gì. Họ vội vã đi xuống chỗ đậu xe. Đột nhiên Leon kéo Nicolle nép sát vào vách tường: Từ trong garage công cộng hai chiếc xe đang nối đuôi đi ra. Trong ánh đèn lờ mờ của chỗ đậu xe, Leon biết rằng hai xe đó không thể nhìn thấy hai người. Một lão Mỹ trắng và một gã Mỹ đen lái xe đi qua họ. Hai người này có vẻ đi làm sớm. Chắc là họ làm ca sớm nhất.

Xe của Terry để chịt ngay sau đuôi xe của Leon. Hắn thêm bực mình, nhưng vẫn yên lặng ra hiệu cho Nicolle lái chiếc xe đó ra đậu ở chỗ gã Mỹ trắng mới de xe ra. Cả hai mau lẹ trèo lên xe Lincoln đen của Leon. Gã rồ máy, hấp tấp lui xe. Hắn vội quá, khiến đuôi xe đụng vào đầu xe đậu phía bên kia. Hắn thấy đèn xe đó bị vỡ toang trong kính chiếu hậu. Nhưng hắn bất cần. Hắn tiếp tục lái xe ra khỏi garage.

Leon quẹo tay mặt để đi vào thành phố chính. Hắn thở một hơi dài nhẹ nhõm. Trong kính chiếu hậu Leon đã thấy bóng chiếc xe cảnh sát đang chớp đèn, hú còi chạy đến chỗ khách sạn hắn vừa ra. Xe cứu thương, chắc chắn cũng sẽ tới ngay. Leon tiếp tục lái xe, chạy lẫn vào những xe đang chạy trên đường phố ở Las Vegas. Chắc chắn cảnh sát không thể thấy kẻ giết người là hắn, dù hắn đang đi trước mặt họ. Hắn mỉm cười khoái trá, hắn vẫn lái xe cẩn thận. Liếc nhìn Nicolle mặt tái xanh, ngồi đờ người ở bên cạnh, hắn thở ra:

"Mình thoát thật đúng lúc. Cảnh sát còn lâu mới tìm được anh... nhưng họ sẽ truy nã em đó. Tên Terry chắc chắn đã ghi tên em cùng hắn khi xin mướn phòng ở đó. Mấy tên làm việc ở khách sạn đó nhiều tên cũng nhìn thấy em ra vào phải không? Nhưng chẳng có gì phải sợ cả. Em hoàn toàn vô can, anh chỉ là tự vệ hoàn toàn chính đáng. Sở dĩ chúng mình phải đi như thế này, chỉ vì không muốn mất thì giờ."

Leon vừa phân trần, vừa lái xe đi vào xa lộ. Trời vẫn còn tối. Những sòng bài vẫn đầy đèn sáng trưng. Xe cộ vẫn thấy đi lại vào giờ đó. Thiên hạ đến Las Vegas chơi cả ngày lẫn đêm. Leon lái xe theo xa lộ 15, rồi bắt vào xa lộ số 5, đi về hướng bắc. Hắn lầm lì lái xe. Được một chặng dài, ra khỏi Las Vegas, Leon tìm exit để vào đổ xăng. Hắn hỏi Nicolle muốn ăn sáng loại gì. Hắn mua hai ổ sandwich đem ra để cùng ăn trên xe.

Nicolle vừa ăn, vừa liếc nhìn Leon lái xe. Trời đã gần sáng. Trong ánh bình minh, mặt Leon bạnh ra như đang suy nghĩ điều gì khó giải quyết. Bộ mặt vẫn đăm chiêu tính bài khi chơi bạc, giờ lại càng đăm chiêu hơn!! Trông hắn giờ này có vẻ dữ dằn. Nicolle rùng mình nhớ lại cảnh nhìn Terry lần chót ở trong khách sạn. Dưới ánh đèn lờ mờ, đầu Terry nằm ngửa. Mắt hướng ra cửa phòng. Nicolle thấy mắt anh ta dường như vẫn mở lớn. Áo và người Terry đẫm những máu. Xác chết trông ghê sợ quá.

Nicolle lại liếc nhìn Leon. Hắn vẫn đăm chiêu lái xe. Lâu lâu hắn lại cười gằn, như đang có tính toán ghê gớm gì nữa. Nicolle nhớ lại ngày mới đến Las Vegas với Terry. Nhớ lại những buổi vui thú hạnh phúc, với Terry. Cảnh hai người đi tay trong tay đi trong các sòng bài. Cảnh Terry đưa cho nàng một nắm tiền, vừa nhìn nàng chòng chọc mà cười. Nicolle nhớ lại cảnh đam mê, nhớ đôi mắt đầy khoái cảm của Terry khi ân ái với nàng. Đôi mắt đó như dí dỏm, như cười thầm khi nằm trên người nàng. Cuối cùng đôi mắt đó đã chừng chừng nhìn Nicolle, đã theo dõi cô ta, khi Nicolle hấp tấp bước ra khỏi phòng, để chạy trốn với Leon.

Đột nhiên Nicolle đâm ra sợ gã Leon. Nàng đã thấy rõ ràng hắn bắn vào ngực của Terry. Nàng thấy máu tràn ra mau lẹ, ghê gớm. Leon đang lái xe, không biết đi đâu, về đâu? Nàng không dám hỏi vì nàng đang thấy sợ hãi hắn ta. Nicolle nhớ bố và mẹ, cô ta thấy rằng mình đã quá dại dột. Cô ta đang đi xe với một kẻ mà cô ta chưa biết rõ. Leon này không biết từ đâu đến, xuất xứ, tư cách chưa rõ ra sao. Nàng chỉ biết hắn trong những giờ phút đam mê vì đen đỏ. Có thể hắn là kẻ sát nhân từ nơi khác đến. Nay hắn lại giết Terry. Hắn mê cờ bạc hơn mê cô ta. Nicolle nhớ lại cảnh cô ta đã phải năn nỉ gã để lên ngủ với nàng, để như một cách trả ơn hắn đã giúp nàng được bạc!!!

(còn tiếp)

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

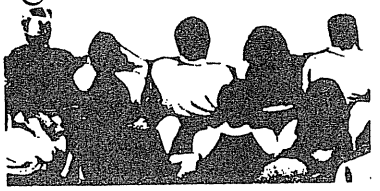

LÊ TAM CA

SEATTLE, WASHINGTON STATE

Trần Mộng Tú ra mắt "Để Em Làm Gió"

Chiều thứ Bảy mùng 7 tháng Chín 1996, nhà thơ Trần Mộng Tú đã giới thiệu cuốn thơ mới tại tư gia, thuộc thành phố Issaquah, ngoại ô Seattle, tiểu bang Washington. Đó là cuốn *Để Em Làm Gió*, vừa được nhà xuất bản Thế Kỷ ở Nam California phát hành.

Khoảng trên 60 người, đều là bạn bè, thân hữu yêu thích thơ văn đã có mặt tại nhà riêng của thi sĩ, trong một khu tĩnh mịch có hồ nước và nhiều cây xanh, vào một buổi chiều nắng ráo sau mấy ngày mưa ướt át. Hầu như mọi người đều biết nhau, và buổi ra mắt sách bắt đầu với anh Nguyễn Công Khanh điều khiển chương trình, đã giới thiệu từng diễn giả và từng đề tài nói chuyện đến với cử tọa.

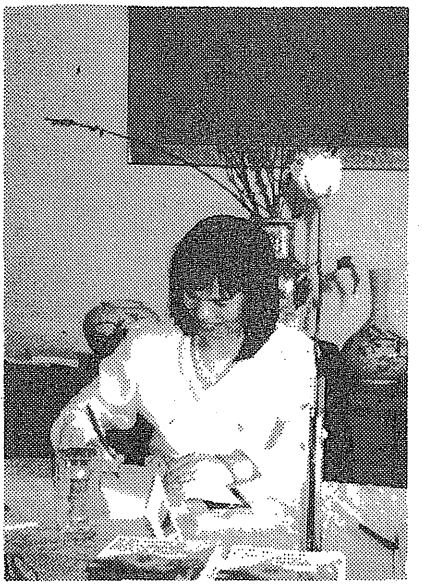

Trần Mộng Tú ký tặng sách. (Ảnh LTC)

Giáo sư Nguyễn Thúc Quýnh, dạy môn Tâm Lý và Xã Hội Học của trường Antioch University of Seattle, đã trưng một tuyển tập thơ văn Việt Nam do Đại học Yale xuất bản gần đây, trong đó thơ Trần Mộng Tú đã được tuyển chọn, một điều khẳng định hùng hồn chỗ đứng và giá trị của nhà thơ.

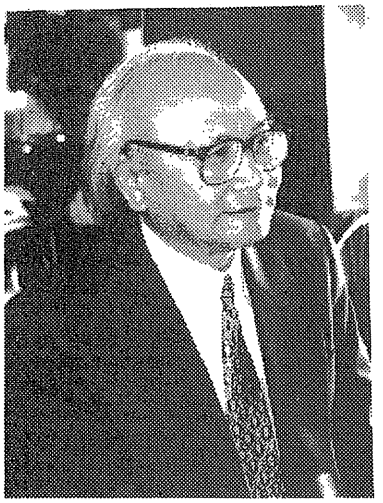

Phạm Công Thiện (Ảnh Lê Tam Ca)

Nhà báo Lê Đình Điểu, giám đốc nhà xuất bản Thế Kỷ, đã trích lời nhận xét của Võ Phiến, Nguyên Sa, Mai Thảo về Trần Mộng Tú để thay cho nhận định của chính mình về nhà thơ. Thi sĩ lão thành Bùi Khánh Đản, tác giả cuốn Đường Thi Trích Dịch đã nói về cái mới trong thơ Trần Mộng Tú và mong mỏi nhạc điệu của thơ Trần Mộng Tú sẽ réo rắt hơn để nâng các rung cảm của bà đi xa hơn nữa. Tác giả *Để Em Làm Gió* là một tín đồ Công Giáo nhưng bà có những bài thơ mang màu sắc triết lý nhà Phật, và ông Nguyễn Mộng Khôi, một nhà nghiên cứu Phật học đã đưa ra phác giác thú vị này khi phân tích bài thơ *Thực Không Đôi Bờ* của bà. Một người vừa là bạn, vừa là "độc giả trung thành" của Trần Mộng Tú, bà Kim Nhung, đã nói về lòng yêu mến của mình đối với thơ và thi nhân, và đọc một bài thơ trong tập *Để Em Làm Gió*.

Các văn hữu Lê Đức Vi (Portland), Bùi Bích Hà, Nguyễn Xuân Hoàng, Phạm Xuân Đài (Quận Cam, Nam Cali) lần lượt phát biểu ý kiến về thơ và tác giả Trần Mộng Tú. Đặc biệt Lê Đức Vi đọc một bài soạn sẵn khá công phu nói về cái cách mà thơ Trần Mộng Tú chinh phục mình, đọc lại nhiều câu thơ đã khiến ông "từ ngạc nhiên đến suýt xoa đến mến phục."

Căn nhà thơ mộng của nhà thơ trong một buổi chiều đã biến thành văn đàn, thi đàn, giữa những người bạn yêu thích thơ văn. Người ta nhận thấy những khuôn mặt và tên tuổi không xa lạ với sách vở, báo chí: thi sĩ Trúc Lâm (tức bác sĩ Trần Văn Ký), bác sĩ Đỗ Hữu Tước (thường cộng tác với báo *Người Việt Tây Bắc*), các nhà thơ Hà Huyền Chi, Hồng Khắc Kim Mai, Hạ Đỏ... Ngoài bạn hữu ở vùng Seattle, có nhiều người "xa nghe..." (từ Virginia, California, Porland, Vancouver...) cũng đã về tham dự buổi ra mắt sách để biểu lộ tình cảm của mình đối với Trần Mộng Tú cũng như với thơ của bà.

QUẬN CAM

Phạm Công Thiện ra mắt "Nguyễn Du, Đại Thi Hào Dân Tộc"

Giáo sư, thi sĩ, triết gia Phạm Công Thiện ra mắt khảo luận "Nguyễn Du Đại Thi Hào Dân Tộc" tại quán cà phê Tao Nhân, thị xã Garden Grove, vào lúc 3 giờ chiều thứ

Bảy 31 tháng Tám 1996, với khoảng 100 thân hữu và văn nghệ sĩ tham dự.

Ngỏ lời với cử tọa, sau khi đã nghe một số nhà văn, nghệ sĩ phát biểu và hát hoặc ngâm thơ, tác giả Phạm Công Thiện nói: "...Tôi như loài ngựa hoang thích phiêu bạt chỗ này chỗ kia, đến một ngày nào đó cảm thấy mệt mỏi muốn quay về, thèm nhớ một mái nhà quê hương nhưng chẳng bao giờ thực hiện được. Và chính cái ngôi nhà vĩ đại trong tâm thức đó là Nguyễn Du. Tôi đã từng gửi về Nguyễn Du, người Cha tóc trắng của thi ca và tư tưởng Việt Nam, ngồi im lặng trên mây núi Hồng, già với gió thu, trở thành một trong ba nhà thơ vĩ đại nhất của Phương Đông..."

Giáo sư Phạm Công Thiện, mấy năm qua, sống tại Úc và tác phẩm này của ông do Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế giới xuất bản năm 1996.

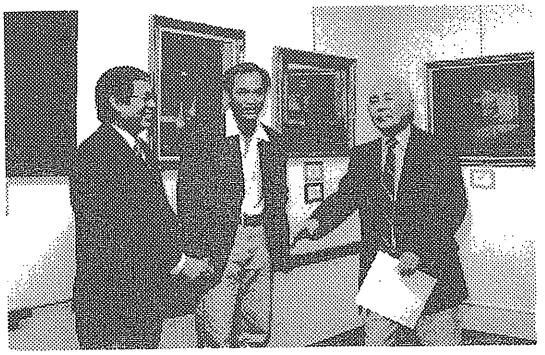

Khai mạc triển lãm Huỳnh Thượng Chí: Nghiêm Phú Phát, Huỳnh Thượng Chí và Tạ Tỵ.

Nhà thơ Thái Tú Hạp thay mặt Ban Tổ Chức giới thiệu từng người phát biểu, trong đó có Thượng Tọa Thích Viên Lý, Hòa Thượng Thích Thiền Ân, Giáo sư Nghiêm Xuân Hồng, Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, nhà báo Bùi Bảo Trúc, họa sĩ Hồ Thành Đức, nhạc sĩ Phạm Duy, nữ tài tử Kiều Chinh...

Các ca nhạc sĩ tài tử và chuyên nghiệp đã giúp vui cho buổi ra mắt sách có Bích Liên, Ái Cầm, Trần Duy Đức, Trần Diệu Hằng, Thanh Hùng, Phạm Văn Hiến...

QUẬN CAM

Khai mạc phòng tranh Huỳnh Thượng Chí

Từ 10 giờ sáng thứ Bảy mùng 7 tháng Chín, đông đảo khách thưởng ngoạn đã đến dự buổi khai mạc phòng triển lãm tranh của họa sĩ Huỳnh Thượng Chí, do Hội VAALA tổ chức tại trụ sở của Hội, ở góc đường Main và Acacia, thị xã Garden Grove. Trong số những người đến rất sớm có họa sĩ lão thành Tạ Tỵ, các họa sĩ Hồ Thành Đức, Suzie Vương, Lê Chi, nhạc sĩ Phạm Duy, các nhiếp ảnh gia Lại Hữu Đức, Lệ Phúc, Thái Đắc Nhã, nhà phê bình Huỳnh Hữu Uy,...

Họa sĩ Huỳnh Thượng Chí năm nay 28 tuổi, sinh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, sang Mỹ từ năm 1981.

Là một họa sĩ tài tử, nhưng anh cũng đã theo học nhiều nơi về hội họa, như Institution of Art ở Maryland, các đại học cộng đồng Cypress, Pasadena, Chaffey ở California. Tranh anh phần lớn theo trường phái siêu thực, và anh tỏ ra rất ưa thích lối vẽ ở mặt sau của kính trong.

Ngoài hội họa, Huỳnh Thượng Chí cũng khá thành công trong ngành đúc tượng, đồ gốm, và đặc biệt chuyên tạo mẫu các kiểu nữ trang. Họa sĩ Chí nói rằng anh muốn "được vẽ, được sáng tác để được thể hiện những uẩn khúc của suy tư mà người khác diễn tả bằng lời, với hoài bão phục vụ cho đời..."

QUẬN CAM

Đêm "Talent Show" gây quỹ tổ chức "Hội Trăng Rằm"

Có đến 250 người hiện diện tại khiêu vũ trường Queen Bee, tối thứ Sáu mùng 6 tháng Chín, vào lúc các em thiếu niên nhi đồng, gốc Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản, Thụy Sĩ, Pháp,... trình diễn một chương trình đặc biệt, để gây quỹ cho "Đêm Hội Trăng Rằm."

Buổi trình diễn ở Queen Bee do Hội VAALA, Ecole de Ballet, và Trường Việt ngữ thuộc Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam phối hợp tổ chức. Các ông Tạ Văn Trung, chủ tịch Trung Tâm VHVN, và Nghiêm Phú Phát, giám đốc điều hành Hội VAALA, điều khiển chương trình này, để gây quỹ cho "Đêm Hội Trăng Rằm" được thực hiện tại sân trường trung học Santiago, thị xã Garden Grove, vào tối Trung thu 16 tháng Tám âm lịch (tức 28 tháng Chín 1996).

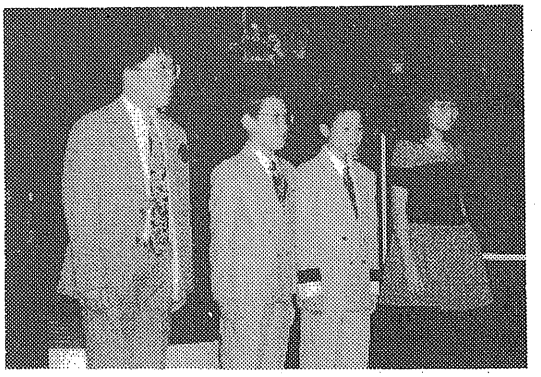

Các thiếu nhi trình diễn nhạc cổ điển tại Queen Bee để gây quỹ cho "Hội Trăng Rằm"

Những tiết mục vũ ballet, trình tấu vĩ cầm, trung hồ cầm và dương cầm của các em tuổi từ 6 đến 14 đã làm hài lòng các thầy cô, các phụ huynh và khán thính giả.

Ký giả về hưu Đỗ Văn (BBC London) đã lên sân khấu bày tỏ sự xúc động của ông khi thấy ở hải ngoại có những người còn tha thiết chăm lo cho lớp tuổi nhỏ phát triển tài năng cũng như hướng về cội nguồn dân tộc.

QUẬN CAM

Nguyễn Đức Quang và những chặng đường Du Ca

Hôm 30 tháng Tám 1996, trong chương trình tối thứ Sáu cuối tháng thường lệ của Ủy Ban Thanh Niên thuộc Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang đã nói chuyện và minh diễn về "những chặng đường Du Ca."

Dù với tuổi đời đã trên 50, Nguyễn Đức Quang xuất hiện trước thính chúng vẫn với dáng vẻ đầy chất thanh niên. Anh dẫn người nghe trở lại hơn 30 năm về trước, cho thấy "những bài thanh niên ca, sử ca của những thập niên 1930, 1940 không đáp ứng được tâm thức của tuổi trẻ thập niên 1960 nữa"; đó là lúc Nguyễn Đức Quang sáng tác những bài sinh hoạt ca.

Trong bối cảnh đất nước chiến tranh, xã hội đảo điên, "Những Bài Ca Khai Phá" của Nguyễn Đức Quang được tuổi trẻ miền Nam đón nhận nồng nhiệt.

Nguyễn Thị Nhuận và Nguyễn Đức Quang trình bày "Người Anh Vĩnh Bình." (Ảnh Lê Nguyên Phương)

Trong đêm sinh hoạt, Nguyễn Đức Quang và nhóm thanh niên Bách Việt, và chị Nguyễn Thị Nhuận (đã từng là toán trưởng Du Ca, hiện là Đoàn trưởng Ca Đoàn Ngàn Khơi) đã trình bày nhiều ca khúc gây xúc động cho cử tọa.

SYDNEY, ÚC CHÂU

Trần Quang Hải diễn thuyết và biểu diễn hát song thanh

Nhạc sĩ Trần Quang Hải từ Pháp sang Úc dự Đại Hội Thế Giới lần thứ Tư về nhạc hợp xướng, đã sinh hoạt thêm với cộng đồng người Việt tại Sydney và vùng phụ cận.

Tại Đại Hội, nhạc sĩ họ Trần đã trình bày bài tham luận về hát đồng song thanh. Đại Hội quy tụ 3,500 đại biểu từ 50 quốc gia trên thế giới hiện diện với hàng trăm buổi trình diễn. Các tham dự viên có quyền chọn những buổi mình thích để tham dự. Nhạc sĩ Trần Quang Hải cho biết: "Buổi nào cũng hay cả, nên không biết phải chọn buổi nào!" Ông cũng cho biết thêm các ban hợp xướng tới tham dự Đại Hội cũng là để dự cuộc thi giải UNESCO.

Trong cộng đồng, ông biểu diễn nhiều buổi, do các báo địa phương như *Việt Luận, Dân Việt, Chiêu Dương* tổ chức. Trên các đài phát thanh, cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt, ông đã được phỏng vấn và mời biểu diễn nhiều buổi nữa.

WASHINGTON DC

Thái Tuấn triển lãm tranh và ra mắt sách

Chiều thứ Bảy 14 tháng Chín, tại phòng trưng bày Viet Art Center vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, hàng trăm khách Việt và Mỹ yêu thích nghệ thuật tạo hình đã đến dự buổi khai mạc phòng tranh Thái Tuấn và ra mắt tuyển tập tranh và tiểu luận của ông.

Họa sĩ Thái Tuấn đã từ Orléans, Pháp quốc, sang Mỹ và có mặt tại cuộc triển lãm với 30 họa phẩm sơn dầu cỡ lớn mà ông hoàn thành trong ba năm qua.

Nhân dịp dự Đại Hội Thế Giới về nhạc hợp xướng ở Úc Châu, nhạc sĩ Trần Quang Hải sinh hoạt cùng nhiều nhóm cộng đồng Việt tại đây. Trong ảnh: các ca nhạc sĩ Phạm Quang Ngọc, Trần Quang Hải, Phương Mai, Hoàng Ngọc Tuấn, ở Cabramatta ngày 15 tháng Tám 1996.

Ông ít triển lãm riêng, nhưng mỗi lần bày tranh, ông đều tạo được ấn tượng mạnh nơi người xem, dù tranh ông thuộc loại tĩnh, với màu xanh là chủ yếu, và những sắc độ ngả xám, điểm

chút hồng phấn hoặc nâu già.

Năm nay, đã 78 tuổi, Thái Tuấn với dáng người cao, gầy, giọng nói khàn khàn vì một chứng bệnh ở cổ, nhưng ông khỏe mạnh, minh mẫn và tự tin. Ai gần ông cũng thấy ở ông một sự chân thành, cởi mở của tình bằng hữu không có rào cản, ngay cả sự chênh lệch tuổi tác.

Ở tuổi 78, ông còn sung mãn trong sáng tác, với những tác phẩm biểu lộ sự tinh tế và lòng yêu đời. Trong tuyển tập Thái Tuấn ra mắt cùng lúc với việc khai mạc phòng tranh, ngoài 30 bức tranh in ấn công phu, còn có 20 bài tiểu luận, ông viết rải rác trong 20 năm qua, bàn về cái đẹp nói chung, và nghệ thuật tạo hình nói riêng.

Đêm trước của ngày triển lãm, tại tư thất của bác sĩ Phó Ngọc Văn, một số thân hữu trong vùng và từ xa về, đã tham dự cuộc họp mặt thân mật với họa sĩ Thái Tuấn.

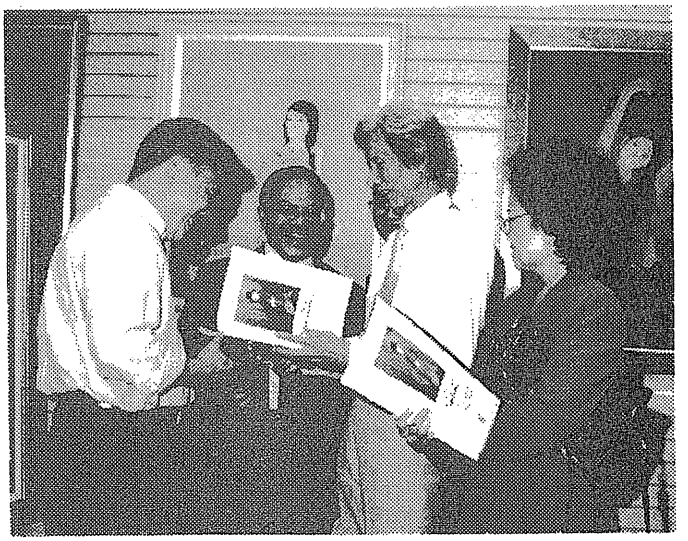

Họa sĩ Thái Tuấn ký tặng sách, trong buổi khai mạc phòng tranh và ra mắt sách của ông tại Washington DC, hôm 14 tháng Chín 1996, tại Viet Art Center. (Ảnh Phạm Bá Vinh)

QUẬN CAM

Ngày giỗ thứ 10 của kịch tác gia Vũ Khắc Khoan

Ngày thứ Năm 12 tháng Chín 1996 là ngày giỗ lần thứ 10 của kịch tác gia Vũ Khắc Khoan. Đài phát thanh VNCR đã thực hiện một cuộc họp mặt và hội thoại giữa một số văn nghệ sĩ, ký giả, để kể lại những kỷ niệm mà mỗi người đã có với tác giả *Thành Cát Tư Hãn*.

Trong cuộc hội thoại trên làn sóng phát thanh (còn lưu lại trên trang nhà của VNCR trên Internet), có Trần Quang, Vũ Hạ, Mai Khanh là những cựu môn sinh của giáo sư họ Vũ tại trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Saigon. Ba người này hiện vẫn đeo đuổi kịch nghệ, tuy không toàn thời gian, nhưng vẫn rất say mê.

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng và nữ tài tử Kiều Chinh, với tư cách là những người bạn vong niên của Vũ Khắc Khoan, đã kể những giai thoại trong đời sống từ những thập niên 60, cho thấy nhân cách và vóc dáng của một nghệ sĩ để lại những dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn bằng hữu và học trò. Kiều Chinh nhắc lại ý nguyện của Vũ Khắc Khoan là muốn dựng lại vở kịch *Thành Cát Tư Hãn* ở hải ngoại.

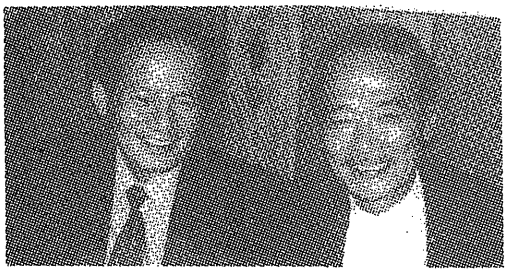

Nguyễn Hà và Du Tử Lê ở Chicago.

Ái nữ của cố kịch tác gia, cô Vũ Thị Thơ, và học trò của ông ở đại học Vạn Hạnh, cô Nguyễn Huỳnh Mai, đã nói về người cha và người thầy với lòng kính trọng và tự hào.

VIỆT NAM

Nhạc sĩ Lê Thương qua đời

Nhạc sĩ Lê Thương, với tên khai sinh là Ngô Đình Hộ, sau một thời gian bệnh nặng đã qua đời tại nhà riêng ở Saigon, hôm 17 tháng Chín 1996, thọ 82 tuổi.

Ngay khi được tin, đài phát thanh VNCR đã dùng điện thoại phỏng vấn nhạc sĩ Trần Văn Bùi ở Saigon, và được anh Bùi cho biết đám tang nhạc sĩ Lê Thương được cử hành vào sáng thứ Bảy 21 tháng Chín.

Đài VNCR cũng đã tổ chức một cuộc hội thoại tưởng niệm Lê Thương vào hồi 3 giờ chiều thứ Năm 26 tháng Chín, với các phát biểu của các ca nhạc sĩ Trần Văn Bùi, Tâm Vấn (Việt Nam), Ái Vân (San Jose), Nguyễn Hiền, Phạm Duy, Trầm Tử Thiêng, Nguyễn Đức Quang, Trần Quốc Bảo (Quận Cam)...

Ngoài ra Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ phối hợp cùng nhật báo *Người Việt* cũng tổ chức một buổi họp mặt tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt vào tối thứ Sáu mùng 4 tháng Mười, để nói về Lê Thương và hát những ca khúc của Lê Thương.

CHICAGO

Chương trình thơ nhạc Du Tử Lê

Một chương trình "Thơ Nhạc Du Tử Lê" đã được tổ chức tại Chicago, tiểu bang Illinois, vào đầu tháng Chín, nói về nỗ lực cách tân cũng như ảnh hưởng của thơ Du Tử Lê. Một số ca nhạc sĩ đã trình bày các bài thơ và các bản nhạc phổ thơ

của nhà thơ này.

Mở đầu, ông Nguyễn Hà, Giám đốc Điều hành của Hội Người Việt Illinois, cho biết rằng trong đời ông có hai lần tiếp cận với thơ Du Tử Lê khiến ông xúc động. Ông nói: "Giống như một vết thương vừa khép miệng, lại bị mũi dao khoáy sâu xuống." Đó là lần ông tới trại tị nạn vào năm 1982, được đọc bài thơ "Khi tôi chết hãy đem tôi rta biển"; và lần thứ hai vào cuối thập niên 80, khi vợ con ông còn ở Việt Nam, ông được nghe bài "Chỉ nhớ người thôi đủ hết đời," do Trần Duy Đức phổ nhạc, ở Hoa Thịnh Đốn.

Nhiều văn nghệ sĩ và thân hữu ở địa phương đã lên phát biểu cảm tưởng hoặc trình bày các bài thơ, bản nhạc của Du Tử Lê. Đặc biệt, bác sĩ kiêm nhạc sĩ Phạm Gia Cổn từ Nam Cali lên, đã được cử tọa yêu cầu trình bày bài "Ta tiếc thiên đàng sớm lập xong," do ông soạn thành ca khúc.

CHICAGO

Giáo sư dương cầm Phạm Thị Lạc Nhân qua đời

Giáo sư dương cầm Phạm Thị Lạc Nhân sinh năm 1930 tại Huế, con của cụ Phạm Doãn Điềm, một trong những dược sĩ đầu tiên của Việt Nam.

Giáo sư Phạm Thị Lạc Nhân

Mê âm nhạc từ thuở nhỏ, năm 1948 bà đi Pháp và được nhận vào trường Conservatoire de Musique de Paris và là một trong những phụ nữ Việt Nam đầu tiên được vinh dự tuyển chọn.

Tốt nghiệp năm 1953, bà trở về giảng dạy dương cầm tại trường Quốc Gia Âm Nhạc Saigon từ năm 1960. Ngoài việc đào tạo nhiều thế hệ nhạc sĩ dương cầm Việt Nam, trong thời gian 1960-1975 bà đã sáng lập Ban Nhạc của Người Mù, và được tòa đại sứ Tây Đức cùng Goethe Institute bảo trợ để lập giải thưởng dương cầm hàng năm Phạm Thị Lạc Nhân.

Sang Mỹ từ 1975 bà phục vụ tại Bộ Giáo Dục tiểu bang Illinois và tiếp tục dạy dương cầm tại tư gia. Các nhạc sinh trẻ tuổi của bà đã đoạt được nhiều giải thưởng dương cầm hàng năm tại Illinois. Bà cũng là tác giả của nhiều bài viết về âm nhạc, nghệ thuật trình diễn, và giáo dục về dương cầm.

Giáo sư Phạm Thị Lạc Nhân qua đời ngày 21 tháng Tám 1996, sau một thời gian ngắn bị viêm phổi. Bà hưởng thọ 66 tuổi.■

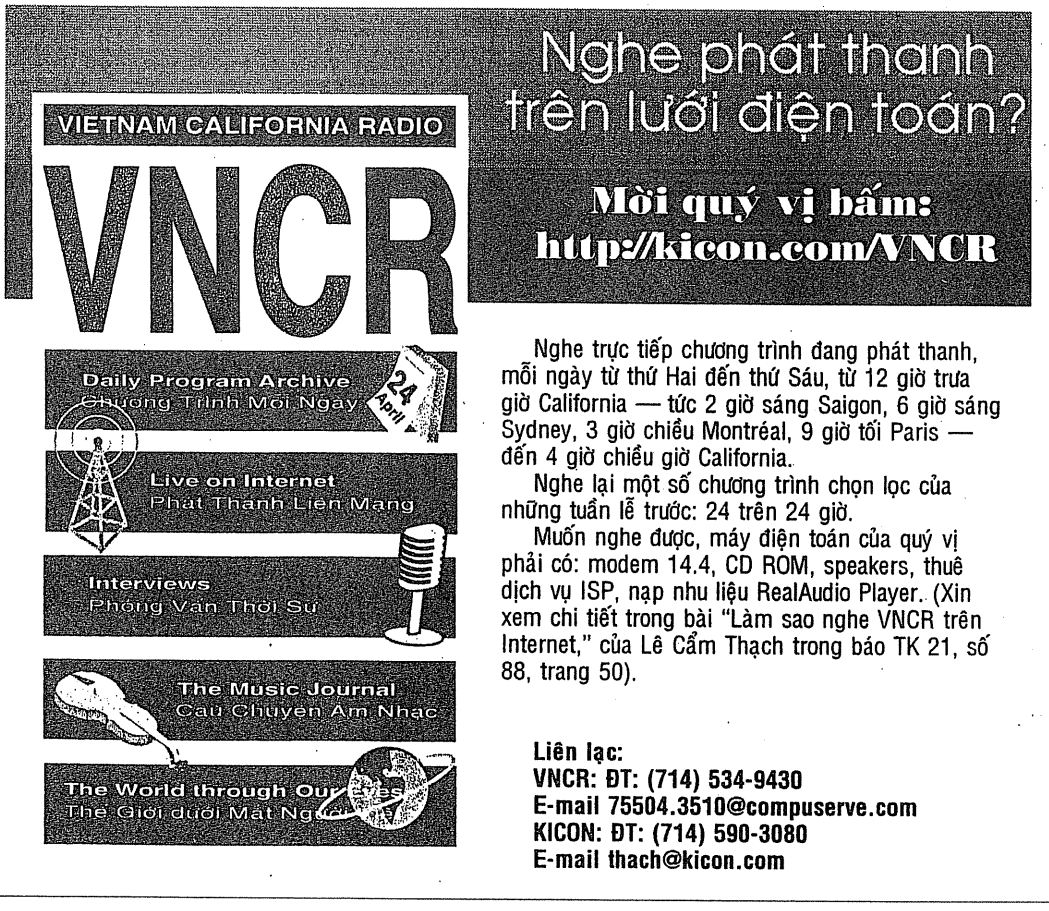

Nghe trực tiếp chương trình đang phát thanh, mỗi ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu, từ 12 giờ trưa giờ California — tức 2 giờ sáng Saigon, 6 giờ sáng Sydney, 3 giờ chiều Montréal, 9 giờ tối Paris — đến 4 giờ chiều giờ California.

Nghe lại một số chương trình chọn lọc của những tuần lễ trước: 24 trên 24 giờ.

Muốn nghe được, máy điện toán của quý vị phải có: modem 14.4, CD ROM, speakers, thuê dịch vụ ISP, nạp nhu liệu RealAudio Player. (Xin xem chi tiết trong bài "Làm sao nghe VNCR trên Internet," của Lê Cẩm Thạch trong báo TK 21, số 88, trang 50).

Liên lạc:
VNCR: ĐT: (714) 534-9430
E-mail 75504.3510@compuserve.com
KICON: ĐT: (714) 590-3080
E-mail thach@kicon.com

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

Nguyễn Du Đại Thi Hào Dân Tộc

biên khảo của **Phạm Công Thiện**, do Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới (California) xuất bản 1996, 447 trang, giá US$18.00. Liên lạc với nhà xuất bản: 424 S. Ramona Ave. Monterey Park CA 91754 USA. Điện thoại: (818) 288-5359.

Lần đầu tiên, truyện Kiều được nhìn và hiểu theo một cách thế khác hẳn từ trước tới nay. Chúng ta đã có rất nhiều cuốn sách nghiên cứu truyện Kiều về văn học hoặc về tư tưởng, nhưng chưa có ai đọc chữ nghĩa của Kiều với con mắt triết học, từ đó nhìn ra những cái vi diệu, những cái thẳm sâu của truyện Kiều đối với tâm thức Việt Nam như Phạm Công Thiện khi viết *Nguyễn Du Đại Thi Hào Dân Tộc*. Tác giả cho rằng *hiểu được đôi chút về tính thể và thể tính của thi ca và tư tưởng Nguyễn Du là một trong vài ba bước đi chính yếu nhất trên con đường phục hồi và sáng tạo dân tộc tính Việt Nam.* Ông đã khiến người đọc nhiều lúc sửng sờ vì những điều lớn lao ẩn chứa trong từng chữ, từng nhóm chữ rất quen thuộc của truyện Kiều, giúp người đọc khám phá ra rằng ngoài sự gần gũi trong thói quen thưởng ngoạn thi ca, những chữ ấy còn nằm ẩn sâu trong bản chất con người mình với tư cách là một con người, và là một con người Việt Nam.

Những khám phá ấy đưa tác giả tới một kết luận có phần khác với một nhận định của chính mình ba mươi năm trước. Năm 1966, trong *Im Lặng Hố Thẳm* Phạm Công Thiện cho rằng Nguyễn Du là *một trong năm nhà thơ vĩ đại nhất của phương Đông*. Bây giờ, 1996, tác giả họ Phạm viết: *Nguyễn Du là* một trong ba *nhà thơ vĩ đại nhất của* nhân loại. *Nguyễn Du, Hoelderlin và Walt Whitman là ba thiên tài lớn nhất của nền thi ca nhân loại trong hai ngàn năm hoang vu trên mặt đất.*

Và ông đã viết cuốn sách này để chứng minh điều đó.

Một Bông Hồng Cho Cha

tập truyện của **Võ Hồng**, An Tiêm xuất bản, 88 trang, giá US$7.00, ngoài Hoa Kỳ $9.00. Liên lạc với nhà xuất bản: Mr Trương Tuệ, 14 Villa des Acacias, 202, rue d'Épinay, 95360 Montmagny, France; tel 39 84 00 84. Địa chỉ phát hành tại Hoa Kỳ: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA.

Một tập truyện không dày, viết về các tình cảm đối với cha, mẹ, thầy giáo, làng quê... giọng văn đôn hậu, chân tình, cảm động. Tác giả hiện ở trong nước, trước kia là giáo sư trung học ở miền Nam và đã từng có sách xuất bản tại đây trước năm 1975. Đa số các bài viết này đã xuất hiện trên báo chí Sài Gòn khoảng đầu thập niên 90, trong thời gian "đổi mới" của cộng sản Việt Nam, và được độc giả đón nhận nhiệt tình như vừa bắt gặp lại được những gì quý giá đã biến mất trên báo chí sách vở kể từ năm 1975. Những tình cảm chân thật của con người như tình gia đình, tình thầy trò... vốn không phải là những điều chế độ cộng sản cho phép đề cao trong quá trình "tiến lên chủ nghĩa xã hội" của họ, nhà văn trong chế độ ấy được chỉ thị rõ rệt phải xây dựng một loại tình cảm khác cho con người mới, đại để là tình yêu giai cấp, yêu lãnh tụ, yêu chủ nghĩa xã hội v.v... để thay thế cho những loại tình cảm "cũ" đã từ lâu gắn chặt với bản chất con người — hoặc chính chúng là bản chất con người. Cho nên nhân thời kỳ đổi mới, các bài viết của Võ Hồng đối với dân miền Nam, chưa bị đẩy đi xa quá với nhân tính vốn có, đã như là nước đối với người đi trong sa mạc.

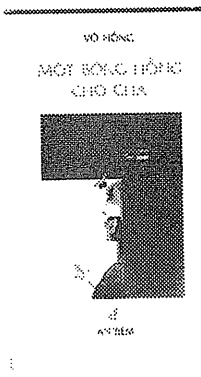

Nhưng người Việt ở hải ngoại hình như cũng đang ở trong một loại sa mạc khác, cũng rất cần những dòng nước trong mát dịu ngọt ấy cho đời sống của mình. Không thiếu người coi cha mẹ già như một gánh nặng và đối xử "coi không được," đừng nói gì đến thầy giáo cũ, đến những lân lý của quê xưa. Tập truyện mỏng của Võ Hồng sẽ làm lòng chúng ta mềm lại, dẫn chúng ta gặp lại cái gì xưa lắm vốn là ta, lòng ta sẽ cảm động vì những điều thuần hậu, đơn giản, chân thật... không khác khi còn nhỏ đọc cuốn Tâm Hồn Cao Thượng của De Amicis.

Hồi Ký Ngoài Văn Chương

hồi ký của **Thế Phong**, Đồng Văn xuất bản, 258 trang, giá US$13.00, ngoài nước Mỹ $15.00. Liên lạc: Tổng phát hành Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683, USA.

Xem nhan đề của cuốn sách, người đọc không thể không tự hỏi: "hồi ký ngoài văn chương" là sao? Lại do một nhà văn có tiếng viết, sao lại

"ngoài văn chương"? Đọc xong thì có thể đoán ý của tác giả: đây là chuyện có sao kể vậy, không có ý sắp xếp để làm văn chương.

Tác giả kể chuyện đời mình, và chuyện đời mình thì dĩ nhiên dính đến rất nhiều người khác có quan hệ đến mình, trong trường hợp này nhiều đến nỗi về cuối sách tác giả đã phải làm một bảng liệt kê tên những người được nhắc đến trong sách, từ vần A đến Y, dài 12 trang. Đấy là đoạn đời mười năm của tác giả trước khi miền Nam sụp đổ: cưới vợ, đi lính không quân, và làm văn nghệ. Đó là một thiên hồi ký khá hấp dẫn, có vẻ như tiện đâu nói đó, nhớ gì nói nấy, nhưng của một người có tài văn chương già dặn, có trí nhớ rất tốt, sử dụng tài liệu kỹ lưỡng, và nhất là nói thẳng, kể thật những cảm nghĩ đã qua và hiện nay của mình về người, về việc.

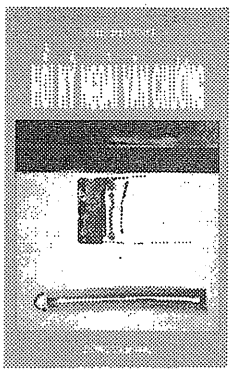

Những đặc điểm ấy giúp cuốn hồi ký này nói được nhiều kỷ niệm của tác giả với giới văn nghệ và không quân của Sài Gòn trong thời ấy, nhưng vì nó thật quá — đúng hơn tác giả kể quá thật các nhận định chủ quan của mình — nên có thể sẽ không tránh khỏi "đụng chạm" một số người. Nhưng cái quý của hồi ký là ở chỗ nói lên được sự thật của một thời đã qua, và từng mảnh của sự thật chủ quan của mỗi người sẽ góp phần minh họa nhân cách của từng nhân vật, tính chất của từng sự kiện, mà tương lai sẽ cần biết tới.

Một cuốn hồi ký đầy ắp sự việc, gọi là "ngoài văn chương" cũng được, nhưng nói là "trong văn chương" cũng không phải là sai.

Em Ơi Biết Đâu Tìm

tập truyện của **Kiệt Tấn**, An Tiêm xuất bản, 268 trang, giá US$12.00, ngoài Hoa Kỳ $13.00. Liên lạc: 34 Rue Alphonse Melun, 94230, Cachan, France. Phát hành tại Hoa Kỳ: Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683; Tel: (714) 527-5761.

Sách gồm 11 truyện, khi dưới dạng ký, khi truyện ngắn, khi là một dòng suy tưởng. Văn Kiệt Tấn tươi vui dí dỏm theo lối miền Nam và luôn luôn có màu sắc tình dục, đọc rất hấp dẫn. Có thể nói tình dục là một đặc điểm của Kiệt Tấn, nó hiện diện trong văn ông như mọi sinh hoạt khác của con người, ông tả nó một cách dễ dàng và duyên dáng. Nhưng có duyên nhất vẫn là giọng bỡn cợt của ông, lời lẽ của ông có phong cách vui đùa của một đám bạn bè người Nam ngồi quanh bàn nhậu, một phong cách đặc biệt mà hễ người vùng khác ngồi vô là ăn nói dễ lạc điệu ngay. Nhưng con người hay bỡn cợt ấy lại sống nhiều và có nhiều suy nghiệm khá sâu về cuộc đời, những điều mà khi nói ra ông không dùng giọng bỡn cợt nữa, nhưng vẫn với một lối nói bình dị dễ dàng bắt nguồn từ vốn sống thật của ông chứ không phải cố tình triết lý màu mè. Về điểm này ông đã tâm sự rằng:

...Những điều tôi viết là kết quả từ những kinh ngiệm sống chết của tôi. Tuy nhiên đó mới chỉ là những phát giác bằng trí tuệ, chúng chưa nhập tâm tôi thật sự. Tôi chưa phải là một con người đã giác ngộ. Tôi như một sư hổ mang khi ở núi vắng thì tịnh, nhưng khi lọt vào chỗ chị em ta thì tinh thần lại hôn mê. Lòng tôi còn rất nhiều vọng chấp nên còn đau khổ.

Cười cợt đùa vui và suy tưởng sâu lắng là hai mặt có vẻ đối nghịch nhau, nhưng lại cùng tồn tại rất tự nhiên và có sức sống trong tác phẩm của Kiệt Tấn.

Hoa Vạn Hạt, Cuối mùa

tập truyện của **Hồ Minh Dũng**, Đại Nam xuất bản 1996, 361 trang, giá US$14.00. Không ghi địa chỉ liên lạc.

Hồ Minh Dũng bắt đầu cuộc đời viết lách khi rất trẻ, lúc còn ngồi nghế trung học ở Huế, vào cuối thập niên 50. Từ đó, cộng tác với nhiều báo như Văn, Bách Khoa, Văn Học, Thời Tập v.v... ở Sài Gòn. Sau khi định cư tại Mỹ vào cuối 1993, tiếp tục viết cho Văn Học, Hợp Lưu, Thế kỷ 21...

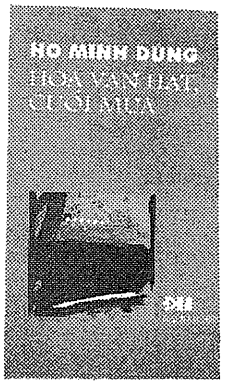

Tất cả 20 truyện trong *Hoa Vạn hạt, cuối mùa* đều được tác giả viết sau khi đến định cư tại Hoa Kỳ, từ khoảng đầu năm 1994 đến nửa năm đầu 1996. Điều đó cho chúng ta thấy sức sáng tác của tác giả dồi dào và liên tục trong môi trường sống mới, một điều đáng mừng cho những người cầm bút khi phải bắt đầu cuộc sống mà người ta thường gọi là "lưu đày," thường ảnh hưởng không thuận lợi cho sáng tác.

Truyện của Hồ Minh Dũng già dặn, cái già dặn của một người cầm bút lâu năm cộng với sự từng trải trong kinh nghiệm sống. Cứ xem đề tài đa dạng trong các truyện trong sách người ta người ta cũng biết được vốn sống, khả năng nắm bắt tình huống, óc tưởng tượng và kiến thức, nhất là về lịch sử, rất dồi dào của ông. Ngày nay ít ai viết được câu chuyện về một viên quan thái giám trong triều đại cuối cùng của nhà Nguyễn, về những bí ẩn của các cung nữ phía sau các lớp thành của cung điện Huế v.v... như ông. Nhưng ông cũng chứng kiến sự suy tàn của cung điện ấy dưới thời cộng sản quản lý, cũng như trải qua kinh nghiệm của trại cải tạo, cùng với các kinh nghiệm mới mẻ nhất là các vấn đề của người Việt định cư tại Hoa Kỳ..., ông đã mang tất cả vào thế giới văn chương của ông. Các chất liệu

ấy được trí tưởng tượng của ông sắp xếp xây dựng nên "truyện" hấp dẫn, có khi ly kỳ, cộng thêm lối kể chuyện dí dỏm theo giọng Huế của ông, khiến người đọc dễ bị cuốn hút say sưa.

Những độc giả yêu mến ông có thể yên tâm vì ông đang trên đà sáng tác khỏe.

Thái Tuấn, Tuyển Tập Tranh Và Tiểu Luận

do Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA = Vietnamese American Arts and Letters Association) tại California xuất bản nhân dịp triển lãm những tác phẩm mới nhất của Thái Tuấn tại Washington DC và California trong tháng Chín và Mười 1996. Sách gồm 96 trang giấy dày khổ lớn, giá US$ 32.00. Liên lạc: VAALA, 11022 Acacia Parkway #A Garden Grove CA 92840, USA. Tel (714) 537-8352.

Tập sách gồm năm bài viết của Thái Tuấn được dịch ra tiếng Anh, 18 bài trong nguyên văn tiếng Việt, sáu bức tranh và ảnh in đen trắng (không kể một số ký họa) đi kèm với bài viết; phần tranh chính gồm 28 bức in màu; ngoài ra còn một số bài viết về và cho Thái Tuấn của Huỳnh Hữu Ủy, Nguyễn Đồng, Lê Uyên Phương và Võ Phiến.

Các tiểu luận về nghệ thuật được Thái Tuấn viết rất ngắn, nhưng đó là những chiêm nghiệm sâu được diễn tả gọn. Lối viết ấy giống như cách vẽ tranh của ông, mà Huỳnh Hữu Ủy mô tả là *tinh giản, ít màu, ít nét và để nhiều khoảng trống rộng rãi.*

Phần tranh rất đẹp. Mỗi bức mang một linh hồn làm người xem xôn xao, mặc dù màu sắc của ông phần nhiều đạm bạc. Hình như mỗi bức tranh đã được lọc hết những chi tiết tạp trong vật thể cũng như trong màu sắc, để chỉ còn cái tinh chất, và phần tinh túy chỉ việc qua thị giác đi thẳng vào lòng người.

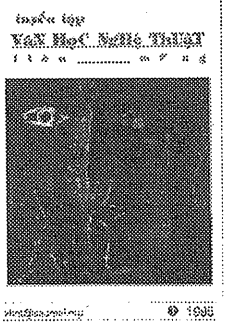

Cuốn sách là một công trình đáng kể về tài liệu cũng như về mỹ thuật để giới thiệu một tác giả hội họa Việt Nam. Văn và họa bổ túc cho nhau, và người ta thấy rất rõ sự cẩn trọng rất mực trong việc chọn lựa tác phẩm, trình bày và in ấn để một nghệ sĩ như Thái Tuấn được giới thiệu một cách đầy đủ và trung thực, không những với người Việt Nam mà còn với người ngoại quốc nữa. Một quyển sách quý cho các tủ sách, một món quà quý đầy trang nhã để tặng nhau.

Tuyển tập Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng

tuyển tập sáng tác văn học do tạp chí Văn Học Nghệ Thuật trên mạng lưới Internet (Văn Học Nghệ Thuật E-Magazine) xuất bản, 346 trang, giá US$7.00. Liên lạc: P.O. Box 452512 Garland, TX 75045-2512, USA.

Ngày 17 tháng bảy 1995, tờ báo văn học điện tử đầu tiên của người Việt Nam xuất hiện trên Liên Mạng (Internet). Đó là tờ Văn Học Nghệ Thuật do Phạm Lan Chi chủ trương. Chỉ trong vòng sáu tháng, con số "độc giả hội viên" của tờ "báo" đã lên đến hơn 350 người, và ngày càng phát triển. Hiện nay tờ VHNT xuất hiện trên liên mạng ba lần một tuần, bài vở đóng góp rất phong phú, nhất là của giới trẻ Việt Nam trên toàn thế giới.

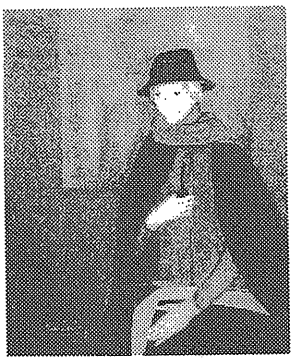

Sau hơn một năm hoạt động, nhóm chủ trương quyết định tuyển chọn một số sáng tác từ những số báo Văn Học Nghệ Thuật đã phát hành trên liên mạng để in thành một tập. Một năm qua tờ báo vẫn hiện diện trên lưới, với đầy tính chất "ảo" — ít ra đối với đông đảo quần chúng. Bây giờ tinh hoa của nó biến thành chữ in trên giấy theo lối cổ điển thì nó thành "thực," vì người không phải là "độc giả hội viên" (đọc báo qua Internet bằng máy computer) có thể cầm lấy và đọc được.

Đây là một tuyển tập phong phú, có biên khảo văn học, có dịch thuật và sáng tác bằng ngoại ngữ, có các bài phỏng vấn, và dĩ nhiên có (rất nhiều) truyện ngắn và thơ. Người ta có thể cảm thấy hãnh diện về giới trẻ Việt Nam ở hải ngoại, vừa duy trì và phát triển lòng yêu mến văn chương Việt Nam, vừa nhạy cảm và bắt kịp với kỹ thuật mới của thế giới. Phải chăng các bạn trẻ cảm thấy thoải mái khi đưa tác phẩm của mình trình làng trên Internet hơn là chen chân vào các tạp chí "cổ lỗ" theo lối xưa? Phải chăng các bạn đã tìm thấy vùng trời của mình để tha hồ vùng vẫy với một *ý thức dân chủ và sáng tạo* mới mẻ? Có lẽ chính vì các lý do đó mà sáng tác của tờ Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng rất phong phú đa dạng.

Tuyển tập đánh dấu một chặng đường thành công của giới cầm bút trẻ Việt Nam trên một phương tiện truyền thông tân tiến và phổ biến nhất hiện nay.

God's Will

Tiểu thuyết tiếng Anh của **Mai Nguyễn**, do tác giả xuất bản, dày 374 trang, giá US$18.00. Liên lạc: Hidden Creek Production, P.O. Box

1185, Thousand Oaks CA 91358, USA. Tel (818) 856-8151.

Tác giả, theo lời tựa của cuốn sách, vốn là một nữ công chức, học không cao, tiếng Anh chỉ mới biết từ khi vượt biển sang Mỹ năm 1983, nhưng có quyết tâm học và viết, bà đã in nhiều truyện tiếng Anh.

God's Will (Ý Trời) là một tiểu thuyết xây dựng trên những hoài bão về một đất hứa Việt Nam không có Cộng sản cai trị. Câu chuyện với nhân vật chính là Thu Zung, có những tình tiết éo le căng thẳng, trữ tình, và cả những pha tàn bạo, có mục đích, theo Ngô Quốc Sĩ trong lời giới thiệu, "báo động cho Thế Giới Tự Do biết mối nguy Cộng sản" mà các nhà văn tiền bối như Solzhenitsyn, Pasternak, Nguyễn Chí Thiện đã làm. (LTC)

Còn Manh Áo Trắng

Tập truyện của **Đặng Đức**, do Mây Vàng xuất bản, 350 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Mây Vàng, 9242 Bolsa Ave #B, Westminster, CA 92683, USA.

Đặng Đức là bút hiệu của bác sĩ Y khoa Đặng Đức Nghiêm, gốc người Hà Nội, cựu học sinh Chu Văn An. Ông viết báo với tính cách tài tử, từ năm 1958, ký nhiều bút hiệu khác nhau. Cuốn sách đầu tiên của ông được xuất bản năm 1959 là tập truyện *Thế Giới Trường Thuốc.*

Như thể một sự tiếp nối cho những câu chuyện còn dở dang từ 37 năm về trước, tập truyện *Còn Manh Áo Trắng* là một loạt (series) những "mẩu cuộc đời người thầy thuốc Việt Nam trên xứ người."

Nhân vật chính ở ngôi thứ ba, tên Tuấn, nhưng người đọc hiểu rằng những chuyện mà tác giả kể lại đều là những chuyện có thật của ông hoặc bạn bè ông. Nhưng tác giả đã cẩn trọng ghi ở đầu sách là "hoàn toàn theo tưởng tượng."

Đọc sách của Đặng Đức, người đọc sẽ làm quen với không khí của bệnh viện, của thầy thuốc; biết thêm nhiều thuật ngữ của ngành y; và hiểu thêm những trăn trở, day dứt của những người làm nghề "cứu nhân độ thế" mà vẫn phải tìm câu trả lời cho vấn nạn có nên cứu chữa người Việt ở trong nước hay không. (LTC)■

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

● Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
● Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn
(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ___. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không)
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

SƠN NỮ GIÀ

CẬU TÁM BOLSA

Một cô gái ở miền sơn cước, năm 1945 mới có 15 tuổi, thì năm nay cô đã 76 tuổi. Bây giờ phải gọi cô là "Bà già DÂN TỘC miền thượng." Hãy tưởng tượng một Bà Già Thượng xuống núi ngày hôm nay, kêu mấy nhà làm báo, làm phim, mấy tổng biên tập các đài truyền thanh truyền hình ở thành phố lại, lên tiếng ra lệnh họ rằng "Hết cởi trói rồi, mấy em phải để cho già này giáo dục và cải tạo trở lại nhé!"

Đó là hình ảnh tiêu biểu cho ông Trần Hoàn, bộ trưởng Văn Hóa và Thông Tin trong chính phủ Hà Nội. Đầu tháng trước, ông Trần Hoàn mới tuyên bố trên tờ báo *Vietnam Economic Times* (Thời báo Kinh tế Việt Nam) rằng đảng Cộng sản muốn nâng trình độ truyền thông ở nước ta lên ngang hàng với quốc tế. Bằng cách nào? Thứ nhất là bắt các nhà báo phải học tập và cải tạo cho hiểu rõ đường lối, chính sách của đảng hơn (Yêu cho roi cho vọt). Thứ hai là bắt họ học cách dùng ngôn từ cho đúng (Học ăn học nói cho tầy người ta). Thứ ba là bắt học hỏi về kỹ thuật tân tiến. Tất cả là để có tư tưởng chính trị cho vững vàng.

Nghe cả ba biện pháp của đảng, chúng ta thấy Chính sách văn hóa Trần Hoàn có hy vọng đưa trình độ báo chí, truyền thông ở nước ta lên ngang hàng với trình độ truyền thông của ta trước đây một thế kỷ!

Nếu quý vị đã coi và nghe các băng nhạc sản xuất ở Việt Nam trong mấy năm qua, hẳn cũng thấy là hầu hết các băng đều hát bài *Sơn Nữ Ca*, bất cứ băng nhạc nào. Tất nhiên đó là một bài khá hay, vui. Nhưng hát nhiều quá, ai cũng hát, thì còn lý do khác. Lý do dễ hiểu, vì tác giả bài hát đó chính là Trần Hoàn, bộ trưởng Văn Hóa. Thâu bài hát của ông trong băng nhạc là một cách hối lộ, cả về tinh thần lẫn vật chất. Ca sĩ vừa có dịp đề cao tên tuổi ông, như một nhạc sĩ, lại vừa có cớ trả hậu hĩ tiền thù lao tác quyền cho ông.

Trong đời nhạc sĩ Trần Hoàn, không biết ông đã viết bao nhiêu bài hát, nhưng rất tiếc chỉ còn có bài *Sơn Nữ Ca* là được người ta nhớ đến. Do đó các băng nhạc bây giờ cứ bắt thính giả phải nghe "Một đêm trong rừng vắng," rồi hai đêm, ba đêm... vẫn cứ ở trong rừng vắng, nghe mãi sốt cả ruột vì chẳng thấy làm gì cả.

Một bài hát nổi tiếng khác, lời của Trần Hoàn, nhạc Hoàng Thi Thơ, bây giờ ở Việt Nam không được hát nữa, là bài "Lời Người Ra Đi." Hát rằng "Một chiều anh bước đi em tiễn chân... em dặn lời 'Rằng chiến đấu đừng sờn lòng,... đừng nề gian khổ anh ơi!'" Nghe bây giờ không còn thích hợp, vì không còn thanh niên nào muốn nhớ lại các lời dụ dỗ đi vào cảnh "Máu còn rơi, xương còn rơi..." nữa.

Nhưng dân Việt Nam có tài biến chế lời các bài hát phổ thông, đã dùng bài hát trên mô tả cảnh báo chí và văn học trong nước tiêu điều dưới sự chỉ đạo của đảng Cộng Sản, cụ thể là cá nhân ông Trần Hoàn. Họ hát lời mới: "*Một chiều anh Sáu Dân* [tức Võ Văn Kiệt] *tê lô phôn cho Ca Lê Thuần [Chủ tịch Hội Âm Nhạc],* anh dặn dò, rằng kinh tế có nhiều thành phần, còn văn hóa chỉ một thành phần, mình phải quán triệt nghe em... " Bài hát mô tả sinh hoạt văn chương, báo chí ở Việt Nam: "...*Sách còn rơi, báo còn rơi, bao lớp người quẳng bút đi chơi, đến bên hè ngồi uống bia hơi, mong chờ ngày đổi mới!...*" Và bài hát kết luận rằng "*Rằng anh ơi xin nhớ lời, rằng đổi mới mà còn Trần Hoàn thì còn gian khổ anh ơi!*"

Quả thật, còn Trần Hoàn thì báo chí và văn học Việt Nam còn nhiều gian khổ. Vì ông ta tượng trưng cho quan niệm của thời Stalin về việc "quản lý" công việc truyền thông trong xã hội. Một nhà văn nổi tiếng trong nước kể lại thân phụ anh hỏi con: "Bộ nhà văn chúng mầy là trâu hay lợn mà để lúc người ta trói, lúc người ta cởi trói vậy?"

Trong xã hội văn minh bây giờ, các cơ quan truyền thông là một định chế độc lập, bảo đảm cho nhân dân có tiếng nói khác với nhà nước và các thế lực kinh tế chính trị trong một quốc gia. Báo chí phải được tự do thì mới nói những tiếng độc lập, chống lại sự lạm quyền của các thế lực. Ở các nước tư bản, các thế lực đó không phải chỉ bị người làm chính trị, mà còn bị các nhà tài phiệt chi phối. Bảo đảm nền báo chí độc lập, đó chính là một bổn phận của nhà nước. Còn luật lệ và hệ thống tư pháp bảo đảm cho nhân dân khỏi bị các thế lực chính trị đảng phái hay tài phiệt lũng đoạn về thông tin. Đó là xã hội văn minh.

Các lời tuyên bố của Trần Hoàn chỉ phản ảnh một sự thoái hóa, lôi kéo xã hội Việt Nam trở về thời đại Stalin.

Ông Trần Hoàn và phe đảng Tuyên Giáo của Đào Duy Tùng đã bị gạt ra khỏi Ban chấp hành Trung ương đảng Cộng Sản Việt Nam hồi tháng Sáu vừa qua. Phải chăng nhóm thủ cựu nhất trong đảng đang cố gắng lần chót. Họ không có cách nào khác hơn, đưa Trần Hoàn ra đe dọa các người làm văn học, nghệ thuật và báo chí ở Việt Nam, trước khi chính họ bị đồng đảng đem chôn cất?■

VIETNAMESE WITHOUT VENEER

(TIẾNG VIỆT KHÔNG SON PHẤN)

BY NGUYỄN ĐÌNH HOÀ, B.A., M.A., Ph.D.

John Benjamins Publishing Co., Amsteldijk 44, Amsterdam 1070, Holland. x + 239 pages. Bibliography, Index. Hardbound and Paperbound. Fall 1996.

An essential compact description of a Southeast Asian language that has over seventy million speakers. The book has chapters on the distinctive features of the language, its sound system, its writing systems, its vocabulary, its word classes, and the syntax of words, phrases and sentences, as these reflect "Vietnamese without Veneer," i.e. as it is actually spoken in the 1990s.

Students and tourists alike would enjoy this clearly written handbook, the latest addition to the series of grammar books jointly sponsored by the University of London School of Oriental & African Studies and John Bejamins Publishing Co. (Amsterdam/Philadelphia). The London Oriental and African Language Library has included volumes on Arabic, Chinese, Japanese, Tibetan, Georgian, Korean, Hausa, Amharic, Berber, Tagalog, Turkish, Thai, Panjabi, Urdu, Burmese, Uzbek, Hebrew, Sanskrit and Hittite.

Dr. Nguyễn Đình Hoà, a Vietnamese American linguist and lexicographer, is Professor Emeritus of Linguistics and Foreign Languages & Literatures at Southern Illinois University at Carbondale. Beside admistrative duties as Asssociate Director, then Director, of the SIU Center for Vietnamese Studies between 1969 and 1990, the Hanoi-born scholar has taught at several Vietnamese and American institutions of higher learning (Universities of Saigon, Hue and Dalat, Columbia U., the U. of Washington, the U. of Hawaii, San José State U., Mission College). In 1981-82, he served as Fulbright Lecturer in English Linguistics at the Centre Pédagogique Régional, Rabat, Marocco. Professor Nguyễn's long publication list include several language textbooks and dictionaries, as well as many book reviews, articles and essays appearing in international journals and encyclopedias.

The sound system

Tôi không đi đâu!
"I'm *not* going. Don't insist."
Intonaiton is tied to stress and also to contours of different tones. It is perceived as the melody or total swing of the tones, marked by the way in which the force of each syllable decreases and also by differences in tonal contours.

In his descriptive grammar of Vietnamese [1965, reprinted 1987], Laurence Thompson distinguishes four patterns of intonation: (a) decreasing, (b) fading, (c) sustaining, and (d) increasing, which he earlier [1959] called *"diminuendo," "morendo," "sostenuto,"* and *"crescendo,"* respectively.

Whereas the first example *(Cô ấy đi đâu?)* has the "morendo" intonation and the third example *(Tôi không đi đâu cả)* has the "diminuendo" intonation, the second and fourth examples *(Cô ấy có đi* đâu*! Tôi không đi* đâu*!)* are lengthened, with the voice rising ("crescendo") before the tonal contour of the last syllable goes down and the initial force fo the accentuation completely phases out. The same "crescendo" phenomenon is noticed in these two contrasting sentences:

Bao nhiêu tiền? 'How much money?'
Bao *nhiêu (là) tiền!* 'So much money!'

"Diminuendo" means that in this normal pattern the intensity gradually diminishes from the beginning of the syllable, with the stress curve accompanying most syllables in the sentence.

When the "morendo" intonation affects a declative sentence, the level of each tone is slightly lower than normal:

1. *Tôi đi ngủ.* 'I'm going to bed.'
2. *Tôi đi chùa.* 'I'm going to the (Buddhist) temple.'

In general, interrogative sentences have the "sostenuto" pattern, in which the pitch level of each tone is somewhat higher than in a normal sentence:

3. *Cô đi không?* 'Are you going, Miss?'
4. *Cô đi chưa?* 'Have you gone there yet, Miss?'

But these questions, which contain either *không?* or *chưa?,* expect "yes" or "no; not yet" as an answer. They are different from another type of question, which contains an interrogative pronoun "who, what, where, when, why, which, whose," etc. These content questions have the "crescendo" intonation, with the stress on the quesiton words *ai, gì, đâu, bao giờ, tại sao,* etc. 'who?, what?, where?, when?, why?, etc. ■

STEPHEN HAWKING AND HIS DISBELIEF IN GOD

PHAM NGOC KHOI

Some years ago an English friend of mine, Ms Barbra Fraser, lent me the book *A Brief History of Time* when I said to her that I had not been able to find it in Vietnam. I had read many articles about Stephen Hawking and his famous black-hole theory, but I still wanted to read this book directly for a more accurate assessment.

At first glance, my experience told me that *A Brief History of Time* is a book worth reading. I admired Hawking's lucid explanations of things beyond the grasp of most university graduates - the four dimensions and time-space relations, the existence and radiation of black holes. I was amazed at his wide knowledge of Western philosophy and his rare ability to see the hardly detectable shortcomings of many scientific and philosophical theories including his own. When I finished his book, I thought with delight that Hawking was one of the most intellegent writers I had ever known.

Then I began to examine his book a second time to see if there are some fallacies and imperfections. To many another book, I needed about ten or twenty minutes to recognize the limitations and to detect the basic flaws, but Hawking was too intelligent to allow me to do that in the first reading. Only after my careful examination could I understand why such a genius did not believe in God just like many ordinary people whose pride is great but whose knowledge is restricted within some narrow fields.

Like most other prominent experts, Hawking had the tendency to overestimate his field of competence. When I recognized his firm belief that quantum physics can provide fundamental knowledge for many other branches of science including chemistry, I smiled with amusement. For inorganic chemistry, that is absolutely right. For biochemistry, however, quantum physics turns quite insufficient, because most biochemical reactions take place against that law of entropy, the basic law of quantum mechanics on which rests his theory "black holes ain't so black." Up until now, any modern lab with high-tech equipment cannot perform a simple task which is done daily by any tiny leaf: the photosynthesis process by which carbohydrates are formed from water and carbon dioxide at normal temperature and without any special catalyst. If the law of entropy is entirely valid in biochemistry, carbohydrates can be burned into water and carbon dioxide, but the reverse reaction cannot happen in normal conditions. Nonetheless, all the plants do realize the reverse reaction with ease, and no scientist can explain satisfactorily why all living organisms can defy the law of entropy by realizing myriads of complicated chain reactions to sustain their lives.

If there was nothing in the universe that has operated against the law of entropy, it would take billions of years for inorganic chemicals to form some genes, but such isolated genes would have to be destroyed quickly just like the meat which decomposes in the sun. As a result, all forms of life must be hopelessly doomed, for there is virtually no chance for the rarely formed organic compounds to united so thoughtfully into plants and living bodies with reproductive organs, a wonderful device of any species to perpetuate its existence from one generation to another. Thus, quantum physics in the twentieth century - including the latest quark theory - can shed some light on the formation of the universe, but it cannot be used to explain the creation of the living world.

In his book, Hawking did fail to recognize this point in spite of his exceptional intelligence. In some places, he could not resist the temptation to make fallacious arguement to defend his pet theory. For example, according to the present physical laws there must be many irregularities in the universe which greatly outnumber the regularities, but scientific observations show that it is not the case. To explain why the cosmos is too olderly, Hawking argued that a host of monkeys playing with typing machines can sometimes turn out beautiful Shakespearean verses - in theory this can happen indeed. In practice, however, it needs billions of sheets of paper for playful monkeys to produce just some eligible sentences. Thus, for the creation of the universe there must be billions of irregularities somewhere, outside this universe. Since no one can observe that far, Hawking was able to get away with his unsubstantiated reasoning. However, I would like to invite him to look at the wonders of nature in this limited world: Where were billions of inevitable irregularities when living creatures came into being?

In the field of philosophy, Hawking's limitations are more recognizable: his knowledge is purely Western. The Western philosophy aims primarily at the pursuit of knowledge, so it must

rely on science and simultaneously compete with science. With the quick advancements of science in the twentieth century, a great deal of Western philosophers from Plato to Marx have become false prophets or anachronic thinkers, while the modern philosophers cannot catch up with scientific progress. By contrast, Eastern philosophy is about self-betterment, spiritual elevation and the gaining of wisdom which are beside science and beyond science. With an open mind, any scientist can read the Upanisad, Bhagavad Gita, I Ching, Tao-tei Ching... and learn a lot of things that are not contrary to scientific knowledge. This is why Einstein admired Buddhist teachings and, unlike Hawking, he had a belief in God because he recognized the limitations of science. Hawking was more arrogant, and his mind was not so open: Furnished with his expert knowledge of quantum physics, the theory of relativity and Western philosophy, he saw it enough for his conclusion that there is no place for a Creator in the four-dimensioned universe. Had he understood the Chinese concept of Yin and Yang, he would have recognized that the law of entropy is only the law of destruction (Yin) whereas the law of creation (Yang) still remains completely out of reach of the twentieth-century scientists. This fact is self-evident if we take a look at the modern weaponry and at the latest achievements in biochemistry: As scientists and technologists master the law of destruction but know almost nothing about the law of creation, they have helped to produce nuclear weapons which can wipe out four-fifth of humanity within half an hour, but up until now none of the proudest scientists can create a single earthworm.

For all Hawking's shortcomings, I hold a special respect for him and his book. Compared with many scholastic studies, his book is a slightly flawed diamond sparkling amidst piles of coal. Anyway, no one can be all-knowing in this world, and Hawking is one of the most knowledgeable writers I know. I was able to criticize him simply because I stood on the advantageous position of a reader. Being a writer is much more difficult, for no one can produce a perfect book that will satisfy all kinds of readers. When Hawking wrote *A Brief History of Time,* he probably aimed mainly at communicating with the average readers who were curious about latest discoveries of science. And most average readers could hardly digest all the information he provided, let alone to discuss with him about the limitations of quantum physics and Western philosophy.

As to the main foible of Hawking - his disbelief in a Creator despite the fact that nobody knows about the law of creation, I do not take it seriously. This is the common arrogance of quite a few today's scientists who are so prideful of their expertise that they become unwilling to acknowledge the possible existence of God. Nonetheless, there always are a number of Einstein-typed scientists who are never satisfied with the present knowledge, and who keep their belief in God while doing their best to explore the hitherto unknown areas. Quite often these two kinds of scientists are in conflict with each other, but both of them contribute effectively to the progress of science.

For the present time, however, there is no proof about the existence or non-existence of a Creator. In this respect, both Einstein and Hawking were as ignorant as any of us. Hawking's disbelief in God seems to be more fashionable, but his conviction was not based on scientific evidences. Anyway, the questions about God remains unanswered — at least until the creation of the living world becomes better known. ■

VAALA
(714) 537-8352

Nghe chương trình phát thanh VNCR trên lưới:
http://kicon.com/VNCR

THƯ MỤC CỦA NHÀ XUẤT BẢN THẾ KỶ

Số	Tên sách	Tác giả	Giá
9402.	Thơ Bùi Giáng	*(thơ, Bùi Giáng)*	$8.00
9403.	Hà Nội Trong Mắt Tôi	*(ký, Phạm Xuân Đài)*	$10.00
9503.	Câu Chuyện Của Lá Phong	*(truyện, Trần Mộng Tú)*	$10.00
9504.	Để Em Làm Gió	*(thơ, Trần Mộng Tú)*	$10.00
9506.	Vùng Đá Ngầm	*(truyện, Hà Kỳ Lam)*	$10.00
9507.	Hoa Vàng Cũ	*(kịch thơ Phạm Xuân Tích)*	$10.00
9508.	Những Ngày Xa Xưa Ấy	*(ký, Thu Tâm)*	$10.00
9509.	Đàn Bà	*(truyện, Phạm Văn Hải)*	$10.00
9510.	Thơ Tình	*(thơ, PVHải vàDĐHưng)*	$10.00

HOW TRAN TU THANH BECAME A LIVING WITNESS IN MY BOOK

PAUL HENDRICKSON

Editor's Note.- *This week Paul Hendrickson, a* Washington Post *reporter, will be feted around town because of the publication of his book,* The Living And The Dead: Robert McNamara and Five Lives of a Lost War *(Knopf), which has a first printing of 100,000. Elegantly written and exhaustively researched, the book is already being hailed as a devastating criticism and response to last year's McNamara's memoir,* In Retrospect. *In the article below, Hendrickson describes how he met with one of the main characters in the book, the only Vietnamese so featured — together with his family — to give a sense of the personal impact of Mc Namara's flawed strategy and direction of the war in Vietnam.*

Sometimes we feel led to people in ways we can't quite explain. I have written a book about the Vietnam war scheduled for publication on September 15, 1996. It is called *The Living and the Dead,* and it is about Robert S. Mc Namara, who directed the war as secretary of defense under presidents Kennedy and Johnson. I have been working on the book on and off for twelve years, taking much time off from my staff writing job at *The Washington Post.* There were many years when I believed there never would be a book at all. Even though the story is centrally about the character and tragic decision making of McNamara, it is olso very much a story about five other very important but lesser-known lives of Vietnam — lives over whom Mcnamara wielded a distant but very real power. One of these people, I am proud to say, was and is my now very dear friend, Tran Tu Thanh. I would like to tell briefly in this space how I found him, and how I sensed — almost from the first moment we met — that some guiding hand of providence was at work on my behalf.

The other characters in the book were all Americans. I was reaching the final chapters, and I now wanted to tell directly about the war from the experience of the Vietnamese people. I didn't really know any Vietnamese; I had no direct contacts in the Vietnamese immigrant community.

I first went to visit an American professor in San Jose, California, named James Freeman, who some years ago wrote a brave and good book about Vietnamese immigrants called *Hearts of Sorrow.* Professor Freeman suggested several persons who might be good contacts in the west coast Vietnamese community. I gladly talked to them, but somehow they didn't seem right in terms of the kind of person I was looking for. What kind of person was I searching for? I couldn't quite say. I felt I would know him or her when he or she was in front of me.

I returned to the east coast and spoke to a Catholic priest in the Washington, D.C. suburb of Silver Spring, Maryland. His name is Nguyen Thanh Long. Phero Long, who ministers to the immigrant faithful of Our Lady of Vietnam parish, told me his own sad history. He suggested several names. In times I met his niece, who lives in Philadelphia. She introduced me to a young male friend who fled Vietnam with his family. This young friend knew a Vietnamese named Nguyen Dinh Thang, who works for the U.S. federal government by day, but who works through many hours of the night and on weekends on behalf on Boat People S.O.S.

Dr. Thang and I met several times for Vietnamese noodle soup, and he was kind and helpful. He told me his own family history, and I was very moved. Somehow his story did not seems right in terms of what I was looking for. I kept going. Oneday over our bowls of steaming *pho,* Thang told me of the Tran family, who had suffered so much in the war. He said that one of the members of the Tran family, Tran Tu Thanh, lived in the Washington metropolitan area.

Thanh and I arranged a meeting, and I think within our opening minutes, I knew. What was it? Some tensile combination of strength and humility and quiet. A person who wasn't looking necessarily for his story to be told, but who would tell it nonetheless. I could feel reservoirs of grace and humor. Without knowing any of the details of the suffering that he and his family experienced at the hands of the Communists, I had the most powerful sense of the depth of that suffering. And yet somehow this man didn't seem bitter. I thought to myself: *He will teach me about the destructiveness of hating your enemy.*

I remember how he came out of the back bedroom at his apartment in Alexandria to greet me. We ate food he had prepared. We agreed to meet again. There were no firm commitments between us to go ahead, only these several provisional meetings. But the truth is, I already knew from my side and was simply waiting for Thanh to make up his mind about me: whether *I* was worthy of telling his story. By now he had shared some fo the details of his long years of imprisonment and torture.

On afternoon, while his son Tran Tu Bao-Long did his school work at a table in the kitchen and played soft music, I asked Thanh directly: Will you allow me to write your story and your family's for my book?

"Of course." He smiled that sad, apologetic man-child's smile.

I have since met several of Thanh's brothers and sisters — in New Jersey and on the west coast — and I have since come to know some of his confidants, such as Nguyen Ngoc Bich. Thanh and his son have been guests at our home in Takoma Park, Maryland, and I am happy to say that my wife and two young sons have come to know Thanh and to respect him immensely. (My son have played ping-pong with Tran Tu Bao-Long, and find him impossible to beat!) We feel as if we have found someone who will be with us as a friend for the rest of our lives. I am convinced my book would be a far poorer one if Thanh had said no. I will always be grateful that he trusted me. ■

MORTGAGE

JM MORTGAGE CORPORATION
17802 IRVINE BLV. #125, TUSTIN, CA 92680
PHONE: 714-544-5009 * FAX: 714-544-5677

HOME IMPROVEMENT, FHA TITLE ONE, EQUITY LOANS:

Bạn có thể muợn tới $25,000 để làm landscaping, hàng rào, xây thêm phòng, sửa nóc nhà, patios, sơn nhà, đồ dùng kitchen. Không cần Equity, không cần appraisal nếu dưới $25,000. Nhà đang ở hoặc cho thuê đều được.

NHÀ SẮP BỊ TỊCH THU (Foreclosure)

Nếu quí vị dự định bỏ nhà vì: * Giá trị nhà thấp hơn nợ cũ * Tiền trả hàng tháng cao quá * Bệnh nặng hoặc chết chóc * Không thể trả nỗi nữa vì một lý do chính đáng. Xin gọi công ty để "Save your credits" và quí vị không phải trả tiền huê hồng.

Property must qualify based on negotiation with current lien holders for all costs incurred included brokerage fees.

Đặc biệt: **JM MORTGAGE** chuyên môn **FHA, VA**, Conv (trên toàn Hoa Kỳ), Cal Pers, Chfa, **Hud Repo Panel**, SBA, và Cities Loans.

Có Chương Trình Mua Nhà Không Cần Tiền Down

"Lead" prvided by company for agents. Công ty sẽ hoàn trả tiền học phí cho người muốn vào ngành địa ốc.

Đấu giá (BID) nhà của chính phủ hoặc ngân hàng ở những vùng Irvine, Mission Viejo, Fountain Valley, Huntington Beach.

e-mail: jm-mtg-cor@apc.net

Kha John (Pager: 714-571-6885)

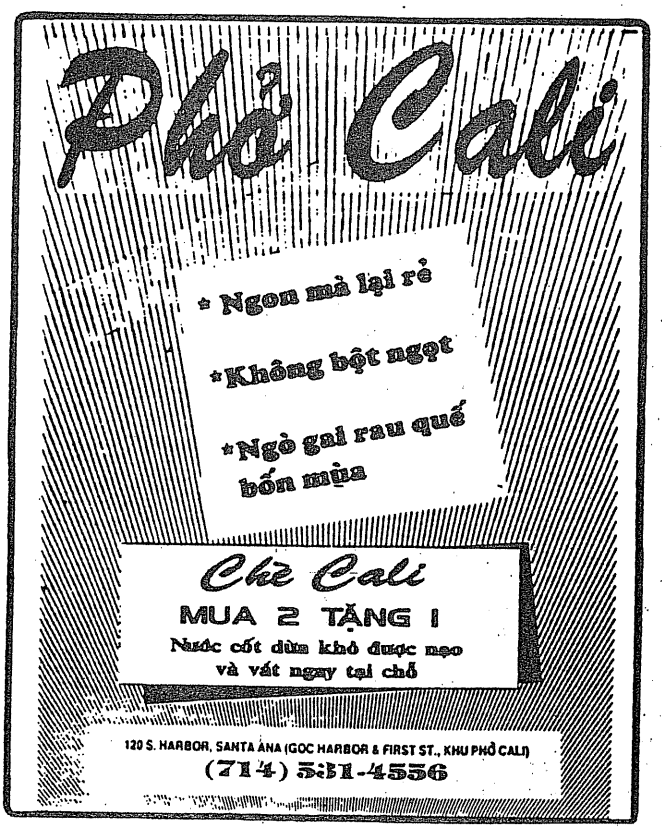

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

Lá Lành Đùm Lá Rách

SAP-VN là một hội thiện nguyện hợp pháp (thành lập năm 1992) được hưởng qui chế miễn thuế của tiểu bang California và liên bang Hoa kỳ theo điều luật 501(c)3 của IRS.

Mục đích — Trợ giúp về y tế, giáo dục và xã hội cho các trẻ em nghèo, khuyết tật, và đồng bào kém may mắn ở Việt Nam.

Ngân quỹ hoạt động — Do sự đóng góp tài chánh của mạnh thường quân và sự nỗ lực gây quỹ của hội.

Ngân khoản trợ giúp hằng năm trung bình khoảng $50,000 mỹ kim; dụng cụ và vật liệu y tế trị giá khoảng $100,000 - $500,000 mỗi năm.

Bản tin Green Cross phát hành miễn phí mỗi tam cá nguyệt để tường trình về hoạt động của SAP-VN ở Hoa kỳ và Việt Nam.

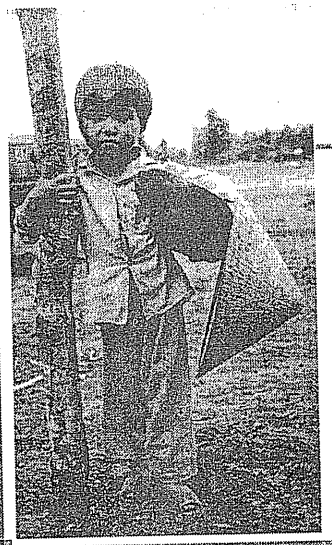

HOẠT ĐỘNG CỦA SAP-VN

- **Tài trợ hoạt động khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.**
- **Bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình, vá môi và hở hàm ếch cho trẻ em khuyết tật gia đình nghèo.**
- **Bảo trợ Quỹ Khuyến Học cho Giáo sinh Sư phạm ở các tỉnh.**
- **Chuyển tặng trang thiết bị, vật liệu y khoa cho các bệnh viện, đại học.**
- **Tài trợ Quỹ Ẩm Thực cho Trường Nuôi Dạy Trẻ Khuyết Tật Nhà Bè.**
- **Trợ giúp nạn nhân thiên tai, bão lụt (khi điều kiện ngân quỹ cho phép).**

Mọi đóng góp ý kiến, công sức và tài chánh xin liên lạc về:

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, California 92643

Phone & Fax (714) 537-4877

Giờ mở cửa văn phòng: Từ 10 giờ sáng - 5 giờ chiều mỗi Thứ Bảy.

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

ADVANCE BUSINESS COPIERS

COPY FAX

LASER PRINTERS

TONER CATRIDGES

FREE IN-SHOP ESTIMATE

BÁN & SỬA CHỮA

THUÊ & LEASE

HỢP ĐỒNG BẢO TRÌ

NHẬN ĐẾN MỌI NƠI

ORANGE-LOS ANGELES-RIVERSIDE-SOUTH BAY

ĐẶC BIỆT : $39.95 & UP

REMANUFACTURED CATRIDGES WITH EXCHANGE

NHÂN VIÊN VIỆT NAM * NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

LÀM VIỆC KỸ LƯỠNG & CÓ BẢO ĐẢM TRÊN GIẤY TỜ

15107 MORAN STREET. WESTMINSTER, CA 92683 714-894-2655

1-800-513-COPY

Sách do Thế Kỷ xuất bản và phát hành

Hà Nội Trong Mắt Tôi

Bút ký, tùy bút...của **Phạm Xuân Đài**, viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua. Trần Hồng Châu (tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon) cho rằng: "Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện...(...) Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."

Tựa của **Trần Hồng Châu**

■ *185 trang. Giá $10.00*

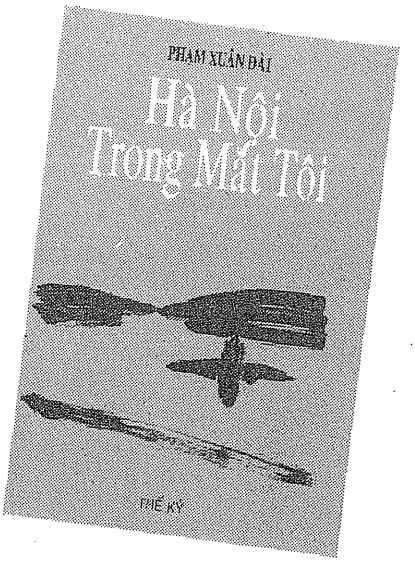

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

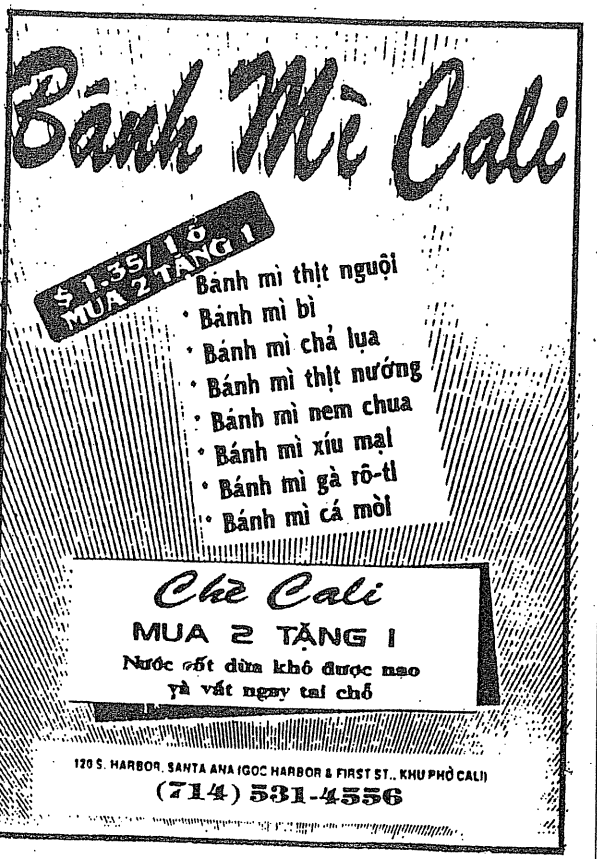

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's
Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

MAXIM'S ENTERTAINMENTS

Một Món Quà Cho Mùa Xuân

THANH LAN - ELVIS PHƯỚNG - LÊ THU - KENNY THÁI - DUY QUANG - TRỊNH NAM SƠN - NHẬT TRƯỜNG - Ý NHI - MỸ LAN - QUỲNH HƯƠNG - HOÀI NAM - PHI NHUNG - QUỲNH LAN - DIỄM HƯƠNG - HẠ VY- KHẢ TÚ - THANH VÂN - MALINA NHÃ LAN - SONYA LE - LAURA

10161 Bolsa Ave. A 104, Westminster, CA 92683
Tel: **(714) 839-8628** * Fax: **(714) 839-6586**

NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO FOODS * LITTLE SAIGON

SUPERMARKET

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92843
TEL.: **(714) 530-2999**

SUPERMARKET

9822 BOLSA AVE., WESTMISTER, CA 92683
TEL.: **(714) 531-7272**

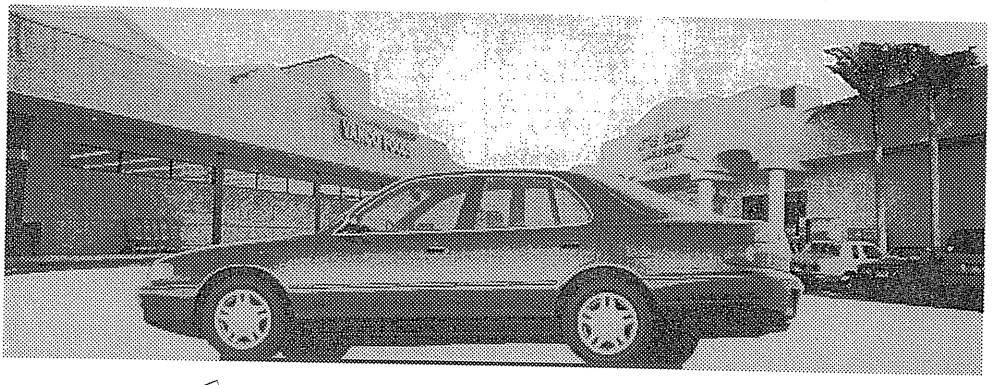

ĐÁP LẠI SỰ ỦNG HỘ CỦA QUÝ KHÁCH,TỪ THÁNG 8/1996, SALE VÀ TẶNG THƯỞNG ĐẶC BIỆT NHIỀU LÔ TRÚNG $1000 - $500 - $100 - $50 V.V... VÀ 1 XE TOYOTA CAMRY 96

ĐẶC BIỆT: XỔ SỐ - TẶNG QUÀ ĐEM ĐẾN CHO QUÝ KHÁCH:

Chương trình sổ số đặc biệt của chúng tôi là một món quà để chân thành cám ơn quý vị đã chọn LITTLE SAIGON VÀ VANCO FOODS là ngôi chợ của gia đình.

- **Mọi vé số tặng đều bảo đảm được trúng thưởng và lãnh bằng tiền mặt tại chỗ TỪ $1 ĐẾN $1,000.**
- **Hoặc trúng quà và 1 xe hơi Toyota Camry 1996**

- Chúng tôi cũng thay lời cám ơn quý khách bằng những quà tặng thật giá trị cho mỗi lần đi chợ.
- Quý vị có thể nhận lời cám ơn của Công Ty bằng vé số, quà tặng kết hợp cả hai món quà trên.

Hàng Sale từ 08-08 đến 08-14, 1996

- Rau muống	39¢/Lb
- Sầu riêng trái	$1.49/Lb
- Nho xanh, đỏ	59¢/Lb
- Bún quế lâm	59¢/gói
- Mì tô Đại Hàn	$2.99/thùng
- Cá Bông Lau	$1.39/Lb
- Đùi gà vàng	55 /Lb
- Nạc đùi heo	$1.49/Lb

79¢/EA

và còn nhiều mặt hàng SALE khác tại chợ

ĐẶC BIỆT

Chiên Cá, Hấp Tôm Cua tại chợ.

Quý khách hàng đã biết rõ về giá hạ cũng như phẩm chất luôn luôn tươi tốt của chợ chúng tôi, không nơi nào bằng.

VISA | MasterCard | DISCOVER | ATM

Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn **NHẤT**
- Hàng nhiều **NHẤT**
- Thịt, cá, rau tươi **NHẤT**
- Đủ loại hàng thực dụng **NHẤT**
- Giá cả các loại hàng hạ **NHẤT**
- Đã có tặng phẩm nhiều **NHẤT**
- Tiếp đãi ân cần **NHẤT**
- Địa điểm thuận lợi **NHẤT**
- Bãi đậu xe an toàn **NHẤT**
- Và đã được mọi người ưa thích **NHẤT**

MỞ CỬA
7 NGÀY TỪ
8:30AM-9:00PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Dạ Khúc
SERENADE

NGUYỄN THÀNH VÂN

với

LÊ NGỌC CHÂN
piano

Người ơi! Người ở đừng về *(Dân ca Quan Họ)* • **Bóng em** *(Dân ca Chàm)* • **Tuổi đá buồn** *(Trịnh Công Sơn)* • **Chiều ngoại ô** *(V. Solovyov-Sedoy & Vương Thịnh)* • **Tại vắng anh** *(Tuấn Khanh)* • **Tìm nhau** *(Phạm Duy)* • **Ngồi tựa mạn thuyền** *(Dân ca Quan Họ)* • **Mộng lành** *(Hoàng Trọng)* • **Nửa hồn thương đau** *(Phạm Đình Chương)* • **Dạ khúc** *(Franz Schubert & Phạm Duy)*

Âm nhạc: **MARK KNOX & LÊ NGỌC CHÂN**
Thâu thanh tại **NEWSOUND** (Philadelphia, PA) & **FANTASY STUDIOS** (Berkeley, CA)
Ảnh: **ĐOÀN KHOA**
Trình bày: **NGUYÊN ĐÔNG**
Ấn loát tại **PRECISION** (City of Industry, CA)

VAN NGUYEN

14765 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92843 Tel.: 714/531-2773
42 Castro Street #6, San Francisco, CA 94114 Tel.: 415/621-3215
E-mail: vannguyen@pacbell.net